ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

TẬP II
(1965 - 2000)

Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung

XUẤT BẢN NĂM 2021

CUỐN SÁCH
"LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TẬP II (1965-2000)"
XUẤT BẢN NĂM 2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên

Hội đồng chỉ đạo:

1- Lương Đức Tính - Bí thư Tỉnh ủy: Chủ tịch

2- Nguyễn Bắc Son - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy: Phó Chủ tịch

3- Nguyễn Văn Kim - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh: Ủy viên.

4- Nguyễn Văn Vượng - UVBTV- Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Ủy viên Thường trực.

5- Nguyễn Quốc Minh - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy: Ủy viên

6- Đỗ Thị Thìn - Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Ủy viên

Biên soạn:

1- TS Nguyễn Xuân Minh (Chủ biên): *Chương IV và Kết luận*

2- Phạm Tất Quynh: *Chương III*

3- Nguyễn Văn Thắng: *Chương I*

4- Vũ Thanh Khôi: *Chương II*

5- Hà Huy Hoàng: *Phụ lục*

Hoàn chỉnh bản thảo:

TS Nguyễn Xuân Minh

Sửa bản in:

1- Vũ Thanh Khôi

2- Nguyễn Văn Thắng

Trình bày bìa:

Ảnh: Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

CUỐN SÁCH
"LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TẬP II (1965-2000)"
TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT, CÓ CHỈNH LÍ, BỔ SUNG
XUẤT BẢN NĂM 2021

Hội đồng Chỉ đạo:

1- Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên: Chủ tịch

2- Trịnh Việt Hùng - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Phó Chủ tịch

3- Phạm Hoàng Sơn - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Phó Chủ tịch

4- Vũ Duy Hoàng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Ủy viên Thường trực

5- Dương Xuân Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy: Ủy viên

6- Nguyễn Quốc Hữu - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy: Ủy viên

7- Nguyễn Quốc Thái - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Ủy viên

Chỉnh lí, biên soạn bổ sung:

1- Nguyễn Văn Thắng: *Chương I*
2- Hoàng Thị Hồng Ngân: *Chương II*
3- Nguyễn Xuân Minh: *Chương III, IV và Kết luận*
4- Hà Minh Lợi: *Phụ lục*

Biên tập:

Nguyễn Xuân Minh

Tham gia cung cấp tư liệu:
Đỗ Tuấn Anh

Ảnh: Nguyễn Minh Hải

Thiết kế bìa: Đào Anh Tuấn

LỜI GIỚI THIỆU

Sau khi cuốn "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936-1965)*" được xuất bản (2003), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, biên soạn cuốn "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965-2000)*".

Cuốn "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965-2000)*", xuất bản năm 2005, đã dựng lại một cách trung thực, khách quan quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ tỉnh; phản ánh những mặt thành công và những hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ qua các thời kỳ; đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm phục vụ công tác lãnh đạo hoạt động của Đảng bộ trong một thời kỳ lịch sử đầy gian khổ hy sinh nhưng rất vẻ vang.

Những sự kiện lịch sử diễn ra cách nay trên dưới 50 năm, tuy bị lớp bụi thời gian che phủ nhưng cũng cho chúng ta khoảng thời gian đủ để đánh giá, nhìn nhận lại một cách khách quan hơn, đầy đủ hơn. Không thể tiến lên phía trước trên những bậc thang khoa học, nếu ta chỉ biết thừa kế những gì người đi trước khai phá mở đường rồi dừng lại mà không tìm tòi sáng tạo, đào sâu phát hiện cái mới trong diễn tiến lịch sử. Đây là đòi hỏi khách quan khoa học đồng thời cũng là ý kiến góp ý tâm huyết của cán bộ, đảng viên, đồng bào, đồng chí.

Với mong muốn làm đầy đủ hơn, phong phú thêm nội dung cuốn sách trên cơ sở những tư liệu mới khai thác, ý kiến đóng góp của các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1965-2000 và đông đảo bạn đọc, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên giao nhiệm vụ cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung cuốn "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965-2000)*".

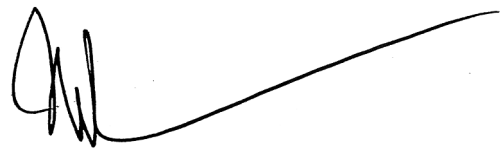
Sau 5 năm (2017-2021) triển khai, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trực tiếp là Hội đồng Chỉ đạo, sự nỗ lực trong tổ chức thực hiện của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và tinh thần trách nhiệm, tận tâm, nỗ lực của Ban Biên soạn trong công tác sưu tầm tư liệu, chỉnh lý, viết bổ sung, biên tập hoàn chỉnh, cuốn "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965-2000)*" đã được tái bản lần thứ nhất.

Nhân dịp này, thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tôi chân thành cảm ơn đồng bào, đồng chí đã góp nhiều ý kiến giúp công tác chỉnh lý, bổ sung đạt được các yêu cầu đề ra. Mặc dù Hội đồng Chỉ đạo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉnh lý, bổ sung, biên tập hoàn chỉnh, song cuốn sách chắc sẽ không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí và bạn đọc đóng góp ý kiến để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản lần sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965 - 2000)*", có chỉnh lý, bổ sung với đồng chí, đồng bào và bạn đọc xa gần./.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

BÍ THƯ



Nguyễn Thanh Hải

Chương I

ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỪA SẢN XUẤT, VỪA TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (1965 - 1975)

I- Trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ; giữ vững và phát triển sản xuất, chi viện chiến trường (1965 - 1968)

Từ đầu năm 1965, trong tình hình cả nước có chiến tranh dưới các hình thức và mức độ khác nhau, việc phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, tăng cường các cấp lãnh đạo tỉnh, huyện và cơ sở đã trở thành một nhu cầu cấp bách. Xuất phát từ nhu cầu đó, ngày 8/4/1965, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 112-NQ/TW *Về việc hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn*. Nghị quyết nêu rõ: "*Hai Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bắc Cạn sẽ hợp lại thành một cơ quan lãnh đạo thống nhất và phân công lại Ban Thường vụ Tỉnh ủy*"(1). Tiếp theo, ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 103-NQ/TVQH hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái.

Thực hiện Nghị quyết số 112-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 103-NQ/TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 4/6/1965, Ban Chấp hành Đảng bộ 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn họp bàn, quyết định một số vấn đề về hợp nhất tỉnh. Hội nghị nhất trí hợp nhất Tỉnh ủy Bắc Kạn và Tỉnh ủy Thái Nguyên thành Tỉnh

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập* - Tập 26 (1965). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, trang 134, 135.

ủy Bắc Thái. Đồng chí Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc) được Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định tham gia Tỉnh ủy Bắc Thái. Do yêu cầu công tác, Trung ương và Khu ủy điều động 3 đồng chí trong Tỉnh ủy Thái Nguyên (gồm Lê Đức Chỉnh, Trần Đình Nghị, Hoàng Minh Chí) và 2 đồng chí trong Tỉnh ủy Bắc Kạn (gồm Hoàng Mỹ Đức, Nguyễn Như Phụng) đi nhận công tác khác; đồng chí Chu Quốc Hưng (Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên) được về nghỉ chế độ hưu trí. Sau khi hợp nhất(1), Tỉnh ủy Bắc Thái có 38 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Cũng trong ngày 4/6/1965, tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái thông qua báo cáo bàn giao phong trào của 2 Tỉnh ủy Thái Nguyên và Bắc Kạn; thảo luận một số nội dung công tác 6 tháng cuối năm 1965 và phương hướng phát triển kinh tế trong kế hoạch 2 năm (1966 - 1967); bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, phân công Ban Chấp hành và bầu Ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.

Hội nghị nhấn mạnh 3 nội dung của công tác xây dựng Đảng:

1- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng đảng bộ, chi bộ 4 tốt, đưa tỉ lệ đảng bộ, chi bộ 4 tốt lên khoảng 50%; đồng thời phải giảm số chi bộ kém xuống còn khoảng 4% và số đảng viên kém xuống còn khoảng 5% so với tổng số đảng viên.

2- Tích cực phát triển đảng viên mới; chú ý phát triển đảng viên ở các xóm trắng (xóm không có đảng viên), ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số mà tỉ lệ đảng viên so với dân số còn thấp; đảm bảo 70% đảng viên mới là lực lượng trẻ và 20% đảng viên mới là nữ.

3- Tiếp tục hoàn thành công tác biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy hợp nhất và kiện toàn bộ máy lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành,

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Nghị quyết Phân công Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và bầu Ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Thái.* Số 01-NQ/BT, ngày 16/6/1965.

đoàn thể để đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ mới; đồng thời tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, chú ý bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nữ và dân tộc ít người.

Ngày 6/6/1965, Hội nghị bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 ủy viên. Đồng chí Lê Hoàng được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Việt Vinh (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn) được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực và các đồng chí: Doanh Hằng (nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên), Nguyễn Thế Đạt (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên) được bầu giữ chức Phó Bí thư. Hội nghị bầu Ban Kiểm tra Tỉnh ủy, gồm 5 đồng chí (Hoàng Thanh Bảo, Mông Phúc Quyền, Nguyễn Phúc Chính, Nguyễn Hữu Uẩn, Hoàng Khắc Chung), do đồng chí Hoàng Thanh Bảo (Tỉnh ủy viên) giữ chức Trưởng ban và các đồng chí: Mông Phúc Quyền (nguyên Phó ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thái Nguyên), Nguyễn Phúc Chính (nguyên Phó ty Tài chính tỉnh Bắc Kạn) giữ chức Phó ban.

Từ ngày 21 đến ngày 25/6/1965, tại Hội trường Khu Tự trị Việt Bắc, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn họp, nhất trí sáp nhập 2 Hội đồng nhân dân 2 tỉnh thành Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khoá I[(1)]. Cùng thời gian trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khoá I họp kỳ thứ nhất, với sự có mặt của 113 trên tổng số 128 đại biểu. Các đồng chí: Ung Văn Khiêm (Bộ trưởng Bộ Nội vụ), Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái), Nguyễn Văn Chi (đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hoà kết nghĩa) đã tham dự kỳ họp.

(1) Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khoá I, gồm 128 đại biểu; trong đó, địa bàn Thái Nguyên có 75 đại biểu, địa bàn Bắc Kạn có 53 đại biểu (đều được bầu ngày 23/4/1965). Trong số 75 đại biểu ở Thái Nguyên, các huyện Võ Nhai có 7 đại biểu, Đại Từ: 9 đại biểu, Đồng Hỷ: 9 đại biểu, Phú Lương: 7 đại biểu, Định Hoá: 7 đại biểu, Phổ Yên: 10 đại biểu, Phú Bình: 10 đại biểu, thành phố Thái Nguyên: 16 đại biểu.

Phát biểu chỉ đạo kỳ họp, đồng chí Lê Hoàng nhấn mạnh: Phải nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức các ngành của Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh, nhằm đảm bảo các hoạt động nhịp nhàng, liên tục, không để ảnh hưởng không tốt đến các mặt sản xuất và sẵn sàng chiến đấu của tỉnh. Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I đã bầu đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy) giữ chức Chủ tịch và 4 đồng chí: Nguyễn Thế Đạt, Lý Ngọc Tuân, Triệu Văn Tịnh, Hoàng Thượng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh.

Quán triệt tinh thần các nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng, chính quyền khẩn trương xây dựng, kiện toàn bộ máy lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Từ ngày 1/7/1965, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Hành chính tỉnh và các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới.

Vào thời điểm sáp nhập tỉnh, địa bàn Thái Nguyên có 8 đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh, gồm 7 huyện (Đại Từ, Định Hoá, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai), 1 thành phố (Thái Nguyên), với 150 xã và 3 thị trấn[1]; dân số hơn 402.000 người[2] thuộc các thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay (Cao Lan - Sán Chí), Dao, Hoa, Mông... Tổ chức Đảng trên địa bàn Thái Nguyên có 112 đảng bộ, chi bộ trực thuộc, 204 chi bộ cơ sở,

(1) Các huyện: Đại Từ 29 xã và 1 thị trấn, Định Hoá 23 xã và 1 thị trấn, Đồng Hỷ 22 xã, Phổ Yên 16 xã, Phú Bình 22 xã, Phú Lương 14 xã, Võ Nhai 18 xã, thành phố Thái Nguyên 6 xã và 1 thị trấn.

(2) *Báo cáo Tình hình tỉnh Thái Nguyên của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên tại Hội nghị hợp nhất 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái (4 - 6/6/1965)*. Ngày 1/6/1965, tr. 3.

665 chi bộ dưới cơ sở, với khoảng 13.900 đảng viên[1].

Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự của Khu Tự trị Việt Bắc; là địa bàn chiến lược được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn để xây dựng nhiều cơ sở kinh tế và quốc phòng quan trọng (Khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên - cơ sở công nghiệp luyện kim đầu tiên của miền Bắc và các nhà máy quốc phòng (Z) chuyên sản xuất, sửa chữa vũ khí, máy móc quân dụng). Với vị trí đó, địa bàn Thái Nguyên trở thành một trong những trọng điểm đánh phá của máy bay giặc Mĩ. Ngay từ năm 1964, đế quốc Mĩ đã cho 24 lần tốp máy bay hoạt động trinh sát, chuẩn bị đánh phá Thái Nguyên; sang những tháng đầu năm 1965, tăng lên 221 lần tốp.

Trước tình hình trên, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (25 - 27/3/1965) *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt*, ngày 8/7/1965, Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành Chỉ thị số 01/NC *Về những biện pháp cơ bản trong công tác phòng không nhân dân.* Theo đó, địa bàn Thái Nguyên được chia làm 2 vùng: Vùng ở trạng thái bị uy hiếp (có thể địch bắn phá) và vùng ở trạng thái phòng thủ. Vùng ở trạng thái bị uy hiếp gồm các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên và thị trấn huyện lị các huyện. Nhiệm vụ của quân, dân vùng ở trạng thái bị uy hiếp là phải chuẩn bị thật khẩn trương, chu đáo để chiến đấu, sản xuất, công tác và các hoạt động khác. Nhiệm vụ của quân và dân vùng ở trạng thái phòng thủ là bảo đảm hầm hố trú ẩn đầy đủ, vững chắc, bảo đảm sản xuất, công tác và sinh hoạt bình thường; tổ chức đón tiếp giúp đỡ đồng bào sơ tán yên tâm sản xuất.

---

(1) Theo: *Báo cáo Tình hình tỉnh Thái Nguyên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tại Hội nghị hợp nhất 2 tỉnh Bắc Cạn - Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái (4 - 6/6/1965)*, không số, ngày 1/6/1965, vào thời điểm cuối năm 1964, Đảng bộ Thái Nguyên có 13.862 đảng viên. Đến thời điểm sáp nhập tỉnh (7/1965), số đảng viên trên địa bàn Thái Nguyên tăng lên khoảng 13.900 đồng chí.

Ngày 12/8/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 92-QN/BT *Thành lập Ban Sơ tán phòng không của tỉnh*, gồm 10 thành viên, do đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) giữ chức Trưởng ban; các đồng chí: Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh), Nguyễn Hồng An (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng) và Trần Tường (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên) giữ chức Phó Trưởng ban. Ban Sơ tán phòng không có nhiệm vụ: Lập kế hoạch sơ tán các cơ quan, công, nông, lâm trường, xí nghiệp, trường học và nhân dân ở trong tỉnh; bố trí khu vực, quy định địa điểm sơ tán cho các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, trường học, v.v...

Cuối tháng 8/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Phòng không nhân dân tỉnh do các đồng chí: Nguyễn Thế Đạt giữ chức Chủ nhiệm, Hoàng Khải Giáp (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an) giữ chức Phó Chủ nhiệm, Nguyễn Hồng An giữ chức Tham mưu trưởng. Ban Phòng không nhân dân tỉnh có chức năng, nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng tránh và đánh địch. Sở Chỉ huy Ban Phòng không nhân dân tỉnh đặt tại Sở Chỉ huy Tỉnh đội.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Phòng không nhân dân tỉnh, ngành Y tế tỉnh nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Để đáp ứng yêu cầu vừa khám, chữa bệnh cho nhân dân, vừa cấp cứu thương binh và người bị nạn khi bị máy bay địch đánh phá, các bệnh xá huyện được bổ sung thêm trang thiết bị y tế đa khoa, nâng cấp thành các bệnh viện. Bệnh viện A của tỉnh và Bệnh viện Gang thép được bổ sung thêm y, bác sĩ, y tá và dụng cụ y tế. Ban Y tế phòng không nhân dân các cấp từ tỉnh,

đến các huyện (thành phố), xã (thị trấn) được thành lập. Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh do đồng chí Nguyễn Kim Ngọc (Phó ty Y tế) làm Trưởng ban. Hệ thống Y tế phòng không nhân dân tỉnh chia làm 3 tuyến: Tuyến 1 là các y tế cơ sở xã (thị trấn, tiểu khu, cơ quan, đơn vị), tuyến 2 là các bệnh viện huyện; tuyến 3 là Bệnh viện A, Bệnh viện Gang thép và Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc. Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cứu thương cho hơn 100 y sĩ, y tá.

Thực hiện Chỉ thị số 01/NC ngày 8/7/1965 của Ủy ban Hành chính tỉnh về các biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân, đến đầu tháng 8/1965, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã lãnh đạo đa số các cơ quan, đơn vị sơ tán ra cách trung tâm thành phố từ 8 km trở lên, số còn lại cũng phân tán ra cách các trọng điểm có thể bị địch đánh phá ít nhất 1 km; 80% nhân dân đã đi sơ tán, trong đó có 5.600 người sơ tán lâu dài, số còn lại sáng đi, tối về; 139 nóc nhà (tranh, tre, nứa, lá) trong trung tâm thành phố đã được tháo dỡ đề phòng bị cháy khi máy bay địch đánh, phá[1]. Các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh sơ tán lên xã Động Đạt, huyện Phú Lương. Một số cơ quan, đơn vị vẫn phải ở lại trong thành phố Thái Nguyên, do đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) được Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban Hành chính tỉnh phân công trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Từ tháng 10/1965, giặc Mĩ huy động máy bay ném bom đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía bắc và đông bắc Thủ đô Hà Nội, nhằm ngăn chặn sự tiếp nhận nguồn viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Cầu Gia Bẩy bắc qua sông Cầu, nằm trên địa

(1) Thành ủy Thái Nguyên: *Báo cáo 5 ngày về công tác phòng không*. Số 15-BC/TP, ngày 6/9/1965, trang 2.

bàn thành phố Thái Nguyên, nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, là một trong những mục tiêu đánh phá của máy bay giặc Mĩ.

Ngày 17/10/1965, từ 9 giờ 55 phút đến 10 giờ 30 phút, giặc Mĩ huy động 29 lần chiếc máy bay phản lực, ném 116 quả bom phá các loại từ 250 kg đến 450 kg xuống khu vực cầu Gia Bẩy và bắn nhiều loạt đạn tên lửa xuống trận địa pháo cao xạ của Trung đoàn 210 ở xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn Thái Nguyên.

Ngày đầu tiên bị máy bay giặc Mĩ ném bom đánh phá cầu Gia Bẩy, trong tình huống hoàn toàn bất ngờ, các cấp đảng bộ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã lãnh đạo lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân chiến đấu, phục vụ chiến đấu kiên cường, dũng cảm.

Tại tiểu khu Hoàng Văn Thụ, 9/10 đảng viên trong Chi bộ đều có mặt tại trận địa đồi Két Nước và các khu vực bị máy bay địch đánh phá để lãnh đạo, chỉ đạo chiến đấu, giải quyết hậu quả. Các đồng chí: Phan Văn Giao (Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ kiêm Chính trị viên Trung đội tự vệ phố Gia Bẩy), Vũ Đình Đức (Đại đội phó Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) và hầu hết cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ phố Gia Bẩy (thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) đều có mặt tại trận địa trực chiến trên đồi Két Nước (đầu cầu Gia Bẩy phía Quốc lộ 3) làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Một quả bom phá do máy bay Mĩ ném xuống đã rơi trúng khẩu đội thượng liên, cả khẩu đội hi sinh. Cán bộ, chiến sĩ tự vệ phố Gia Bẩy vẫn không hề nao núng, tiếp tục nhằm thẳng máy bay địch nổ súng, đẩy chúng lên cao, tạo điều kiện cho các phân đội cao xạ thuộc Trung đoàn 210 bảo vệ thành phố Thái Nguyên bắn rơi 1 chiếc.

Bị máy bay Mĩ ném bom, bắn phá huỷ diệt trận địa, toàn bộ 32 cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ Khu phố Hoàng Văn Thụ làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu trên trận địa đồi Két Nước bị thương, vong. Tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm hi sinh của đảng viên Chi bộ và cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ Khu phố Hoàng Văn Thụ trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bẩy ngày 17/10/1965 mãi mãi là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang địa bàn Thái Nguyên.

Ngay sau khi máy bay Mĩ ném bom, bắn phá lần thứ nhất, các đồng chí Nguyễn Thừa Cơ, Vũ Văn Soái (công nhân bảo dưỡng đường dây, Phòng Bưu điện thành phố Thái Nguyên) đã kịp thời nối thông hơn 100 mét đường dây điện thoại, truyền thanh bị đứt tại khu vực đầu cầu Gia Bẩy, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu. Máy bay Mĩ ném bom cầu Gia Bẩy lần thứ hai, cả 2 đồng chí đều hi sinh. Nữ đảng viên Cao Thị Vy, 50 tuổi đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu chữa người bị nạn thì được tin con trai hi sinh trên đồi Két Nước, đã lao lên trận địa, bình tĩnh vuốt mắt vĩnh biệt rồi đặt con nằm lại ngay ngắn, tiếp tục động viên đồng đội của con chiến đấu...

Tại Ty Y tế, ngay khi vừa dứt trận bom lần thứ nhất, bác sĩ Nguyễn Kim Anh (Phó ty kiêm Trưởng ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh) cùng với một số y, bác sĩ, y tá lên xe cứu thương trực tiếp ra khu vực bị máy bay đánh phá, kịp thời cấp cứu thương binh và người bị nạn. Sau khi sơ cứu ở tuyến 1, cán bộ, nhân viên Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh nhanh chóng đưa các nạn nhân lên tuyến 3. Nhờ đó, trong số 39 nạn nhân cấp cứu, chỉ có 9 người bị chết.

Phụ nữ các tiểu khu: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đội Cấn (thành phố Thái Nguyên) đã quyên góp, ủng hộ gạo, củi, nấu cơm, nấu nước mang lên tận các trận địa tiếp tế cho cán bộ và chiến sĩ dân quân, tự vệ trực chiến. Từ tối ngày 17 đến 4 giờ sáng ngày 18/10/1965, Công ty Vệ sinh thành phố Thái Nguyên tổ chức chôn cất những người bị chết.

Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên quyết định cấp bổ sung 168 kg gạo, 154 đồng tiền mặt cho 4 đơn vị dân quân, tự vệ trực chiến; cử đoàn đại biểu vào các bệnh viện thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ và người dân bị thương; vận động nhân dân quyên góp được 736 đồng, ủng hộ 29 gia đình có người bị nạn và tổ chức trọng thể lễ truy điệu các cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã hi sinh.

Trước những tổn thất nặng nề về người và của trong trận máy bay Mĩ đánh phá khu vực cầu Gia Bẩy ngày 17/10/1965[(1)], từ ngày 6 đến ngày 8/11/1965, tại thành phố Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp (mở rộng) kiểm điểm trước Ban Thường vụ Khu ủy về lãnh đạo công tác phòng không, sơ tán. Đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư) cùng các đồng chí trong Ban Thường vụ Khu ủy đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Hội nghị nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 (3/1965) về chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới; không nghiên cứu tổ chức thực hiện chu đáo các chỉ

(1) Bom đạn máy bay Mĩ đã làm cầu Gia Bẩy bị hỏng 2 mố, dầm chủ và dầm bên thượng lưu bị đứt 3 chỗ, dầm bên hạ lưu bị đứt 1 chỗ; giao thông hoàn toàn bị ngưng trệ, 147 người bị thương, vong (71 người chết tại chỗ, 9 người chết tại các bệnh viện, trong đó có cả người già, trẻ em, phụ nữ có mang); 50 ngôi nhà (150 gian), 1 cơ sở sản xuất thủ công, 1 cửa hàng thực phẩm, 1 trạm thủy văn... bị phá hủy...

thị của Thủ tướng Chính phủ, của Khu ủy và Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc về nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán. Trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy "*có một số đồng chí... chủ quan, coi thường địch, ỷ lại vào vũ khí và lực lượng quân sự, thiếu khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân trong một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, gây cho cán bộ và nhân dân không khí chủ quan, mất cảnh giác nặng*"(1).

Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Doanh Hằng làm Chủ nhiệm Ban Phòng không nhân dân tỉnh thay đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh). Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức kiện toàn Thường trực Ban Phòng không nhân dân tỉnh đủ 5 cán bộ, gồm 1 Chủ nhiệm, 2 cán bộ nội chính và 2 cán bộ giúp việc. Ban Chỉ huy Tỉnh đội kiện toàn Sở Chỉ huy trực chiến phòng không đủ kíp trực 10 người, thường trực 24/24 giờ trong ngày, trang bị 1 tổng đài 10 cửa, với 7 máy điện thoại, do đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng - Tham mưu trưởng Ban Phòng không nhân dân tỉnh) trực tiếp chỉ huy.

Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh cử nhiều đoàn cán bộ xuống thành phố Thái Nguyên và các huyện dọc các trục đường giao thông, các huyện có nhiều kho tàng,... kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, củng cố hầm hào trú ẩn và tổ chức nhân dân sơ tán.

Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên lãnh đạo, chỉ đạo phát động đợt *Thi đua phòng không chống Mĩ cứu nước*, thời gian 15 ngày, với 3 nội dung chính: *Tổ chức vận động nhân dân đi sơ tán; củng cố tu sửa hầm, hào; củng cố tổ chức các đội cứu thương, đào bới, chôn cất, tiếp tế*. Thành ủy, Ủy ban Hành chính

(1) Kết luận của đồng chí Chu Văn Tấn, Bí thư Khu ủy tại Hội nghị ngày 8/11/1965.

thành phố huy động 24 cán bộ, tổ chức thành các đoàn xuống các khu phố kiểm tra, tuyên truyền, vận động nhân dân sơ tán. Kết quả, sau 15 ngày thực hiện đợt *Thi đua phòng không chống Mĩ cứu nước* do Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố phát động, hầu hết các cơ quan, công sở của tỉnh đã sơ tán ra khỏi nội thành thành phố Thái Nguyên. Trước tình hình Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên *"... chủ trương dùng một, hai biện pháp có tính chất mệnh lệnh trong việc tiếp tục vận động dỡ nhà..."*(1), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời quyết nghị không cho thực hiện; đồng thời chỉ đạo thành phố giải quyết tốt các trường hợp đã thi hành.

Đảng bộ huyện Phổ Yên lãnh đạo các cơ quan thực hiện sơ tán triệt để khỏi thị trấn Ba Hàng. Tuy nhiên, do chưa nhận thức được đầy đủ âm mưu và thủ đoạn đánh phá giao thông của địch, nên các cơ quan: Huyện đội, Công an, Bưu điện, Ngân hàng huyện,... lại sơ tán về xóm Núi và xóm Trại (xã Nam Tiến), dọc 2 bên Quốc lộ số 3 và đường sắt Quan Triều - Hà Nội là những trọng điểm đánh phá của máy bay Mĩ.

Huyện Đồng Hỷ nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, có nhiều đầu mối giao thông quan trọng, với nhiều kho, bãi tập kết hàng hoá chi viện chiến trường, nhiều trận địa phòng không, nhiều mục tiêu..., là trọng điểm đánh phá của máy bay Mĩ. Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, tổ chức cán bộ và nhân dân sơ tán triệt để ra khỏi các khu vực có thể bị máy bay địch đánh phá.

Đảng bộ các huyện: Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá... lãnh đạo nhân dân làm tốt công tác tiếp nhận, giúp đỡ các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Khu, tỉnh và cán bộ, nhân dân thành phố Thái Nguyên đến sơ tán.

---

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tháng 2/1966.* Số 02-BC/BT ngày 5/3/1966, tr. 6. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Y tế phòng không nhân dân các huyện, thành phố củng cố 385 đội y tế phòng không. Ban Y tế phòng không nhân dân các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ làm tốt công tác xây dựng, củng cố, huấn luyện lực lượng cấp cứu phòng không tuyến 1.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến đấu, chiến đấu tại chỗ, quý I năm 1966, các đảng bộ huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên lãnh đạo phát triển thêm 1.350 dân quân, tự vệ. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ Tỉnh đội lãnh đạo, tổ chức thành lập Tiểu đoàn công binh 19 trực thuộc Tỉnh đội, làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

Tháng 3/1966, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán ở thành phố Thái Nguyên và các huyện: Phổ Yên, Phú Lương. Kết quả công tác kiểm tra cho thấy, 49.600 người đã đi sơ tán xa các trọng điểm có thể bị máy bay địch đánh phá từ 1 km đến 5 km. Nhân dân các khu vực ga Lưu Xá, cầu Gia Bẩy đã đi sơ tán triệt để 100%; nhân dân ở các thị trấn Ba Hàng (Phổ Yên) mới có 46 trên tổng số 140 hộ, Giang Tiên (Phú Lương) mới có 17 trên tổng số 28 hộ đi sơ tán. Tỉnh đã kịp thời chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền 2 huyện Phổ Yên và Phú Lương có biện pháp khắc phục.

Trong những năm 1966 - 1967, tính chất và thủ đoạn đánh phá của máy bay giặc Mĩ ác liệt và xảo quyệt hơn nhiều so với năm 1965. Mục tiêu đánh phá của chúng mở rộng từ giao thông, quân sự sang các kho tàng, bệnh viện, trường học, đập nước, đê điều, dân cư và các cơ sở sản xuất. Riêng năm 1966, trong số 1.388 quả bom phá, 86 quả bom bi mẹ với trên 35.300 quả bom bi con và gần 270 loạt

đạn rốckét, tên lửa mà máy bay Mĩ trút xuống tỉnh Bắc Thái, các huyện, thành trên địa bàn Thái Nguyên đã hứng chịu 1.296 quả bom phá, 84 quả bom bi mẹ, 120 loạt đạn rốckét và tên lửa.

Ngày 29/4/1966, giặc Mĩ huy động 15 máy bay, ném 40 quả bom phá xuống các ga Lưu Xá, Lập Tàu và xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ), bắn nhiều loạt đạn rốckét xuống Nhà máy Điện Cao Ngạn. Các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên đã nổ súng kịp thời, bắn rơi 2 máy bay; trong đó, có chiếc máy bay thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc do Đại đội pháo cao xạ 101 mm (Trung đoàn 210) ở trận địa đồi Tiến Lập (xã Gia Sàng) bắn trúng, bốc cháy như một bó đuốc lớn, rơi xuống cánh đồng làng Chùa, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương.

Tin quân, dân Thái Nguyên bắn rơi chiếc máy bay Mĩ thứ 1.000 đã làm nức lòng quân, dân cả nước, 173 tập thể và cá nhân ở trong và ngoài nước đã gửi thư và điện chúc mừng.

Tối 30/4/1966, tại thành phố Thái Nguyên, hàng nghìn cán bộ, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang Thái Nguyên tổ chức mít tinh mừng chiến thắng. Các đồng chí: Chu Văn Tấn (Bí thư Khu ủy, kiêm Chính ủy Quân khu Việt Bắc), Lê Hoàng (Bí thư Tỉnh ủy) đã đến dự, phát biểu động viên, biểu dương chiến công của quân, dân Thái Nguyên. Với thành tích bắn rơi chiếc máy bay Mĩ thứ 1.000 trên miền Bắc, lần thứ hai quân, dân Thái Nguyên đã vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Cờ thưởng luân lưu *Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*.

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không*

sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"(1), nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần cùng với các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên bắn rơi nhiều máy bay Mĩ (riêng ngày 19/7/1966, bắn rơi 4 chiếc).

Ngày 21/7/1966, máy bay Mĩ bắn cháy trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh (huyện Phú Lương). Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh do Tiểu đội trưởng Lèng Thị Còn chỉ huy đã nhanh chóng lao vào dập lửa, bảo vệ an toàn đạn và máy móc, khí tài tên lửa, được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Hai*.

Ngày 1/8/1966, 6 cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân trực chiến phòng không xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) chỉ với 2 khẩu súng máy, 3 khẩu súng trường và một loạt đạn 18 viên đã bắn 1 máy bay trinh sát phản lực RF4C của giặc Mĩ rơi xuống xã Đồng Thịnh (huyện Định Hoá), 2 tên phi công nhảy dù bị quân và dân huyện Định Hóa bao vây, bắt sống. Với thành tích bắn rơi máy bay phản lực Mĩ bằng 18 viên đạn súng bộ binh, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) đã được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Chiến công hạng Nhất*.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, quân, dân Thái Nguyên luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhiều tấm gương dũng cảm xuất hiện. Trong số đó, tiêu biểu là nữ dân quân Phạm Thị Ngồng (xã Văn Yên, huyện Đại Từ), chỉ bằng một chiếc cào làm cỏ lúa, đã bắt sống tên giặc lái máy bay Mĩ bị bộ đội phòng không bắn rơi ngày 12/8/1966; là Xã đội trưởng Ngô Trung Liên cùng chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài (xã Tân Thái, huyện Đại Từ), bằng một chiếc gậy gẩy rơm

(1) Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 12 (1966-1969). Nxb Chính trị quốc gia, H.2000, tr.75.

và một chiếc đòn càn, đã bắt gọn 2 tên giặc lái máy bay bị bộ đội tên lửa bắn rơi ngày 2/12/1966; là nữ dân quân Nguyễn Thị Hiền (xã Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) đang làm nhiệm vụ trên đài quan sát, bị thương nặng vẫn không rời vị trí chiến đấu; là lão dân quân tiểu khu Quan Triều Trần Bích (62 tuổi), lên trận địa cứu chữa thương binh, bị máy bay Mĩ ném bom, đã hi sinh. Đó là các nữ dân quân Vũ Thị Hồi, Nguyễn Thị Mùi (xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng) có con nhỏ và nữ dân quân Trần Thị Khay (xã Cam Giá) nhà bị cháy, vẫn xung phong lên trận địa cứu chữa thương binh, tải thương, v.v...

Tinh thần phục vụ chiến đấu và chiến đấu kiên cường, dũng cảm của quân và dân Thái Nguyên đã góp phần cùng với các lực lượng phòng không của Bộ Quốc phòng và Quân khu Việt Bắc bắn rơi 51 máy bay Mĩ, tiêu diệt và bắt sống nhiều tên giặc lái máy bay.

Bước sang năm 1967, chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn Thái Nguyên càng ác liệt hơn. Số trận đánh phá và số lần chiếc máy bay đánh phá đều tăng từ 2 đến 3 lần so với năm 1966, chủ yếu tập trung vào hệ thống giao thông vận tải. Các bệnh viện, trạm xá, trường học..., cũng bị máy bay Mĩ ném bom, bắn phá ác liệt.

Tính từ ngày đầu tiên huy động không quân ném bom xuống khu vực cầu Gia Bẩy (17/10/1965) đến khi tạm ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ Vĩ tuyến 20 trở ra (31/3/1968), đế quốc Mĩ đã huy động hơn 1.110 lần tốp, với gần 3.700 lần chiếc máy bay phản lực, dội hàng ngàn quả bom các loại, bắn hàng chục quả đạn tên lửa, hàng trăm loạt đạn rốckét xuống hầu hết các mục tiêu giao thông, quân sự, kinh tế, khu dân cư, trường học, bệnh viện... nằm trên địa bàn Thái Nguyên. Bom đạn của giặc Mĩ đã làm thương, vong 2.177 người, phá hỏng 3.820 ngôi nhà, thiêu hủy 473,6 tấn xăng, dầu và

làm thiệt hại nhiều tài sản khác của nhân dân. Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên và cầu Đa Phúc (huyện Phổ Yên) là những nơi bị máy bay Mĩ đánh phá ác liệt nhất. Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ đã gây cho nhân dân Thái Nguyên nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống.

Trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên luôn nêu cao truyền thống cách mạng, vừa giữ vững sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; vừa phục vụ chiến đấu, trực tiếp chiến đấu, tích cực chi viện chiến trường.

Quán triệt Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, trong 6 tháng cuối năm 1965, Ủy ban Hành chính tỉnh huy động 120 cán bộ các cơ quan tỉnh, huyện xuống trực tiếp chỉ đạo xây dựng và củng cố các hợp tác xã yếu kém. Kết quả, đến cuối tháng 12/1965, toàn tỉnh xây dựng mới 105 hợp tác xã, với 1.897 hộ gia đình xã viên; vận động được 11.470 hộ nông dân vào hợp tác xã; hợp nhất 441 hợp tác xã nhỏ thành 171 hợp tác xã lớn, đưa bình quân quy mô hợp tác xã từ 38 hộ, tăng lên 46 hộ. Riêng các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên xây dựng, củng cố được 878 hợp tác xã[(1)], với 46.672 hộ gia đình xã viên (có 315 hợp tác xã bậc

(1) Số hợp tác xã ở các huyện, thành phố địa bàn Thái Nguyên:

TT	Huyện, thành phố	Hợp tác xã			Số hộ tăng so với năm 1964 (%)
		Số lượng hợp tác xã	Số hộ gia đình xã viên	Tỉ lệ so với số hộ nông dân (%)	
1	Phú Bình	86	9.169	88,39%	3,7%
2	Phổ Yên	105	7.425	89,93 %	11,9 %
3	Đồng Hỷ	135	6.166	84,23 %	6,4 %
4	Đại Từ	213	8.825	87,55 %	7,3 %
5	Phú Lương	91	3.663	69,00 %	17,6 %
6	Định Hoá	83	5.770	89,63 %	1,6 %
7	Võ Nhai	120	3.044	75,00 %	25,4 %
8	TP Thái Nguyên	45	2.583	95,50 %	3,8 %

cao, với 26.122 hộ gia đình xã viên, bằng 55,97% số hộ gia đình xã viên). Trong số 878 hợp tác xã, có 332 hợp tác xã khá (bằng 37,81%). Công tác *ba quản*, *ba khoán* trong các hợp tác xã nông nghiệp có nhiều tiến bộ. Bình quân mỗi lao động trong hợp tác xã ở các huyện: Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên đạt từ 200 đến 280 công/năm; ở các huyện còn lại đạt từ 150 công đến 200 công/năm.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong 3 tháng đầu năm 1966, Đảng bộ các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lí hợp tác xã vòng 1 ở 282 hợp tác xã trên địa bàn. Thông qua cuộc vận động, trình độ quản lí trong các hợp tác xã được nâng lên một bước; nhiều hợp tác xã bậc thấp được chuyển lên hợp tác xã bậc cao, hợp tác xã quy mô nhỏ được hợp nhất lại thành hợp tác xã quy mô lớn và thu hút thêm nhiều hộ gia đình nông dân tham gia. Các hợp tác xã đã chú ý phát triển ngành nghề phụ, trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả và quản lí hoa màu. Đảng bộ các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên lãnh đạo 177 hợp tác xã tổ chức sản xuất vôi, gạch; 50 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể (có 15 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn nái sinh sản); hầu hết các hợp tác xã xây dựng được sân phơi, nhà kho…

Tuy nhiên, so với yêu cầu, cuộc vận động cải tiến quản lí hợp tác xã vòng 1 trong các hợp tác xã ở 5 huyện, thành nêu trên vẫn còn nhiều hạn chế. Việc phát triển ngành nghề chưa được đẩy mạnh và không cân đối; nhiều hợp tác xã còn độc canh cây lúa, chưa chú ý trồng và thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng khác. Việc xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật của các hợp tác xã còn ít và chưa đồng đều. Việc áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp chưa

được nhiều. Số hợp tác xã khá, nhất là số hợp tác xã tiên tiến còn rất ít. "*... số đông xã viên chưa tin vào cách làm ăn của hợp tác xã. Vì vậy, một số xã viên còn tình trạng "chân trong, chân ngoài", ý thức làm chủ tập thể, làm chủ hợp tác xã còn kém, ý thức cần kiệm xây dựng hợp tác xã chưa cao, tình trạng tham ô, lãng phí trong các hợp tác xã còn phổ biến. Một số cán bộ còn thiếu nhiệt tình, chưa thật quyết tâm xây dựng hợp tác xã, còn mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chưa lắng nghe ý kiến của quần chúng*..."[(1)].

Để khắc phục tình trạng trên, ngày 28/3/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 73-NQ/TU *Về tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lí hợp tác xã, cải tiến kĩ thuật vòng 2 đối với các huyện vùng trung du của tỉnh (và đợt 1 cho hai huyện Phú Bình, Phổ Yên)*. Nghị quyết nêu rõ yêu cầu lần này: *"... cần gắn chặt hơn nữa việc hoàn thiện quan hệ sản xuất với việc phát triển sản xuất, nhằm làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật và trang bị kĩ thuật mới cho nông nghiệp... chú ý giải quyết tốt vấn đề quản lí và sử dụng lao động, đảm bảo lao động để phát triển sản xuất nông nghiệp với một tốc độ cao, đồng thời đảm bảo sức lao động cho những nhu cầu khác về kĩ thuật và quốc phòng*..."[(2)].

Thực hiện Nghị quyết số 73 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đảng bộ huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên tập trung lãnh đạo nhân dân phát huy nhiệt tình cách mạng, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và củng cố hợp tác xã. Cuối năm 1967, toàn tỉnh phục hồi và xây dựng thêm 36 hợp tác xã, với 826 hộ xã viên; kết nạp thêm 2.388 hộ xã viên, đưa tỉ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã từ 88,1% (đầu năm 1966), tăng lên 90% (cuối năm 1967).

(1) , (2) *Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái*. Số 73-NQ/BT, ngày 28/3/1966, tr. 4, 5.

Tháng 12/1967, số hộ nông dân trong các hợp tác xã ở thành phố Thái Nguyên là 98,1% (cao nhất tỉnh), tiếp theo là huyện Phổ Yên 94,4%; thấp nhất là huyện Võ Nhai 82,5%.

Thông qua 2 vòng *cải tiến quản lí hợp tác xã, cải tiến kĩ thuật ở* 357 hợp tác xã, đến cuối năm 1968, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo vận động thêm 2.295 hộ vào hợp tác xã, nâng tỉ lệ hộ xã viên hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh lên 92,4%, trong đó có một số nơi đạt tỉ lệ khá cao (thành phố Thái Nguyên 99%, Định Hóa 95,6%, Phổ Yên 95,4%)(1). Quy mô bình quân mỗi hợp tác xã là 73 hộ (trong đó, các huyện vùng Nam Thái Nguyên có quy mô bình quân mỗi hợp tác xã từ 107 hộ đến 157 hộ). Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ 2 huyện: Phổ Yên, Phú Bình lãnh đạo xây dựng được 100% hợp tác xã nông nghiệp là hợp tác xã bậc cao.

Công tác tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế miền núi có nhiều chuyển biến tích cực. Sau khi tiếp nhận 18.166 hộ, với 84.149 nhân khẩu (gồm đồng bào khai hoang, vợ con cán bộ, công nhân và Việt kiều về nước), Đảng bộ đã lãnh đạo xen ghép 3.941 hộ, với 21.573 nhân khẩu vào các hợp tác xã địa phương; đưa 1.828 hộ, với 10.279 nhân khẩu vào các hợp tác xã nông nghiệp khai hoang độc lập hoặc các hợp tác xã chuyên trồng cây công nghiệp (chủ yếu là trồng chè). Các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã chuyên trồng cây công nghiệp của đồng bào khai hoang ở các huyện: Đồng Hỷ, Định Hoá được cấp ủy và chính quyền cơ sở quan tâm giúp đỡ, đời sống xã viên ổn định, một số hộ đã có sản phẩm bán cho Nhà nước.

Trong quá trình lãnh đạo cuộc vận động *cải tiến quản lí hợp tác xã, cải tiến kĩ thuật*, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản

(1) *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1968 của Tỉnh ủy Bắc Thái*. Số 02-BC/BT, ngày 22/1/1969, tr. 8.

xuất nông nghiệp, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm. Sản xuất vụ mùa 1965 của các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn do mới hợp nhất tỉnh, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo chưa ổn định; cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ ngày càng lan rộng, công tác phòng không sơ tán ngày càng đòi hỏi khẩn trương và cấp bách hơn. Mặt khác, do nắng hạn kéo dài, nên các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên thiếu nước cấy; khi lúa đang thời kỳ sinh trưởng lại bị sâu bệnh phá hoại.

Trước tình hình đó, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công tác thủy lợi. Trong 6 tháng cuối năm 1965, toàn tỉnh tập trung trên 1.600.000 đồng, huy động trên 2.184 ngày công làm thủy lợi, trung bình mỗi nhân khẩu nông nghiệp trong tỉnh đóng góp 5,3 công, mỗi lao động nông nghiệp đóng góp 12 đồng làm thủy lợi. Toàn tỉnh đã đào, đắp trên 2.000.000 m^3 đất, 20.000 m^3 đá, làm mới 676 công trình tiểu thủy nông, xây dựng 2 trạm bơm điện, lắp đặt 91 máy bơm tự động, 59 máy bơm dầu, đảm bảo nước tưới cho 48.500 ha lúa, giữ độ ẩm cho 1.927 ha rau, màu, cây công nghiệp; 4.970 ha lúa mùa được tưới tiêu theo phương pháp khoa học (tăng gần gấp 5 lần so với năm 1964). Các hợp tác xã trong tỉnh xây dựng được 296 đội thủy lợi, với 3.037 người tham gia. (huyện Phú Bình đã huy động tới 17.000 ngày công đắp bờ, giữ nước chống hạn cho lúa, màu).

Nhờ làm tốt công tác thủy lợi, toàn tỉnh cấy được 49.534 ha lúa, trong đó 80% diện tích được cấy kịp thời vụ, năng suất lúa bình quân đạt 17,5 tạ/ha, tổng sản lượng lúa đạt 86.674 tấn (có 2.258 tấn thóc lúa nương, rẫy); trồng được 21.441 ha rau, màu. Sản lượng màu quy thóc đạt 48.055 tấn, sản lượng rau đạt gần

26.500 tấn. Tổng sản lượng lương thực năm 1965, toàn tỉnh đạt 175.262 tấn, tăng 36.760 tấn so với năm 1960; tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng lương thực bình quân mỗi năm trong thời gian 1961 - 1965 đạt 4,8%.

Năm 1966, sản xuất lương thực của tỉnh tiếp tục gặp khó khăn gay gắt do thiên tai, địch họa. Vụ mùa, khi lúa đang đứng cái, có đòng gặp hạn hán kéo dài; tiếp theo là bệnh vàng lụi, sâu tim; khi lúa chín lại bị sâu cắn gốc phá hoại. Chỉ tính riêng huyện Võ Nhai đã mất 304 mẫu lúa bị bệnh vàng lụi nặng, 926 mẫu lúa bị hạn hán nặng (có 422 mẫu bị mất trắng, không được thu hoạch).

Năm 1967, công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp của các đảng bộ huyện, thành phố địa bàn Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn nhất so với các năm trước. Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ diễn ra trên địa bàn các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên ngày càng ác liệt, làm chết và bị thương 584 con trâu, phá hỏng tới 126 ha ruộng lúa. Thời tiết cả 3 vụ (đông - xuân, hè - thu và vụ mùa) đều không thuận lợi. Vụ đông - xuân rét đậm, có sương muối, mạ bị chết rét và lên ống nhiều, lúa chiêm cấy xuống bị rét và bị hạn, chết tới 462 ha. Vụ mùa hạn nặng, 680 ha ruộng không cấy được lúa phải chuyển sang trồng màu; 3.416 ha lúa mùa cấy xuống bị nắng hạn thiếu nước tưới; 2.197 ha lúa mùa ở các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ... bị sâu bệnh phá hoại. Trước các khó khăn đó, ngay từ đầu năm 1967, Tỉnh ủy đã đề ra phương hướng lãnh đạo sản xuất nông nghiệp khá toàn diện, quy các vùng sản xuất lúa, đỗ tương, chè, lạc, rau khá rõ ràng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn huyện Đại Từ làm điểm chỉ đạo các ngành chuyên môn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đảng bộ huyện Đại Từ có nhiều sáng kiến lãnh đạo nông nghiệp phát triển toàn

diện. Nhờ đó, năm 1967 so với năm 1964, diện tích đất trồng trọt của Đại Từ tăng 23,3% (trong đó, diện tích trồng cây lương thực tăng 8,5%, diện tích trồng cây công nghiệp tăng 23,3%, diện tích trồng cây thực phẩm tăng 69,2%); năng suất lúa tăng 6,75 tạ/ha, sản lượng lúa tăng 21,6%, khoai lang tăng 190%, ngô tăng 14,5%, chè tăng 51,6%, lạc tăng 11,7%. Trong chăn nuôi, đàn trâu tăng 15,5%, đàn bò tăng 152,5%, đàn lợn tăng 27,3%. Trong lâm nghiệp, toàn huyện trồng được hơn 1.130.400 cây; các xã: Na Mao, Bình Dân đã chấm dứt nạn phá rừng.

Qua lãnh đạo thí điểm ở huyện Đại Từ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy rút ra 4 kinh nghiệm lãnh đạo các huyện khác trong tỉnh: *Một là,* xác định phương hướng sản xuất phù hợp với đặc điểm tình hình của huyện. Đảng bộ huyện phải có sự nhất trí và quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo. *Hai là,* thật sự coi trọng công tác xây dựng Đảng, gắn công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị của huyện. *Ba là*, phải đảm bảo sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp. *Bốn là,* phải đi sâu nắm chắc các biện pháp kĩ thuật, áp dụng triệt để các biện pháp kĩ thuật nước, phân, giống vào sản xuất. Lãnh đạo, chỉ đạo phải có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cơ sở thực hiện phương hướng sản xuất; phải chống mọi biểu hiện lơi lỏng, hữu khuynh, chủ quan, thoả mãn.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lãnh đạo phát động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh làm thủy lợi, coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu để nâng cao năng suất cây trồng. Năm 1967, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo huy động 7 triệu ngày công làm thủy lợi, đào, đắp trên 6 triệu mét khối đất, đá; làm mới và tu sửa trên 2.000 công trình thủy lợi lớn, nhỏ; đảm bảo nước tưới cho gần 5.000 ha ruộng. Ngoài ra, để khắc phục hạn hán, Đảng bộ tỉnh còn lãnh đạo huy động trên 1.036.000 ngày công tát nước, nạo vét mương, phai dẫn nước vào đồng.

Đảng bộ, chính quyền các huyện: Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên... quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc áp dụng các biện pháp khoa học kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Năm 1967 so với năm 1966, riêng 4 huyện, thành phố nói trên, diện tích ruộng được thả bèo dâu tăng 1.855 ha, diện tích cấy lúa thẳng hàng tăng 1.957 ha, ngâm mạ kĩ thuật theo lò 54^{o}C và chọn lọc giống tăng từ 12% đến 32,1%, diện tích cấy các giống lúa mới (Mộc Tuyền, Khê Năm lùn...) tăng 11,9 lần, lượng phân hữu cơ bón cho lúa chiêm tăng 400 kg/ha, bón cho lúa mùa tăng 610 kg/ha.

Phong trào thi đua giành 5 tấn thóc 1 hécta do Tỉnh ủy phát động đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Vụ mùa năm 1967, toàn tỉnh có 10 tổ, đội sản xuất nông nghiệp đăng kí đạt danh hiệu *Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*, 74 hợp tác xã nông nghiệp đăng kí đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 hécta cả năm, 150 hợp tác xã đăng kí đẩy mạnh sản xuất toàn diện. Năm 1967, tuy so với chỉ tiêu, diện tích gieo cấy lúa cả năm toàn tỉnh chỉ đạt 93,7%, nhưng do Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo thâm canh tăng năng suất, cải tiến và áp dụng nhiều biện pháp kĩ thuật mới, tăng thêm phân bón, đưa giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất, nên sản lượng hầu hết các loại cây lương thực trong tỉnh đều tăng so với năm 1966: Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 176.736 tấn (tăng 7,3%), riêng sản lượng thóc đạt 131.586 tấn (tăng 4%); sản lượng rau xanh và đỗ các loại đạt 29.501 tấn (tăng 11,3%). Đặc biệt, năm 1967, lần đầu tiên sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thái Nguyên xuất hiện 3 đội sản xuất: Cầu Thành (Hợp tác xã Thành Công, huyện Đại Từ), Phù Hương (Hợp tác xã Tân Hương, huyện Phổ Yên), Đội 5 (Hợp tác xã Tân Tiến, xã Tân Dương, huyện Định Hoá) đạt danh hiệu *Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*. Kết thúc năm 1967, các cấp đảng bộ địa

bàn Thái Nguyên lãnh đạo được 5 xã, 1 thị trấn, 34 hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 hécta gieo trồng (riêng Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo được 5 xã, 1 thị trấn và 24 hợp tác xã; còn lại 10 hợp tác xã là kết quả lãnh đạo của đảng bộ các huyện: Đồng Hỷ, Phú Bình, Định Hoá và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên).

Thành phố Thái Nguyên là địa bàn bị máy bay Mĩ đánh phá ác liệt nhất so với các huyện trong tỉnh(1). Các cấp bộ đảng từ thành phố đến cơ sở lãnh đạo xã viên hợp tác xã và nhân dân các dân tộc trên địa bàn dũng cảm giành giật với địch từng mảnh ruộng để cấy, trồng, thâm canh cây lương thực, thực phẩm. Nhờ đó, năm 1967, thành phố Thái Nguyên đạt năng suất lúa bình quân 46 tạ/ha (cao nhất tỉnh), sản lượng lúa đạt 3.902 tấn, tăng 484 tấn (14,16%) so với năm 1966.

Huyện Phổ Yên cũng là địa phương bị máy bay Mĩ đánh phá ác liệt, thủy lợi gặp nhiều khó khăn, ruộng đất bạc màu và xấu nhất tỉnh. Các cấp đảng bộ trên địa bàn lãnh đạo cán bộ và nhân dân trong huyện đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, làm phân bón và tích cực thâm canh tăng năng suất cây trồng, nâng sản lượng lúa năm 1967 lên 11.518 tấn, tăng 690 tấn (6,37%) so với năm 1966. Với kết quả đó, huyện Phổ Yên là 1 trong 3 đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên được ghi vào sổ vàng sản xuất lương thực của tỉnh Bắc Thái.

Công tác lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật trong các hợp tác xã cũng được các cấp đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Đến cuối tháng 3/1968, các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh xây dựng được 202 lò ngói, 113 lò vôi, lắp đặt 111 máy bơm nước tự động, 44 máy xay

(1) Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất trên địa bàn thành phố Thái Nguyên (10/1965 - 3/1968), giặc Mĩ đã huy động 1.639 lần chiếc máy bay, ném 3.176 quả bom phá, 244 quả bom hơi và bom từ trường, hơn 300 quả bom bi mẹ (104.760 quả bom bi con), bắn 76 loạt đạn rốckét, tên lửa, đánh phá 239 trận, trong 219 ngày và đêm, làm chết 335 người, bị thương 596 người, phá hủy hàng nghìn ngôi nhà và nhiều tài sản của nhân dân.

xát, thành lập 102 tổ sửa chữa nông cụ sản xuất, với 404 người tham gia; đào tạo gần 700 cán bộ kĩ thuật nông nghiệp trung, sơ cấp. Bình quân mỗi hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh có 2,2 nhà kho, 1,5 sân phơi, 2 xe cải tiến, 9 nhà chế biến phân, 8 bình bơm thuốc trừ sâu. So với năm 1964, trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp tăng từ 3 đến 5 lần.

Tuy nhiên, trong 3 năm (7/1965 - 3/1968), do các cấp đảng bộ trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đúng mức, nên chăn nuôi phát triển chậm và không đều. Năm 1967, so với năm 1966, đàn trâu của tỉnh tăng 1,3%, đàn gia cầm tăng 8,7%; đàn bò giảm 2,7%, ngựa giảm 12,8%, lợn giảm 1,3%.

Từ sau khi Tỉnh ủy ra chủ trương lãnh đạo chăn nuôi phát triển toàn diện, đảng bộ các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập thể và chăn nuôi ở các hộ gia đình xã viên. Toàn tỉnh có 198 hợp tác xã chăn nuôi lợn tập thể, với trên 6.000 con và 19 hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò sinh sản, với 826 con. Thành phố Thái Nguyên là đơn vị có phong trào chăn nuôi mạnh nhất, với 82% hợp tác xã chăn nuôi tập thể[(1)]. Một số hợp tác xã có quy mô đàn lợn tương đối lớn, tiêu biểu là Hợp tác xã Đại Đồng (thành phố Thái Nguyên): 250 con, Hợp tác xã Hồng Kỳ (xã Hồng Phong - nay là xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình) luôn giữ vững trên 100 con; trong đó, đàn lợn nái sinh sản thường xuyên cung cấp đủ lợn giống cho xã viên và gần 100 tấn phân bón cho trồng trọt. Mỗi năm, Hợp tác xã Hồng Kỳ cung cấp cho Nhà nước 15 tấn thịt lợn hơi. Các hợp tác xã: Tân Hương (huyện Phổ Yên), Tân Tiến (xã Tân Dương,

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo chính trị Tổng kết 3 năm chống Mĩ cứu nước (1965 - 6/1/1968) và phương hướng, nhiệm vụ 3 năm tới (1968 - 1970) của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.* Số 33-BC/BT, ngày 1/10/1968, tr. 4. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

huyện Định Hoá) có phong trào chăn nuôi giỏi và bán nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước vượt mức kế hoạch.

Thực hiện chỉ tiêu Trung ương giao, hằng năm Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành kiểm tra, đôn đốc công tác huy động lương thực, thực phẩm đúng theo tinh thần các Công điện 2391 và Công điện 2558 của Thủ tướng Chính phủ trong việc giải quyết khó khăn về lương thực của Nhà nước và nông dân. Từ năm 1965 đến năm 1967, các cấp đảng bộ trong tỉnh lãnh đạo công tác huy động lương thực có nhiều tiến bộ và đạt được những kết quả tốt. Trong đó, về thóc năm 1965 toàn tỉnh huy động được 23.585 tấn, vượt 0,8% kế hoạch; năm 1966 huy động được 20.023 tấn, đạt 99,3% kế hoạch; năm 1967 huy động được 22.093 tấn, vượt 2,7% kế hoạch. So sánh với kế hoạch Trung ương giao, kết quả huy động lương thực năm 1965 thu thuế đạt 10.509 tấn (tăng 14,4%), thu nghĩa vụ đạt 7.985 tấn (bằng 93%), thu mua khuyến khích 5.009 tấn (bằng 91,07%); năm 1966 thu thuế đạt 10.226 tấn (tăng 2,26%), thu nghĩa vụ đạt 7.376 tấn (bằng 85,76%), thu mua khuyến khích 2.238 tấn (bằng 99,46%); năm 1967 thu thuế đạt 9.834 tấn (bằng 92,86%), thu nghĩa vụ đạt 7.458 tấn (bằng 86,72%), thu mua khuyến khích đạt 4.631 tấn (bằng 209,54%).

Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo công tác 3 thu[1] lương thực năm 1967 đạt 6.474 tấn thóc, tăng 1.424 tấn so với năm 1964 và bằng 30% tổng mức 3 thu của toàn tỉnh. Hợp tác xã Tân Tiến (xã Tân Dương, huyện Định Hoá) làm nghĩa vụ lương thực với Nhà nước hai năm 1966, 1967 bình quân mỗi hộ trên, dưới 1 tấn thóc. Hợp tác xã Tân Hương (xã Tân Hương, huyện Phổ Yên) thực hiện nghĩa vụ lương thực hằng năm đều vượt kế hoạch và nhanh nhất các hợp tác xã trong toàn tỉnh.

(1) Ba thu: Thu mua lương thực, thu thuế, thu nợ.

Đánh giá kết quả lãnh đạo công tác huy động lương thực 3 năm (1965 - 1967), Tỉnh ủy khẳng định: Công tác huy động lương thực đã bảo đảm được 2 yêu cầu là giải quyết khó khăn về lương thực của Nhà nước và nông dân. Nguyên nhân chủ yếu là "*... công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh đến các huyện, xã có chuyển biến tốt, nhân dân trước hết là nông dân các dân tộc trong tỉnh vốn có tinh thần yêu nước, sẵn sàng đóng góp làm nghĩa vụ đối với Nhà nước để chống Mĩ, cứu nước thắng lợi*"(1).

Trên lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp, 3 năm (1965 - 1967), nghề rừng bước đầu được các cấp đảng bộ trong tỉnh coi trọng lãnh đạo. Toàn tỉnh trồng được trên 14 triệu cây các loại; nhiều đồi trọc đã trở thành rừng cây xanh tốt. Nạn phá rừng giảm hơn trước. Toàn tỉnh có trên 250 hợp tác xã quản lí kinh doanh nghề rừng; giá trị tổng sản lượng lâm nghiệp tăng bình quân hằng năm 19,9%(2).

Những tiến bộ về việc hạn chế nạn phá rừng trong những năm 1965 - 1967 là kết quả lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác vận động đồng bào vùng cao xuống định canh, định cư. Đã từ lâu đời, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao có tập quán du canh, du cư. Sau vài năm trồng tỉa cây lương thực, đất đai bị bạc màu, năng suất thấp, người dân lại kéo đi nơi khác, tiếp tục phá rừng, đốt nương làm rẫy mới. Tình trạng này dẫn đến nguồn nước bị cạn kiệt, rừng đầu nguồn bị tàn phá không đủ sức ngăn những dòng nước lớn, những trận lũ quét là điều khó tránh khỏi. Nhận thức rõ điều ấy, bằng nhiều biện pháp tích cực, các cấp đảng bộ trên địa bàn tỉnh tập trung lãnh đạo công tác vận động định canh, định cư.

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tình hình thực hiện công tác lương thực trong 3 năm (1965 - 1967) của tỉnh Bắc Thái*. Số 25-BC/BT ngày 25/9/1968, tr. 14. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo chính trị Tổng kết 3 năm chống Mĩ cứu nước...* Tlđd, tr. 4.

Kết quả, 2.690 hộ, gồm 14.315 nhân khẩu (bằng 87,7% tổng số dân vùng cao) chuyển từ phương thức du canh, du cư sang định canh, định cư. Trong đó, đáng chú ý là Hợp tác xã Bản Cháo (huyện Phú Lương) của đồng bào vùng cao định canh, định cư làm tốt công tác khai thác, bảo vệ rừng và trở thành hợp tác xã tiên tiến của tỉnh.

Công tác xây dựng, củng cố, phát triển các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng cũng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Tính đến tháng 3/1968, toàn tỉnh có gần 200 hợp tác xã mua bán và 256 hợp tác xã tín dụng. Đảng bộ các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Phú Lương, Định Hoá, thành phố Thái Nguyên lãnh đạo 100% số xã, thị trấn trên địa bàn xây dựng được hợp tác xã mua bán. Năm 1967 so với năm 1965, doanh số của các hợp tác xã mua bán tăng 84,8%; các mặt hàng ủy thác mua bán (lợn, lạc, đỗ tương, chè, gà, vịt,…) tăng từ 10% đến 128%, góp phần hỗ trợ đắc lực cho mậu dịch quốc doanh ở thị trường nông thôn. Doanh số bán lẻ của các hợp tác xã mua bán ở huyện Phú Bình chiếm tới 80% tổng doanh số bán lẻ của huyện; nhận ủy thác mua bán hàng nông sản thực phẩm cho mậu dịch quốc doanh của các hợp tác xã mua bán ở huyện Phổ Yên đạt tỉ lệ 90%. Năm 1967, hệ thống hợp tác xã tín dụng trên địa bàn Thái Nguyên đã cho vay ngắn hạn, tăng 38% so với năm 1966; việc quản lí tiền mặt ở nông thôn có nhiều tiến bộ.

Trong các ngành sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, Đảng bộ coi trọng lãnh đạo củng cố, mở rộng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Cuối năm 1967, trong tổng số 5.838 thợ thủ công trên địa bàn tỉnh, có 85,1% tham gia hợp tác xã thủ công nghiệp. Đảng bộ lãnh đạo hướng thủ công nghiệp đi vào sản xuất các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, giao thông vận tải và hàng tiêu dùng. Một số loại nông cụ do thủ công nghiệp sản xuất tăng từ 3%

đến 12%. Các mặt hàng nón mũ lá, mâm gỗ, kiềng gang, đồ sành, sứ, thủy tinh,... sản xuất đã được phục hồi, chất lượng khá.

Công nghiệp địa phương được Đảng bộ lãnh đạo phát triển đúng hướng. Số xí nghiệp quốc doanh địa phương từ 30 đơn vị (năm 1964), tăng lên 60 đơn vị (năm 1968). Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương phục vụ nông nghiệp bình quân hằng năm tăng 22%; phục vụ giao thông vận tải tăng 6,4%; chế tạo máy móc và sản phẩm kim loại tăng 19,7%; khai thác quặng và công nghiệp hoá chất tăng 25,8%.

Đảng bộ trong các cơ sở công nghiệp trung ương trực thuộc Tỉnh ủy vừa lãnh đạo tốt việc giáo dục, động viên đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức khắc phục khó khăn do máy bay địch đánh phá và do thiếu nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc để giữ vững, phát triển sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; vừa lãnh đạo tốt việc giúp đỡ đào tạo công nhân, cung cấp vật tư, hướng dẫn kĩ thuật xây dựng cơ bản cho công nghiệp địa phương phát triển.

Đảng bộ Nhà máy Điện Cao Ngạn lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công nhân thực hiện tốt khẩu hiệu "*Giặc đến là bám máy, bám lò, xử lí sáng tạo. Giặc đi lại sản xuất với năng suất lao động cao hơn*". Ngay trong trận đầu tiên máy bay địch đánh phá thành phố Thái Nguyên (17/10/1965), toàn bộ cán bộ, công nhân trong ca trực đã bình tĩnh bám máy, đảm bảo sản xuất liên tục. Khi 2 trạm phân phối điện lưới 35 KV phục vụ lò cao gang thép bị hỏng nặng, hệ thống chuyển tải đột ngột giảm công suất, van an toàn xả hơi không sập, Kíp trưởng Đặng Đức Biện đã dũng cảm, bình tĩnh leo lên đỉnh lò cao 30 mét, đóng van lại an toàn. Năm 1966, qua nhiều trận máy bay giặc Mĩ đánh phá ác liệt, làm sập 2 tầng nhà trên, Đảng bộ Nhà máy lãnh đạo cán bộ, công nhân dồn máy móc, thiết bị xuống tầng hầm, nhanh chóng phục hồi

sản xuất, đảm bảo vận hành máy móc an toàn, kịp thời cung cấp điện cho các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn hoạt động.

Đảng bộ Công ty Gang thép Thái Nguyên lãnh đạo cán bộ, công nhân thực hiện tốt lời thề "*Tổ quốc cần thép, cán bộ, công nhân gang thép sẵn sàng đổi máu lấy thép*". Trải qua gần 2 năm trực tiếp sản xuất dưới làn bom, đạn ác liệt của giặc Mĩ (từ giữa năm 1966 đến tháng 3/1968), với tinh thần dũng cảm, kiên cường của đội ngũ cán bộ, công nhân, thép và gang vẫn tiếp tục được ra lò, công suất bình quân 170 tấn một ngày. Năm 1966, Công ty Gang thép Thái Nguyên sản xuất vượt kế hoạch 5,1%; trong 2 tháng đầu năm 1967 (trước khi sơ tán), sản xuất vẫn vượt kế hoạch từ 2% đến 5%.

Đảng bộ Mỏ than Khánh Hoà lãnh đạo cán bộ, công nhân xây dựng ý chí, quyết tâm làm nhiều, làm tốt, làm vì Khánh Hoà - Kon Tum ruột thịt, vì đồng bào miền Nam anh hùng. Trong bom, đạn ác liệt của giặc Mĩ, cán bộ, công nhân Mỏ vẫn đưa năng suất máy xúc than mỗi ca từ 300m^3, tăng lên 528m^3; năng suất vận tải mỗi ca từ 80 chuyến, tăng lên 126 chuyến. Tổ 7 Công trường khai thác 1 (*Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*), gồm 16 cán bộ, công nhân đều là phụ nữ, có con nhỏ, đã liên tục phấn đấu đạt giờ công và năng suất lao động cao.

Đảng bộ Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ lãnh đạo cán bộ, công nhân tháo dỡ hàng trăm tấn thiết bị đưa đến nơi sơ tán lắp đặt, tiếp tục sản xuất. Máy bay Mĩ ném bom hỏng lò hơi, cán bộ, công nhân quyết tâm khôi phục lại để đảm bảo sản xuất. Trong 3 năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ, tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng cán bộ, công nhân Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ vẫn phấn đấu giữ vững sản xuất.

Ngoài lãnh đạo sản xuất giữ vững và phát triển sản xuất tiểu - thủ công nghiệp, công nghiệp địa phương, các đảng bộ còn lãnh đạo

tốt việc thực hiện cuộc vận động *3 xây*, *3 chống*[1], bước đầu nâng cao được tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ của cán bộ, công nhân, viên chức; tệ tham ô, lãng phí được phê phán nghiêm khắc. Một số xí nghiệp nắm vững mục đích, yêu cầu, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, nên năng suất lao động tăng, giá thành hạ, tích luỹ cho Nhà nước ngày càng cao.

Trong công tác đảm bảo đời sống, đảng bộ các ngành: Lưu thông, Phân phối lãnh đạo cán bộ, công nhân, viên chức vượt qua nhiều khó khăn, thách thức do chiến tranh phá hoại ác liệt, giao thông đi lại khó khăn, phương tiện vận tải thiếu, hệ thống kho tàng không đầy đủ, dân số tăng nhanh, đảm bảo cung cấp thường xuyên lương thực, thực phẩm và những nhu cầu thiết yếu nhất về đời sống hằng ngày (ăn, mặc, ở, học tập, thuốc chữa bệnh) cho mọi đối tượng. Đảng bộ ngành Thương nghiệp có nhiều cố gắng lãnh đạo gia công, sản xuất chế biến hàng địa phương, đưa tỉ lệ hàng tự túc sản xuất tại địa phương đạt 18% tổng số hàng công nghệ phẩm bán ra, tăng 125% so với năm 1965. Trong 3 năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ (1965 - 1968), thu ngân sách địa phương tăng bình quân hằng năm 6,1%, trong đó khu vực quốc doanh tăng 8,6%, khu vực tập thể và cá thể tăng 4% (riêng khu vực nông nghiệp tăng 5,1%). Phong trào gửi tiền tiết kiệm chống Mĩ cứu nước có nhiều tiến bộ. Cuối năm 1967, bình quân mỗi người dân trong tỉnh đạt số dư tiền gửi tiết kiệm 17 đồng, tăng gấp 4 lần so với năm 1964.

Các ngành: Thông tin, Văn hoá, Giáo dục, Y tế tiếp tục được Đảng bộ lãnh đạo phát triển. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, nâng cao. Đến tháng 3/1968,

(1) *3 xây*: 1- Nâng cao ý thức trách nhiệm; 2- Tăng cường quản lí kinh tế, tài chính; 3- Cải tiến kĩ thuật; *3 chống*: 1- Chống tham ô; 2- Chống lãng phí; 3- Chống quan liêu.

toàn tỉnh đã có 14.352 phương tiện nghe (có 5.000 đài thu thanh bán dẫn). Đoàn Văn công tỉnh xuống tận đồng ruộng, lên tận trận địa biểu diễn phục vụ nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Đặc biệt, Đoàn Văn công của tỉnh đã trực tiếp vào chiến trường miền Nam biểu diễn phục vụ cán bộ, chiến sĩ Quân Giải phóng thời gian 7 tháng, trở về an toàn. Phong trào thể dục, thể thao quốc phòng trong tỉnh phát triển khá, được xếp thứ nhất trong các tỉnh miền núi.

Hệ thống giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, đào tạo cán bộ khoa học kĩ thuật, dạy nghề không ngừng phát triển. Trong 3 năm trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 - 1968), số trường học toàn tỉnh đã tăng từ 30% đến 57% so với trước chiến tranh. Năm học 1967 - 1968, mỗi xã đã có 1 trường cấp I, hơn 2 xã có một trường cấp II, mỗi huyện đã có 1 trường cấp III; ở thành phố Thái Nguyên, trung bình cứ 3 người dân có 1 người đi học. Toàn tỉnh có 102.100 học sinh với trên 4.000 giáo viên phổ thông. Đảng bộ các huyện: Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá lãnh đạo mở ở mỗi huyện được một *Trường Thanh niên dân tộc vừa học, vừa làm*, thu hút con em đồng bào các dân tộc ít người Mông, Dao, Sán Chay... vào học tập.

Các trường phổ thông: Cấp III huyện Phú Lương, cấp II tiểu khu Hoàng Văn Thụ (thành phố Thái Nguyên) và các trường mẫu giáo xã Tân Thái (huyện Đại Từ), xã Dân Chủ - nay là xã Hóa Thượng (huyện Đồng Hỷ) có phong trào thi đua *Dạy tốt - Học tốt* sôi nổi. Phong trào bổ túc văn hoá được giữ vững và phát triển. Trong 3 năm (1965 - 1968), riêng Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái đã có 300 đội viên vừa công tác, vừa học tập, tốt nghiệp bổ túc văn hoá cấp I và cấp II; Công ty Gang thép Thái Nguyên - một trong những nơi bị máy bay Mĩ đánh phá ác liệt nhất, đã

được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba* về thành tích bổ túc văn hoá.

Mạng lưới y tế phòng không được tổ chức rộng khắp, giải quyết kịp thời các hậu quả do chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mĩ gây ra. Công tác phòng và khám, chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được tăng cường. Đầu năm 1965, các huyện trên địa bàn Thái Nguyên chưa có bệnh viện huyện. Bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất của đế quốc Mĩ (10/1965), các cấp bộ đảng trong tỉnh đã lãnh đạo mỗi huyện trên địa bàn Thái Nguyên xây dựng được 1 bệnh viện; riêng thành phố Thái Nguyên có 2 bệnh viện (Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc và Bệnh viện A). Đầu năm 1968, toàn tỉnh có 18 bệnh viện, 236 trạm y tế, với 1.628 giường bệnh và 2.184 cán bộ, nhân viên y tế (có 320 bác sĩ, y sĩ), tăng 37,4% so với năm 1965.

Phong trào *3 dứt điểm*(1) được đẩy mạnh; trong đó, các xã: Đồng Liên (huyện Phú Bình, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Vạn Thọ (huyện Đại Từ) thực hiện tốt, được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*. Bệnh viện A của tỉnh tuy mới được thành lập, nhưng đã nhanh chóng đưa các hoạt động khám, chữa bệnh vào nền nếp, mạnh dạn áp dụng các phương pháp chữa bệnh tiên tiến, chữa được nhiều ca bệnh hiểm nghèo. Xí nghiệp Dược phẩm và Quốc doanh Dược phẩm 3 năm liền hoàn thành vượt mức kế hoạch, đóng góp to lớn vào việc bảo vệ sức khoẻ nhân dân, đảm bảo sản xuất và chiến đấu thắng lợi. Ngoài ra, cán bộ, công nhân Xí nghiệp Dược phẩm còn nêu cao tinh thần dũng cảm, xung phong ra ga Lưu Xá bốc dỡ hàng hóa giữa lúc máy bay Mĩ đang uy hiếp và bom nổ chậm vẫn đang từng giờ đe dọa.

(1) *Ba dứt điểm*: Giếng nước, nhà tắm, hố xí 2 ngăn.

Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở hết sức coi trọng lãnh đạo công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ và bảo đảm giao thông vận tải thời chiến, động viên chi viện chiến trường.

Để đảm bảo sự lãnh đạo chặt chẽ, tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, sau ngày hợp nhất tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Ban Cán sự đảng Tỉnh đội, chỉ định đồng chí Nguyễn Tâm (Chính trị viên Tỉnh đội) làm Bí thư và các đồng chí: Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng), Đinh Bảo Minh (Tỉnh đội phó), Nguyễn Quốc Thành (Tỉnh đội phó), Nguyễn Xuân Hiệp (Chính trị viên phó Tỉnh đội), Hà Nhân Dần (Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội) làm Ủy viên. Sau khi được thành lập, Ban Cán sự đảng Tỉnh đội đã vận dụng nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang vào việc lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh; chủ động nắm chắc tình hình lực lượng vũ trang địa phương, kịp thời báo cáo, tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn hoạt động, nhiều việc Ban Cán sự đảng và Thủ trưởng Tỉnh đội không thống nhất, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo không cao; đấu tranh tự phê bình và phê bình trong nội bộ Ban Cán sự đảng chưa mạnh, chưa phát huy hết vai trò lãnh đạo tập thể.

Trước tình trạng trên, ngày 19/11/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 198-QĐ/TU giải thể Ban Cán sự đảng Tỉnh đội, thành lập Đảng bộ Tỉnh đội; đồng thời chỉ định Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ gồm 7 đồng chí: Nguyễn Tâm (Chính trị viên Tỉnh đội), Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng), Nguyễn Quốc Thành (Tỉnh

đội phó), Hà Nhân Dần (Chủ nhiệm Chính trị), Đinh Bảo Minh (Tỉnh đội phó), Lục Văn Quế (Chủ nhiệm Hậu cần), Nguyễn Hữu Tài (Đại đội trưởng Đại đội 73), do đồng chí Nguyễn Tâm làm Bí thư và Nguyễn Hồng An làm Phó Bí thư Đảng ủy. Tiếp theo, ngày 13/12/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra các quyết định (số 220-QĐ/TU, số 221-QĐ/TU, số 222-QĐ/TU), thành lập Chi bộ Đại đội 91, Chi bộ Trung đội 4 và Chi bộ Trung đội 5 trực thuộc Đảng ủy Tỉnh đội.

Đảng bộ Tỉnh đội lãnh đạo cơ quan vừa tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán, vừa thường xuyên cử nhiều đoàn cán bộ xuống thành phố Thái Nguyên và các huyện kiểm tra lực lượng dân quân, tự vệ xây dựng các trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp; xây dựng và củng cố hệ thống hầm, hào. Các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên đã xây dựng được 146 trận địa trực chiến phòng không, với 1.570 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tham gia; đào đắp trên 210.400 mét giao thông hào, 79.600 hầm, hố phòng, tránh máy bay địch đánh phá[1].

Từ thực tiễn chiến đấu, nhất là từ những bài học xương máu trong trận máy bay giặc Mĩ ném bom xuống khu vực cầu Gia Bẩy

(1) Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo xây dựng được 52 trận địa trực chiến phòng không, với 769 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến; cán bộ và nhân dân thành phố đào được 51.365 m giao thông hào và 19.889 hầm, hố phòng tránh. Đảng bộ huyện Phổ Yên lãnh đạo xây dựng được 10 trận địa; 84 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trực chiến, đào đắp 35.000 m giao thông hào, 10.000 hầm hố phòng tránh. Đảng bộ huyện Phú Bình lãnh đạo xây dựng được 8 trận địa; 56 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trực chiến, đào đắp 35.500 m giao thông hào, 7.560 hầm hố phòng tránh. Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo xây dựng được 19 trận địa, 130 dân quân, tự vệ trực chiến, đào đắp 50.000 m giao thông hào, hơn 7.500 hầm hố phòng tránh. Đảng bộ huyện Đồng Hỷ lãnh đạo xây dựng 7 trận địa, 49 dân quân, tự vệ trực chiến, đào đắp 11.340 m giao thông hào, 6.220 hầm hố phòng tránh. Đảng bộ huyện Định Hoá lãnh đạo xây dựng 10 trận địa, 122 dân quân, tự vệ trực chiến, đào 2.500 m giao thông hào, 1.830 hầm hố phòng tránh.

ngày 17/10/1965, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán. Nhờ đó, mặc dù cường độ đánh phá của máy bay Mĩ ngày càng cao và ác liệt, nhưng tỉ lệ thương vong ngày càng giảm. Năm 1967 so với năm 1965, trên địa bàn tỉnh, tuy số mục tiêu đánh phá của địch tăng gấp 64 lần, số bom đạn tăng gấp 13,4 lần, nhưng số người bị chết chỉ tăng 3,4 lần.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu, các cấp đảng bộ trong tỉnh đặc biệt quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Hầu hết các đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư đảng bộ, chi bộ xã trực tiếp làm Chính trị viên xã đội; tỉ lệ dân quân, tự vệ so với dân số vượt chỉ tiêu trên giao 2,6%, tỉ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ đạt 21,4% (gấp 2 lần so với yêu cầu). Lực lượng dân quân, tự vệ trực chiến phòng không 6 xã ngoại thành thành phố Thái Nguyên và các xã: Cao Ngạn, Tích Lương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Thuận Thành (huyện Phổ Yên) và Công ty Gang thép Thái Nguyên đã sử dụng thành thạo các loại pháo cao xạ từ 37 mm đến 100 mm.

Công tác tuyển quân, chi viện chiến trường tuy được tiến hành trong điều kiện chiến tranh phá hoại diễn ra hết sức ác liệt, nhưng trong 3 năm (1965 - 1967), các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên đã tuyển được 10.590 người vào bộ đội[1], vượt 0,9% mức chỉ tiêu trên giao. Năm 1967, Đảng bộ tỉnh còn lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao trực tiếp tuyển quân, xây dựng, huấn luyện, đưa 1 tiểu đoàn bộ binh chiến đấu (Tiểu đoàn 68) vào bổ sung cho chiến trường miền Nam.

(1) Trong số 10.590 người nhập ngũ, các huyện: Phú Bình có 2.084 người, Phổ Yên có 1.575 người, Đồng Hỷ có 1.544 người, Đại Từ có 1.535 người, Phú Lương có 981 người, Định Hoá có 756 người, Võ Nhai có 680 người, các cơ quan có 1.435 người.

Xuất phát từ tầm quan trọng của giao thông vận tải trong thời bình cũng như trong thời chiến, ngày 22/8/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 03-NQ/BT *Về công tác giao thông vận tải,* xác định: Đảm bảo giao thông thời chiến là một mặt trận chiến đấu. Đảm bảo giao thông vận tải là công tác trọng tâm, đột xuất của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh quyết định và tổ chức thành lập Ban Đảm bảo giao thông vận tải tỉnh, do đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban. Ban Đảm bảo giao thông vận tải tỉnh có chức năng, nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác đảm bảo giao thông vận tải trong tỉnh, bao gồm tất cả các mặt cầu, đường, bốc dỡ, vận chuyển, cả đường ô tô và đường sắt, đảm bảo giao thông vận tải luôn được thông suốt; chuẩn bị mọi khả năng về nhân lực, nguyên liệu, thiết bị, phương tiện để kịp thời huy động, đối phó với việc đánh phá giao thông vận tải của địch; tổ chức các lực lượng dân quân, tự vệ, thanh niên tuần tra, canh gác, bảo vệ, sửa chữa cầu, đường, bến phà và vận chuyển hàng hoá; kiểm tra các ban đảm bảo giao thông cấp dưới...

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Đảm bảo giao thông vận tải tỉnh, các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên luôn luôn có đủ lực lượng ứng cứu kịp thời, nhất là ở những trọng điểm giao thông huyết mạch khi bị máy bay địch đánh phá hỏng.

Chỉ một giờ sau khi máy bay Mĩ ném bom, phá hỏng cầu Gia Bẩy, Ty Giao thông đã điều 20 xe ô tô tải chở đá làm ngầm Sơn Cẩm. Hợp tác xã Thuyền (thành phố Thái Nguyên) ghép 3 thuyền thành 1 phà trọng tải 2,5 tấn để chở ô tô con qua sông khi cần thiết. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh, Ban Chỉ huy Tỉnh

đội trực tiếp ra hiện trường, lãnh đạo, chỉ đạo huy động 1.400 dân quân, tự vệ và dân công ở thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ phối hợp với 200 cán bộ, chiến sĩ bộ đội công binh Quân khu Việt Bắc đào, phá bom nổ chậm ở khu vực cầu Gia Bẩy, làm đường ngầm và ghép phà Sơn Cẩm. Đến 16 giờ ngày 19/10/1965, đường ngầm Sơn Cẩm được khai thông; 18 giờ cùng ngày, cầu phà bến Oánh được lắp ghép xong. Giao thông vận tải qua sông Cầu được khôi phục, đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại của nhân dân.

Để có đủ lực lượng sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải, trong tình huống bị máy bay địch đánh phá ác liệt, theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, tháng 12/1965, Ban Chỉ huy Tỉnh đội thành lập 1 đại đội và 2 trung đội công binh bộ đội địa phương làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 71/TTg-CN, ngày 21/6/1965 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức các Đội Thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước, tháng 12/1965, Tỉnh ủy lãnh đạo Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh thành lập Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái, làm nhiệm vụ xung kích phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái có 600 cán bộ, đội viên được biên chế thành 4 đại đội (từ Đại đội 911 đến Đại đội 914) do đồng chí Nghiêm Văn Đạo (Phó Bí thư Tỉnh Đoàn) làm Đội trưởng và các đồng chí: Nguyễn Thế Cường (cán bộ trung cấp Ty Giao thông), Bùi Quế (Bí thư Thành Đoàn Thái Nguyên) làm Đội phó.

Nhằm tăng cường hệ thống giao thông vận tải ở phía bắc và đông bắc Thủ đô Hà Nội, theo sự thoả thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam, Trung Quốc, từ cuối năm 1965, trên địa bàn Thái Nguyên, Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã cử các đơn vị C18, C19 thuộc Chi đội 4 (chi đội tương đương với sư đoàn) sang giúp ta

sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 3 từ ngã ba Bờ Đậu (Phú Lương) lên cầu Ổ Gà (Chợ Mới); đơn vị C3 thuộc Chi đội 1 làm đường sắt Kép - Lưu Xá khổ rộng 1,40 m, làm thêm đường sắt khổ rộng 1,40 m từ ga Lưu Xá đến ga Đa Phúc và làm đường hầm toa xe Lương Sơn dài 260 m.

Để giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh về công tác đối ngoại, ngày 13/7/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 77-NQ/BT thành lập Ban Công tác Ngoại vụ tỉnh làm nhiệm vụ phục vụ bộ đội Trung Quốc sang giúp ta mở rộng một số cầu, đoạn đường và xây dựng một số công trình mới. Ban Công tác Ngoại vụ tỉnh gồm 9 thành viên, do đồng chí Triệu Văn Tịnh (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban và các đồng chí: Lê Văn Xảo (Phó ty Giao thông), Lý An Sinh (Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy), Nguyễn Sĩ Đông (Phó ban Kiến thiết cơ bản tỉnh) làm Phó ban.

Ngày 2/11/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 08-NQ/BT thành lập Ban Ngoại vụ đường sắt do đồng chí Nguyễn Sĩ Đông (Phó ban Kiến thiết cơ bản tỉnh, Phó ban Công tác Ngoại vụ tỉnh) làm Trưởng ban và các đồng chí: Nguyễn Văn Đạc (Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ), La Văn Liền (Trưởng ty Lâm nghiệp) làm Phó ban.

Thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, sau khi được thành lập, Ban Công tác Ngoại vụ tỉnh và Ban Ngoại vụ đường sắt đã làm tốt công tác chuẩn bị đón tiếp và phục vụ bạn. Chỉ trong những tháng cuối năm 1965, nhân dân các huyện ở Thái Nguyên đã khai thác trên 44.000 cây vầu, 15.000 cây gỗ, trên 30.000 cây tre, cây mai, gần 696.000 tàu lá cọ, 42.100 cây nứa, đan 782 lá cót và đóng góp hàng nghìn công lao động, làm được 32.565 m^2 nhà ở, hội trường, nhà kho, nhà bếp, nhà ăn cho bộ đội Trung Quốc…

Nhờ đó, cuối tháng 11/1965, gần 4.700 cán bộ, bộ đội Trung Quốc đến sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 3 từ Bờ Đậu lên Chợ Mới

và gần 4.000 cán bộ, chiến sĩ bộ đội Trung Quốc đến làm các đường sắt Kép - Lưu Xá, Lưu Xá - Đa Phúc đã nhanh chóng ổn định nơi ăn, ở, kịp thời triển khai nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã thoả thuận giữa Đảng và Chính phủ 2 nước Việt Nam và Trung Quốc.

Để đảm bảo giao thông vận tải thời chiến kịp thời, thông suốt, trong thời gian chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (10/1965 - 3/1968), cấp bộ đảng và chính quyền trên địa bàn Thái Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo làm mới 153 km đường ô tô, rải đá 171 km, rải nhựa 40 km mặt đường, làm 37 cầu và 12 bến phà mới. Tất cả các trọng điểm giao thông trên 2 tuyến giao thông chiến lược Quốc lộ 3A, 1B (cầu Gia Bẩy, cầu Đa Phúc và các bến phà, bến ngầm, cầu treo,..) đều có lực lượng thường trực đảm bảo giao thông vận tải kịp thời, thông suốt trong mọi tình huống.

Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh cũng ngày càng được củng cố và mở rộng. Cuối năm 1967, toàn tỉnh có 4.895 km đường giao thông nông thôn, 2/3 số xã trong tỉnh có đường ô tô về tới trung tâm xã. Giá trị tổng sản lượng vận tải năm 1967 tăng 20,4% so với năm 1964; bình quân mỗi năm tăng 6,4%[1], đáp ứng kịp thời các yêu cầu đảm bảo giao thông vận tải thời chiến.

Trước tình hình trật tự, trị an trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp[2], Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết nêu rõ: Kịp thời nắm vững tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn; phòng, chống có hiệu quả các hoạt động gián điệp, biệt kích của đế quốc Mĩ và tay sai; đấu tranh chống các luận điệu phản

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo chính trị Tổng kết 3 năm chống Mĩ, cứu nước (1965 - 6/1/1968) và phương hướng, nhiệm vụ 3 năm tới (1968 - 1970) của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*. Số 33-BC/BT, ngày 1/10/1968, tr. 2, 3.

(2) Các vụ trọng án giết người, cướp của, hiếp dâm xảy ra ở các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hoá; các phần tử xấu, lưu manh, trộm, cướp xuất hiện ở thành phố Thái Nguyên.

tuyên truyền của địch; bảo vệ sản xuất, bảo vệ giao thông bến, bãi, kho tàng; đấu tranh chống phạm pháp hình sự và các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự chung ở nơi công cộng; đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia bảo vệ trật tự, trị an thời chiến...

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo Ty Công an đã tham mưu cho Tỉnh ủy triển khai chỉ thị của Bộ Chính trị về tăng cường giữ gìn an ninh miền Bắc trong tình hình chiến tranh phá hoại; mở hội nghị tổng kết 3 năm xây dựng lực lượng Công an nhân dân; tổ chức điều tra, khám phá kịp thời các vụ trọng án ở các xã: Bình Sơn (huyện Đồng Hỷ), Kim Phượng (huyện Định Hoá), Thượng Nung (huyện Võ Nhai),...

Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt phong trào quần chúng bảo vệ trật tự, trị an thời chiến. Các cấp đảng bộ, chính quyền thành phố lãnh đạo, chỉ đạo đưa 109 đối tượng ra kiểm điểm, giáo dục trước các hội nghị của quần chúng nhân dân; gọi 64 đối tượng lên giáo dục (trong đó 3 đối tượng là chức sắc trong Công giáo có các hành động chống phá đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ), cải tạo tại chỗ và đưa đi tập trung cải tạo 15 đối tượng.

Đặc biệt, từ ngày 5/4/1967, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng Công an tỉnh thực hiện phá án, đập tan tổ chức phản động Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam ở huyện Định Hoá[1]. Dưới sự

(1) Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam là một tổ chức phản động hình thành từ tháng 3/1963, mở rộng phạm vi hoạt động ra 19 xã ở huyện Định Hoá, 2 xã ở huyện Phú Lương, phát triển xuống huyện Đại Từ. Đầu tháng 4/1967, tổ chức này do các tên Ma Khánh Hiệu và Lường Văn Dư cầm đầu đã có lực lượng lên tới 94 tên. Chúng đã may cờ (nền xanh, sao đỏ), bầu các chức danh Chủ tịch hội, Ban Chấp hành chiến khu, Tư lệnh và Tham mưu trưởng quân đội... Chúng kích động nhân dân và các phần tử lưu manh, bất mãn ở 2 xã Quy Kỳ và Bảo Cường gây rối, phá hoại cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân, đả kích lãnh tụ, cắm chông xuống ruộng hợp tác xã, đòi đất ông cha,... Âm mưu của chúng là tập hợp lực lượng nòng cốt và chuẩn bị mọi điều kiện để nổi dậy vũ trang cướp chính quyền từ cơ sở, lập chính phủ mới khi có thời cơ.

lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 9/4/1967, được nhân dân giúp đỡ, lực lượng Công an tỉnh, Công an 2 huyện phối hợp với lực lượng dân quân, tự vệ trên địa bàn đã bắt gọn 9 tên cầm đầu và những ngày tiếp theo bắt thêm 7 tên khác. Tổ chức phản động Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam ở Định Hoá, Phú Lương bị xoá sổ(1), trật tự xã hội và an ninh chính trị trên địa bàn Thái Nguyên nói chung, 2 huyện Định Hoá, Phú Lương nói riêng, căn bản được giữ vững.

Sau ngày xoá sổ tổ chức phản động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn Cán bộ tăng cường xuống làm công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân và lực lượng vũ trang ở huyện Định Hoá. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và được nhân dân các dân tộc Định Hoá đồng tình ủng hộ, giúp đỡ, sau một thời gian ngắn, Đoàn Cán bộ tăng cường đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp trong huyện, đặc biệt là ở 7 xã có tổ chức phản động Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam hoạt động, đã được củng cố, kiện toàn, đảm bảo chất lượng tốt. Nhân dân các dân tộc địa bàn Thái Nguyên nói chung, huyện Định Hoá nói riêng phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Công tác xây dựng Đảng được các cấp đảng bộ trên địa bàn Thái Nguyên tập trung lãnh đạo, hướng vào nhiệm vụ chống Mĩ cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, lấy đó làm mục tiêu phấn đấu cho cán bộ, đảng viên. Ngày 14/3/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 18-CT/TU *Về việc đẩy mạnh công tác củng cố, xây dựng phát triển*

(1) Từ ngày 10 đến ngày 12/5/1970, tại thị trấn Chợ Chu (huyện Định Hoá), Toà án nhân dân tỉnh mở phiên toà công khai xét xử hành vi thành lập tổ chức phản động *Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam* của các tên Lường Văn Dư, Ma Khánh Hiệu và đồng bọn. Toà án tuyên phạt Lường Văn Dư tử hình, Ma Khánh Hiệu tù chung thân, Chu Quốc Vân 20 năm tù giam, 13 tên khác từ 3 năm đến 16 năm tù giam, thời gian thử thách từ 2 năm đến 5 năm, 6 tên cải tạo tại địa phương.

Đảng năm 1966 và các năm tiếp theo. Chỉ thị nêu rõ: Do các cấp đảng bộ trong tỉnh chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo củng cố, xây dựng đảng, phát triển đảng viên, nên đến cuối năm 1965, trong Đảng bộ tỉnh (kể cả nông thôn và cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường) mới có 19,4% chi bộ 4 tốt, 36% chi bộ khá, 39% chi bộ trung bình, 5,6% chi bộ kém; tỉ lệ đảng viên 4 tốt nông thôn đạt 47%, cơ quan và xí nghiệp đạt 20,3%; tỉ lệ đảng viên kém nông thôn 9,8% và cơ quan, xí nghiệp 2,14%; công tác phát triển đảng viên mới đạt 58,17% chỉ tiêu. Từ đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu: "*... toàn thể cán bộ, đảng viên các tổ chức cơ sở, các ban của Đảng nâng cao hơn nữa nhận thức tầm quan trọng và yêu cầu cần thiết của Đảng hiện nay, ra sức nỗ lực cố gắng đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng*".

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong 2 năm (1966 - 1967) và 6 tháng đầu năm 1968, các cấp đảng bộ trên địa bàn Thái Nguyên kết nạp được 6.063 đảng viên(1).

Cùng với việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, ngày 14/4/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 19-NQ/BT về việc triển khai cuộc vận động bảo vệ Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 1/3/1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

(1) Số đảng viên được các cấp bộ đảng địa bàn Thái Nguyên kết nạp trong 2 năm (1966 - 1967) và 6 tháng đầu năm 1968 như sau:

Số TT	Đảng bộ	Số đảng viên được kết nạp			
		Năm 1966	1967	6 tháng đầu năm 1968	Tổng cộng
1	Định Hoá	129	64	44	237
2	Phú Lương	115	107	81	303
3	Võ Nhai	105	67	45	217
4	Đại Từ	173	228	116	517
5	Đồng Hỷ	216	138	93	447
6	Phổ Yên	336	236	101	673
7	Phú Bình	358	252	99	709
8	Thành phố TN	151	176	76	403
9	Đơn vị trực thuộc tỉnh	407	449	116	972
10	Cơ quan, xí nghiệp TW	475	753	357	1.585
					6.063

Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí: Nguyễn Việt Vinh (Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy), Nguyễn Hữu Uẩn (Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy), Hoàng Khải Giáp (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an) trực tiếp lãnh đạo và tổ chức thực hiện cuộc vận động. 94% đảng viên trong Đảng bộ đã tham gia học tập Chỉ thị 90 của Ban Bí thư. Thông qua cuộc vận động bảo vệ Đảng, hầu hết đảng viên trong Đảng bộ tỉnh được nâng cao tính tiền phong, ý thức tổ chức kỉ luật, nắm vững các nguyên tắc, thủ tục trong công tác Đảng, có ý thức bảo vệ Đảng, cảnh giác với các âm mưu phá hoại của địch.

Kết hợp với cuộc vận động bảo vệ Đảng, các cấp đảng bộ tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra dân chủ và kỉ luật trong Đảng. Riêng năm 1967, trong Đảng bộ tỉnh đã có 226 đảng viên bị thi hành kỉ luật (có 83 đảng viên bị khai trừ, 62 đảng viên bị lưu Đảng); trong số đảng viên là cán bộ thoát li bị xử lí kỉ luật, có 12,8% sai phạm chính sách, 19,46% tham ô, 41% hủ hoá.

Cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ, đảng viên 4 tốt được triển khai sâu rộng hơn trước. Đảng ủy Dân - Chính - Đảng tỉnh Bắc Thái ra nghị quyết nhấn mạnh "*Trung tâm công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ hiện nay là xây dựng chi bộ 4 tốt. Các chi bộ phải coi việc xây dựng chi bộ 4 tốt là nhiệm vụ phải làm và phải đạt được, vì đây là trách nhiệm chấp hành chỉ thị của Đảng, dù khó khăn cũng phải khắc phục để làm*". Huyện ủy Đại Từ củng cố các cơ sở đảng kém ở 2 xã Tân Thái và Hùng Cường. Thành ủy Thái Nguyên gắn hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, đưa phong trào tiến lên đồng đều, vững chắc và toàn diện. Huyện ủy Phổ Yên phát động quần chúng ra quân làm thủy lợi. Đảng ủy các cơ quan, xí nghiệp Ty Công an, Đoàn Địa chất 12, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Công ty Gang thép Thái Nguyên,... đề ra kế hoạch xây dựng Đảng cụ thể, sát với thực

tế nhiệm vụ cơ quan, đơn vị. Kết quả bình xét tổ chức đảng và đảng viên năm 1967 so với năm 1966, số chi bộ cơ sở 4 tốt từ 24%, tăng lên 27%, số tổ đảng 4 tốt từ 32%, tăng lên 35%, số đảng viên 4 tốt từ 33%, tăng lên 48%, số đảng viên kém từ 5%, giảm xuống 4%. Cuối năm 1967, trong số 28.070 đảng viên của Đảng bộ tỉnh, có 36,3% đạt 4 tốt, 40% đảng viên khá, 3,5% đảng viên kém, còn lại là đảng viên trung bình.

Bước sang năm 1968, các cấp đảng bộ trong tỉnh tập trung lãnh đạo đẩy mạnh *Cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ 4 tốt*; gắn với các nhiệm vụ, công tác trung tâm của từng đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Thực hiện chủ trương *kiện toàn và tăng cường sự lãnh đạo của cấp huyện* theo tinh thần Nghị quyết số 136-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đến cuối tháng 3/1968, trên địa bàn Thái Nguyên, trừ Đảng bộ huyện Định Hoá do tình hình chính trị và nội bộ chưa giải quyết xong(1), còn tất cả đảng bộ các huyện và thành phố khác đều tổ chức đại hội, bầu cấp ủy mới bảo đảm tương đối tốt cơ cấu, tỉ lệ nữ đạt 11,4% (tăng gấp 2 lần so với nhiệm kỳ trước).

---

(1) Theo lời khai của một số đối tượng trong tổ chức phản động *Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam ở* Định Hoá, thì các ông Trần Ngọc Phái (Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Định Hoá) và Trần Đức Ký (Hiệu trưởng Trường Trung cấp Nông nghiệp tỉnh) cũng tham gia tổ chức phản động này. Vì đây là vấn đề chính trị rất hệ trọng của một cán bộ chủ chốt ở huyện Định Hoá, nên các cơ quan chức năng cần phải có thời gian để nghiên cứu, điều tra, xác minh đảm bảo khách quan và chính xác. Sau này, Công an Bắc Thái đã kết luận: "*Chưa có chứng cứ cụ thể chứng minh, kết luận Trần Ngọc Phái tham gia tổ chức phản động Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam. Từ khi hoạt động cách mạng tới nay Trần Ngọc Phái không trung thực khai báo lí lịch với Đảng. Có một số hành vi vi phạm chính sách, nhiều lần gây mất đoàn kết nội bộ. Nhưng mục đích việc làm mới chỉ thấy rõ là kèn cựa địa vị, vì sĩ diện cá nhân,... Đối chiếu pháp luật thì tài liệu chứng cứ hiện nay chưa đủ để truy tố Trần Ngọc Phái trước pháp luật*". Căn cứ vào kết quả và đề nghị của Công an tỉnh, ngày 29/7/1971, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ra Nghị quyết miễn tố cho Trần Ngọc Phái để chuyển sang cưỡng chế tập trung giáo dục cải tạo. Tháng 9/1973, Trần Ngọc Phái được trả lại tự do về gia đình. Sau này Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái nhận thấy có những xử lí quá mức đối với Trần Ngọc Phái, nên đã giải quyết trả quyền lợi cán bộ viên chức Nhà nước cho Trần Ngọc Phái theo chế độ nghỉ hưu (không được phục hồi Đảng tịch).

Đảng bộ các huyện: Đại Từ, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên thực hiện tốt một số yêu cầu do Nghị quyết số 136-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, bộ máy chính quyền nhân dân các cấp trên địa bàn Thái Nguyên cũng được củng cố. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, dưới sự lãnh đạo của các cấp đảng bộ, khoảng 95% cử tri trên địa bàn Thái Nguyên đi bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp (tỉnh, huyện và xã). Hội đồng nhân dân các cấp đã bầu Ủy ban hành chính các cấp tỉnh, huyện và xã. Cơ cấu Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp huyện, xã ở Thái Nguyên đã thể hiện được chính sách của Đảng về đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và liên minh công nông. Hầu hết các đại biểu Hội đồng nhân dân, ủy viên Ủy ban hành chính các cấp hăng hái, nhiệt tình công tác, lãnh đạo, chỉ đạo quần chúng hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các đoàn thể quần chúng (Thanh niên, Phụ nữ) cũng được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo. Tỉnh Đoàn Thanh niên giáo dục và động viên đoàn viên, thanh niên phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và đảm bảo giao thông thời chiến. Hàng vạn đoàn viên, thanh niên đã viết đơn xung phong tình nguyện *Ba sẵn sàng*, đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần. Các tổ chức đoàn trong tỉnh đã thành lập được 665 đội thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước cơ sở, góp phần to lớn vào việc đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, 3 năm (1965 - 1968), riêng lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tỉnh đã làm được 293.493 tấn phân (có hàng nghìn tấn bèo dâu), chăm sóc hàng nghìn thửa ruộng *Cánh đồng 5 tấn*, đưa năng suất lúa ở

các thửa ruộng *Cánh đồng 5 tấn* tăng từ 14,4% đến 18,2%, mở ra nhiều triển vọng mới trong việc phấn đấu thực hiện 3 mục tiêu (5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động trên 1 hécta gieo trồng). Qua phấn đấu, rèn luyện trong sản xuất, chiến đấu và công tác, 3 năm (7/1965 - 3/1968), toàn tỉnh đã có 2.181 thanh niên được kết nạp vào Đoàn, nâng số đoàn viên trong toàn tỉnh lên 43.333 người, tăng 42,1% so với năm 1965.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, Hội Phụ nữ các cấp tăng cường giáo dục, vận động hội viên phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn, đem hết nhiệt tình cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước. Trong sản xuất nông nghiệp, phụ nữ là lực lượng lao động chủ yếu, mạnh dạn áp dụng các biện pháp kĩ thuật làm phân bón, thả bèo dâu, chăm sóc đồng ruộng, đẩy mạnh chăn nuôi và góp phần đắc lực vào công tác thủy lợi (phụ nữ chiếm 2/3 tổng số ngày công làm thủy lợi của toàn tỉnh). Trong sản xuất công nghiệp, phụ nữ đã dũng cảm vượt qua các khó khăn do địch đánh phá ác liệt, đảm bảo sản xuất liên tục. Tại các nhà máy: Giấy Hoàng Văn Thụ, Điện Cao Ngạn, Mỏ than Khánh Hòa, Công ty Gang thép Thái Nguyên..., dù máy bay Mĩ đánh phá nhiều lần, nữ công nhân vẫn dũng cảm bám nhà máy, xí nghiệp giữ vững sản xuất. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, phụ nữ tích cực tham gia phong trào dân quân, tự vệ. Nhiều chị em dũng cảm băng qua bom đạn địch, tải đạn, cứu thương, cứu hàng hóa, làm và ngụy trang trận địa; trực tiếp tham gia bắt giặc lái máy bay Mĩ, đóng góp tích cực vào việc giữ gìn trật tự, trị an. Hội Phụ nữ tỉnh vinh dự được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*, được *Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam* tặng Cờ thưởng xuất sắc trong phong trào thi đua *Ba đảm đang*.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong 3 năm trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 - 1968) cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Đó là: "*... chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc và quán triệt mối quan hệ khăng khít giữa 3 cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kĩ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa... Chưa thấu suốt đường lối, phương châm xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, thiếu suy nghĩ vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của một tỉnh miền núi, có nhiều_dân tộc, còn biểu hiện nhiều mặt hữu khuynh, bảo thủ, trì trệ; phong trào tiến bộ không đều và chưa toàn diện. Hoạt động của các đoàn thể có lúc chưa xoáy vào nhiệm vụ trung tâm của cấp uỷ đề ra..*"(1).

Nhằm khắc phục những hạn chế, khuyết điểm nêu trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh: Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng làm cho cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc phấn khởi vươn lên, có khí thế cách mạng tiến công liên tục; đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, tích cực đóng góp sức người, sức của cho Tổ quốc và tăng cường đoàn kết dân tộc; phải làm tốt công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh thông qua tự phê bình, phê bình trong nội bộ và đưa đảng viên ra tự phê bình trước quần chúng...

Ngày 12/3/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp bàn kế hoạch triển khai và thông qua Chương trình hành động thực hiện Cuộc động viên chính trị *Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược* theo tinh thần Nghị quyết số 175-NQ/TW ngày 1/3/1968 của Bộ Chính trị. Chương trình hành động nêu rõ nhiệm vụ của Đảng bộ cần tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, khắc phục các hiện tượng vô tổ chức, vô kỉ luật, trì trệ, tự tư tự lợi, cá nhân chủ nghĩa trong một

(1) Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái: *Báo cáo chính trị Tổng kết 3 năm chống Mĩ cứu nước (1965 - 6/1/1968) và phương hướng nhiệm vụ 3 năm tới (1968 - 1970) của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*. Số 33-BC/BT, ngày 1/10/1968, tr. 8, 9.

bộ phận cán bộ, đảng viên. Từ đó, làm cho mọi đảng viên của Đảng bộ thật sự có tinh thần quyết chiến, quyết thắng, có chuyển biến mạnh mẽ bằng hành động cách mạng cụ thể và chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng. Hội nghị quyết định lấy Đảng bộ xã Hà Thượng (*Đảng bộ 4 tốt*) và Đảng bộ xã Phú Thịnh (đảng bộ yếu kém) thuộc Đảng bộ huyện Đại Từ làm thí điểm chỉ đạo triển khai Cuộc động viên chính trị. Các đồng chí: Lê Hoàng (Bí thư Tỉnh ủy), Nguyễn Hữu Uẩn (Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) trực tiếp xuống huyện Đại Từ cùng với đồng chí Phạm Khánh Vân (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đại Từ) chỉ đạo thí điểm tại 2 đảng bộ trên để rút kinh nghiệm lãnh đạo trong toàn Đảng bộ tỉnh.

II- Khắc phục hậu quả chiến tranh, tích cực chi viện chiến trường và trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1968 - 1972)

Bước vào năm 1968, quân và dân ta đã đánh bại một bước quan trọng chiến lược *"chiến tranh cục bộ"* của đế quốc Mĩ ở miền Nam và căn bản đánh bại chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc. Hội nghị lần thứ 14 (1/1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã nhận định: *"Xu thế của tình hình trong cả nước năm 1968 là địch sẽ ngày càng chuyển vào phòng ngự một cách bị động hơn trước... chúng ta đã thắng địch cả về chiến lược lẫn chiến thuật và thế lực của ta phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết"*(1).

Về phía đế quốc Mĩ, do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống Giônxơn phải ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra... Từ đó trở đi, tỉnh Bắc Thái nói chung, địa bàn Thái Nguyên nói riêng có điều kiện hòa bình để khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế.

(1) *Văn kiện Đảng Toàn tập - Tập 29 (1968).* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 40.

Tiếp theo cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 12/3/1968, Hội nghị toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được tổ chức (23 - 27/3/1968) để học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-TW ngày 1/3/1968 của Bộ Chính trị *Về động viên chính trị toàn dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ "Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược".* Hội nghị mở rộng đến Bí thư đảng uỷ, Bí thư chi bộ, thủ trưởng các cơ quan, công trường, xí nghiệp và Bí thư, Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy trên địa bàn tỉnh. Sau Hội nghị toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở rộng, đến ngày 12/4/1968 hầu hết các huyện ủy, thành ủy, các ngành, các đoàn thể xung quanh tỉnh đều tổ chức học tập Nghị quyết số 175-NQ/TW.

Trên cơ sở kết quả chỉ đạo thí điểm tại Đảng bộ 2 xã: Hà Thượng và Phú Thịnh, từ ngày 15 đến ngày 16/4/1968, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng tới các Bí thư huyện ủy, thành ủy đã rút ra 3 kinh nghiệm chủ yếu:

Một là, xây dựng nội dung, mục đích, yêu cầu thực hiện cuộc động viên chính trị phải thiết thực, cụ thể, phù hợp với thực tiễn ở từng huyện, thành phố và cơ sở.

Hai là, cán bộ lãnh đạo phải có quyết tâm cao, phương pháp tốt, thật sự dân chủ, đi sâu sát cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Ba là, phải xây dựng được đội ngũ cán bộ cốt cán vững vàng, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

Sau Hội nghị trên, Nghị quyết số 175-NQ/TW của Bộ Chính trị được triển khai học tập, quán triệt trong Đảng bộ các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên; các ngành: Thương nghiệp, Bưu điện; các đơn vị: Đội 91 Thanh niên xung phong, Công

an vũ trang, với 95% cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng tham gia. Thông qua học tập, cán bộ, đảng viên và quần chúng đã nhận thấy thắng lợi to lớn và toàn diện của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước; củng cố được lòng tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng; nhiều cán bộ, đảng viên ở Đảng bộ các huyện: Đại Từ, Phú Lương tỏ ra hối hận về những khuyết điểm đã mắc phải trước đây, tự giác xin nhận kỉ luật và đề nghị Đảng giao công tác.

Cuộc động viên chính trị *Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược* đã tạo nên khí thế mới trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh nói chung, Thái Nguyên nói riêng.

Trước tình hình sản xuất nông nghiệp vụ mùa năm 1968 gặp khó khăn gay gắt do trận lụt từ ngày 8 đến ngày 15/8/1968 làm úng ngập hơn 6.000 ha; trong đó có 2.949,4 ha lúa ở các huyện, thành phố thuộc địa bàn Thái Nguyên bị hỏng hoàn toàn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy một mặt ra chỉ thị nhắc các huyện, thành phố giúp đỡ nhau để khắc phục hậu quả; một mặt cử các đoàn cán bộ xuống cùng với cấp ủy và chính quyền cơ sở các nơi bị thiệt hại nặng, vận động nhân dân phát huy sáng kiến, giải quyết khó khăn, nhanh chóng khôi phục sản xuất và đời sống.

Huyện ủy Đại Từ lãnh đạo nhân dân cấy tiết kiệm mạ, để dành mạ ủng hộ những nơi bị lụt. Các Huyện ủy: Phú Bình, Phổ Yên lãnh đạo các xã không bị lụt ủng hộ mạ và nhân công cho những nơi bị lụt cấy lại diện tích lúa bị hỏng. Tại huyện Phổ Yên, nhân dân các xã: Thắng Lợi giúp xã Tiên Phong, Tân Hương giúp xã Tân Phú, Phúc Thuận giúp xã Đắc Sơn. Tại huyện Phú Bình, nhân dân các xã: Tân Kim giúp xã Úc Kỳ, Tân Thành giúp xã Quyết Tiến. Thành ủy Thái Nguyên tập trung hầu hết cán bộ các cơ quan Thành ủy, Ủy ban Hành chính thành phố, đồng thời huy động thêm 30 cán bộ, các

ban ngành trực tiếp xuống cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo phục hồi và phát triển sản xuất. Các Huyện ủy: Đồng Hỷ, Định Hoá, Phú Lương lãnh đạo nhân dân nhanh chóng phục hồi sản xuất sau trận lụt, vận động các hợp tác xã để dành mạ giúp đỡ và bán cho các huyện bị lụt nặng. Nhờ đó, đến ngày 5/9/1968, hơn 90% diện tích lúa bị lũ lụt phá hỏng hoàn toàn đã được cấy lại, trên 3.000 ha lúa bị ngập lụt được khắc phục.

Sau lũ lụt, trên địa bàn Thái Nguyên, nạn sâu hại lúa cũng phát sinh khá nghiêm trọng. Diện tích lúa bị sâu phá hoại lên tới 11.711 ha (có 47 ha lúa bị sâu phá hoại nặng phải cày dập, phá bỏ). Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ty Nông nghiệp cấp thuốc trừ sâu và tổ chức các đội chuyên phun thuốc trừ sâu hại lúa. Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo mở hội "hoa đăng" diệt sâu kén lúa, ngày làm cả 4 buổi (sáng, trưa, chiều, tối), ngăn chăn kịp thời nạn sâu cuốn lá và sâu đục thân trên diện tích hàng nghìn hécta. Huyện ủy Võ Nhai lãnh đạo huy động hầu hết cán bộ các cơ quan huyện xuống giúp các xã diệt trừ sâu hại lúa. Các ngành: Nông nghiệp, Công nghiệp, Giao thông vận tải,... có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Kết quả, chỉ trong một thời gian ngắn, nạn sâu bệnh hại lúa về căn bản đã dược dập tắt.

Cùng với kết quả khắc phục thiệt hại do lũ lụt và sâu bệnh gây ra, từ vụ mùa năm 1968, công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của các cấp bộ đảng, chính quyền trong tỉnh có nhiều tiến bộ. Tỉnh ủy và Đảng đoàn chính quyền tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điểm ở huyện Đại Từ, đã rút được nhiều kinh nghiệm tốt để lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn tỉnh. Phong trào thâm canh, tăng vụ và đưa các giống lúa mới vào sản xuất được đẩy mạnh. Kết quả, vụ mùa năm

1968, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh gieo cấy được 14.905 ha giống lúa mới, đạt 31,5% diện tích gieo cấy lúa. So với diện tích gieo cấy lúa, diện tích gieo cấy giống lúa mới của huyện Đại Từ đạt 64%, thành phố Thái Nguyên đạt 50,4%, các huyện: Định Hoá và Phú Lương đều đạt trên 40%. Nhờ đó, mặc dù bị lũ lụt và sâu bệnh phá hoại, nhưng vụ mùa năm 1968 so với vụ mùa năm 1967, năng suất lúa bình quân toàn tỉnh vẫn tăng 1,52%; riêng huyện Phổ Yên tăng 10,6%. sản lượng lúa huyện Võ Nhai tăng 17%.

Phong trào thi đua giành 3 mục tiêu (5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động trên 1 hécta gieo trồng) bước đầu có kết quả. Tại thành phố Thái Nguyên, năng suất lúa bình quân mỗi hécta trên chân ruộng cấy 2 vụ lúa đạt 4,679 tấn thóc, tăng 132 kg thóc/ha so với năm 1967. Các xã: Túc Duyên, Đồng Bẩm, Quang Vinh và 6 hợp tác xã khác năng suất lúa bình quân mỗi hécta đạt từ 5 tấn đến 5,5 tấn thóc. Tại huyện Đại Từ, các xã: Hùng Sơn, Yên Lãng, Tiên Hội, Cù Vân, Hà Thượng, Phục Linh và thị trấn, năng suất lúa mỗi hécta bình quân đều đạt trên 5 tấn thóc.

Nhờ sản xuất phát triển, đời sống được cải thiện, nên nhân dân Thái Nguyên đã nộp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước vượt chỉ tiêu 49 tấn thóc và trên 70 tấn thịt lợn hơi, đồng thời gửi vào quỹ tiết kiệm chống Mĩ cứu nước gần 538.500 đồng. Ngoài ra, nhân dân Thái Nguyên còn tiết kiệm bán thêm cho Nhà nước trên 96 tấn thóc. Đặc biệt, nhân dân các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ đóng góp ủng hộ bộ đội và đồng bào miền Nam hàng chục con lợn, hàng ngàn con gà, vịt và hàng nghìn đồng tiền mặt (riêng Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo nhân dân trong huyện bán cho Nhà nước trên 40 tấn thóc tiết kiệm chống Mĩ cứu nước, 78 con lợn (trọng lượng 3.320 kg), 825 con gà,...

Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Đến tháng 7/1969, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng, củng cố 868 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 72.443 hộ nông dân lao động (bằng 91,1% tổng số hộ nông dân) và 87,8% tổng diện tích đất canh tác vào hợp tác xã. Trong số 72.443 hộ nông dân vào hợp tác xã, có 65.381 hộ tham gia hợp tác xã bậc cao, chiếm 90,25% tổng số hộ xã viên. Toàn tỉnh có 40 hợp tác xã toàn xã với quy mô từ 100 hộ trở lên, đều là những hợp tác xã khá và tiên tiến. Các hợp tác xã Thành Công (xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ), Tân Hương (huyện Phổ Yên), Đại Đồng (thành phố Thái Nguyên), Tân Tiến (xã Tân Dương, huyện Định Hoá) có phương hướng sản xuất rõ ràng, chú ý phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và tổ chức nhiều ngành nghề khác; sản xuất, đời sống và đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước ngày một tăng. Cơ sở vật chất, kĩ thuật của hợp tác xã có thứ tăng từ 3 đến 5 lần so với năm 1964. Kết hợp với phong trào hợp tác hoá, Đảng bộ tỉnh coi trọng lãnh đạo củng cố, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá miền núi; đẩy mạnh khoán sản lượng và thực hiện cuộc vận động đồng bào vùng cao định canh, định cư.

Trong 2 năm (1969 - 1970), do có các chính sách mới của Trung ương về ổn định nghĩa vụ đóng góp lương thực và do thời tiết tương đối thuận lợi hơn so với các năm trước, nên cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở vùng nông thôn phấn khởi sản xuất; năng suất, sản lượng các cây lương thực đều tăng. Năm 1970, tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt cao hơn các năm 1968 và 1969. Riêng các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên, sản lượng lúa đạt 107.762 tấn, tăng 2.866 tấn so với năm 1969 và chiếm 80,33% tổng sản lượng lúa toàn tỉnh. Sản lượng lúa của các huyện:

Định Hoá đạt 13.330 tấn, Đại Từ: 23.693 tấn, Đồng Hỷ: 12.673 tấn, Phú Bình: 21.169 tấn, Phổ Yên: 14.096 tấn, Phú Lương: 12.007 tấn, thành phố Thái Nguyên: 3.858 tấn, Võ Nhai: 6.936 tấn. Năng suất lúa của đa số các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên đều tăng so với các năm trước[1].

Nhằm từng bước đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính, ngày 26/4/1968, Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 45-NQ/BT *Về phát triển chăn nuôi toàn diện*, chỉ rõ: "*Ra sức đẩy mạnh phát triển chăn nuôi toàn diện (trâu, bò, ngựa, dê, lợn, gia cầm, cá,...) mà chủ yếu là đẩy mạnh chăn nuôi của gia đình xã viên; đồng thời từng bước giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức chăn nuôi tập thể, tiến tới hết kế hoạch 3 năm (1968 - 1970) có thể tự túc được đàn lợn giống, đưa bình quân lên 2 con lợn trên 1 hécta gieo trồng cả năm (với trọng lượng mỗi con từ 36 kg trở lên) và hằng năm có thể cung cấp nhiều trâu, bò cày để bổ sung sức kéo cho các tỉnh miền xuôi*". Nghị quyết của Tỉnh ủy nhấn mạnh: Phát triển chăn toàn diện phải chú ý cả 3 khu vực: Chăn nuôi gia đình, chăn nuôi tập thể và chăn nuôi quốc doanh, trong đó chăn nuôi gia đình giữ vai trò chủ yếu.

Thực hiện Nghị quyết số 45 của Tỉnh ủy, các huyện: Định Hoá, Võ Nhai và các xã phía Bắc huyện Phú Lương, Bắc huyện Đại Từ (những nơi có nhiều đồng cỏ, bãi chăn thả), đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò sinh sản, lợn nái, lợn bột; khuyến khích các hộ gia đình nuôi thêm trâu, bò, lợn sinh sản, gia cầm; khôi phục và phát triển đàn ngựa

(1) Cụ thể như sau:

Huyện, thành phố	Năng suất 1970	So với năm 1968	So với năm 1969
Định Hóa	2.153 kg/ha/vụ	tăng 1,22%	tăng 0,32%
Phú Bình	1.810 kg/ha/vụ	tăng 10,9%	tăng 12,49%
Phổ Yên	1.499 kg/ha/vụ	tăng 10,38%	tăng 3,95%
Phú Lương	2.009 kg/ha/vụ	tăng 5,18%	tăng 4,96%
Thành phố	2.385 kg/ha/vụ	tăng 1,49%	tăng 2,1%
Võ Nhai	1.840 kg/ha/vụ	tăng 8,9%	tăng 33,62%

hiện có ở các gia đình; đẩy mạnh phát triển đàn dê ở những vùng thung lũng núi đá, có nhiều loài thảo mộc. Các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên và các xã phía Nam huyện Phú Lương, Nam huyện Đại Từ đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò cày kéo kết hợp với sinh sản; phát triển đàn lợn sinh sản và lợn thịt; khuyến khích các gia đình xã viên chăn nuôi lợn (cả lợn nái); phát triển các loại gia cầm vừa đẻ trứng, vừa sản xuất thịt.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp đảng bộ và chính quyền, năm 1968 so với năm 1967, trong toàn tỉnh, đàn trâu tăng 1,2%, đàn lợn tăng 6,5% (trong đó đàn lợn nái tăng 35,3%, đàn lợn đực giống tăng 61,5%), đàn ngựa tăng 770 con; đàn gia cầm tăng gần 200.000 con. Đến năm 1970, đàn trâu có 129.546 con; đàn bò có 8.879 con và đàn lợn có 189.274 con.

Cùng với nông nghiệp, trong những năm 1968 - 1970, sản xuất lâm nghiệp (chăm sóc, bảo vệ và tu bổ rừng) cũng có những chuyển biến tích cực. Được sự giúp đỡ của Bộ Lâm nghiệp, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc điều tra, kết luận tài nguyên rừng. Đến năm 1970, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo quy hoạch được 63.000 ha rừng, tu bổ 1.303 ha, trồng mới 2.500 ha; huy động 6% lao động vào sản xuất lâm nghiệp. Tuy nhiên, so với tổng diện tích 640.634 ha rừng và đất rừng của toàn tỉnh, diện tích rừng được quy hoạch mới đạt 9,41%, diện tích rừng được tu bổ chỉ đạt 0,20% và diện tích rừng được trồng là 0,39%.

Với khí thế thi đua *Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*, đảng bộ trong các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp lãnh đạo cán bộ, công nhân nâng cao năng suất lao động. Tại Mỏ than Khánh Hòa, năng suất lao động tăng 40%, năng suất các sản phẩm phục vụ nông nghiệp tăng từ 2% đến 18%, giá trị sản lượng tăng 6%. Tại Mỏ

than Phấn Mễ, năng suất khai thác than mỗi ca tăng từ 200 tấn, lên 400 tấn, khối lượng đất, đá bốc dỡ mỗi ca tăng từ 180 m^3 lên 339 m^3, hoàn thành kế hoạch sản xuất cả năm 1968 trước 45 ngày. Cán bộ, công nhân ngành Lâm nghiệp khai thác gỗ tròn vượt kế hoạch 47%, khai thác vầu vượt kế hoạch 6,4%. Đảng bộ Xí nghiệp Cơ khí 3/2 lãnh đạo sản xuất nông cụ đưa năng suất đúc mũi cày mỗi ca từ 155 chiếc lên 450 chiếc...

Trận lụt tháng 8/1968 làm sụt lở khoảng 160.000 m^3 đất, đá, gây khó khăn cho công tác đảm bảo giao thông vận tải hơn cả thời kỳ máy bay Mĩ đánh phá. Riêng đoạn Quốc lộ 3 trên địa bàn tỉnh đã sụt lở tới trên 107.100 m^3. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã lãnh đạo huy động trên 300 cán bộ, đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong và hàng trăm công nhân cầu đường cùng với trên 17.000 dân công tập trung sửa chữa. Đến ngày 31/8/1968, giao thông vận tải đoạn Quốc lộ 3 trên địa bàn tỉnh hoàn toàn thông suốt.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển. Quán triệt Chỉ thị số 114-CT/TW, ngày 6/12/1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về việc tăng cường lãnh đạo công tác văn hóa, văn nghệ ở miền núi trong giai đoạn chống Mĩ cứu nước hiện nay*, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo công tác văn hoá - thông tin. Phong trào văn nghệ nghiệp dư từng bước trở thành phong trào quần chúng từ nông thôn đến các công - nông - lâm trường, xí nghiệp. Đầu năm 1969, Đảng bộ lãnh đạo tổ chức thành công *Hội diễn Văn nghệ 4 năm chống Mĩ cứu nước.* Tham gia Hội diễn có trên 670 diễn viên của tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh, với nhiều tiết mục phong phú, thể hiện nội dung phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống của nhân dân.

Ngoài các đội văn công, chiếu bóng chuyên nghiệp, cuối năm 1969, toàn tỉnh đã có 455 đội văn nghệ nghiệp dư. Đặc biệt, tại các

huyện: Đại Từ, Phổ Yên, Phú Bình, được sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy đảng, 100% số xã xây dựng được đội văn nghệ và khoảng từ 40% đến 50% số hợp tác xã có tổ văn nghệ. Đầu năm 1970, các cấp đảng bộ còn lãnh đạo xây dựng 12 trạm truyền thanh với trên dưới 6.100 loa, 700 km đường dây, 6.000 đài thu thanh bán dẫn. Thành phố Thái Nguyên và các huyện: Phổ Yên, Đại Từ, Phú Bình, Định Hoá đã có hoạt động đèn chiếu...

Ngành Giáo dục không ngừng phát triển toàn diện cả về giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, mẫu giáo và đào tạo giáo viên (sư phạm). Năm học 1968 - 1969, tỉ lệ học sinh phổ thông thi đỗ cấp I đạt 71,3%, cấp II đạt 71%, cấp III đạt 69,9%. Năm học 1969 - 1970, số học sinh phổ thông tăng khoảng 18% so với năm học 1968 - 1969. Toàn tỉnh có 283 trường cấp I, với 2.457 lớp và 80.934 học sinh; 125 trường cấp II, với 648 lớp và 29.254 học sinh; 14 trường cấp III, với 118 lớp và 4.975 học sinh. Hệ thống các lớp mẫu giáo được mở rộng, thu hút 65.647 cháu vào học. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 4 trường thiếu nhi vùng cao, với 536 học sinh (300 nam và 236 nữ) gồm các dân tộc: Dao, Nùng, Sán Chay, Mông, Tày, Sán Dìu. Bình quân trong tỉnh cứ 3,3 người dân có 1 người đi học.

Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, bình quân toàn tỉnh cứ 1.546 người dân có 1 bác sĩ hoặc y sĩ phục vụ khám, chữa bệnh. Toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành dứt điểm 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, hố xí 2 ngăn), góp phần phòng chống bệnh tật, nâng cao sức khỏe nhân dân, phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống. Tỉ lệ tử vong do bệnh tật từ 0,54% (năm 1964), giảm xuống còn 0,33% (năm 1969).

Phát huy kết quả bước đầu của cuộc động viên chính trị *Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động

cuộc vận động *Toàn dân bàn việc đánh Mĩ* với các nội dung chủ yếu, thiết thực nhằm đẩy mạnh sản xuất, chấp hành chính sách hậu phương quân đội và động viên chi viện chiến trường.

Sau cuộc Tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam tiếp tục kéo dài đến ngày 23/9/1968. Tuy giành được một số kết quả, nhưng lực lượng của ta cũng bị tổn thất, mất đất, mất dân. Trước tình hình đó, công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường trở nên hết sức cấp bách. Đầu năm 1968, tại Hội nghị giao chỉ tiêu động viên tuyển quân cho các tỉnh, thành phố trên miền Bắc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ thị: Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định.

Năm 1968, tỉnh Bắc Thái được Trung ương giao chỉ tiêu tuyển quân bằng 91% chỉ tiêu tuyển quân cả 3 năm 1965, 1966, 1967 cộng lại. Thực hiện chỉ tiêu tuyển quân Trung ương giao, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân cho các huyện, thành phố, cơ quan, xí nghiệp, trường học trên địa bàn.

Công tác lãnh đạo việc tuyển quân năm 1968 của Đảng bộ tỉnh nói chung, các đảng bộ huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên nói riêng có nhiều khó khăn hơn so với những năm trước. Thứ nhất, chỉ tiêu tuyển quân rất cao. Thứ hai, qua nhiều đợt tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị của tỉnh và các huyện đã cạn dần. Thứ ba, tiêu chuẩn tuyển quân có những đòi hỏi cao hơn (hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những người hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn). Mặt khác, do chiến tranh ác liệt kéo dài, trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên đã xuất hiện tư tưởng ngại

hi sinh, gian khổ, không muốn đi bộ đội. Hiện tượng một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu cho con, em đi bộ đội, gây suy bì trong nhân dân cũng là những khó khăn của các cấp bộ đảng, chính quyền đối với nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1968.

Quán triệt sâu sắc chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, ngày 14/3/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông tri số 195-TTr/BT *Về việc lãnh đạo đợt động viên tuyển quân mùa xuân năm 1968*, chỉ rõ: Đợt tuyển quân này tiến hành rất khẩn trương, số lượng rất lớn và tiến hành giữa lúc tỉnh đang có nhiều công tác lớn. Các huyện ủy, thành ủy cần rút kinh nghiệm các đợt tuyển quân vừa qua, chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo các vùng tuyển quân yếu, xa xôi hẻo lánh, dân tộc ít người. Việc chuẩn bị vật chất, giấy tờ, khám sức khoẻ, tuyên truyền giáo dục,... phải tiến hành càng nhanh càng tốt.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, Ban Chỉ huy Tỉnh đội phải có nội dung, kế hoạch động viên, giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới cho nhân dân và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên; Ty Văn hoá - Thông tin, Báo Bắc Thái và Đài Phát thanh tỉnh phải có các hình thức, nội dung tuyên truyền phong phú, động viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ; các ngành: Y tế, Công an, Lương thực, Thực phẩm, Thương nghiệp phải làm tốt công tác khám tuyển, xét duyệt và đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tuyển quân; các cấp, các ngành trong tỉnh phải thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, công tác thương binh, gia đình liệt sĩ và làm tốt việc tiễn đưa thanh niên lên đường đánh Mĩ.

Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh, do các đồng chí: Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Chủ tịch, Nguyễn Hồng An (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội

trưởng) làm Phó Chủ tịch đã họp, thảo luận các biện pháp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân 3 năm (1965 - 1967) và quán triệt nhiệm vụ tuyển quân năm 1968 cho các đồng chí Bí thư huyện ủy, thành ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính, Chỉ huy quân sự các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh. Ban Chỉ huy Tỉnh đội tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, quán triệt kĩ tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục tuyển quân năm 1968 cho cán bộ chỉ huy các huyện đội, thành đội.

Trong đợt 1 động viên tuyển quân mùa xuân năm 1968, các huyện: Phổ Yên, Đại Từ, Phú Lương được giao nhiệm vụ tuyển 900 thanh niên vào bộ đội. Lúc đầu, do chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác động viên, tuyển quân; chưa thấy được công tác tuyển quân lúc này là *Công tác trọng tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên*, nên Huyện ủy, Ủy ban Hành chính các huyện: Phú Lương, Phổ Yên thiếu lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Tại huyện Phú Lương, sau 1 tháng triển khai tuyển quân đợt I, toàn huyện mới chỉ khám tuyển, xét duyệt được 32% chỉ tiêu quân số được giao. Tại huyện Phổ Yên, trước thời gian giao quân 15 ngày, toàn huyện mới hoàn thành khám tuyển và xét duyệt được 66% chỉ tiêu. Trước tình hình đó, các đồng chí Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh trực tiếp xuống 2 huyện: Phú Lương và Phổ Yên đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo công tác tuyển quân.

Huyện ủy Phổ Yên giao cho Ban Tuyên giáo Huyện ủy cử cán bộ trực tiếp làm công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác tuyển quân. Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên huyện chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đoàn đẩy mạnh phong trào *Thanh niên Ba sẵn sàng*, vận động thanh

niên đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Hội Phụ nữ huyện chỉ đạo các cơ sở Hội đẩy mạnh phong trào *Ba đảm đang*, vận động hội viên động viên chồng, con lên đường đánh giặc. Các ngành: Kiểm sát, Toà án đẩy mạnh giáo dục, tuyên tuyền pháp luật và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, nhất là cho thanh niên. Phòng Y tế huyện cử cán bộ trực tiếp xuống các xã, cụm xã để khám tuyển. Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Ủy ban Hành chính huyện tổ chức họp 3 lần với các đồng chí Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã và lãnh đạo các ban, ngành của huyện để bàn biện pháp thực hiện chỉ tiêu tuyển quân. Ủy ban Hành chính huyện trực tiếp gặp gỡ, động viên, giáo dục truyền thống quê hương và tặng quà cho những người lên đường nhập ngũ.

Huyện ủy Phú Lương cử 24 đồng chí Huyện ủy viên trực tiếp xuống các xã kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo tuyển quân. Các đồng chí Huyện ủy viên xuống lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân ở các xã đem theo *Lệnh gọi nhập ngũ* của Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện (đã kí và đóng dấu sẵn), khám tuyển, xét duyệt được trường hợp nào thì phát lệnh gọi nhập ngũ ngay. Đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp đối chiếu, kiểm tra danh sách đảng viên, giao nhiệm vụ cho các đảng bộ, chi bộ xã, cơ quan, đơn vị cử đảng viên đi đánh Mĩ. Trước khi giao quân, các đồng chí Chủ tịch huyện và lãnh đạo Hội Phụ nữ huyện trực tiếp nói chuyện, thăm hỏi, động viên anh em phấn khởi lên đường đánh giặc.

Tại huyện Đại Từ, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyển quân chặt chẽ ngay từ đầu (ở tất cả các khâu từ lập danh sách, tổ chức khám tuyển và xét duyệt nghĩa vụ quân sự), nên chỉ sau 8 ngày triển khai, toàn huyện đã hoàn thành 100% chỉ tiêu đợt động viên tuyển binh mùa xuân năm 1968.

Nhờ có quyết tâm cao, với nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của các cấp đảng bộ, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở 3 huyện: Phú Lương, Phổ Yên, Đại Từ, nên kết quả đợt động viên tuyển binh mùa xuân năm 1968, Thái Nguyên đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu quân số trên giao (trong đó, các huyện: Phổ Yên vượt 2,33%, Phú Lương vượt 0,73%). Về chất lượng, chỉ tiêu đảng viên vượt 2,2%, chỉ tiêu độ tuổi đạt 100% (có 57,1% từ 18 tuổi đến 25 tuổi), chỉ tiêu đoàn viên đạt 57,1% (thấp hơn quy định 2,9%).

Phát huy kết quả lãnh đạo đợt động viên tuyển quân mùa xuân năm 1968, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo hoàn thành đợt 2 tuyển quân của năm 1968, động viên được 1.046 người vào bộ đội đánh Mĩ.

Ngày 20/5/1968, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Bắc Thái tuyển quân đợt thứ 3 năm 1968, với chỉ tiêu lớn gấp 1,5 lần chỉ tiêu tuyển quân cả năm 1967. Thực hiện nhiệm vụ tuyển quân đợt 3, tháng 6/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở Hội nghị sơ kết công tác tuyển quân 6 tháng đầu năm, quán triệt nhiệm vụ công tác tuyển quân đợt 3. Sau Hội nghị, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn và chỉ đạo tổ chức giáo dục, tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên tài liệu *Vinh dự và trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp chống Mĩ cứu nước*.

Tại Đảng bộ huyện Phú Bình, Huyện ủy hoãn họp 2 ngày, tập trung cán bộ xuống cơ sở tuyên truyền, vận động tuyển quân. Đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Huyện ủy phân công nhau trực tiếp xuống một số xã nắm tình hình, chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở tuyển quân.

Tại Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, Huyện ủy cũng hoãn họp 2 ngày để tập trung cán bộ xuống các xã Hữu ngạn sông Cầu làm công tác động viên tuyển quân. Đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp xuống một số xã nắm tình hình, lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy và chính quyền

cơ sở vận động thanh niên nhập ngũ. Phòng Y tế huyện đưa cán bộ và phương tiện về tận các xã: Khe Mo, Đoàn Kết làm công tác khám tuyển. Các cụ phụ lão xã Phúc Trìu làm tặng mỗi người lên đường nhập ngũ một chiếc gậy *Vượt Trường Sơn đánh Mĩ*. Xã Khe Mo (nơi có nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống, các đợt tuyển quân trước đây có ít người nhập ngũ), sau khi khám tuyển, xét duyệt nhập ngũ đợt 3 xong, các đồng chí trong Hội đồng Nghĩa vụ quân sự xã đã phân công nhau trực tiếp xuống từng gia đình có người nhập ngũ để động viên, giúp đỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho anh em phấn khởi lên đường.

Tại Đảng bộ huyện Đại Từ, Huyện ủy lãnh đạo làm tặng mỗi người lên đường nhập ngũ một chiếc lược chải đầu bằng xác chiếc máy bay RF4H của giặc Mĩ bị Trung đội trực chiến phòng không của dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) bắn rơi ngày 1/8/1966, mang dòng chữ *Con em Đại Từ ra đi là chiến thắng*.

Ngành Thương binh - Xã hội tỉnh phát động phong trào thi đua *Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội*, đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền cho nhân dân nhận thức sâu sắc "*anh em thương binh, gia đình liệt sĩ, anh em bộ đội đang trực tiếp chiến đấu ở chiến trường là những người có công với nước, với dân, không thể để gia đình và bản thân anh em gặp khó khăn mà không được giúp đỡ*". Hưởng ứng phong trào *Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội*, Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện: Phổ Yên, Phú Bình lãnh đạo điều hoà lương thực cho 245 gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường có nhiều khó khăn, mỗi gia đình từ 5 kg đến 10 kg gạo. Cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố ở Thái Nguyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp công ăn, việc làm, đảm bảo ổn định đời sống cho vợ, con thương binh, liệt sĩ, bộ đội,...

Nhờ các cấp đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục, động viên, tuyên truyền kết hợp với toàn dân làm tốt công tác hậu phương quân đội, nên trong chiến tranh ác liệt kéo dài, nguồn dự bị động viên tuyển quân hạn chế, chỉ tiêu tuyển quân lớn, thời gian chuẩn bị ngắn, lại diễn ra đúng vào dịp chuẩn bị bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp khu và tỉnh, các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tuyển quân đợt 3 năm 1968. Thành phố Thái Nguyên vượt 16,1%, các huyện: Phú Bình vượt 1,37%, Võ Nhai vượt 1,28%, Đại Từ vượt 0,72%, Đồng Hỷ vượt 0,59%, Định Hoá vượt 0,47%; các ty: Lâm nghiệp vượt 5,38%, Bưu điện vượt 3,14%, Thủy lợi vượt 1,1%. Thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Bình được nhận Bằng khen và Giấy khen của Thủ tướng Chính phủ; huyện Đại Từ được nhận Bằng khen và 2 huyện: Đồng Hỷ, Phổ Yên được nhận Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc; các huyện: Định Hoá, Võ Nhai và các ty: Lâm nghiệp, Bưu điện, Thủy lợi được nhận Bằng khen và Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh.

Đợt tuyển quân thứ 4 năm 1968, các cấp đảng bộ trên địa bàn Thái Nguyên tiếp tục lãnh đạo hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 9,3%. Năm 1969, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo tuyển được 1.615 người vào bộ đội; trong đó, Đảng bộ huyện Phổ Yên lãnh đạo tuyển vượt chỉ tiêu 11,37%, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo tuyển vượt 5%; Đảng bộ các huyện: Đồng Hỷ và Đại Từ lãnh đạo tuyển đạt 100%. Trong 2 năm (1968 - 1969), Đảng bộ tỉnh còn lãnh đạo Ban Chỉ huy Tỉnh đội tuyển quân, xây dựng, huấn luyện 2 tiểu đoàn bộ binh chiến đấu 68B và 68C kịp thời đưa vào chiến trường miền Nam.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tiếp tục được các cấp đảng bộ và chính quyền trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 1969, tỉ lệ dân quân, tự

vệ so với dân số ở thành phố Thái Nguyên và các huyện: Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ đạt 13%, Đại Từ đạt 11,3%. Các cấp đảng bộ trong tỉnh còn lãnh đạo lực lượng vũ trang địa phương làm tốt công tác phòng, chống lụt, bão, đào phá bom nổ chậm, giải phóng mặt bằng sản xuất và đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho nhân dân. Năm 1969, các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ đã bỏ ra 3.526 ngày công, đào 22 quả bom phá (phá nổ 6 quả, tháo lấy thuốc nổ 16 quả), 8 quả bom bi mẹ. Trong đợt đào phá bom nổ chậm tháng 3/1969, lực lượng công binh của dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên đã được Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh tặng Bằng khen.

Song song với công tác động viên tuyển quân, Đảng bộ rất quan tâm lãnh đạo thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Vào thời điểm đầu năm 1969, toàn tỉnh có 8.236 hộ gia đình có người là bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường B (miền Nam), C (Lào) với 28.166 thân nhân là bố, mẹ, vợ, con hưởng chính sách. Đảng bộ Tỉnh đội lãnh đạo cơ quan chính sách phối hợp với các ban, ngành chức năng tổ chức kiểm tra chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh. Kết quả kiểm tra đã phát hiện tỉ lệ sai sót trong việc chi trả trợ cấp tiền tuất lên tới 6,8%, tổn thất kinh phí 18,2%, 32 con liệt sĩ mồ côi chưa được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng, 41 gia đình liệt sĩ chưa được cấp tiền tuất lần đầu.

Để kịp thời khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trên, Tỉnh ủy ra nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác hậu phương quân đội. Nghị quyết chỉ rõ phải nêu cao tinh thần trách nhiệm chính trị trước Đảng và quần chúng, tích cực thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân dội, chủ yếu là chính sách thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường B, C.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, đảng bộ, chính quyền các cấp trong tỉnh coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác hậu phương quân đội. Cuối năm 1969, trong toàn tỉnh, các gia đình bộ đội đã được tặng thưởng 20 *Huân chương Kháng chiến*, 548 *Bảng vàng danh dự*, 20.877 *Bảng Gia đình vẻ vang*. Các huyện, thành phố cấp tiền trợ cấp khó khăn đột xuất cho 20 gia đình bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường B, C, mỗi gia đình từ 30 đồng đến 120 đồng; giải quyết trợ cấp mất sức lao động cho 224 là bố, mẹ, trợ cấp thường xuyên cho gần 8.000 cháu là con bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường miền Nam và Lào.

Đầu năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở tiếp cuộc vận động *Chấp hành chính sách hậu phương quân đội*. Đây là cuộc vận động hợp lòng dân, được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, nên đã có tác động rất tích cực đối với công tác động viên, tuyển quân, góp phần làm cho hậu phương Thái Nguyên ổn định, vững mạnh, tạo chỗ dựa vững chắc cho hàng chục nghìn cán bộ, chiến sĩ bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường xa, là nguồn cổ vũ động viên lớp lớp thanh niên Thái Nguyên tiếp tục lên đường đánh Mĩ.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được Đảng bộ tỉnh coi trọng. Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, các cấp đảng bộ vận dụng nhiều hình thức phong phú, lấy cổ vũ động viên là chính, phù hợp với chủ trương của Đảng. Các cấp ủy đảng mạnh dạn đưa đảng viên ra tự phê bình trước quần chúng; đẩy mạnh đấu tranh, phê phán những tư tưởng và hành động trái với đường lối, chính sách của Đảng. Cuộc vận động xây dựng *Đảng bộ 4 tốt*, *Chi bộ 4 tốt* được triển khai sâu rộng và gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị,...

Kết quả bình xét, phân loại tổ chức đảng và đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh 6 tháng đầu năm 1969 cho thấy: Tỉ lệ *Đảng bộ 4 tốt*, *Chi bộ 4 tốt* đạt 29,8% (riêng nông thôn đạt 27,3%); tỉ lệ đảng bộ, chi bộ kém chiếm 5,3% (riêng nông thôn 7%); tỉ lệ *Đảng viên 4 tốt* đạt 48,5% (riêng nông thôn đạt 36,5%); tỉ lệ đảng viên kém chiếm chiếm 3,2% (riêng nông thôn là 4,3%). Từ năm 1965 đến năm 1969, các cấp đảng bộ trong tỉnh giáo dục, bồi dưỡng, kết nạp được 12.002 quần chúng vào Đảng, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh lên 30.769 đồng chí.

Cuộc vận động xây dựng *Huyện ủy 4 tốt*, kiện toàn và tăng cường sự lãnh đạo của đảng bộ các huyện, thành phố có những chuyển biến mới. Công tác kiểm tra giữ gìn kỉ luật và công tác bảo vệ Đảng được lãnh đạo chặt chẽ, thu nhiều kết quả tốt. Hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp tập trung vào những vấn đề chủ yếu (đoàn kết nội bộ, chấp hành chính sách, dân chủ trong Đảng và phẩm chất đạo đức cách mạng), góp phần đưa một số tổ chức cơ sở đảng từ yếu, kém lên khá. Trong 5 năm (1965 - 1969), Đảng bộ tỉnh đã thi hành kỉ luật 1.267 đảng viên, bằng 4,11% tổng số đảng viên toàn Đảng bộ. Trong số đảng viên bị thi hành kỉ luật, có 384 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng, 83 đảng viên bị xoá tên vì không đủ tiêu chuẩn, 270 đảng viên bị kỉ luật lưu Đảng.

Giữa lúc sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta ở cả 2 miền Nam, Bắc đang thu được những thắng lợi to lớn, vào hồi 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của dân tộc ta, đã từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng lớn lao, là nỗi đau thương vô hạn đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên đặc biệt, ban hành nghị quyết về tổ chức Lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tỉnh và

các huyện, thành phố, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh.

Tối 6/9/1969, tại thành phố Thái Nguyên, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh cử hành trọng thể Lễ Truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lời điếu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh - do đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh đọc tại Lễ Truy điệu, đã nói lên lòng tiếc thương vô hạn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kêu gọi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh siết chặt đội ngũ, muôn người như một, nắm chắc tay súng, tay búa, tay cày, tay bút, biến đau thương thành nhiều khu đồng 5 tấn, nhiều *Tổ - Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*, nhiều đơn vị *Quyết thắng*,... Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phát động trong toàn Đảng, toàn dân đợt sinh hoạt chính trị *Học tập và làm theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Trong suốt nửa đầu tháng 9/1969, khắp các làng xã, cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học... trên địa bàn tỉnh đều tổ chức các hoạt động tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh, bày tỏ niềm thương tiếc và lòng biết ơn vô hạn đối với Người.

Ngày 15/9/1969, Tỉnh ủy ban hành Thông tri số 274-TTr/BT, hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện Chỉ thị số 172-CT/TW ngày 4/9/1969 của Bộ Chính trị *Về việc tổ chức Lễ quốc tang Hồ Chủ tịch*. Trong 2 ngày (15 - 16/9/1969), Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo toàn tỉnh (gồm thủ trưởng hoặc Bí thư các ban, ngành, đoàn thể, đảng đoàn, đảng ủy, chi bộ trực thuộc, Bí thư hoặc Phó Bí thư và Trưởng ban tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy) học tập 4 văn kiện: *Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, *Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* và *Lời Kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng*;

giải đáp các thắc mắc, lo lắng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, bàn các biện pháp tiến hành cụ thể ở cơ sở theo tinh thần Thông tri số 274-TTr/BT của Tỉnh ủy.

Ngày 15/10/1969, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông tri số 278-TTr/BT, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 173-CT/TW ngày 29/9/1969 của Bộ Chính trị *Về đợt sinh hoạt chính trị* "*Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch*". Thông tri nêu rõ: Các cấp ủy đảng cần "*... nghiên cứu thảo luận kĩ Di chúc của Hồ Chủ tịch và tìm rõ nguyên nhân gì làm cho phong trào của địa phương, cơ quan hay đơn vị mình trì trệ, trên cơ sở đó mà đề ra hướng khắc phục cụ thể. Đặc biệt, nơi nào nội bộ cấp uỷ có vấn đề thiếu đoàn kết nhất trí, thì trước tiên cấp uỷ nơi đó phải tiến hành phê bình...; có như thế mới thiết thực và mới có cơ sở bàn các biện pháp tích cực để chỉ đạo phong trào ở nơi đó tiến lên*"(1).

Thực hiện Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng trong tỉnh đã tổ chức học tập, thảo luận 4 văn kiện; liên hệ kiểm điểm tìm nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Tại huyện Đại Từ, 75% số đảng viên tham gia học tập 4 văn kiện, kiểm điểm; tự phê bình trước quần chúng, kết hợp với học tập *Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp*. Các Huyện ủy: Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình sau khi kiểm điểm xong, đã kiểm điểm trước Bí thư đảng ủy các xã.

Tại các cơ quan, xí nghiệp..., cấp ủy đảng lãnh đạo tổng kết thi đua 4 năm chống Mĩ cứu nước, kiểm điểm phẩm chất đạo đức cách mạng theo tinh thần Chỉ thị số 89 và Nghị quyết số 189 của Hội đồng Chính phủ. Sau học tập, phong trào có nhiều chuyển biến tích cực, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng cao

(1) *Thông tri Hướng dẫn thêm việc chuyển bước 2 của đợt sinh hoạt chính trị nội bộ, học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch.* Số 278-TT/BT, ngày 15/10/1969, tr. 1.

một bước, ý thức Đảng, sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ được củng cố, việc chấp hành chính sách của cán bộ, đảng viên nghiêm túc hơn. Đảng bộ Mỏ than Phấn Mễ lãnh đạo mở đợt thi đua 7 ngày, kết quả làm bằng 20 ngày trước đây. Đảng bộ Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ lãnh đạo đơn vị hoàn thành kế hoạch cả năm 1969 trước thời hạn 42 ngày,...

Bước sang năm 1970 - năm có nhiều ngày lễ lớn của đất nước, các cấp bộ đảng trong tỉnh tiếp tục đẩy mạnh đợt sinh hoạt chính trị *Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Đối với tỉnh Bắc Thái, trong 5 năm kể từ sau ngày thành lập, Đảng bộ "*đã chuyển hướng kịp thời toàn bộ nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến, cũng như chuyển hướng mọi hoạt động kinh tế phù hợp với tình hình mới sau khi địch ngừng đánh phá, tiến hành sản xuất, chiến đấu thu nhiều thành tích to lớn*"(1).

Công tác tổ chức sơ tán phòng không và tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu được thực hiện tốt. Công tác tuyển quân hằng năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 1% đến 6,7%; trên 2 vạn gia đình có người thân đi bộ đội đánh Mĩ, trong đó hàng trăm gia đình có từ 2 đến 3 người đi chiến đấu ở các chiến trường. Lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng và củng cố. Lực lượng dân quân trực chiến ở 6 xã ngoại thành thành phố Thái Nguyên và các xã: Cao Ngạn, Tích Lương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên) Thuận Thành (huyện Phổ Yên) đã sử dụng thành thạo các loại pháo cao xạ từ 37 mm đến 100 mm. Công tác giao thông vận tải thời chiến luôn đảm bảo thông suốt trong mọi tình huống. Giao thông nông thôn phát triển mạnh. Đầu năm 1970, toàn tỉnh đã có 1 vạn kilômét đường giao thông nông thôn, tăng gấp 23,5 lần so với

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bắc Thái trước Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất*. Số 05-BC/BT, ngày 19/5/1970, tr. 2.

năm 1964 (có 5.500 km đường rộng từ 2,5 m trở lên). So với năm 1964, các phương tiện giao thông nông thôn tăng gấp 4,3 lần. Trong 2 năm liền (1968, 1969), Bắc Thái được Trung ương công nhận là đơn vị dẫn đầu về làm đường giao thông ở các tỉnh miền núi toàn miền Bắc. Hệ thống thông tin liên lạc, điện tín phát triển mạnh. Trật tự, an ninh trên địa bàn căn bản được giữ vững. Cuộc vận động xây dựng *xã, khu phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh* sau khi hoàn thành ở 25 xã, tiếp tục được triển khai rộng rãi.

Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong 5 năm (7/1965 - 5/1970) vẫn còn nhiều hạn chế. Sản xuất nông nghiệp không đáp ứng được yêu cầu; năng suất, sản lượng lúa bị giảm sút nghiêm trọng, mỗi năm tỉnh phải xin Trung ương thêm từ 5.000 đến 6.000 tấn lương thực(1). Trong 2 năm (1968 - 1969), tỉnh không hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Lãnh đạo quản lí nền kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể còn kém. Rừng ngày càng bị tàn phá nghiêm trọng. Công tác xây dựng Đảng chưa gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương một cách thường xuyên...

Trong hoàn cảnh ấy, từ ngày 21/5 đến ngày 3/6/1970, tại thành phố Thái Nguyên, Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ nhất, với sự tham gia của 267 đại biểu trên tổng số 295 đại biểu chính thức được triệu tập, thay mặt cho 30.769 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đến dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Lê Văn Lương - Bí thư Trung ương Đảng và các đồng chí: Chu Văn Tấn - Bí thư, Hoàng Bắc Dũng - Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc. Trên cơ sở đánh giá những thành tích và hạn chế trong công tác lãnh đạo 5 năm (1965 - 1970), Đại hội thông qua Nghị quyết về phương

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bắc Thái trước Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất*... Tlđd, tr. 23.

hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc từ năm 1970 đến năm 1973 là: "*... tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, tận dụng và phát huy tốt những khả năng, thuận lợi sẵn có, khắc phục mọi khó khăn, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, hăng hái tham gia phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm để phát triển kinh tế toàn diện, nhằm đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội..*"[(1)].

Nhiệm vụ cấp thiết trước mắt trong 4 năm (1970 - 1973) của tỉnh là ra sức phát triển lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng, nhất là các loại cây lương thực (lúa, ngô, khoai sắn); tích cực phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn, cây công nghiệp, bảo vệ, tu bổ, trồng và khai thác rừng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I, gồm 23 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 7 ủy viên. Các đồng chí: Lê Hoàng được bầu giữ chức Bí thư, Nguyễn Việt Vinh và Doanh Hằng (Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ. Cùng với việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, ngày 1/9/1970, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01-NQ/BT triển khai thực hiện 3 cuộc vận động lớn do Trung ương phát động: Một là, cuộc vận động *Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên* "*Lớp Hồ Chí Minh*"; hai là, cuộc vận động *Lao động sản xuất*; ba là, cuộc vận động *Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn*.

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bắc Thái trước Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất*... Tlđd, tr. 28.

Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, nhất là qua 3 cuộc vận động, vai trò lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ; tính tiền phong, gương mẫu, ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần làm chủ và tác phong công tác của đội ngũ đảng viên có nhiều chuyển biến tiến bộ. Chất lượng lãnh đạo các mặt công tác của Đảng bộ được nâng lên. Nhờ đó, kết quả các mặt công tác trong những năm 1970 - 1973 cao hơn so với những năm trước.

Năm 1970, giá trị tổng sản lượng nông, lâm nghiệp toàn tỉnh tăng 0,5% so với kế hoạch và tăng 3,1% so với năm 1969. Tổng sản lượng lương thực đạt 161.582 tấn, tăng 2.075 tấn so với năm 1969 (riêng sản lượng lúa đạt 134.144 tấn). Chăn nuôi tiếp tục phát triển: Đàn trâu có 129.564 con (tăng 5% so với năm 1969), đàn bò có 8.779 con (tăng 4,3%), đàn lợn có 189.274 con (tăng 1,7%).

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương (bao gồm cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp) tăng 3,5% so với kế hoạch và tăng 19,4% so với năm 1969 (riêng quốc doanh tăng 3,6% so với kế hoạch và tăng 15,7% so với năm 1969; tiểu thủ công nghiệp tăng 5,3% so với kế hoạch và tăng 28,9% so với năm 1969). Đặc biệt, giá trị sản lượng hàng tiêu dùng tăng 13,7% so với kế hoạch và tăng 29,9% so với năm 1969. Các cơ sở đảng Nhà máy Mì sợi Bắc Thái lãnh đạo sản xuất thêm ca, nâng sản lượng từ 3.155 tấn năm 1969, lên 4.888 tấn năm 1970; Nhà máy Giấy 62 sản xuất đạt sản lượng giấy 180 tấn, tăng 33,3% so với vượt kế hoạch và về trước thời gian 45 ngày; các cơ sở đảng: Xí nghiệp Dược phẩm, Gốm, Sứ, Phân bón, Khai thác gỗ, tre, vầu, nứa..., lãnh đạo sản xuất đều đạt kế hoạch và tăng so với năm 1969 từ 1,3% đến 72%...

Đầu năm 1971, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo tuyên truyền, giáo dục nhân dân chuẩn bị tham gia bầu cử Quốc hội khoá IV và bầu cử

Hội đồng nhân dân 4 cấp: Khu, tỉnh, huyện và xã. Ngày 11/4/1971, trên 97,6% cử tri tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc. Tiếp theo, ngày 25/4/1971, trên 96,8% cử tri tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp: Tỉnh, huyện (thành phố), xã (thị trấn). Tuy nhiên, trong bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc, toàn tỉnh vẫn còn 439 phiếu trắng. Trong ngày bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, toàn tỉnh có tới 2.437 phiếu không hợp lệ và 177 phiếu trắng.

Ngày 30/5/1971, Hội đồng nhân dân tỉnh (gồm 105 đại biểu) họp kì thứ nhất kiểm điểm công tác 6 tháng đầu năm, bàn công tác 6 tháng cuối năm 1971 và bầu Ủy ban Hành chính tỉnh, gồm 15 ủy viên (5 ủy viên thường trực và 10 ủy viên phụ trách các ngành).

Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 1971, các cấp đảng bộ kết nạp được 678 đảng viên; riêng các đảng bộ huyện, thành phố kết nạp 324 đồng chí. Trong số 678 đảng viên mới kết nạp, có 31,2% là người dân tộc thiểu số; 41% là nữ (tăng 10% so với các đợt trước), 88% là đoàn viên thanh niên, 36% là công nhân trực tiếp sản xuất và 25% là xã viên hợp tác xã nông nghiệp.

Thực hiện Thông tri số 265-TT/TW ngày 10/4/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về việc tăng cường chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đợt 19 tháng 5 năm 1971, kịp thời uốn nắn những thiếu sót*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra thí điểm việc kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh ở* 2 đảng bộ huyện: Định Hoá và Phổ Yên. Số đảng viên được kiểm tra là 28 đồng chí của 14 chi bộ thuộc 7 đảng bộ cơ sở. Trong đó, Đảng bộ huyện Định Hoá kiểm tra 7 chi bộ, thuộc 4 Đảng bộ xã: Trung Hội, Bảo Cường, Đồng Thịnh, Phúc Chu; Đảng bộ huyện Phổ Yên kiểm tra 7 chi bộ

thuộc 3 Đảng bộ xã: Tân Phú, Thuận Thành, Hợp Thành - nay là Vạn Phái. Tỉ lệ đảng viên được kiểm tra so với tổng số được kết nạp trong 3 đợt (19/5/1970, 2/9/1970 và 3/2/1971) của 2 huyện là 36,36% (Định Hoá: 38,2%, Phổ Yên 36,6%). Căn cứ vào 5 tiêu chuẩn quy định của Trung ương, vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương và phân tích cụ thể từng trường hợp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận: Trong số 28 đảng viên được kết nạp *Lớp Hồ Chí Minh*, có 23 đảng viên đủ tiêu chuẩn (Đảng bộ huyện Định Hoá 15 đảng viên, Đảng bộ huyện Phổ Yên 8 đảng viên) và 5 đảng viên không đủ tiêu chuẩn (Đảng bộ huyện Định Hoá 2 đảng viên, Đảng bộ huyện Phổ Yên 3 đảng viên).

Từ kết quả thí điểm kiểm tra ở 2 đảng bộ huyện nói trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời có chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhằm đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, nhất là kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh*.

Việc tăng cường lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên là một trong những nguyên nhân quan trọng, có tính quyết định dẫn đến kết quả các mặt công tác tốt hơn. Vụ đông - xuân 1971 - 1972, trước tình hình hạn hán diễn ra rất gay gắt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo thành lập những đoàn cán bộ tỉnh, do các đồng chí Tỉnh ủy viên hoặc lãnh đạo các ban, ngành của tỉnh phụ trách, trực tiếp xuống kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố chống hạn, gieo cấy lúa. Nhờ vậy, tổng diện tích gieo cấy lúa chiêm xuân vẫn đạt 19.450 ha; trong đó, diện tích gieo cấy lúa xuân đạt 9.868 ha, tăng 40% so với vụ đông - xuân 1970 - 1971. Đảng bộ các huyện: Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đều lãnh đạo gieo cấy lúa chiêm xuân tăng từ 158 ha đến 977 ha so với vụ đông - xuân 1970 - 1971.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong 6 tháng đầu năm 1971, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở các huyện: Võ Nhai, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ giảm sút nghiêm trọng; số hợp tác xã bị vỡ hoặc xin chia nhỏ, số hộ xin ra làm ăn cá thể ngày càng nhiều[1]. Số hợp tác xã tiên tiến không những không tăng, mà còn giảm sút .

Trước tình hình đó, ngày 4/3/1972, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 15-NQ/BT xác định nhiệm vụ củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp là nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đảng bộ. Cùng thời điểm này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông tư số 75-TT/BT *Về việc tăng cường chỉ đạo các hợp tác xã giải quyết tốt chính sách đối với những hộ xã viên ra hợp tác xã, quản lí tốt tài sản và tư liệu sản xuất trong những hợp tác xã tạm thời bị tan vỡ và chia nhỏ*.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp làm việc với Huyện ủy Võ Nhai, chỉ đạo Huyện ủy tổng kết đợt thí điểm ở xã Hoà Bình để rút kinh nghiệm, quy rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp; trên cơ sở đó, đặt kế hoạch tiến hành củng cố, kiện toàn từ huyện xuống các xã, hợp tác xã.

Đối với huyện Phú Lương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cử cán bộ xuống giúp Huyện ủy chỉ đạo xã Sơn Cẩm củng cố, khôi phục lại các hợp tác xã đã bị tan vỡ, bước đầu rút được một số kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo, củng cố một số hợp tác xã khác trong huyện.

Đảng bộ các huyện: Đại Từ, Định Hoá, Phổ Yên, Đồng Hỷ có nhiều cố gắng lãnh đạo củng cố và ổn định phong trào hợp tác xã. Huyện ủy các huyện: Định Hoá, Đại Từ đã cử một số huyện ủy viên xuống trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các xã có phong trào hợp tác xã yếu kém.

(1) - Phú Bình: 7 hợp tác xã bị vỡ, 13 hợp tác xã ăn chia theo từng đội.

- Phú Lương: Toàn huyện còn lại 24 hợp tác xã, có 7 hợp tác xã tương đối ổn định.
- Đồng Hỷ: Toàn bộ các hợp tác xã ở 8 xã miền núi có nguy cơ bị vỡ.
- Võ Nhai: Toàn huyện chỉ còn 28 hợp tác xã.

Nhờ có sự cố gắng và quyết tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy và đảng bộ các huyện, nên toàn tỉnh vẫn giữ được tỉ lệ 80,3% số hộ nông dân trong hợp tác xã (có 7 huyện, thành phố tỉ lệ xã viên trong các hợp tác xã đạt trên 90% số hộ nông dân). Trong số 815 hợp tác xã, có 144 hợp tác xã khá từng mặt hoặc nhiều mặt. Các hợp tác xã: Thành Công, Tiến Thành (Đại Từ), Ba Nhất của đồng bào Dao (Võ Nhai) là những hợp tác xã điển hình tiên tiến, có tác dụng tích cực động viên phong trào, đẩy mạnh sản xuất phát triển, hoàn thành các nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp toàn tỉnh nói chung và Thái Nguyên nói riêng "*... tiếp tục giảm sút, số xã và huyện có diễn biến không lành mạnh về hợp tác hóa tăng lên, tổ chức và quy mô hợp tác xã ngày càng không ổn định, mức độ nghiêm trọng hơn, có một số huyện phong trào giảm sút nhanh chóng và rất nghiêm trọng. Võ Nhai còn 13%, Phú Bình còn khoảng trên 50% rồi đến Đồng Hỷ, Phú Lương.*

Tỉ lệ hộ xã viên của toàn tỉnh còn 80,3% so 1971 giảm 4% và giảm 11% so 1970. Số hộ cá thể từ 9.000 hộ nay tăng lên tới 15.959 hộ bằng tổng số hộ xã viên của 5 huyện phía Bắc. Đó là một tình hình sa sút nghiêm trọng cả về tổ chức và tư tưởng..."(1).

Giữa lúc các cấp đảng bộ trên địa bàn Thái Nguyên đang tập trung lãnh đạo khôi phục phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, ngày 6/4/1972, đế quốc Mĩ huy động hơn 100 lần chiếc máy bay và nhiều tàu chiến, ném bom, bắn phá một số tỉnh thuộc Khu IV cũ. Đến ngày 16/4/1972, tập đoàn Nicxơn chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 bằng không quân và hải quân trên toàn bộ miền Bắc nước ta. Cuộc

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1972*. Số 01-BC/BT, ngày 5/1/1973, tr. 8.

chiến tranh phá hoại lần này không chỉ lớn hơn về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá, mà thủ đoạn tiến hành cũng tàn bạo, dã man hơn nhiều so với lần trước.

Trước hành động leo thang mới của đế quốc Mĩ, ngày 16/4/1972, Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc, cứu nước. Mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mĩ cứu nước. Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, đường phố phải là một chiến hào, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mĩ và tay sai.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp bất thường, phân công cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán, công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố trong tỉnh. Ngày 19/4/1972, Ủy ban Hành chính tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị, phải tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân.

Trong 2 ngày 24 và 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, nghiên cứu quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc về công tác phòng không sơ tán, bảo đảm sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Ngày 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 16-NQ/BT chỉ rõ: Cần phải tiến hành gấp việc tổ chức sơ tán, phân tán, dãn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế đến mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải đảm bảo sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định khôi phục lại Ban Phòng không nhân dân tỉnh và phân công đồng chí Lê Quảng (Ủy viên

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban.

Thực hiện Nghị quyết số 16 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ty Y tế tập trung củng cố, kiện toàn Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh do đồng chí Hoàng Ngọc (Phó ty) làm Trưởng ban và mở Hội nghị Y tế phòng không nhân dân bàn bạc, thống nhất với các lãnh đạo bệnh viện trên địa bàn các phương án cấp cứu phòng không; phân rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tuyến 1, 2 ,3; nhấn mạnh các tuyến phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện y cụ, thuốc men, có phương án cấp cứu cụ thể trong các tình huống địch đánh phá ác liệt; thường xuyên có cán bộ trực tại các trạm, các bệnh viện, xử lí cấp cứu nạn nhân kịp thời, nhanh gọn và chất lượng tốt nhất.

Đến cuối tháng 4/1972, các cơ quan khu, tỉnh, thành phố, trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính sự nghiệp không trực tiếp sản xuất, những người già, trẻ em, phụ nữ có thai đã được sơ tán ra khỏi thành phố Thái Nguyên. Cán bộ, công nhân ở lại sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp được chia thành các ca, kíp phù hợp. Lực lượng trực chiến phòng không của tự vệ Nhà máy Điện Cao Ngạn và Công ty Gang thép Thái Nguyên được củng cố và tăng cường.

Đêm 23/5/1972, sau khi nhận được điện của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc thông báo: *Ngày 24/5/1972 địch có thể đánh lớn vào Thái Nguyên*, Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban Hành chính tỉnh họp khẩn cấp, bàn biện pháp đối phó, cử cán bộ thông báo nội dung điện của Bộ Tư lệnh Quân khu đến các cơ quan, đơn vị trọng điểm. Nhận được thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, sáng ngày 24/5/1972, Đảng ủy và Ban Giám đốc Nhà máy Điện lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức để 40 cán bộ, công nhân ca 2 ở lại trực tiếp sản xuất, số còn lại sơ tán ra khỏi nhà máy.

9 giờ 50 phút ngày 24/5/1972, giặc Mĩ cho 5 máy bay bất ngờ lao vào ném 12 quả bom có đầu điều khiển bằng lade và bắn một loạt đạn rốckét (roquette) xuống Nhà máy Điện Cao Ngạn, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên địa bàn tỉnh. Bom đạn Mĩ đã phá hỏng 2 lò hơi đốt, phá hủy hoàn toàn kho tạp phẩm, thiệt hại về người tuy đã được giảm xuống mức thấp nhất, nhưng vẫn còn 3 người bị chết và 6 người bị thương. Trong bom đạn ác liệt, cán bộ, công nhân trực ca 2 Nhà máy Điện vẫn bình tĩnh, dũng cảm thao tác, vận hành máy, giữ vững sản xuất, được Ủy ban Hành chính tỉnh tặng Bằng khen.

Tổn thất về người và của ở Nhà máy Điện Cao Ngạn trong trận máy bay địch đánh phá ngày 24/5/1972 đã chứng tỏ công tác lãnh đạo chuẩn bị phòng, tránh và đánh địch tuy có cố gắng, nhưng còn nhiều thiếu sót.

Đầu tháng 6/1972, đế quốc Mĩ tiếp tục thả thủy lôi và bom từ trường xuống phong toả hầu hết khu vực cửa sông, bến cảng thuộc 10 tỉnh, thành phố trên miền Bắc, nhằm cắt đứt sự chi viện từ các nước anh em. Trong hoàn cảnh ấy, tỉnh Bắc Thái được Trung ương giao nhiệm vụ tiếp nhận hàng hoá (chủ yếu là lương thực, hàng quốc phòng) từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Hà Bắc về, với khối lượng từ 30.000 đến 50.000 tấn một tháng để vừa dự trữ, vừa tiếp chuyển cho chiến trường miền Nam; đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống trên các trục đường, đặc biệt là các trục đường chiến lược (Quốc lộ số 3 và Quốc lộ 1B). Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và nặng nề trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, vì hệ thống giao thông nằm trên địa bàn tỉnh đã bị xuống cấp, hư hỏng nhiều, vật tư dự trữ để thay thế và sửa chữa cầu, cống hầu như không có gì.

Trước tình hình đó, ngày 15/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của toàn Đảng bộ là phải lãnh đạo quân và dân trên địa bàn: "*Tập trung toàn lực phục vụ giao thông vận tải, bảo đảm xe và các loại phương tiện thông suốt trong mọi tình huống... các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ban, ngành, các đoàn thể phải tổ chức động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ trung tâm đột xuất số một này*"(1).

Ngày 24/6/1972, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 90-NQ/BT thành lập *Ban Bảo đảm giao thông vận tải thời chiến tỉnh*, làm nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo sửa chữa và nâng cấp các đường giao thông theo yêu cầu trên giao đúng thời hạn; bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống; điều hoà công tác vận tải, tiếp nhận và giải toả hàng hoá ở các bến bãi được nhanh chóng; tổ chức các lực lượng đảm bảo công tác giao thông vận tải, chăm lo công tác đời sống và sử dụng có hiệu quả các đơn vị trực tiếp phục vụ giao thông vận tải. *Ban Bảo đảm giao thông vận tải thời chiến tỉnh*, gồm 9 thành viên, do đồng chí Lê Quảng (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban và đồng chí Nông Văn Sảo (Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Giao thông) làm Phó ban.

Đảng đoàn Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo trưng tập một số cán bộ các ban, ngành ở tỉnh sang làm nhiệm vụ chuyên trách giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh làm nhiệm vụ tiếp nhận và trung chuyển hàng hoá. Đảng ủy Tỉnh đội lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức thành lập Đại đội Công binh 91 làm nhiệm vụ cơ động, đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Đoàn Thanh niên phát động phong trào *Thanh niên*

(1) *Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái xác định những công tác cấp bách trong thời gian tới*. Số 17-NQ/BT, ngày 15/6/1972, tr. 2, 3.

xung kích đảm bảo giao thông, vận tải; kiện toàn lại *Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái* đủ 5 đại đội, với 673 cán bộ, đội viên (vượt chỉ tiêu tỉnh giao 73 đội viên). Đoàn Thanh niên các huyện, thành phố thành lập 500 đội thanh niên xung kích, đảm bảo giao thông vận tải trên các trục đường giao thông chính, thu hút gần 2 vạn đoàn viên, thanh niên tham gia.

Sau ngày Công ty Gang thép Thái Nguyên bị máy bay Mĩ đánh phá hỏng (24/6/1972), phải tạm ngừng sản xuất, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Công ty huy động 1.000 cán bộ, công nhân cùng với Công ty 16 (Bộ Giao thông vận tải), Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái, Công ty Cầu đường (Ty Giao thông) sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 1B từ Đình Cả (huyện Võ Nhai) về cầu Gia Bẩy (thành phố Thái Nguyên). Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo lực lượng dân quân, tự vệ thành lập 22 đài quan sát bom và 24 trạm gác giao thông dọc các Quốc lộ số 3 và số 1B. Ở các trọng điểm giao thông, Ty Giao thông đã gia công, dự phòng được 1 nhịp cầu dài 32 mét ở Gia Bẩy; sửa chữa bến Văn Thánh (Đồng Bẩm), làm mới cột cáp bến phà Ngọc Lâm, sửa chữa hoàn chỉnh mặt cầu cáp và đường ngầm Sơn Cẩm (huyện Phú Lương); hoàn thành sửa chữa một đường ngầm, một bến phà và làm mới một cầu cáp ở khu vực Đa Phúc (huyện Phổ Yên); trang bị thêm cho các bến phà Điệp (huyện Đại Từ), Cầu Mây (huyện Phú Bình) mỗi bến 1 phà trọng tải 12 tấn,...

Ủy ban Hành chính tỉnh quyết định dùng toàn bộ trụ sở các cơ quan, trường học và tầng 1 của các nhà tầng ở khu vực thành phố Thái Nguyên làm kho chứa khoảng 14.000 tấn lương thực (gấp 5 lần sức chứa của tất cả các kho lương thực trên địa bàn Thái Nguyên) do các nước anh em viện trợ từ hướng các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn

và Hà Bắc chuyển về. Ủy ban Hành chính tỉnh còn cấp kinh phí và huy động khai thác trên dưới 20.000 cây nứa, vầu, 1.000 cây gỗ dựng lán, trại làm kho chứa tạm 20.000 tấn lương thực, hàng hoá ở các xã: Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên (huyện Võ Nhai).

Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên cuối tháng 7/1972, Thái Nguyên đã tiếp nhận được trên 6.260 tấn gạo và hơn 7.000 tấn ngô. Tháng 8/1972, các trạm tiếp nhận lương thực ở Thái Nguyên đã đảm bảo năng suất tiếp nhận mỗi ngày trung bình 1.000 tấn.

Từ cuối tháng 8 đến hết tháng 9/1972, máy bay Mĩ đã ném 851 quả bom phá, bom phạt xuống địa bàn 26 xã thuộc 6 huyện, thành phố ở Thái Nguyên, làm chết 138 người, bị thương 142 người; phá hủy nhiều tài sản, hoa màu của nhân dân. Trước tình hình đó, ngày 28/9/1972, Tỉnh ủy thành lập *Đoàn Cán bộ tỉnh* do đồng chí Hoàng Bắc Dũng[1] - Bí thư Tỉnh ủy, dẫn đầu trực tiếp xuống kiểm tra tình hình phòng không, sơ tán và sản xuất ở Mỏ than Phấn Mễ, Mỏ than Khánh Hoà, Nông trường chè Sông Cầu. Tại Mỏ than Phấn Mễ và Mỏ than Khánh Hoà, thay mặt *Đoàn Cán bộ tỉnh,* đồng chí Bí thư Tỉnh ủy biểu dương các cấp ủy Đảng và Ban Giám đốc Mỏ than Phấn Mễ, Mỏ than Khánh Hoà lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức sản xuất phù hợp với thời chiến, có kế hoạch phòng, tránh máy bay địch đánh phá, đã hạn chế được nhiều thiệt hại do bom đạn địch gây ra. Tại Nông trường chè Sông Cầu, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy nghiêm khắc phê bình cấp ủy Đảng và Ban Giám đốc Nông trường đã không chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết về phòng không sơ tán của tỉnh; thiếu kiểm tra, đôn đốc việc phòng, tránh cho người và gia súc, nên bị thiệt hại nhiều về người và tài sản.

(1) Đồng chí Hoàng Bắc Dũng được Trung ương Đảng và Khu ủy Việt Bắc điều về giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Hoàng nhận công tác ở Trung ương từ cuối tháng 4/1972.

Ngày 11/10/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra thông báo đến các cấp, các ngành kết quả kiểm tra ở Mỏ than Phấn Mễ, Mỏ than Khánh Hoà và Nông trường chè Sông Cầu; nêu lên những bài học kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và phòng không nhân dân trong điều kiện máy bay Mĩ đánh phá ác liệt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch phòng, tránh địch đánh phá và giữ vững sản xuất.

Từ đầu tháng 10/1972, trên địa bàn Thái Nguyên, giặc Mĩ tăng cường sử dụng máy bay F111A đánh phá ban đêm. Chỉ trong tháng 10/1972, máy bay Mĩ đã đánh phá Thái Nguyên 46 trận (có 32 trận đánh đêm chủ yếu bằng máy bay F111A), ném 738 quả bom phá, bắn nhiều loạt đạn rốckét, tên lửa, làm chết và bị thương hơn 200 người (bằng 40% số người bị chết và bị thương từ tháng 5 đến tháng 9/1972).

Trước những tổn thất đó, Ủy ban Hành chính tỉnh ra *Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân*, chỉ rõ: Phải làm thêm hầm hào trú ẩn tại các nơi nghỉ ngơi và sản xuất; các tổ cứu thương, tải thương phải diễn tập theo phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong đêm tối; tất cả các thôn, xã đều phải tổ chức đài quan sát, trực báo động phòng không suốt ngày đêm.

Các cơ quan thông tin đại chúng và cán bộ các cấp, các ngành trong tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện *Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân* của Ủy ban Hành chính tỉnh, nên đã góp phần nâng cao ý thức cảnh giác cho nhân dân, từng bước hạn chế được những thiệt hại do máy bay địch đánh phá gây ra.

Từ ngày 18/12/1972, đế quốc Mĩ mở chiến dịch tập kích đường không chiến lược mang tên Lainơbếchcơ II, huy động số lượng lớn

máy bay ném bom chiến lược B52 và các loại máy bay chiến thuật cùng với nhiều khí tài điện tử gây nhiễu hiện đại, đánh phá ồ ạt các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và một số nơi khác trên miền Bắc.

Tại thành phố Thái Nguyên, đêm 19, rạng 20/12/1972, giặc Mĩ huy động nhiều tốp máy bay F111A và các loại máy bay chiến thuật khác quần đảo, gây nhiễu và đánh phá một số điểm ở vùng ngoại ô. Từ 4 giờ 30 phút ngày 20/12/1972, đến 1 giờ 15 phút ngày 21/12/1972, giặc Mĩ huy động 10 tốp máy bay ném bom chiến lược B52 vào đánh phá hủy diệt khu vực Bắc thành phố Thái Nguyên.

Các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên nổ súng đánh trả máy bay Mĩ rất quyết liệt, nhưng do hạn chế về hỏa lực và chưa có kinh nghiệm, nên không thu được kết quả. Bom đạn do máy bay chiến lược B52 của giặc Mĩ ném xuống đã hủy diệt vùng dân cư tiểu khu Thống Nhất, các hợp tác xã nông nghiệp: Quang Tiến, Quyết Tiến (xã Quang Vinh), Tân Long (tiểu khu Tân Long), Nhất Tâm (xã Đồng Bẩm) và các trường phổ thông: Cấp I xã Quang Vinh, Cấp II tiểu khu Hoàng Văn Thụ...

Để hạn chế tổn thất do máy bay B52 Mĩ ném bom rải thảm gây ra, các cấp đảng bộ, chính quyền trên địa bàn Thái Nguyên lãnh đạo, chỉ đạo, cử nhiều cán bộ trực tiếp xuống cơ sở kiểm tra công tác phòng không sơ tán; đôn đốc các cơ quan, xí nghiệp, trường học, cửa hàng kiểm tra, sửa chữa lại hầm hào. Theo yêu cầu của lãnh đạo tỉnh: Những nơi công cộng phải có đủ hầm hào phòng tránh cho người qua lại; phân tán nhỏ các cửa hàng bách hoá, lương thực, thực phẩm; củng cố hệ thống trinh sát, báo động phòng không; các xí nghiệp không thể tạm ngừng sản xuất phải dành riêng một số nhân lực để sửa chữa và làm thêm hầm, hào.

Để tập trung hoả lực pháo cao xạ 100 mm bắn máy bay B52, Ban Chỉ huy Trung đoàn 256 pháo cao xạ - Quân khu Việt Bắc quyết định chuyển Đại đội 9 từ trận địa xã Cam Giá lên trận địa xã Túc Duyên phối hợp chiến đấu cùng với Đại đội 3 ở Viện Điều dưỡng và Đại đội 5 ở trận địa xã Quang Vinh.

Vào lúc 19 giờ 55 phút ngày 24, đến 0 giờ 5 phút ngày 25/12/1972, giặc Mĩ huy động 34 máy bay B52 và gần 40 máy bay chiến thuật thả hơn 700 quả bom các loại xuống khu Nam thành phố Thái Nguyên. Mặc dù thời tiết xấu, trời tối, lại không có khí tài điều khiển, khí tài quan sát máy bay địch ban đêm có nhiều hạn chế, nhưng cán bộ, chiến sĩ các Đại đội 3, 5, 9 đã bắn rơi 1 máy bay B52, góp phần cùng với quân và dân Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng đập tan đợt 1 cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mĩ.

Từ 22 giờ 5 phút ngày 26/12/1972, giặc Mĩ huy động 21 tốp máy bay B52, có nhiều tốp máy bay chiến thuật hộ tống, ném gần 600 quả bom phá xuống 3 khu vực rộng lớn nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên; đồng thời chúng cho máy bay F111A ném 48 quả bom phá cỡ lớn xuống khu vực cầu Trà Vườn.

Với quyết tâm chiến đấu bảo vệ thành phố Thái Nguyên, cán bộ, chiến sĩ các đại đội pháo cao xạ 100 mm của Trung đoàn 256 đã không quản trời tối, mưa phùn, gió bấc, tập trung bắn cấp tập từng đợt, mỗi đợt 18 loạt đạn vào các tốp máy bay B52 của địch. Các loạt đạn pháo cao xạ của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 ở trận địa xã Quang Vinh tiếp tục bắn rơi 1 máy bay B52, góp phần nâng số máy bay B52 của giặc Mĩ bị quân và dân miền Bắc bắn rơi trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 lên 34 chiếc.

Trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống cuộc tiến công chiến lược bằng máy bay B52, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng,

quân, dân Thái Nguyên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, tổ chức giải toả kịp thời 19.923 tấn lương thực, hàng hoá tồn đọng ở 2 chân hàng Quán Triều và Lưu Xá đến nơi an toàn, tỉ lệ hao hụt chỉ xấp xỉ 0,34%.

Thành tích đó đã góp phần nâng số lương thực, hàng hoá của quân và dân Thái Nguyên tiếp nhận và trung chuyển từ tháng 6 đến hết tháng 12/1972 lên 70.000 tấn. Âm mưu phong toả miền Bắc của địch trên mặt trận giao thông vận tải hoàn toàn bị đập tan. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giải toả hàng hoá, lương thực đêm 24/12/1972 ở chân hàng Lưu Xá, 60 cán bộ, đội viên Đại đội 915 - Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái, 2 nhân viên thủ kho lương thực Lưu Xá hi sinh và 7 cán bộ, đội viên bị thương.

Không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải và giải tỏa hàng hóa đến nơi an toàn, trong năm 1972, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương còn làm tốt công tác động viên, tuyển quân chi viện chiến trường.

Năm 1972, các huyện, thành phố thuộc địa bàn Thái Nguyên được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn gấp 1,81 lần năm 1971. Để hoàn thành chỉ tiêu trên giao, ngày 9/5/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành đề cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác kiểm tra, tuyển quân để đảm bảo quân số, chất lượng, chính sách công bằng và thời gian giao quân.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh họp với lãnh đạo các ngành có liên quan và Ủy ban Hành chính các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phổ Yên bàn nội dung và biện pháp thực hiện. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh cử một số cán bộ xuống huyện Đồng Hỷ kiểm tra việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội để hỗ trợ cho công tác tuyển quân.

Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân 2 năm 1970 - 1971, khẳng định thành tích để cổ vũ, động viên phong trào và rút ra bài học kinh nghiệm để vận dụng tốt hơn. Với thành tích tuyển quân 2 năm 1970 - 1971, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh đã được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*; nhân dân và lực lượng vũ trang các xã: Phúc Xuân (Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Gia Sàng, Đồng Quang (thành phố Thái Nguyên) được tặng *Huân chương Kháng chiến hạng Nhất*; nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên, xã Tân Cương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), các cơ quan: Ty Lâm nghiệp, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ được tặng *Huân chương Kháng chiến hạng Nhì*; nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân các xã: Cúc Đường (Võ Nhai), Trung Thành, Thuận Thành, Thắng Lợi, Tân Hương, Nam Tiến, Đại Xuân, Tân Tiến (Phổ Yên) được tặng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba.* Các xã: Tràng Xá (Võ Nhai), Cù Vân (Đại Từ) được Chính phủ tặng Bằng khen.

Phát huy thành tích, các cấp đảng bộ trong tỉnh đã lãnh đạo quân và dân trên địa bàn hoàn thành tốt 4 đợt tuyển quân, giao vượt chỉ tiêu quân số 2,42% (tăng 16% so với năm 1971). Nét nổi bật trong công tác tuyển quân năm 1972 của tỉnh là "*hoàn thành toàn diện cả về số lượng và yêu cầu chất lượng của nhiều loại quân, binh chủng; vừa đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến, vừa đảm bảo yêu cầu xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang để chiến đấu bảo vệ địa phương*"(1). Đảng bộ các huyện: Định Hoá, Phổ Yên và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo hoàn thành xuất sắc cả 4 đợt tuyển quân; trong đó, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên là đơn vị đứng đầu, lãnh đạo

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1972*... Tlđd, tr. 21.

tuyển quân vượt chỉ tiêu cả năm 36%. Xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ) nhiều năm liền không có người Dao nhập ngũ, năm 1972 đã có 27 thanh niên người Dao vào bộ đội. Toàn tỉnh tuyển vào bộ đội được 489 người là con, em trong các gia đình cán bộ và nhân dân chưa có người nhập ngũ, đảm bảo tính công bằng xã hội trong công tác tuyển quân.

Công tác tuyển quân năm 1972 đạt được những kết quả tốt là do Tỉnh ủy và đảng bộ các huyện, thành phố, đặc biệt là Đảng bộ các huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Phổ Yên đã tập trung lãnh đạo giải quyết các vùng yếu về công tác tuyển quân, kết hợp với việc đẩy mạnh thực hiện *Cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội* để hỗ trợ. Ngoài ra, cơ quan quân sự các cấp trong tỉnh còn đưa 1.329 quân nhân đào, lạc ngũ đi lao động cải tạo bắt buộc (trong số đó đã vận động trở lại quân đội được 481 người, xoá án kỉ luật cho về địa phương 434 người), nên đã có tác động tích cực đến công tác động viên tuyển quân năm 1972 và những năm sau này.

Do không đạt được mưu đồ của cuộc tiến công chiến lược bằng máy bay B52, lại bị tổn thất nặng nề, ngày 30/12/1972, Tổng thống Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ Vĩ tuyến 20 trở ra và đến ngày 15/1/1973, tuyên bố chấm dứt việc ném bom đánh phá trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam; đồng thời cử phái đoàn đến Pari để nối lại cuộc đàm phán. Ngày 27/1/1973, *Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam* được kí kết.

Hiệp định Pari được kí kết là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thắng lợi này có một phần đóng góp quan trọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái nói chung, Thái Nguyên nói riêng.

Song song với công tác lãnh đạo động viên tuyển quân, tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, Đảng bộ tỉnh đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Nghị quyết số 17-NQ/BT ngày 15/6/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định: "*Trên mặt trận sản xuất, thì trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là lương thực, thực phẩm có tầm quan trọng chiến lược, bảo đảm ăn no, đánh thắng*"(1); phải: "*Giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp và trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm*"(2).

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện một *Vụ mùa kiên cường thắng Mĩ*. Vượt qua các khó khăn gay gắt về địch họa, thiên tai (11.000 ha lúa bị hạn nặng), nhân dân trong tỉnh cấy được 48.000 ha lúa mùa (có 70% diện tích cấy kịp thời vụ). Một số địa phương, như Võ Nhai cấy vượt kế hoạch 2,3%, Định Hoá vượt 0,1%, thành phố Thái Nguyên vượt 0,3%. Tại huyện Phổ Yên, mặc dù bị lũ lụt, phải cấy lại 400 ha trên chân ruộng trũng, nhưng so với cùng kỳ năm 1971, Đảng bộ huyện vẫn lãnh đạo cấy vượt diện tích 4,2%. Cán bộ chuyên môn các huyện, thành phố được cử về kiểm tra, giúp đỡ cơ sở đưa giống lúa xuân ngắn ngày có năng suất cao vào 50% diện tích vụ đông - xuân và các giống lúa mới có năng suất cao (Bao thai lùn, Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 5) vào 55% diện tích vụ mùa. Đảng bộ các huyện: Định Hoá, Đại Từ tập trung lãnh đạo đưa giống lúa mới vào cấy được từ 60% đến 70% diện tích.

Nhờ đẩy mạnh chăm bón, thâm canh, nên năng suất lúa vụ mùa năm 1972 bình quân mỗi hécta toàn tỉnh đạt 20,7 tạ (cao nhất kể

(1), (2) *Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái xác định những công tác cấp bách trong thời gian tới*... Tlđd, tr. 2, 4.

từ năm 1960). Các huyện: Phú Bình, Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương vượt chỉ tiêu về năng suất lúa mùa từ 1,4% đến 20,7%; vượt chỉ tiêu về sản lượng lúa mùa từ 1,3% đến 20%. Tổng sản lượng lương thực (quy thóc) cả năm 1972 toàn tỉnh đạt 174.621 tấn, có 140.889 tấn thóc (cao nhất kể từ năm 1955). Tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh năm 1972 so với năm 1959 tăng 4.840 tấn (khoảng 3,5%); so với năm 1971, tăng 11.842 tấn (khoảng 9%). Các huyện đạt năng suất lúa 2 vụ cao nhất tỉnh là Đại Từ 49,5 tạ/ha, Định Hoá 48,7 tạ/ha. Trên địa bàn Thái Nguyên có 43 hợp tác xã đạt năng suất 2 vụ lúa hơn 50 tạ/ha. Đặc biệt, các hợp tác xã: Tiến Thành (Đại Từ) đạt năng suất 71,8 tạ thóc/ha, Thành Công (Đại Từ) đạt 70,9 tạ/ha, Làng Mới (Định Hoá) đạt 70,3 tạ/ha...

Sản lượng các loại cây công nghiệp năm 1972 tăng 4,9% so với năm 1971. Vùng chè tiếp tục được Đảng bộ tỉnh lãnh đạo củng cố và phát triển, tổng diện tích chè toàn tỉnh đạt trên 2.000 ha; đảng bộ các huyện: Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương lãnh đạo mở rộng diện tích trồng chè lên tới 1.831 ha, chiếm 81% diện tích chè toàn tỉnh. Vùng thuốc lá bước đầu hình thành ở huyện Phú Lương.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng phát triển. Năm 1972, đàn trâu bò toàn tỉnh đạt trên 132.300 con (tăng 1,1% so với năm 1971), đàn lợn đạt trên 196.000 con (tăng 1,7% so với năm 1971).

Sản xuất nông nghiệp được mùa, các cấp bộ đảng trong tỉnh có nhiều cố gắng tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Cả năm 1972, nhân dân toàn tỉnh đóng góp cho Nhà nước được 22.239 tấn lương thực (quy thóc), tăng trên 7.000 tấn so với năm 1971. Đảng bộ các huyện: Phú Lương, Định Hoá, Đại Từ còn lãnh đạo nhân dân bán cho Nhà nước được 620 tấn chè búp tươi.

Sau nông nghiệp, lâm nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Bắc Thái. Năm 1972, toàn tỉnh trồng được 468 ha rừng (riêng quốc doanh trồng được 398 ha), tăng hơn 56,6% so với năm 1971. Tuy nhiên, tình hình tàn phá rừng diễn ra rất nghiêm trọng. Tổng số diện tích rừng bị phá toàn tỉnh lên tới 3.783 ha, gấp khoảng 8 lần diện tích rừng được trồng trong năm. Tại các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, diện tích rừng bị phá từ 350ha đến 732 ha. Ban Quản trị hợp tác xã Suối Bốc (xã Yên Ninh, huyện Phú Lương) còn cho xã viên nghỉ việc hợp tác xã đi phá rừng để làm rẫy, trồng lúa; 90% đảng viên của Đảng bộ xã Yên Ninh (huyện Phú Lương) tham gia phá rừng, làm rẫy(1).

Cấp ủy Đảng các ngành: Tài chính, Ngân hàng... có nhiều cố gắng lãnh đạo cán bộ, công nhân viên khắc phục khó khăn, giữ vững và ổn định sản xuất. Vụ hạ năm 1972, nhân dân Thái Nguyên bán cho Nhà nước được 7.639 tấn lương thực, vượt 10% kế hoạch (cao nhất kể từ năm 1965); trong đó, các huyện: Đại Từ và Định Hoá bán được khoảng 1.100 tấn thịt lợn hơi. Hợp tác xã Tiến Thành (xã Tân Thái, huyện Đại Từ) đẩy mạnh sản xuất thâm canh lúa và hoa màu, thu hoạch đạt năng suất cao, đời sống xã viên ổn định và từng bước được cải thiện; trung bình hằng năm, mỗi hộ xã viên trong hợp tác xã đóng góp cho Nhà nước 1.005 kg thóc và 28,8 kg thịt lợn hơi.

Nhằm nâng cao sức chiến đấu của các cấp đảng bộ ở địa phương, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị về *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh"* và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư *Về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh"*.

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tổng kết công tác năm 1972*... Tlđd, tr. 7.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các Huyện ủy: Đại Từ, Phổ Yên và Thành ủy Thái Nguyên; các Đảng ủy: Cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh, Công ty Gang thép Thái Nguyên lãnh đạo thí điểm triển khai thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư ở 5 đảng bộ, chi bộ cơ sở, gồm Đảng bộ các xã: Tân Hương (Phổ Yên), Hùng Sơn (Đại Từ), Đồng Quang (thành phố Thái Nguyên), Đảng bộ Xưởng hàn tán (Công ty Gang thép Thái Nguyên), Chi bộ Ty Tài Chính (Đảng ủy Dân - Chính - Đảng tỉnh). Thông qua đợt lãnh đạo thí điểm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã rút được một số kinh nghiệm tốt cho việc lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn Đảng bộ.

Sau đợt chỉ đạo thí điểm, Đảng bộ các huyện: Phổ Yên, Đại Từ, Phú Bình, Phú Lương, thành phố Thái Nguyên và Công ty Gang thép Thái Nguyên lãnh đạo mở rộng diện thực hiện Chỉ thị 192 ra 17 chi bộ, đảng bộ cơ sở. Kết quả, toàn Đảng bộ tỉnh đã xử lí kỉ luật 340 đảng viên (tăng 9,2% so với năm 1971), có 246 đảng viên bị kỉ luật khai trừ khỏi Đảng hoặc lưu Đảng; 16 đảng viên bị cách chức, 60 đảng viên bị cảnh cáo.

Việc xử lí kỉ luật đảng viên của các cấp đảng bộ đảm bảo được tính chính xác, nghiêm minh, kiên quyết và thận trọng, khắc phục được nhiều hiện tượng buông lỏng, khắt khe hoặc tuỳ tiện, góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ.

Thông qua việc thực hiện Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư, chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao một bước. Đây chính là một nhân tố rất quan trọng giúp cho Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, cùng cả nước dồn sức chi viện chiến trường để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

III- Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, dồn sức chi viện chiến trường, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1973 - 1975)

Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết (27/1/1973), mặc dù đã phải rút hết quân đội viễn chinh, quân đồng minh về nước, nhưng đế quốc Mĩ vẫn ngoan cố theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam. Chúng tiếp tục duy trì ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu để tiến hành chiến lược *Việt Nam hoá chiến tranh*.

Hiểu rõ bản chất của kẻ thù, ngày 28/1/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ra Lời kêu gọi: *Toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hoà bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc*.

Nắm vững tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong hoàn cảnh mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị bồi dưỡng 327 báo cáo viên cơ sở; đồng thời phân công các ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xuống các ngành, các cấp truyền đạt Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuyên truyền cho cán bộ và nhân dân các dân tộc thấy rõ thắng lợi to lớn của sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước; động viên mọi người phấn khởi, tin tưởng, ra sức thi đua sản xuất và công tác.

Ngày 12/3/1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 27-CT/BT *Về tập trung lãnh đạo một số mặt công tác quân sự địa phương trong tình hình hiện nay*, chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt là "*... phải luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, tiếp tục làm nhiệm vụ, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến góp phần đấu tranh bảo vệ hoà bình, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc*".

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp bộ đảng lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn tham gia đợt sinh hoạt chính trị học tập Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; gắn đợt sinh hoạt chính trị với nhiệm vụ của mỗi ngành, mỗi cấp, đặc biệt là gắn với phong trào lao động sản xuất, củng cố hợp tác xã và thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng và hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh được nâng lên, khí thế thi đua lao động sản xuất có nhiều chuyển biến, tiến bộ.

Vụ đông - xuân 1972 - 1973 so với vụ đông - xuân 1971 - 1972, diện tích cấy giống lúa mới tăng 2%, riêng diện tích cấy giống lúa chiêm 314 có năng suất cao tăng gấp 6,26 lần, tổng sản lượng lúa tăng 3%. Vụ mùa năm 1973, diện tích cấy giống lúa mới có năng suất cao đạt tỉ lệ 67%; trong đó, có 94% diện tích lúa được gieo, cấy kịp thời vụ. Vụ mùa năm 1973 so với vụ mùa 1972, lượng phân bón hữu cơ và vô cơ tăng từ 14% đến 48%; diện tích, năng suất, sản lượng lương thực của các huyện, thành phố trong tỉnh đều tăng từ 0,5% đến 8,2%. Cả năm 1973, diện tích cấy, trồng cây lương thực toàn tỉnh đạt 90.916 ha (vượt 4,3% kế hoạch), tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 178.049 tấn (có 144.908 tấn thóc). Đây là năm được mùa và đạt sản lượng lương thực cao nhất kể từ năm 1960. Năm 1973 so với năm 1972, diện tích lúa tăng 1,9%, tổng sản lượng tăng 2%; các loại cây công nghiệp (lạc, chè) đều tăng cả về diện tích và sản lượng.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp đảng bộ và chính quyền, chăn nuôi tiếp tục phát triển. Năm 1973, đàn trâu có 134.100 con (vượt 1,1% so với năm 1972), đàn bò có 7.434 con; đàn lợn có

204.544 con (vượt 5,4% so với kế hoạch); trong đó, riêng đàn lợn nái đạt gần 19.950 con (vượt 2,3% so với kế hoạch và tăng 20% so với năm 1972).

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, năm 1973, ngành Lâm nghiệp tỉnh đẩy mạnh trồng rừng và tăng cường các biện pháp ngăn chặn tình trạng phá rừng. So với năm 1972, diện tích trồng rừng tăng 13%, diện tích rừng bị phá giảm 30%. Công tác khoanh, nuôi rừng tiếp tục được Đảng bộ huyện Định Hóa lãnh đạo triển khai ở các xã: Phú Tiến, Phượng Tiến, Trung Hội và Bộc Nhiêu.

Từ ngày 14 đến ngày 19/7/1973, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức hội nghị, kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/BT ngày 30/4/1970 của Tỉnh ủy *Về củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp trong những năm tới*. Hội nghị thảo luận, nhất trí đánh giá ưu, khuyết điểm và nguyên nhân ưu, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo phong trào hợp tác hoá của Đảng bộ tỉnh. Hội nghị khẳng định: Đến cuối năm 1972, toàn tỉnh có 7 huyện và thành phố vẫn giữ được tỉ lệ khoảng 90% số hộ nông dân lao động tham gia hợp tác xã nông nghiệp. Toàn tỉnh có 153 hợp tác xã tiên tiến và khá, trên 20 đội sản xuất đạt danh hiệu *Đội Lao động xã hội chủ nghĩa*. Qua nhiều thử thách do thiên tai, địch họa gây ra, sản xuất và đời sống của nhân dân vẫn được giữ vững, tính ưu việt của chế độ làm ăn tập thể ngày càng được thể hiện rõ. Giai cấp nông dân tập thể trên địa bàn tỉnh xứng đáng với vai trò nòng cốt trong phong trào đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, tích cực làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, tuyển quân..., góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Tiêu biểu cho 153 hợp tác xã tiên tiến và khá của tỉnh là các hợp tác xã Thành Công (Đại Từ), Văn Hữu (Đồng Hỷ), Quảng Cáo (Định Hóa),... đạt năng suất lúa 2 vụ mỗi hécta từ 5 tấn đến 6 tấn. Các hợp tác xã: Thành Công (Đại Từ), Đại Đồng (thành phố Thái Nguyên),... thường xuyên có đàn lợn chăn nuôi tập thể từ 250 con đến 300 con. Hợp tác xã Tiến Thành (thành phố Thái Nguyên), bình quân hằng năm mỗi lao động thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước trên 500 kg thóc, đời sống xã viên khá.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội nghị cũng chỉ rõ: Phong trào hợp tác hoá trong tỉnh phát triển không đều, tỉ lệ hợp tác xã khá và tiên tiến thấp (153/815); tỉ lệ hợp tác xã yếu kém cao, chiếm tới 44% tổng số hợp tác xã trong tỉnh. Phong trào hợp tác xã ở huyện Võ Nhai và một số xã thuộc các huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Phú Lương,... giảm sút nghiêm trọng cả về số lượng và chất lượng, tỉ lệ số hộ nông dân lao động trong hợp tác xã chỉ còn 77%.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 18/9/1973, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 33-NQ/BT *Về việc củng cố, khôi phục và phát triển phong trào hợp tác hoá, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện từ nay đến hết 1975,* xác định rõ nhiệm vụ trước mắt và trong 2 năm 1974 - 1975 là tập trung mọi lực lượng các cấp, các ngành, khẩn trương tiến hành củng cố hợp tác hoá và ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng ủy Dân - Chính - Đảng tỉnh ra nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của các chi bộ, đảng bộ cơ sở và các cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mình đối với phong trào hợp tác hoá của tỉnh. Từng ngành, từng cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ phải lấy công tác

chuyên môn, phục vụ đắc lực cho việc xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải lãnh đạo tốt việc học tập và triển khai Nghị quyết 33 của Tỉnh ủy; phải nắm chắc số cán bộ, đảng viên trong cơ quan có gia đình ở nông thôn chưa vào hợp tác xã và gia đình có nợ nần, lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã, để có biện pháp động viên, giáo dục.

Đảng bộ ngành Thương nghiệp tập trung lãnh đạo tổ chức thu mua, cung cấp tư liệu sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp. Cấp ủy Đảng các công ty: Điện máy, Nông sản Thực phẩm, Bách hoá... lãnh đạo cơ quan đưa đầu máy xát, cây, con giống... về cung cấp trực tiếp cho các hợp tác xã. Đảng bộ cơ quan Tài chính - Vật giá lãnh đạo nghiên cứu xây dựng hợp lí giá cả các mặt hàng phân bón, nông cụ cải tiến, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp...

Trong công tác củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Võ Nhai là nơi được các cấp ủy từ Trung ương, xuống đến Huyện ủy quan tâm lãnh đạo. Ngay từ đầu năm 1973, Huyện ủy đã ra nghị quyết chỉ rõ: Việc khôi phục các hợp tác xã tan vỡ là nhiệm vụ trung tâm, cấp bách của Đảng bộ; mọi cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm vận động, giáo dục nhân dân nhận rõ lợi ích của làm ăn tập thể và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, để mọi người tự nguyện xây dựng lại hợp tác xã. Tiếp đến, ngày 24/11/1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 35-NQ/BT *Về việc củng cố phong trào huyện Võ Nhai*, nêu rõ: "*Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai nêu cao tinh thần làm chủ và xây dựng lấy quê hương mình, giữ vững và phát huy truyền thống cách mạng của địa phương để góp phần xây dựng Tổ quốc giàu mạnh*".

Quán triệt sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo tinh thần Nghị quyết số 35, trong tháng 12/1973, Huyện ủy Võ Nhai tổ chức

Hội nghị đảng viên toàn huyện bàn về củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở Võ Nhai, với sự có mặt hầu hết đảng viên ở 18 chi bộ, đảng bộ xã và 19 chi bộ, đảng bộ các cơ quan huyện. Các đồng chí: Chu Văn Tấn (Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc), Hoàng Bắc Dũng (Bí thư Tỉnh ủy), Nguyễn Việt Vinh (Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy) đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị.

Sau khi các đảng viên nghe bài phát biểu của đồng chí Hoàng Quốc Việt được ghi âm tại Hội nghị Tỉnh ủy Bắc Thái bàn về củng cố phong trào huyện Võ Nhai, đồng chí Nguyễn Việt Vinh phổ biến Nghị quyết của Tỉnh ủy về củng cố phong trào huyện Võ Nhai, chỉ ra 10 nhiệm vụ của Đảng bộ huyện và 7 yêu cầu đối với đảng viên trong toàn Đảng bộ về việc củng cố và xây dựng phong trào hợp tác xã. Đồng chí Chu Văn Tấn chỉ thị: "*Đảng bộ phải lãnh đạo củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp... Muốn vậy, tỉnh phải củng cố bộ máy cán bộ của huyện, huyện phải củng cố bộ máy cán bộ của xã, đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo tích cực, chí công vô tư và có năng lực*"(1).

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy tập trung củng cố và tăng cường bộ máy cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo của huyện Võ Nhai. Tháng 3/1974, Tỉnh ủy cử đồng chí Triệu Kỳ Phay (Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) về làm Bí thư Huyện ủy (thay đồng chí Nông Văn Hỏa), đồng thời tăng cường thêm một số cán bộ xuống huyện trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào hợp tác xã. Ngày 4/8/1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 117-NQ/TU chỉ định bổ sung Đại uý Hoàng Công Tá (Chính trị viên Thành đội Thái Nguyên) đang công tác tại huyện Võ Nhai vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

(1) Dẫn theo: *Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai. Tập II (1955 - 2000)*. Xb 2004, tr. 147.

Tuy được các cấp ủy đảng từ Trung ương xuống Khu ủy, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, nhưng do nhiều tổ chức cơ sở đảng ở Võ Nhai yếu kém(1), nên phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai tiếp tục giảm sút nghiêm trọng. Số hộ nông dân trong các hợp tác xã ở huyện Võ Nhai từ 6,2% (năm 1973), giảm xuống còn 5,5% (cuối năm 1974).

Đầu năm 1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương phân loại hợp tác xã để có kế hoạch củng cố, giúp đỡ từng loại, từng vùng khác nhau cho phù hợp. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy tiếp tục đưa cán bộ xuống giúp đỡ, củng cố phong trào hợp tác xã, kể cả việc cử một số cán bộ xuống trực tiếp giữ các trọng trách ở các hợp tác xã; cử một đội ngũ cán bộ, nhân viên cần thiết, có nghiệp vụ kế toán xuống giúp hợp tác xã trong thời gian khoảng nửa năm để thanh toán dứt điểm khâu quản lí tài chính, giải quyết các vụ nợ nần, tham ô.

Ngày 3/10/1974, Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá toàn tỉnh. Đại hội tổng kết và nhấn mạnh thành công của các hợp tác xã điển hình tiên tiến; biểu dương Hợp tác Thành Công thuộc xã Hùng Sơn và các hợp tác xã thuộc xã Phú Lạc (huyện Đại Từ).

Xã Phú Lạc trước khi triển khai Nghị quyết số 33-NQ/BT của Tỉnh ủy là một xã yếu kém. Trong Đảng bộ xã, có chi bộ 4, 5 tháng không sinh hoạt; 1/3 số đảng viên trong Đảng bộ không hoạt động. Trong xã có 2 xóm bị vỡ hợp tác xã, cá nhân lấn chiếm ruộng của

(1) Theo *Báo cáo Tổng kết năm 1975 của Huyện ủy Võ Nhai*: Chi bộ xã Văn Lăng nhiều năm không sinh hoạt được vì đồng chí Bí thư Chi bộ bất mãn, nằm ỳ, không hoạt động; một số đảng viên đánh bạc, bất mãn, không ai đưa ra kiểm điểm, giúp đỡ. Ở xã Sảng Mộc, các đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ xã đều thắc mắc về quyền lợi hưởng thụ, phân phối; đồng chí Chủ tịch xã tự tư, tự lợi; Chi bộ 3 năm không họp được. Ở xã Phương Giao, nội bộ cấp ủy Đảng mất đoàn kết kéo dài nhiều năm, Hội đồng nhân dân xã bầu xong từ tháng 4/1975, mãi 4 tháng sau mới bầu được Ủy ban Hành chính xã. Ở các xã Vũ Chấn, La Hiên có đảng viên 3 năm liền không nộp thuế cho Nhà nước.

hợp tác xã tới 160 mẫu, kinh tế tập thể suy yếu, đời sống nhân dân giảm sút. Nhiều năm Đảng bộ xã Phú Lạc không hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Sau 9 tháng thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/BT của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng từ Đảng bộ xã đến các chi bộ xóm ở xã Phú Lạc được củng cố, các hợp tác xã tan vỡ được khôi phục, thu nhập của xã viên mỗi người mỗi tháng tăng từ 12 kilôgam thóc, lên 22 kilôgam. Ngoài việc hoàn thành nghĩa vụ đóng góp 125 tấn lương thực, các hợp tác xã trong xã còn bán thêm cho Nhà nước 40 tấn lương thực giá cao.

Từ thực tế công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền huyện Đại Từ, xã Phú Lạc và các địa phương có hợp tác xã điển hình tiên tiến, Đại hội khẳng định nguyên nhân thành công và rút ra 3 bài học kinh nghiệm chủ yếu: *Một là,* coi trọng công tác xây dựng Đảng; *Hai là,* đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ cốt cán vững mạnh; *Ba là,* tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lí dân chủ trong các hợp tác xã.

Phát huy kết quả Đại hội các hợp tác xã điển hình tiên tiến và khá, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đã hướng dẫn 239 hợp tác xã trong toàn tỉnh áp dụng kinh nghiệm 3 khoán của Hợp tác xã Thành Công (xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ) và 110 hợp tác xã thực hiện khoán có định mức, đúng tiêu chuẩn tính công. Hầu hết trong số 110 hợp tác xã thực hiện khoán có định mức là hợp tác xã tiên tiến và khá. Các cấp đảng bộ, chính quyền từ tỉnh xuống các huyện, thành phố quan tâm hơn đến nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lí và cán bộ tài vụ trong các hợp tác xã. Năm 1974, toàn tỉnh đã tập huấn nghiệp vụ cho 119 cán

bộ kế toán cũ, đào tạo 123 cán bộ kế toán mới, bồi dưỡng gần 200 cán bộ quản lí hợp tác xã (kể cả cán bộ kĩ thuật); 550 hợp tác xã đã hoàn thành việc thanh quyết toán, khoá sổ; 280 hợp tác xã đã tổ chức được đại hội xã viên, thông qua báo cáo tài chính, vốn và tài sản của hợp tác xã.

Tại các huyện: Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, sau khi Tỉnh ủy tập trung đưa hơn 200 cán bộ đi làm công tác Chỉ thị 192 gắn với công tác củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp (theo Nghị quyết số 186-NQ/BT ngày 25/5/1974 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy), tình trạng các hợp tác xã tan vỡ từng mảng đã được ngăn chặn. Kết quả này cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 220-NQ/TW ngày 1/6/1972 của Bộ Chính trị về chuyển hướng và đẩy mạnh mọi mặt công tác ở miền Bắc, tiếp tục đánh thắng giặc Mĩ xâm lược đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp.

Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết (27/1/1973), thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh sản xuất lương thực và chăn nuôi, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và các huyện: Đồng Hỷ, Phổ Yên lãnh đạo nhân dân san lấp trên 300 hố bom, với khối lượng hơn 3 vạn mét khối đất, đưa các thửa ruộng bỏ hóa vào canh tác. Đảng bộ các huyện: Phú Bình, Phổ Yên và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân tập trung sửa chữa, khôi phục hệ thống đê, kè dọc sông Cầu do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ và lũ lụt làm hư hại.

Cùng với việc đắp đê phòng, chống lũ lụt, Đảng bộ các huyện: Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ lãnh đạo nhân dân làm được 5 công trình thủy lợi cung cấp nước tưới cho đồng ruộng.

Đầu năm 1974 rét đậm, lúa chiêm phát triển chậm, có nhiều nơi bị chết lụi, các đảng bộ huyện, thành phố địa bàn Thái Nguyên lãnh

đạo phát triển lúa xuân có năng suất cao và đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kĩ thuật để tăng năng suất lúa. Trong các hợp tác xã nông nghiệp thuộc địa bàn Thái Nguyên, diện tích cấy lúa xuân chiếm 83,2%, trung bình mỗi hécta bón 7 tấn phân hữu cơ và 135 kg phân vô cơ. Năng suất lúa xuân năm 1974 tăng 3,3% so với năm 1973. Hai huyện Đại Từ, Định Hoá và hàng chục các hợp tác xã khác trong tỉnh đạt năng suất 5 tấn thóc/ha cả năm.

Các cấp đảng bộ trong tỉnh còn lãnh đạo đẩy mạnh gieo, trồng các loại cây hoa màu lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp. Trong 2 năm (1973 - 1974), riêng các huyện, thành phố địa bàn Thái Nguyên, sản lượng ngô đạt gần 5.750 tấn, sắn đạt 81.130 tấn, đỗ tương 53 tấn, lạc 2.439 tấn, mía cây 31.463 tấn, chè búp khô 542 tấn.

Công tác chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được các cấp đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Năm 1974 so với năm 1973, đàn lợn tăng 14%, đàn trâu, bò tăng 16,3%. Chỉ tính riêng 3 trại chăn nuôi tập thể ở thành phố Thái Nguyên và 2 huyện: Đại Từ, Phú Lương đã có trên 4.600 con lợn.

Trồng trọt và chăn nuôi phát triển là điều kiện đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm ổn định, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Đó cũng là điều kiện để các cấp đảng bộ lãnh đạo nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, chi viện chiến trường.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từng bước đi vào ổn định; số lượng và chất lượng sản phẩm đều tăng, giá trị tổng sản lượng đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Công ty Gang thép Thái Nguyên và các nhà máy: Luyện cán thép Gia Sàng, Giấy Hoàng Văn Thụ, Điện Cao Ngạn; các xưởng: Hợp kim sắt, Luyện thép Lưu

Xá và Mỏ sắt Trại Cau đã được khôi phục và đi vào sản xuất. Trong 6 tháng cuối năm 1973, các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp địa phương tích cực sắp xếp quản lí, ổn định sản xuất, đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp đạt và vượt kế hoạch so với cùng kỳ năm 1972(1).

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cấp những tuyến giao thông có lượng xe chạy nhiều, tiếp tục đẩy mạnh củng cố và phát triển giao thông nông thôn, đặc biệt chú ý những xã chưa có đường lớn, các Đảng bộ: Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái, Ty Giao thông đã lãnh đạo tốt việc tu sửa, nâng cấp các đoạn đường trọng yếu trên Quốc lộ số 3, Đường số 13A và các ngầm: Sơn Cẩm (Phú Lương), Bến Tượng (thành phố Thái Nguyên). Giao thông nông thôn được quan tâm phát triển. Cuối năm 1974, trên địa bàn Thái Nguyên, hơn 80% số xã xe ô tô có thể đi đến trung tâm xã trong mùa khô. Toàn tỉnh làm mới và sửa chữa 223 chiếc cầu lớn, nhỏ; 3.481 cống các loại, đóng mới và sửa chữa 4.555 phương tiện vận tải thô sơ (riêng huyện Định Hoá đã làm được 920 km đường giao thông liên thôn, liên xã). Giao thông vận tải được mở rộng đã góp phần thúc đẩy kinh tế, văn hoá, xã hội của các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên phát triển đi lên, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân.

Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế… tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác Thông tin tuyên truyền tập trung động viên nhân dân hăng hái lao động sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh và tích cực đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết, hầu hết các trường, lớp từ nơi sơ tán chuyển về chỗ cũ. Cơ sở vật chất các trường, lớp bị

(1) *Báo cáo Tổng kết năm 1973* của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái.

hư hỏng do bom đạn Mĩ gây ra được tu sửa, hoặc xây dựng lại. So với năm học 1972 - 1973, năm học 1973 - 1974 số học sinh phổ thông tăng 4,5%; số học sinh thi đỗ tốt nghiệp các trường phổ thông cấp I, II, III ở các huyện: Phú Lương, Võ Nhai và thành phố Thái Nguyên đạt tỉ lệ từ 90% trở lên. Năm học 1974 - 1975 so với năm học 1973 - 1974, số học sinh phổ thông tăng 6,5%, số học sinh mẫu giáo tăng 2,4%.

Mạng lưới Y tế được các cấp đảng bộ lãnh đạo khôi phục, phát triển và tổ chức lại phù hợp với điều kiện thời bình. Các bệnh viện, trạm xá được sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại; các trang thiết bị y tế được bổ sung; đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường. Năm 1973, các đảng bộ huyện, thành phố lãnh đạo củng cố được 25 trạm xá trở lại hoạt động bình thường, nâng số bệnh xá trên địa bàn Thái Nguyên lên trên 150 cơ sở (có gần 100 trạm xá được trang bị tương đối hoàn chỉnh); số người đến khám bệnh tăng 40%, số người được vào điều trị bệnh tại các bệnh viện, bệnh xá tăng 30% so với năm 1972. Sau khi được sửa chữa, nâng cấp, các cơ sở y tế đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Tình hình trật tự trị an trên địa bàn Thái Nguyên có những diễn biến phức tạp. Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết, lợi dụng các mặt sơ hở trong quản lí kinh tế và xã hội của các cấp, các ngành trên địa bàn, các đối tượng tội phạm hình sự, lưu manh, trộm cướp tăng cường hoạt động. Năm 1973, trên địa bàn Thái Nguyên đã xảy ra 11 vụ giết người cướp của, 683 vụ trộm cắp. Số vụ trộm cắp năm 1974 tăng 40% so với năm 1973, nghiêm trọng nhất là vụ trộm 2.000 kíp mìn và 100 mét dây cháy chậm tại Công trường xây dựng Hồ Núi Cốc. Một số phần tử trong các tổ chức phản động *Đảng Nông dân cứu quốc, Liên đoàn người cộng sản* ở các huyện: Võ Nhai, Định

Hoá... hoạt động chống đối chính quyền, tuyên truyền chiến tranh tâm lí, phá rối trị an xã hội.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do tư tưởng chủ quan, thiếu nhạy bén trước những diễn biến phức tạp nảy sinh sau khi chấm dứt chiến tranh. Việc tổ chức nắm tình hình và phòng ngừa tội phạm chưa tốt... Các ngành: Công an, Toà án, Kiểm sát từ tỉnh xuống các huyện, thành phố còn nhiều biểu hiện hữu khuynh. Việc lập hồ sơ, xét xử các vụ vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây rối trật tự, trị an... thiếu kịp thời...

Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh việc tuyên truyền, học tập Chỉ thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương và các nghị quyết số 195-NQ/TW, 228-NQ/TW (12/1/1974) của Bộ Chính trị nhằm ngăn chặn các hành động phạm pháp, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ vững kỉ cương xã hội; kiên quyết truy quét tội phạm, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ Công an tỉnh lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ làm rõ âm mưu, thủ đoạn chiến tranh tâm lí của một số phần tử phản động trong Công giáo ở huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Thành ủy Thái Nguyên lãnh đạo huy động gần 100 cán bộ, chiến sĩ công an và cán bộ các cơ quan của thành phố, tổ chức 2 đợt kiểm tra hành chính ở tất cả các xã, khu phố trên địa bàn, phát hiện 321 vụ phạm pháp để xử lí; bắt giữ một số đối tượng giả danh bộ đội, công an, thương binh, cán bộ thuế vụ để lừa đảo, trộm cắp, trấn lột và gây rối trật tự công cộng. Chỉ tính riêng đợt công tác đột xuất *Tăng cường bảo vệ an ninh thành phố Thái Nguyên* tháng 7/1974, lực lượng Công an thành phố Thái Nguyên đã lập hồ sơ đưa đi cải tạo tập trung hàng

trăm đối tượng xấu; lập danh sách và đưa 94 thiếu niên hư đi học tập kết hợp với lao động cải tạo tập trung theo lứa tuổi để giáo dục. Được nhân dân giúp đỡ, lực lượng Công an thành phố Thái Nguyên triệt phá 1 ổ lưu manh, trộm cướp, gồm 7 tên có nhiều tiền án, tiền sự do Lê Bá Lường cầm đầu.

Tháng 3/1974, Công an huyện Võ Nhai phát hiện và triệt phá tổ chức phản động *Đảng Nông dân cứu quốc* và tổ chức *Đảng Liên đoàn người cộng sản* chuyên tuyên truyền, nói xấu chế độ xã hội chủ nghĩa, đả kích lãnh tụ, phá hoại phong trào hợp tác xã.

Tháng 8/1974, Công an huyện Đại Từ phối hợp với các ngành chức năng giải toả kịp thời 10 đối tượng giả danh bộ đội và thương binh bao vây phòng Tài chính huyện, bắt 4 tên chuyên buôn lậu. Đảng bộ các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ lãnh đạo chính quyền tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác trị an xã hội, củng cố quốc phòng và phòng, chống bạo loạn.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, các cấp đảng bộ trong tỉnh tập trung lãnh đạo công tác động viên tuyển quân, dồn sức chi viện cho các chiến trường đánh Mĩ. Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp, các ngành: "*Tập trung lãnh đạo công tác động viên tuyển quân là nhiệm vụ lớn đột xuất trước mắt. Bất kì trong tình huống nào cũng bảo đảm hoàn thành tốt nhất với yêu cầu: Đủ số lượng, đúng chất lượng, đúng chính sách, đúng thời gian. Thực hiện công bằng hợp lí*"(1).

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân năm 1972, bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ tuyển quân năm 1973; huy động 60 cán bộ

(1) Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái: *Chỉ thị về việc tăng cường lãnh đạo công tác quân sự địa phương thời gian tới*. Số 28-CT/BT, ngày 21/7/1973, tr. 2.

các ngành từ Trưởng, Phó ty trở xuống trực tiếp xuống các huyện, thành phố lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân.

Tuyển quân đợt 1 năm 1973, Đảng bộ 2 huyện: Đại Từ và Phú Bình tập trung lãnh đạo tuyển quân ở các xã yếu, vùng yếu, động viên được gần 400 tân binh, giao cho Quân khu Việt Bắc và các quân, binh chủng.

Thực hiện chỉ thị của Hội đồng Chính phủ và mệnh lệnh tuyển quân của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, tháng 8/1973, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo công tác tuyển quân đợt 2 năm 1973. Do thời gian chuẩn bị rất ngắn, nên Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh quyết định hoãn lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiều việc khác để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Kết quả chỉ trong một tuần lễ, Thái Nguyên tuyển được 2.353 thanh niên vào bộ đội (vượt chỉ tiêu trên giao 0,07%); hầu hết có trình độ văn hoá cấp II, cấp III phổ thông. Thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 1,4%, trở thành đơn vị dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh về công tác tuyển quân đợt 2 năm 1973. Các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ đều giao quân vượt mức chỉ tiêu trên giao.

Năm 1974, các cấp đảng bộ trên địa bàn Thái Nguyên lãnh đạo 2 đợt tuyển quân. Đợt 1 tuyển được 928 người vào bộ đội (có 116 nữ), đạt 80,95% chỉ tiêu tuyển quân nam và 74,35% chỉ tiêu tuyển quân nữ; tỉ lệ chống lệnh gọi nhập ngũ có huyện lên tới 47,64%, quân số đảo ngũ so với quân số nhập ngũ chiếm 27,6%. Trước tình hình này, ngày 28/8/1974, Ủy ban Hành chính tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành phố phải chuẩn bị thật tốt công tác khám tuyển và xét duyệt hồ sơ nhập ngũ trong tháng 9, để tháng 10 tiến hành giao quân đợt 2.

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban Hành chính tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên trực tiếp xuống các xã chỉ đạo công tác tuyển quân, tạo được bước chuyển biến mới về nhận thức cho cán bộ, nhân dân ở cơ sở và mang lại kết quả tuyển quân cao.

Đảng bộ 2 huyện: Đại Từ và Phú Bình được giao nhiệm vụ lãnh đạo tuyển quân đợt 2 năm 1974 với chỉ tiêu cao nhất các huyện, thành phố trong tỉnh (mỗi huyện, tuyển 150 tân binh). Tại huyện Đại Từ, do các cấp đảng bộ và chính quyền làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nên toàn huyện tuyển được 165 tân binh, vượt chỉ tiêu trên giao 10%. Đảng bộ các huyện: Đồng Hỷ lãnh đạo tuyển quân vượt chỉ tiêu 6%, Định Hoá vượt chỉ tiêu 8% và Phú Lương vượt chỉ tiêu gần 4,2%.

Tại thành phố Thái Nguyên, Thành ủy, Ủy ban Hành chính và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tổ chức Hội nghị liên ngành thảo luận, thống nhất cách giải quyết mối liên hệ giữa các công tác tuyển quân, tuyển lao động và tuyển sinh. Hội nghị xác định tuyển quân là nhiệm vụ hàng đầu, nên đã tập trung cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo. Kết quả tuyển quân đợt 2 năm 1974, thành phố Thái Nguyên có 185 người vào bộ đội (vượt chỉ tiêu 32%, cao nhất các các huyện, thành phố trong tỉnh), giữ vững truyền thống đơn vị lá cờ đầu của tỉnh trong công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường.

Tại huyện Phú Bình, hầu hết các ngành, các đoàn thể quần chúng đều họp bàn nội dung, biện pháp động viên tuyển quân, coi công tác động viên tuyển quân là trách nhiệm của từng ngành và toàn xã hội. Tại các huyện: Phổ Yên, Phú Lương, cấp ủy và chính quyền các cấp kết hợp tốt giữa công tác tuyên truyền, giáo dục với các biện pháp hành chính, vừa động viên, vừa kiên quyết xử lí những trường hợp chống lệnh.

Ngành Y tế phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự các cấp, tổ chức khám tuyển được gần 9.600 người, cắt và điều trị amiđan cho 89 tân binh trước khi giao quân, góp phần quan trọng giảm tỉ lệ quân số bị thải loại về sức khoẻ từ 20% (năm 1973) xuống còn 12% (năm 1974). Ngành Công an tỉnh chỉ đạo và xét duyệt chặt chẽ trên 6.000 hồ sơ tuyển quân, giảm tỉ lệ quân số bị thải loại về chính trị khi giao quân xuống còn 0,5%. Các ngành: Giao thông, Thương nghiệp, Lương thực, Thực phẩm, Toà án, Viện Kiểm sát,... đều nâng cao tinh thần trách nhiệm, phục vụ đắc lực nhiệm vụ tuyển quân, góp phần hạn chế được nhiều mặt tiêu cực, đưa công tác tuyển quân đạt kết quả tốt.

Kết thúc công tác tuyển quân năm 1974, các đảng bộ huyện, thành phố địa bàn Thái Nguyên đã lãnh đạo, động viên được 1.775 người vào bộ đội (có 126 nữ), vượt chỉ tiêu trên giao 1,5%. Trong đó, thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 13,8% (330/290), các huyện: Đại Từ 324/300 (vượt 8%), Định Hoá 233/215 (vượt 7,9%), Đồng Hỷ 275/310 (đạt 87,4%), Phổ Yên 265/272 (đạt 97,4%), Phú Bình 271/310 (đạt 87,4%), Phú Lương 238/232 (vượt 2,6%), Võ Nhai 64/66 (đạt 97%).

Với thành tích xuất sắc trong công tác tuyển quân năm 1974, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Lương, 14 đơn vị cơ sở thuộc thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ được Ủy ban Hành chính tỉnh tặng Bằng khen (theo Quyết định số 52/QĐ-UB ngày 31/12/1974).

Bước sang năm 1975, tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh, yêu cầu hậu phương miền Bắc chi viện cho các chiến trường rất khẩn trương. Ngày 18/2/1975, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc chỉ thị cho tỉnh Bắc Thái phải hoàn thành công tác tuyển

quân đợt I năm 1975 ngay trong tháng 2, hoàn thành tuyển quân đợt 2 vào ngày 15/3 và hoàn thành tuyển quân đợt 3 vào ngày 15/4/1975. Chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc chỉ rõ nơi nào có điều kiện thuận lợi thì giao quân đợt 2 cùng một lúc với giao quân đợt 1.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, với tinh thần *Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời; Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*, trong 4 tháng đầu năm 1975, các cấp đảng bộ trên địa bàn Thái Nguyên lãnh đạo thực hiện thắng lợi 3 chiến dịch động viên tuyển quân, với tổng số 4.103 người vào bộ đội, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân gọn, đúng thời gian, vượt chỉ tiêu quân số trên giao 1,8%. Riêng Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo giao quân vượt 39% chỉ tiêu, tiếp tục là đơn vị dẫn đầu Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo công tác tuyển quân, tiếp theo là Đảng bộ huyện Đại Từ lãnh đạo tuyển vượt 19% chỉ tiêu.

Tính chung, trong hơn 2 năm (1/1973 - 4/1975), Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo, động viên được trên 8.600 người vào bộ đội. Con em nhân dân các dân tộc địa bàn Thái Nguyên vào bộ đội đã tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương, chủ yếu ở chiến trường miền Nam, góp phần quan trọng cùng với quân và dân cả nước làm nên *Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử*, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tóm lại, trong gần 10 năm (7/1965 - 5/1975), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, quân và dân các dân tộc Thái Nguyên đã trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu trên 400 trận, góp phần bắn rơi 61 máy bay Mĩ (có 2 máy bay ném bom chiến lược B52 và 1 máy bay trinh sát điện tử EB66), diệt và bắt nhiều tên giặc lái máy bay. Trải qua gần 40 chiến dịch động viên tuyển quân

lớn nhỏ, các cấp đảng bộ đã lãnh đạo, động viên, tuyển chọn được 48.278 người vào bộ đội đánh Mĩ; trong đó, có hơn 7.790 người hi sinh trên các chiến trường, được Tổ quốc ghi công là Liệt sĩ, gần 7.800 người để lại một phần xương máu ngoài mặt trận, được Nhà nước công nhận là Thương binh,...

Với tinh thần *Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*, trung bình mỗi năm các cấp đảng bộ địa bàn Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân đóng góp cho Nhà nước 20.000 tấn lương thực. Trong bom đạn ác liệt của 2 lần chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ, các cấp đảng bộ đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân giữ vững, phát triển sản xuất, đời sống, văn hoá, xã hội, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của tiền tuyến.

Những thành tích to lớn của quân, dân Thái Nguyên trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng *Huân chương Sao vàng, Huân chương Độc lập,* 54 *Huân chương Kháng chiến,* 2 *Huân chương Chiến công*; 8 đơn vị và 7 cá nhân được tặng danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*; 3 cá nhân được tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*.

Phát huy thành tích đã đạt dược trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, các cấp bộ đảng địa bàn Thái Nguyên vững vàng bước sang thời kỳ lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương II
ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (GIAI ĐOẠN 1975 - 1986)

I- Tiếp tục khôi phục và phát triển kinh tế, góp phần cùng cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh (1975 - 1976)

Sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam kéo dài trên 20 năm đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nhân dân hai miền Nam - Bắc được sum họp một nhà. Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kỳ mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hoà cùng với niềm vui chung của cả nước, trong 6 tháng cuối năm 1975, dưới sự lãnh đạo của các cấp đảng bộ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã tập trung sức lực, trí tuệ giành được kết quả lớn trên mặt trận phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ngày 5/5/1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 40-NQ/BT *Về tổ chức đợt thi đua "Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng"*. Hưởng ứng đợt thi đua, các cơ quan, đơn vị, trường học, đoàn thể đã động viên cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc tổ chức lao động xã hội chủ nghĩa để lấy tiền mua tư liệu sản xuất gửi tặng đồng bào miền Nam nói chung và hai tỉnh kết nghĩa (Kon Tum, Khánh Hòa) nói riêng. Kết quả, nhân dân trong tỉnh đã cho vay và ủng hộ đồng

bào miền Nam 1.216 tấn thóc, 692 con trâu (thực tế chọn và đã chuyển tới 2 tỉnh Kon Tum - Khánh Hoà kết nghĩa được 503 con trâu đạt tiêu chuẩn cày kéo...).

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Diện tích lúa cấy cả năm 1975 đạt 72.387 ha[1], tăng 3.200 ha so với năm 1970. Do tập trung đẩy mạnh thâm canh, đưa giống mới vào sản xuất, bước đầu xác định được cơ cấu giống thích nghi với khí hậu từng vùng, từng loại đất nên năng suất lúa cả năm 1975 đạt 21,62 tạ/ha[2]. Hai huyện: Đại Từ, Định Hóa, 37 xã, 87 hợp tác xã trong các huyện khác đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha một năm, có những hợp tác xã đạt trên 7 tấn thóc/ha một năm. Sản lượng lúa năm 1975 đạt 153.061 tấn, tăng 18.917 tấn[3] so với năm 1970. Kết quả phát triển các loại cây màu, rau, đậu cũng tăng từ 3 đến 10%. Sản xuất lương thực phát triển đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Năm 1975, tổng đàn lợn trên địa bàn Thái Nguyên có 219.421 con, tăng 30.147 con[4] so với năm 1970.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có những biến đổi căn bản. Đến năm 1975, toàn tỉnh có 71,1% số hộ nông dân lao động đi vào con đường làm ăn tập thể; quy mô hợp tác xã ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất kĩ thuật được tăng cường, đội ngũ cán bộ nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở ngày càng trưởng thành trong quản lí kinh tế và khoa học - kĩ thuật. Nhờ đó, kết quả sản xuất ngày càng cao. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng kinh tế chuyên canh (rau, chè) và bước đầu phát triển mạnh nghề rừng, chăn nuôi.

---

(1) Theo Niên giám thống kê: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa tỉnh Bắc Thái (1955 - 1970)*. Lưu tại Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

(2), (3), (4) Theo Niên giám thống kê: *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa tỉnh Bắc Thái*... Tlđd.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp Thái Nguyên phát triển chậm, không đều và cơ bản vẫn độc canh cây lúa, mang nặng tính chất tự túc, tự cấp của nền sản xuất nhỏ. Việc bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa hợp lí, dẫn đến lãng phí đất đai, năng suất không ổn định. Sản phẩm hàng hóa làm ra còn quá ít nên chưa đáp được nhu cầu của nhân dân về lương thực, thực phẩm và cũng không đủ nguyên liệu cung cấp cho các ngành tiểu, thủ công nghiệp. Tổ chức hợp tác xã nông nghiệp mặc dù được thường xuyên củng cố, nhưng vẫn bộc lộ những mặt hạn chế, yếu kém: Công tác quản lí bị buông lỏng, tình trạng tham ô, lãng phí, nợ nần, lấn chiếm ruộng đất tập thể, ăn chia phân phối không công bằng… diễn ra khá phổ biến. Những yếu kém, tiêu cực này cùng với sự phát triển ngày càng nhanh của kinh tế cá thể từng bước lấn át kinh tế tập thể, phá vỡ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Tình hình sản xuất và công tác quản lí như trên đã biến các đội sản xuất như một hợp tác xã nhỏ và Ban Quản trị hợp tác xã như một cơ quan quản lí hành chính.

Tình hình cung cấp lương thực cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng hết sức khó khăn do dân số tăng nhanh, sản xuất phát triển chậm, nguồn nhập khẩu lương thực của Nhà nước giảm sút do một số nước cắt, giảm viện trợ cho ta khi chiến tranh kết thúc. Trong khi đó, việc quản lí, sử dụng lương thực lại thiếu chặt chẽ, sai đối tượng, gây thất thoát lớn. Đối với Thái Nguyên, phần lương thực do Nhà nước cung cấp cho các đối tượng (theo sổ gạo) chiếm trên 60%, nên càng khó khăn hơn. Tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu lương thực ngày càng nghiêm trọng.

Sản xuất lâm nghiệp chủ yếu là khai thác, nhưng do công tác quản lí yếu, rừng bị khai thác bừa bãi, không được chú ý chăm sóc, bảo vệ và trồng mới, nên tài nguyên rừng bị tàn phá nặng nề, diện tích rừng nhanh chóng bị thu hẹp.

Quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng cường quản lí, sử dụng tiết kiệm lương thực, thực phẩm, ngày 10/3/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 18-CT/BT *Về đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm, tăng cường quản lí chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước*. Ban Thường vụ yêu cầu các huyện, thành bằng mọi biện pháp đẩy mạnh sản xuất, thâm canh lúa và hoa màu vụ đông - xuân 1975 - 1976, chuẩn bị điều kiện thật tốt cho sản xuất vụ mùa năm 1976; đồng thời đẩy mạnh sản xuất rau, màu ngắn ngày để chống đói trong kỳ giáp hạt và làm tốt nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị quân đội tận dụng triệt để diện tích đất của đơn vị mình và khu vực lân cận để sản xuất rau, màu, bảo đảm trong năm 1976, bình quân mỗi người tự túc tối thiểu 3 kg màu quy gạo. Chỉ thị cũng yêu cầu Ủy ban Kế hoạch tỉnh cùng với các ngành hữu quan rà soát lại số người sử dụng lương thực do Nhà nước cung cấp để bảo đảm việc cung cấp đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, mang lại hiệu quả thiết thực; yêu cầu các ngành, các địa phương chỉ đạo bảo quản tốt lương thực, kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí, hư hao, thất thoát, tham ô lương thực của Nhà nước và tập thể.

Thực hiện Nghị quyết số 61/CP ngày 5/4/1976 của Hội đồng Chính phủ về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lí nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ngày 8/6/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 46-NQ/BT *Về việc mở cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước quản lí nông, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phong trào sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đây là một cuộc

vận động lớn trong toàn Đảng, toàn dân tỉnh Bắc Thái nói chung, Thái Nguyên nói riêng, nhằm từng bước đưa nền sản xuất nông - lâm nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện cuộc vận động nói trên cũng là thực hiện kế hoạch năm 1976 - năm đầu của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980). Để đạt được mục tiêu của cuộc vận động, Đảng bộ tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh củng cố, khôi phục, cải tiến công tác quản lí trong các hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu cấp bách của xã hội. Mặc dù vậy, sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn hết sức khó khăn. Những yếu kém về chỉ đạo, quản lí sản xuất trong các hợp tác xã chưa được khắc phục. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên mà thời tiết lại không thuận lợi, vụ đông - xuân giá rét kéo dài, vụ mùa nắng hạn gay gắt gây ảnh hưởng xấu đến năng suất, sản lượng lúa và hoa màu. Sản lượng lương thực quy thóc cả năm 1976 chỉ đạt 132.181 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 115.360 tấn, giảm 17.023 tấn so với năm 1975. Kết quả thu hoạch thấp, phần lương thực Nhà nước cung cấp cho tỉnh cũng giảm sút và không kịp thời. Tình trạng đói giáp hạt đã xảy ra ở một số nơi.

Các ngành: Công nghiệp và Thủ công nghiệp phát triển chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ đời sống và sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Năm 1975, công nghiệp chế biến, sửa chữa cơ khí và sản xuất nông cụ giảm khoảng 9% so với năm 1969. Với tinh thần tự lực, tự cường, cán bộ công nhân viên trong các xí nghiệp, xã viên trong các hợp tác xã thủ công nghiệp đã vượt qua nhiều khó khăn do máy móc thiết bị hầu hết đều cũ, thường xuyên hỏng hóc, lại thiếu phụ tùng thay thế; vật tư, nguyên liệu cho sản xuất cũng thường xuyên thiếu hụt và không đồng bộ. Nhờ đó, kết quả lao động sản xuất năm 1976 được giữ vững và nâng cao. Giá trị

tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp toàn tỉnh năm 1976 đạt 31,5 triệu đồng (99% kế hoạch), tăng 7,9% so với năm 1975. Một số ngành (khai thác và chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng...) đạt tốc độ phát triên khá cao.

Mặc dù điều kiện kinh tế hết sức khó khăn, nhưng công tác chăm sóc và sắp xếp việc làm cho thương binh, bộ đội phục viên, xuất ngũ, tìm kiếm, giải quyết những trường hợp quân nhân tham gia chiến đấu ở các chiến trường không có tin tức, bảo đảm quyền lợi cho những đối tượng chính sách ở các địa phương... được các cấp ủy đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm, góp phần giải quyết tốt những vấn đề xã hội, làm dịu bớt những đau thương, mất mát trong chiến tranh.

II- Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm và chi viện các tỉnh biên giới phía Bắc chiến đấu chống quân Trung Quốc xâm lược, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc (1976 - 1980)

Cuối năm 1976, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân Thái Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc khôi phục và phát triển kinh tế, góp phần cùng cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh. Đây cũng là năm hoàn thành thống nhất đất nước về Nhà nước; toàn Đảng, toàn dân ra sức thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, từ ngày 11 đến ngày 18/11/1976, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (vòng 1) được tổ chức với sự tham gia của 500 đại biểu chính thức, 23 đại biểu dự khuyết đại diện cho gần 4 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Đồng chí Xuân Thủy - Bí thư Trung ương Đảng, tới dự và chỉ đạo Đại hội. Với tinh thần trách nhiệm cao, các đại biểu tham dự Đại hội đã thảo luận, tham gia nhiều ý kiến vào bản dự thảo *Báo cáo Chính trị* và bản dự

thảo *Điều lệ Đảng (sửa đổi)* của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IV của Đảng; bầu 21 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Tiếp theo đại hội đảng bộ các địa phương, từ ngày 14 đến 20/12/1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV được tổ chức tại Hà Nội. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III) trình bày tại Đại hội đã đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc những thắng lợi vĩ đại mang tầm vóc thời đại của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Trên cơ sở phân tích những đặc điểm của đất nước, Đại hội đề ra đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích luỹ để xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Để quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, từ ngày 19/4 đến ngày 24/4/1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (vòng 2) được tổ chức.

Đại hội đánh giá những thành tích, ưu điểm và những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ I (1970), đồng thời phân tích đặc điểm tình hình, nêu rõ khó khăn và thuận lợi của địa phương trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ phân tích, đánh giá tình hình, vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Kế hoạch Nhà nước 5 năm, Đại hội Đảng bộ tỉnh đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh trong Kế hoạch 5 năm (1976 - 1980): "*Phát huy mọi khả năng lao động, mọi nguồn tài nguyên, đất đai và cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện có, thông qua việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lí nông, lâm nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ với xây dựng cấp huyện (và tương đương) thành đơn vị kinh tế nông - lâm - công nghiệp hoàn chỉnh, phấn đấu xây dựng...thành tỉnh công - nông - lâm nghiệp phát triển toàn diện và giàu mạnh, bảo đảm tính thống nhất giữa xây dựng kinh tế trung ương và phát triển kinh tế địa phương, nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho toàn tỉnh và đáp ứng ngày càng nhiều các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, từng bước cải thiện đời sống vật chất, văn hoá cho công nhân và nhân dân lao động các dân tộc trong tỉnh*"(1).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II gồm 35 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II bầu Ban Thường vụ, gồm 11 ủy viên. Các đồng chí: Vũ Ngọc Linh được bầu giữ chức Bí thư, Doanh Hằng giữ chức Phó Bí thư, Nguyễn Duy An là Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy.

Từ đầu năm 1977, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, trước hết là phát triển lương thực theo phương hướng Đại hội Đảng bộ lần thứ II đã đề ra, để bù đắp sự thiếu hụt sản lượng lương thực năm 1976, cùng với việc tiếp tục chỉ đạo sát sao các huyện, thành cấy hết diện tích, đúng thời vụ và đẩy mạnh chăm sóc lúa sau khi cấy, Đảng bộ chú trọng chỉ đạo tăng cường trồng cây lương thực. Bên cạnh việc mở rộng diện tích gieo trồng các loại cây màu ngắn ngày (khoai lang, ngô, đậu), ngày 1/3/1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bắc Thái trước Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ II*. Số 4-BC/BT, ngày 12/4/1977, tr. 32.

số 49-NQ/BT phát động một chiến dịch trồng sắn rộng rãi trong toàn tỉnh. Được sự hưởng ứng của đông đảo cán bộ, đảng viên, các ngành, các cấp, lực lượng vũ trang và nhân dân, sau hơn 2 tháng triển khai thực hiện, toàn tỉnh đã trồng được hơn 5.000 ha sắn. Ba huyện có diện tích trồng sắn lớn là Phú Lương (738 ha), Đồng Hỷ (752 ha), Phổ Yên (760 ha). Do chăm sóc tốt, sản lượng sắn thu hoạch được đã bổ sung lượng lương thực tương đối lớn cho tỉnh vào cuối năm 1977 đầu năm 1978.

Thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng lớn cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất nói chung, sản xuất nông nghiệp nói riêng, trong 3 năm (1977 - 1979), toàn tỉnh đã dấy lên phong trào thi đua sôi nổi, huy động được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và quần chúng nhân dân, góp hơn 6 triệu ngày công, tập trung hoàn thành các công trình thủy lợi, giao thông. Trong đó, trọng tâm là công trình thủy lợi Hồ Núi Cốc.

Được sự quan tâm và trợ giúp của Trung ương, từ năm 1973, công trình thủy lợi hồ Núi Cốc được khởi công xây dựng. Với diện tích mặt hồ rộng 2.500 ha, dung tích chứa nước là 175 triệu mét khối, hồ Núi Cốc là công trình lớn nhất trên địa bàn tỉnh và là một trong những công trình trọng điểm của Nhà nước vào thời gian này. Công trình thủy lợi hồ Núi Cốc hoàn thành là nguồn cung cấp nước phục vụ cho sản xuất của Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, Khu Công nghiệp Gò Đầm và nước tưới cho 12.000 ha lúa 2 vụ thuộc các huyện: Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, góp phần chống lũ lụt, tạo điều kiện để thúc đẩy nền nông nghiệp Thái Nguyên phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, hồ Núi Cốc còn cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đời sống nhân dân, tạo nên một vùng sinh thái có phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành, có khả năng phát triển du lịch.

Sau khi các đơn vị thi công của trung ương hoàn thành xây dựng đập chính và các đập phụ, được phân công đảm nhiệm thi công hệ thống kênh mương (cấp I, II, III) dài 250 km, với tổng kinh phí 14 triệu đồng, liên tiếp trong 3 năm (1977 - 1979), với 3 chiến dịch lớn, tỉnh Thái Nguyên đã huy động hàng triệu ngày công, lúc cao điểm có tới 18.000 người cùng lao động trên công trường, hoàn thành căn bản hệ thống kênh mương cấp I, II, một phần hệ thống kênh cấp III, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Ngoài hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc, cũng trong thời gian trên, Thái Nguyên còn đầu tư cho các công trình của ngành Nông nghiệp 11,4 triệu đồng, cho Lâm nghiệp 7,8 triệu đồng, cho Giao thông 10,9 triệu đồng. Nhà máy Cơ khí 3 - 2, Mỏ than Quang Vinh, Xí nghiệp Sửa chữa ô tô, Xí nghiệp Liên hiệp Dược, Công ty Sản xuất vật liệu xây dựng… được đầu tư thêm thiết bị. Các trại lợn giống ở Đắc Sơn (Phổ Yên), Cẩm Giàng, Tân Kim (Phú Bình), Trại trâu Mura ở Tân Cương (Đồng Hỷ) được xây dựng. Một số nông, lâm trường, vùng kinh tế mới, vùng chè, vùng rau được mở rộng. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh còn tự đầu tư công lao động sửa chữa và làm mới hàng trăm kilômét đường giao thông nông thôn, 350 công trình thủy lợi vừa và nhỏ được đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất và sinh hoạt cộng đồng.

Kết quả đầu tư đó tạo điều kiện cho nông, lâm nghiệp phát triển mở rộng diện tích cây lương thực, đẩy mạnh thâm canh cây trồng, tạo vùng cây tập trung và chuyên canh (chủ yếu là cây chè) cho xuất khẩu; cây thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân, cán bộ công nhân viên các khu công nghiệp, thành phố, thị trấn.

Mặc dù thiên tai diễn ra khắc nghiệt (lũ lụt, hạn hán, gió rét kéo dài), nhưng nhân dân các dân tộc trong tỉnh vẫn kiên trì phấn đấu,

vượt qua khó khăn, mở rộng diện tích gieo trồng từ 65.000 ha (năm 1977), lên 72.000 ha (năm 1979), trong đó diện tích lúa tăng gần 5.000 ha, màu tăng hơn 2.000 ha. Các giải pháp kĩ thuật cải tạo đồng ruộng, chọn lọc giống, chế biến phân, chăm bón lúa và cây trồng được tăng cường. Do đó, tổng sản lượng lương thực tăng bình quân trong 3 năm (1977 - 1979) là 1,7%.

Cùng với kết quả về lương thực, một số vùng cây tập trung và chuyên canh được củng cố và tiếp tục phát triển. Nổi bật là vùng chè ở các huyện: Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương và Đồng Hỷ. Trong 3 năm (1977 - 1979), diện tích chè tăng 2.000 ha, đưa tổng diện tích chè lên 4.900 ha; sản lượng tăng 2.159 tấn. Một trong những yếu tố tạo được các vùng chè tập trung là do có thêm nhân lực của đồng bào các tỉnh miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Các đội chuyên canh chè ở huyện Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương sản xuất đạt kết quả cao, góp phần tăng sản lượng chè xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong những năm 1977 - 1979 cũng phát triển khá ổn định. Một số hợp tác xã và nông trường quốc doanh áp dụng phương pháp chăn nuôi lợn tăng trọng đạt kết quả bước đầu. Phong trào chăn nuôi lợn, gà trong cán bộ, công nhân viên chức ở các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học có chuyển biến tốt, giải quyết được một phần khó khăn về thực phẩm.

Ngành Lâm nghiệp có những bước chuyển biến tích cực. Trong 3 năm (1977 - 1979), toàn tỉnh trồng được trên 3.000 ha rừng. Việc giao đất, giao rừng cũng được chú trọng hơn. Đến năm 1978, đã có 55 hợp tác xã thuộc 5 huyện nhận quản lí chăm sóc hơn 30.000 ha rừng. Nhiều hợp tác xã đã tổ chức chăm sóc, tu bổ và khai thác rừng có kết quả tốt.

Cùng thời gian trên, toàn tỉnh đã vận động được hơn 300 hộ đồng bào vùng cao định canh, định cư, khai phá 80 ha đất canh tác, đời sống đồng bào ở một số nơi bước đầu ổn định.

Qua các đợt củng cố và tổ chức lại sản xuất, về cơ bản, trong 3 năm, phong trào hợp tác xã phát triển ổn định. Đến năm 1980, toàn tỉnh có 88.329 hộ nông dân vào làm ăn tập thể, với gần 500 hợp tác xã bậc cao. Một số hợp tác xã phát triển khá toàn diện, nổi bật là Hợp tác xã Hùng Sơn (Đại Từ). Các hợp tác xã: Quang Vinh (thành phố Thái Nguyên), Hà Thượng (Đại Từ), Nam Hà (Phú Bình), Xuân Phú (Phú Lương), Phúc Chu (Định Hóa)... là những đơn vị sản xuất phát triển tốt từng mặt. Phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai cũng có sự chuyển biến tích cực, từ 9 hợp tác xã (năm 1976), phát triển lên 29 hợp tác xã (năm 1979), với 39% số hộ nông dân trong huyện tham gia. Trong các hợp tác xã tiên tiến và khá, công tác quản lí có nhiều tiến bộ, sản xuất phát triển nhanh và tương đối vững chắc, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, có tích luỹ, đời sống xã viên ổn định, các công trình phúc lợi được mở rộng.

Kết quả trên chứng tỏ, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ và chính quyền các cấp, giai cấp nông dân tập thể Thái Nguyên đã kiên trì phấn đấu, vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất, nên đã giành được những thành tích, tiến bộ nhất định.

Cùng với sản xuất nông, lâm nghiệp, các ngành: Công nghiệp, Giao thông vận tải và Xây dựng cơ bản cũng có những bước tiến mới. Từ năm 1977 đến năm 1979, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương tăng bình quân hằng năm 6,6% (riêng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 11%). Tổng giá trị sản lượng công nghiệp năm 1979 đạt hơn 38 triệu đồng. Trong 3 năm (1977 - 1979), công nghiệp địa phương đã cung cấp cho nông nghiệp gần 300.000 nông

cụ các loại, sản xuất và cung cấp ra thị trường gần 3.000 xe cải tiến và nhiều sản phẩm xây dựng; cung cấp cho thương nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng trị giá khoảng 20 triệu đồng mỗi năm, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Các đơn vị đạt kết quả cao trong sản xuất là Nhà máy Cơ khí 3 - 2, Hợp tác xã Cộng Lực, đã được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

Các ngành: Xây dựng cơ bản, Giao thông vận tải và Bưu điện tiếp tục phát triển và đã thu được một số kết quả tốt. Lực lượng xây dựng cơ bản tăng nhanh, trình độ kĩ thuật được nâng cao, đã đảm đương được phần lớn những công trình xây dựng của tỉnh, với tổng giá trị xây dựng trong 3 năm là 71 triệu đồng.

Từ 1977 đến 1979, ngành Giao thông vận tải đã vận chuyển được gần một triệu tấn hàng hóa (khoảng gần 40 triệu tấn/km) phục vụ các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc biệt, trong giai đoạn này, Ngành đã có đóng góp lớn, đáp ứng yêu cầu đột xuất phục vụ nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc.

Mạng lưới thông tin bưu điện cũng được củng cố, mở rộng phục vụ ngày càng tốt hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng an ninh trên địa bàn.

Hoạt động của các ngành: Tài chính, Ngân hàng cũng có nhiều cố gắng, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, đẩy mạnh lưu thông phân phối, giảm bớt được một phần khó khăn của nhân dân. Mặc dù sản xuất tăng chậm đã hạn chế nhiều đến việc thu mua hàng hóa, nhưng giá trị thu mua nông sản năm 1978 vẫn tăng hơn năm 1976 là 35,1%. Thu mua hàng xuất khẩu trong 2 năm (1978 - 1979) tăng 8,2%.

Điểm nổi bật trong công tác lưu thông phân phối ở giai đoạn này là việc kí kết hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước và nông

dân được đẩy mạnh, từng bước đi vào nền nếp. Số đơn vị kí kết hợp đồng đối lưu hàng hóa với các hợp tác xã, tổ, đội sản xuất ngày càng mở rộng. Một số nhà máy, trường dạy nghề đã tận dụng năng lực sản xuất dư thừa, tổ chức phân xưởng phụ, sản xuất nhiều mặt hàng cung cấp cho địa phương. Riêng năm 1979, các đơn vị trên đã cung cấp cho tỉnh số lượng hàng hóa trị giá 1,8 triệu đồng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (8/1979), phong trào tăng gia sản xuất không chỉ ở nông thôn mà ở thành phố, thị trấn cũng phát triển khá mạnh. Cùng với sự cố gắng của Nhà nước, một số đơn vị đã có nhiều biện pháp tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức bằng việc tổ chức sản xuất lúa, màu, chăn nuôi, trồng thêm rau xanh tự cải thiện. Năm 1979, toàn tỉnh có 170 đơn vị cơ sở tổ chức tăng gia tập trung, nuôi trên 3.500 con lợn, trồng hàng chục hécta rau màu cung cấp cho nhà ăn tập thể.

Vấn đề nhà ở cũng được chú ý giải quyết tốt hơn. Trong 3 năm, tỉnh đã đầu tư trên 9 triệu đồng, xây dựng hơn 60.000 m^2 nhà ở. Bình quân mỗi cán bộ, công nhân, viên chức khu vực thành phố và khu công nghiệp đã được sử dụng 3,1 m^2 nhà. Một số nhà máy, xí nghiệp trợ giúp các hộ gia đình trong đơn vị bằng việc bán khung nhà lắp ghép bằng sắt, hoặc bán vật liệu xây dựng để các hộ gia đình tự làm lấy, giải quyết được một phần khó khăn về nhà ở.

Những việc làm trên đã góp phần giảm bớt khó khăn về đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong tình hình giá cả thị trường tăng cao, tiền lương thực tế giảm sút. Đời sống của nhân dân tuy chưa thật đầy đủ, nhưng nói chung đã ổn định, có mặt được cải thiện.

Ngành Văn hóa - Thông tin, Thể dục - Thể thao đã có những hoạt động thiết thực, đạt kết quả khá, góp phần quan trọng vào việc

nâng cao đời sống tinh thần, động viên phong trào cách mạng của quần chúng và xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Vượt qua những khó khăn về kinh tế, sự thiếu thốn về cơ sở vật chất, sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Số học sinh phổ thông các cấp tăng bình quân 5% mỗi năm. Học viên bổ túc văn hóa duy trì ở mức 20.000 người (cả tập trung và tại chức).

Mạng lưới y tế được củng cố và phát triển đến hầu hết các xã. Công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch được chú trọng hơn. Nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ nhân dân và kế hoạch hóa gia đình cơ bản phát triển tốt. Tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên trong tỉnh từ 3,15% năm 1978, giảm xuống 2,5% năm 1979.

Tuy vậy, nhìn lại một cách tổng quát, tình hình kinh tế - xã hội của Thái Nguyên trong giai đoạn 1976 - 1980 vẫn hết sức khó khăn. Sản xuất nông nghiệp còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, có khuyết điểm kéo dài trong nhiều năm. Các mục tiêu lớn về sản xuất, thu mua, xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra đều không đạt được. Tổng sản phẩm tăng chậm (1,7%). Cây lương thực chưa được coi trọng từ khâu sản xuất, chế biến đến lưu thông phân phối, trong khi dân số tăng nhanh, càng làm cho những khó khăn về lương thực thêm gay gắt. Giải quyết nhu cầu về lương thực luôn là mối quan tâm hàng đầu của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thời gian này.

Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trên là do chưa thực hiện tốt việc áp dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp, sử dụng chưa có hiệu quả tiềm năng lao động và đất đai. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/BT của Tỉnh ủy về vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho thâm canh, tăng vụ, thực hiện cuộc

cách mạng khoa học - kĩ thuật trong nông nghiệp không được tiến hành một cách đồng bộ ở các ngành từ tỉnh xuống đến cơ sở. Từ nhận thức đến chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật có sự chênh lệch lớn giữa các vùng trong tỉnh. Nhiều biện pháp kĩ thuật liên hoàn, từ khâu đắp bờ giữ nước, làm đất, cải tạo đồng ruộng, ngâm, ủ, gieo mạ, chỉ đạo thời vụ, chăm sóc, bảo vệ lúa và hoa màu đều chưa được thực hiện đầy đủ và đúng cách. Đặc biệt, khâu chọn giống chưa được coi trọng đúng mức. Đến năm 1979, toàn tỉnh mới có một cơ sở chọn lọc, nhân giống lúa. Hệ thống chọn lọc giống ở cơ sở đều yếu và thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu tăng năng suất cây trồng. Các loại giống cây trồng bị thoái hóa nhiều, khả năng chịu hạn kém và thường bị sâu bệnh phá hoại nên năng suất thấp. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật nông nghiệp chưa được sử dụng tốt và bản thân số cán bộ này cũng chưa phát huy tốt tính chủ động phục vụ cơ sở.

Phong trào làm phân bón ruộng tuy được phát động, nhưng nhìn chung kết quả chưa cao. Bình quân một hécta lúa một vụ mới được bón 6 tấn phân. Phong trào nuôi, thả bèo hoa dâu làm phân và cải tạo đất mỗi năm mới được khoảng 500 đến 700 ha trong số gần 2.000 ha lúa đông - xuân. Các đội chế biến phân trong các hợp tác xã hoạt động chưa thường xuyên. Tình trạng quảng canh còn khá lớn. Năng suất cây lương thực có xu hướng giảm dần. Năng suất lúa cả năm 1976 là 20,11 tạ/ha, đến năm 1979 còn 19,66 tạ/ha.

Cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn tỉnh vẫn còn mất cân đối. Thế mạnh về chăn nuôi đại gia súc chưa được phát huy. Việc dự trữ thức ăn, chống dột và phòng chống dịch bệnh cho trâu, bò chưa được quan tâm đầy đủ. Hiện tượng trâu, bò chết vì đói, rét và dịch bệnh diễn ra khá phổ biến. Tình trạng giết mổ trâu, bò bừa bãi vẫn chưa chấm dứt. Phần đất dành cho chăn nuôi (chủ

yếu là nuôi lợn) chưa được giải quyết và sử dụng có hiệu quả, công tác quản lí và chăm sóc kém, nên đàn lợn tập thể ngày càng sa sút. Năm 1976, đàn lợn tập thể chiếm 3,4% tổng đàn lợn trong tỉnh; đến năm 1979, giảm xuống chỉ còn 2,7% (5.000 con). Một số nông trường kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi nhưng kết quả cũng không cao. Tổng đàn trâu của các nông trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh từ 109 con (năm 1970), tăng lên hơn 600 con (năm 1979); nhưng đàn lợn từ 3.400 con (năm 1976), đã giảm xuống 1.800 con (năm 1979). Dịch bệnh phát triển, nhiều cơ sở chăn nuôi lợn tập thể trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên bị thua lỗ nên phải giải thể. Do tình trạng khan hiếm thức ăn, việc phát triển đàn lợn nái sinh sản để cung cấp giống tốt và ổn định cho các hợp tác xã và nhân dân đã được chú ý đầu tư, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, tình trạng thiếu giống lợn con vẫn diễn ra ở nhiều nơi. Do đó, đàn lợn toàn tỉnh năm 1979 chỉ còn 150.000 con, giảm 9% so với năm 1976.

Tình trạng sa sút của nền kinh tế trong những năm này là do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Trong quá trình lãnh đạo tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lí ở cơ sở, các cấp đảng bộ chưa chú ý đầy đủ các điều kiện kinh tế, kĩ thuật. Việc tổ chức và quản lí của các ngành kinh tế ở cơ sở chậm được cải tiến theo hướng tăng cường thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. Công tác quản lí cơ sở vật chất kĩ thuật chưa tốt. Vai trò làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát huy. Tư liệu sản xuất và sức lao động chưa được tận dụng tốt để phát triển sản xuất nông, công nghiệp.

Trong quá trình củng cố hợp tác xã, các cấp đảng bộ thường chú trọng mở rộng quy mô theo địa giới hành chính, chưa quan tâm đúng mức nội dung chủ yếu của tổ chức lại sản xuất là xác định phương hướng và phân công lao động. Do đó, sự chuyển biến của phong trào

nói chung còn chậm và hiệu quả sản xuất không cao. Mặc dù tỉnh, huyện đã tập trung nhiều tiền của và trí tuệ của đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp để chỉ đạo thí điểm 20 xã tổ chức lại sản xuất, nhưng kết quả đạt được vẫn hết sức hạn chế. Các bước đi cụ thể của một quy trình sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa vẫn chưa rõ ràng.

Thực hiện chủ trương xây dựng mỗi huyện thành một đơn vị quản lí hành chính - kinh tế, nhưng bộ máy quản lí chưa được tăng cường; việc phân cấp quản lí cho huyện chưa được chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện thiếu đồng bộ. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật còn dàn trải, không dứt điểm, nhất là việc xây dựng cơ sở trạm, trại nhân, lai giống cây, con..., nên chưa có huyện nào hoàn toàn chủ động trong việc thực hiện kế hoạch, không đủ năng lực giải quyết những vấn đề lớn do yêu cầu sản xuất đặt ra.

Trong lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế, một vấn đề quan trọng là chỉ đạo theo vùng, điều hành theo kế hoạch. Nhưng do chưa điều tra khảo sát kĩ tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, nên việc xác định phương hướng sản xuất với đầu tư chưa thật tập trung và đồng bộ, nhất là đối với các huyện, các vùng trọng điểm lúa, thực phẩm, vùng nguyên liệu. Cũng do đó, hiệu quả đầu tư chậm được phát huy, năng lực sản xuất của các nông, lâm trường chậm được nâng lên. Công tác kế hoạch chậm được đổi mới và nâng cao. Tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào cấp trên còn nặng nề và phổ biến. Mục tiêu đề ra thường căn cứ vào nhận thức chủ quan, thiếu cơ sở thực tiễn và những biện pháp có hiệu quả. Việc thực hiện kế hoạch hóa trong sản xuất chưa gắn liền với thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lí kinh tế khác. Định mức kinh tế - kĩ thuật chưa được xây dựng và thực hiện tốt ở cơ sở. Các phương án kinh tế - kĩ thuật về sản phẩm, cây, con của các vùng (lúa nước), các ngành chưa được xây dựng kịp thời và đưa vào kế hoạch phát triển hằng năm. Bởi

vậy, hầu hết các chỉ tiêu phát triển nông nghiệp trong giai đoạn này đều không đạt được.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/BT ngày 12/4/1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về cuộc vận động quản lí tư liệu sản xuất, quản lí vật tư, tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lí hợp tác xã, nhanh chóng khắc phục những mặt yếu kém ở một số vùng, đưa phong trào hợp tác hóa trong tỉnh tiến lên đồng đều và mạnh mẽ*, nhiều diện tích ruộng đất, ao, hồ, soi bãi do tư nhân quản lí, canh tác được thu hồi đưa vào tập thể. Song, phần lớn số đất thu hồi này không được đưa ngay vào sản xuất, hoặc đưa vào sản xuất nhưng hiệu quả không cao. Trong khi đó, các hộ gia đình không còn đất để phát triển kinh tế phụ, phần thu nhập từ hợp tác xã chưa được cải thiện, đời sống nông dân càng thêm khó khăn.

Công tác tổ chức và quản lí kinh tế tuy đã có một số tiến bộ, nhưng chưa có sự chuyển biến tích cực. Sự trì trệ trong quản lí chậm được khắc phục, nên còn nhiều sai sót: Hệ thống cơ sở sản xuất chưa được quy hoạch và phân công một cách chặt chẽ giữa các ngành. Khả năng sản xuất nông cụ thông thường, vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản… tiểu thủ công nghiệp chưa được khai thác triệt để. Chế độ hạch toán kinh tế, khoán công việc, chế độ thưởng, phạt, các định mức kinh tế - kĩ thuật chưa được thực hiện chặt chẽ, nên vật tư, lao động, tiền vốn còn lãng phí khá lớn. Các trạm, trại của ngành Nông nghiệp chậm chuyển sang hạch toán kinh doanh. Một số đơn vị sản xuất công nghiệp lỗ vốn kéo dài nhiều năm, nhưng chưa có biện pháp giải quyết tích cực. Hiện tượng "dong công phóng điểm" trong các hợp tác xã còn khá phổ biến. Công tác quản lí, phân phối sản phẩm chưa thật sự dân chủ, công khai, tạo nên những sơ hở, dẫn đến những hiện tượng tiêu cực trong các hợp tác xã, gây bất bình cho xã viên và làm cho phong trào hợp tác xã thường xuyên không ổn định.

Mô hình quản lí phát triển kinh tế trong các hợp tác xã đến giai đoạn này thực sự không còn phù hợp. Nhưng do chưa nhận thức đầy đủ, nên không những không có sự điều chỉnh cho phù hợp, mà ngược lại, các cấp đảng bộ vẫn dồn sức củng cố, xây dựng hợp tác xã, thậm chí còn đẩy mạnh việc xây dựng hợp tác xã quy mô lớn (toàn xã), trong khi công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, phân phối sản phẩm ở những hợp tác xã nhỏ còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được tháo gỡ. Vì vậy, đến cuối năm 1979, có tới 2/3 trong số 86 hợp tác xã quy mô toàn xã của tỉnh làm ăn không hiệu quả. Trong số 45 hợp tác xã phải tổ chức lại sản xuất, sau 2 năm chỉ có 19 hợp tác xã chuyển biến, 26 hợp tác xã còn lại vẫn ở trong tình trạng yếu kém. Phong trào hợp tác xã sút kém, sản xuất lương thực tăng chậm, nên phần đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước cũng đạt thấp. Năm 1980, lượng lương thực huy động nhập kho được 13.442 tấn, trong khi tổng lương thực Nhà nước bán ra cho các đối tượng ăn gạo sổ lên tới 58.000 tấn (gấp hơn 5 lần số huy động của tỉnh).

Công tác đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong quản lí kinh tế và xã hội chưa mạnh mẽ và kiên quyết. Nhiều hiện tượng tiêu cực chưa được ngăn chặn, thậm chí có mặt còn nghiêm trọng hơn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho nền kinh tế Thái Nguyên thời gian này.

Trong lúc nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đang sát cánh cùng nhân dân cả nước tiếp tục tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, thì các thế lực thù địch quốc tế thường xuyên hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương đường lối, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước Việt Nam.

Đầu năm 1978, tập đoàn thống trị ở Campuchia do Pôn Pốt, Iêng Xary, Khiêu Xamphon cầm đầu, đã đẩy mạnh các hoạt động xâm lấn biên giới Tây Nam Tổ quốc Việt Nam. Từ giữa năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc cũng diễn biến hết sức phức tạp.

Trên địa bàn Thái Nguyên, cộng đồng người Hoa, từng sinh sống, gắn bó từ lâu đời, đã bị kẻ xấu lừa gạt, ép buộc 282 hộ (1.534 nhân khẩu), trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên, thợ kĩ thuật, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn, kéo nhau về Trung Quốc.

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, khẳng định đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, giúp cho bà con người Hoa cảnh giác, nhận rõ đúng, sai, không nghe lời kẻ xấu, yên tâm ở lại làm ăn sinh sống. Mặt khác, trước tình hình diễn biến ngày càng xấu, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo công tác quân sự địa phương. Ngày 5/8/1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp và ra nghị quyết thành lập Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất tỉnh. Các ban chỉ huy quân sự thống nhất từ huyện xuống xã cũng lần lượt ra đời.

Thực hiện chủ trương của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 1 về xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 15/7/1978, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thành lập Trung đoàn 197 gồm 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn huấn luyện và 8 đại đội trực thuộc. Ngày 14/9/1978, Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất tỉnh thành lập tiếp 2 tiểu đoàn bộ binh và 8 đại đội binh chủng với 3.680 cán bộ, chiến sĩ. Đến tháng 11/1978, toàn tỉnh đã huy động gần 15% dân số tham gia lực lượng dân quân,

tự vệ, được biên chế thành 1 sư đoàn, 4 trung đoàn tự vệ, 21 tiểu đoàn, 255 đại đội dân quân, tự vệ chiến đấu tại chỗ; 182 đại đội dân quân, tự vệ chiến đấu cơ động(1).

Cùng với việc tăng cường về quân số, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác huấn luyện chính trị, quân sự làm cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh nhận rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, tích cực xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang vững mạnh về tư tưởng, tinh thông về kĩ, chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng.

Góp sức cùng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, chỉ sau hơn 20 ngày (từ ngày 17 đến ngày 30/9/1978), nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành việc sản xuất 1.000.000 chiếc chông tre, 4.350 bàn chông và quả chông dứa bằng sắt chi viện cho 2 tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, xây dựng phòng tuyến bảo vệ biên giới.

Ngày 17/2/1979, Trung Quốc huy động 60 vạn quân với hàng trăm xe tăng, xe bọc thép và hàng trăm khẩu pháo, ồ ạt tiến công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Quân và dân Việt Nam, trực tiếp là quân và dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Liên tiếp trong 10 ngày cuối tháng 2 và nửa đầu tháng 3/1979, lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã chi viện 2 tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn 8 tiểu đoàn chiến đấu (4 tiểu đoàn bộ đội địa phương và 4 tiểu đoàn dân quân, tự vệ), trong đó có 5 tiểu đoàn đã trực tiếp chiến đấu.

(1) Theo: *Lịch sử Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên (1947 - 2012)*, 2014.

Vấp phải cuộc chiến đấu ngoan cường vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam, cùng với sự phản đối mạnh mẽ của dư luận trong nước và thế giới, từ ngày 5/3/1979, quân Trung Quốc buộc phải rút về nước. Ghi nhận thành tích chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, lực lượng vũ trang nhân dân Thái Nguyên đã có 5 đơn vị, 44 cán bộ và chiến sĩ được tặng thưởng Huân chương, hàng trăm đơn vị và cá nhân khác được tặng Bằng khen, Giấy khen.

Sát cánh cùng lực lượng vũ trang chiến đấu, từ ngày 10/3 đến ngày 24/4/1979, Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất tỉnh đã chỉ đạo các ban, ngành chức năng thành lập 11 trung đoàn dân quân, tự vệ với 21.364 cán bộ, chiến sĩ tham gia xây dựng các công trình phòng thủ biên giới phía Bắc. Sau hơn 1 tháng lao động, lực lượng dân quân, tự vệ nói trên đã xây dựng được một hệ thống công sự phòng ngự vững chắc với gần nửa triệu mét chiến hào, 10.000 hố bắn, 1.000 hầm chiến đấu, 15 trận địa phòng ngự cấp trung đoàn, 2 trận địa phòng ngự cấp tiểu đoàn trên dọc tuyến Quốc lộ 1B và Quốc lộ số 3.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh còn chỉ đạo huy động 38.700 lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân đào, đắp hơn 200.000 m^3 đất, đá, xây dựng hoàn chỉnh các công trình phòng thủ trọng điểm trên địa bàn các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai và thành phố Thái Nguyên.

Để kịp thời động viên về tinh thần và vật chất đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang của tỉnh đang chiến đấu tại Mặt trận Biên giới, ngay từ đầu tháng 3/1979, một phong trào quyên góp lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội được phát động trong toàn tỉnh. Được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, chỉ trong một thời gian ngắn, hàng trăm ngàn đồng, hàng trăm tấn gạo… đã

được gửi lên biên giới. Cùng thời gian đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cùng các ban, ngành, đoàn thể tổ chức nhiều đoàn đại biểu mang thư, quà lên Cao Bằng, Lạng Sơn thăm hỏi, động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Thái Nguyên đang chiến đấu ở phía trước hăng hái, quyết tâm bảo vệ biên cương Tổ quốc. Tỉnh ủy cũng kịp thời lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, các địa phương đón tiếp, giúp đỡ, ủng hộ lương thực, thực phẩm bảo đảm đời sống cho hơn 25.000 đồng bào từ 2 tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng sơ tán về Thái Nguyên.

Với tất cả tình cảm, nghĩa vụ và trách nhiệm của tỉnh hậu phương trực tiếp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau hơn một tháng phát động, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thái Nguyên đã khai thác, sản xuất, vận chuyển và xây dựng hoàn chỉnh 1.000 m^2 nhà cho các cơ quan tỉnh Cao Bằng sử dụng; ủng hộ gần 10.000 bộ quần áo, cùng nhiều bát, đĩa, xoong, nồi, chăn, chiếu, 200 tấn thóc, đỗ tương, khoai lang giống, 434 con trâu, bò, 47 con lợn, hàng ngàn cuốc, xẻng, hàng chục tấn phân hóa học cùng nhiều vật tư khác giúp đồng bào Cao Bằng ổn định cuộc sống, khôi phục sản xuất.

Tuy còn một số thiếu sót, khuyết điểm trong công tác giáo dục cho cán bộ, nhân dân, lực lượng vũ trang nhận thức về âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch, nhưng về căn bản Thái Nguyên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của hậu phương trực tiếp đối với các tỉnh biên giới trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Kết quả phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trong những năm 1976 - 1979 trước hết là do Đảng bộ đã quan tâm làm

tốt công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Thông qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ từng bước lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ tỉnh, huyện đến cơ sở được kiện toàn.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng triển khai tương đối toàn diện, bao gồm cả giáo dục lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ trương chính sách, tình hình nhiệm vụ mới, giáo dục đạo đức cách mạng. Bằng nhiều hình thức, biện pháp giáo dục tích cực cả ở trường, lớp, hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao thêm nhận thức về mọi mặt, luôn vững vàng trong mọi hoàn cảnh. Tinh thần tự lực, tự cường, ý thức làm chủ tập thể được nâng cao ở mọi cấp, mọi ngành, góp phần tăng cường sức mạnh đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống. Những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, trong sinh hoạt và trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, như dao động trước khó khăn, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, lấn chiếm đất đai, không làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm... được kịp thời uốn nắn, ngăn chặn.

Cùng với nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng, công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng cũng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Thông qua việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 72-CT/TW của Ban Bí thư về *Tăng cường công tác phát triển Đảng*, *củng cố kiện toàn tổ chức Đảng*, toàn Đảng bộ đã tiến hành những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, tổ chức đánh giá lại đội ngũ đảng viên bằng việc nêu cao ý thức đấu tranh tự phê bình và phê bình. Nhờ đó, chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng cao.

Qua mỗi kỳ đại hội, các cơ sở đảng đã chú ý đưa vào cấp ủy những cán bộ trẻ, có trình độ văn hóa, khoa học. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của các cấp chính quyền, đoàn thể từng bước được kiện toàn, tạo thêm sức chiến đấu cho các đảng bộ. Trong số gần 70 đảng bộ xã yếu, kém, đã có hơn 30 đảng bộ bước đầu chuyển biến tích cực, lãnh đạo khôi phục phong trào hợp tác xã, phát triển sản xuất, làm nghĩa vụ tốt hơn, tiêu biểu là Đảng bộ các xã: Minh Lập (Đồng Hỷ), Phú Thượng (Võ Nhai).

Sau các đợt củng cố, xây dựng Đảng theo tinh thần Chỉ thị 72, đặc biệt là thông qua việc tổ chức thực hiện Thông tri số 22-TT/TW ngày 5/9/1977 của Ban Bí thư Trung ương về *Tăng cường chỉ đạo việc đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên,* Đảng bộ đã sàng lọc, xử lí kỉ luật hơn 1.700 đảng viên, trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 881 người không còn đủ tư cách, làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh.

Trong 2 năm (1977 - 1978), công tác phát triển Đảng nhìn chung còn yếu, toàn Đảng bộ chỉ kết nạp được 607 đảng viên. Năm 1979, công tác phát triển Đảng có nhiều chuyển biến, kết nạp được 878 đảng viên; trong đó có 40% là công nhân, 68,7% là đoàn viên thanh niên và 20% thuộc thành phần dân tộc ít người; 70% trong số 1.485 đảng viên mới có trình độ văn hóa từ cấp III trở lên.

Thực hiện các Nghị quyết số 255-NQ/TW, 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Chỉ thị số 17-CT/TW, 45-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá IV) và các nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng Đảng, công tác cán bộ đã có chuyển biến mới trong quy hoạch đào tạo và sử dụng. Trong 4 năm (1976 - 1979), Đảng bộ đã lãnh đạo điều động, bổ sung và tăng cường cho cấp huyện và xã 815 cán bộ. Từ năm 1978 đến năm 1979, Tỉnh ủy đã điều 4 đồng chí cấp ủy

tỉnh (trong đó có 2 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) về làm Bí thư, Phó Bí thư các huyện: Võ Nhai, Định Hóa, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên. Trong 3 năm (1977 - 1979), toàn tỉnh đã đề bạt 1.602 cán bộ giữ các chức vụ từ Giám đốc, Phó Giám đốc xí nghiệp, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Trưởng, Phó phòng các ty, trong đó 63 cán bộ được đề bạt là Trưởng, Phó ty, ban, ngành.

Cũng trong thời gian này, toàn tỉnh đã cử hơn 6.000 lượt cán bộ đi học các lớp văn hóa, chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ. Riêng lớp Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch (khóa I) của tỉnh đã có trên 300 cán bộ theo học, trong đó có 130 cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện, thành.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, các cấp chính quyền huyện, xã từng bước được tăng cường, kiện toàn về đội ngũ. Các Chủ tịch, Phó Chủ tịch không chỉ được bồi dưỡng kiến thức quản lí, mà còn được học tập, nâng cao kiến thức, kĩ thuật sản xuất nông nghiệp.

Các đoàn thể quần chúng các cấp hoạt động ngày càng tích cực, hướng mạnh về cơ sở. Ngoài những hoạt động thường xuyên trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, tổ chức Công đoàn đã có nhiều biện pháp, hình thức thiết thực, cung ứng kịp thời vật tư hàng hóa phục vụ nông nghiệp và nông thôn phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống, góp phần củng cố và tăng cường khối đoàn kết công nông. Đoàn Thanh niên tỉnh đã chỉ đạo các cấp bộ đoàn tập trung vào việc bồi dưỡng, phát huy vai trò xung kích, năng lực sáng tạo của thanh niên trong lao động sản xuất, hoạt động khoa học - kĩ thuật, giảng dạy và học tập. Các cấp bộ đoàn trong toàn tỉnh đã phối hợp với các cấp chính quyền, các ngành tổ chức nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực. Trong 3 năm (1977 - 1979), 11.000 đoàn viên thanh niên trong các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tham

gia hội thi cấy, thi hái chè; 400 chi đoàn tham gia làm 1.200 ha bèo hoa dâu, làm phân bón cải tạo đồng ruộng, 18.000 đoàn viên thanh niên trong các đơn vị sản xuất công nghiệp hưởng ứng phong trào *Ôn lí thuyết, luyện tay nghề, rèn tác phong, thi thợ giỏi*. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động đạt kết quả khá. Hoạt động của Đoàn Thanh niên còn tập trung vào thực hiện nhiệm vụ công tác trung tâm của các địa phương trong từng thời kỳ; thường xuyên phối hợp với các ngành chăm sóc, giáo dục, xây dựng, củng cố tổ chức Đội Thiếu nhi, đưa các em tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ học tập.

Cùng với các hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ các cấp trong tỉnh đã tổ chức phát động phong trào thi đua *Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, phong trào *Học tập và làm theo gương liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm* được đông đảo các thế hệ phụ nữ hưởng ứng và đã thu được một số thành tích trên mặt trận phát triển kinh tế - văn hóa. Ở khu vực nhà nước và tập thể, ngoài nhiệm vụ sản xuất, công tác, học tập của đơn vị, hoạt động của phụ nữ đã đóng góp tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, như công tác động viên tuyển quân, công tác hậu phương quân đội. Trong những tháng đầu năm 1979, Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã động viên chị em đóng góp 77.900 đồng, 64 tấn gạo, 23 tấn rau xanh, 175 kg chè búp, 5 con trâu, 11 con lợn cùng nhiều quà bánh, tặng phẩm khác ủng hộ bộ đội chiến đấu bảo vệ biên giới. Phong trào giúp đỡ bố, mẹ, đỡ đầu con liệt sĩ được các cấp Hội quan tâm triển khai đều khắp.

Mặt trận Tổ quốc từ tỉnh đến cơ sở thực sự là cơ quan vận động, xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Phối hợp với các ngành, Mặt trận tích cực vận động các tầng lớp nhân dân ủng hộ đồng bào Cao Bằng

sơ tán về địa phương, ủng hộ giúp đỡ bộ đội, tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội… Mặt trận Tổ quốc các cấp đã góp phần thiết thực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn trật tự trị an trên địa bàn.

Bên cạnh những ưu điểm, thành tích đã đạt được, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và hoạt động của các đoàn thể còn nhiều yếu kém. Công tác tư tưởng và giáo dục chính trị mới làm được bề rộng, chưa có chiều sâu. Do đó, chưa kịp thời nắm bắt những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Nhiều biểu hiện làm sai trái đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng trong một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa được các chi bộ, đảng bộ chỉ đạo giải quyết xử lí nghiêm minh. Một số cơ sở đảng hoạt động đạt hiệu quả tốt (Đảng bộ Xí nghiệp Xây lắp cơ khí; Đảng bộ xã Hùng Sơn, Đảng bộ xã Hà Thượng huyện Đại Từ) chưa được tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng. Ngược lại, một số chi, đảng bộ yếu kém kéo dài chưa được kịp thời chấn chỉnh, củng cố. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đạt yêu cầu về số lượng, nhưng yếu về chất lượng. Việc bố trí sử dụng cán bộ còn nhiều lúng túng, bị động do thiếu quy hoạch và kế hoạch đồng bộ. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng chủ yếu mang tính phong trào, chưa đi sâu vào các lĩnh vực quản lí, kĩ thuật để tổ chức, hướng dẫn hội viên trong sản xuất, kinh doanh. Hoạt động kiểm tra của các tổ chức quần chúng chưa được đẩy mạnh để góp phần cùng các cơ quan Nhà nước ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

Để phát huy những thành tích đã đạt được và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thời gian năm 1976 đến nửa đầu năm 1980, từ ngày 30/6 đến ngày 5/7/1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III được tổ chức.

Sau 6 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trên cơ sở đánh giá đúng ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ trước, xuất phát từ đặc điểm tình hình của địa phương và yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 3 năm (1980 - 1982): "*... đẩy mạnh sản xuất, trước mắt là sản xuất lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu,..., tăng cường công tác phân phối lưu thông ổn định đời sống nhân dân, ra sức củng cố quan hệ sản xuất trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, xây dựng cấp huyện và cải tiến công tác quản lí kinh tế. Đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, công tác an ninh chính trị trật tự và an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chú trọng giáo dục pháp chế xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh khắc phục các mặt tiêu cực trong quản lí kinh tế - xã hội. Tích cực xây dựng văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, đào tạo công nhân kĩ thuật và cán bộ theo quy hoạch. Phấn đấu xây dựng Bắc Thái tiến lên từng bước trở thành tỉnh công, nông, lâm nghiệp phát triển toàn diện*"[(1)].

Quán triệt nghị quyết của Trung ương và xuất phát từ tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp là: Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm tăng nhanh tốc độ phát triển lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống nhân dân, làm cơ sở cho phát triển các loại cây công nghiệp, nghề rừng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 41 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ngay sau đó, tại phiên họp thứ nhất, Ban

(1) Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái: *Báo cáo Kiểm điểm tình hình thực hiện Kế hoạch Nhà nước năm 1976 - 1980 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa 3 năm 1980 - 1982*; ngày 3/7/1980, tr. 10.

Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ gồm 11 ủy viên. Các đồng chí: Vũ Ngọc Linh được tín nhiệm tái cử chức vụ Bí thư, Nguyễn Thế Đạt và Doanh Hằng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Trong 3 năm của nhiệm kỳ III (1980 - 1982), Đảng bộ tỉnh đã vận dụng và triển khai các chỉ thị, nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, quản lí xã hội của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Trong đó, nổi bật là việc triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết trong việc đổi mới cơ chế quản lí kinh tế nông nghiệp.

III- Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân (1981 - 1986)

Do yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân và nâng cao hiệu quả kinh tế, ngay từ những năm 1978 - 1980, cũng như một số nơi khác, một số hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã tự "bung ra", dùng các hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với nhiều loại cây trồng, đối với chăn nuôi và đối với các ngành nghề.

Kịp thời nắm bắt phương thức làm ăn mới, ngay sau khi có Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 20/9/1979 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách* và Thông báo số 22-TB/TW ngày 21/10/1980) *Kết luận của Ban Bí thư về một số công tác trước mắt trong việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng huyện và trung du miền Bắc,* ngày 5/1/1981, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/BT về *Nắm vững quan điểm của Đảng, tăng cường tổ chức quản lí hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, đưa phong trào hợp tác xã tiến lên vững chắc*. Nghị quyết nêu rõ mục tiêu trong 2 năm (1981 - 1982) là tập trung củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng gắn liền với việc củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lí

hợp tác xã về kinh tế, kĩ thuật, kế hoạch và hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa; từng bước đưa hợp tác xã đi lên, xóa bỏ "xã trắng", "xóm trắng", đưa số hộ nông dân vào làm ăn tập thể lên 94%.

Hình thức khoán mới này đã bước đầu phát huy tác dụng tích cực, nhưng vì chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất, nên việc thực hiện giao khoán ở một số tỉnh đã có những sai sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện.

Trước thực tế đó, tại Hội nghị lần thứ 9 (tháng 12/1980), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp để kịp thời phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục các nhược điểm, uốn nắn những sai sót, phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống xã viên. Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về *Cải tiến công tác khoán, mở rộng* "*khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động*" *trong hợp tác xã nông nghiệp*. Sau khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo các huyện tăng cường chỉ đạo uốn nắn những lệch lạc, bảo đảm công tác khoán sản phẩm phát triển đúng hướng.

Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là một hình thức quản lí mới, quản lí và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Với phương thức khoán này, người nông dân bước đầu được tự chủ trên đồng ruộng.

Do tính chất ưu việt của phương thức quản lí mới, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư được đông đảo nhân dân, nhất là xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp đón nhận một cách hồ hởi. Số người tham gia lao động trên đồng ruộng tăng lên trên 20%. Nhiều lao động trước kia chuyên "chạy chợ", nay trở lại tích cực nhận ruộng

khoán. Thời gian lao động của xã viên trong các hợp tác xã tăng lên 2 lần so với trước, chất lượng lao động cũng tốt hơn, năng suất lao động tăng lên rõ rệt, gieo cấy và thu hoạch lúa, hoa màu bảo đảm thời vụ. Số hợp tác xã thực hiện khoán cũng tăng nhanh. Ngay trong vụ đông - xuân 1980 - 1981, toàn tỉnh đã có 170 hợp tác xã (29,5%) thực hiện khoán mới. Một năm sau, con số này đã tăng lên trên 400 hợp tác xã. Một số địa phương có số hợp tác xã thực hiện khoán theo Chỉ thị 100 đạt tỉ lệ cao, điển hình là thành phố Thái Nguyên (100%), huyện Phổ Yên (98%), huyện Phú Bình (97%), huyện Phú Lương (63%).

Tại huyện Võ Nhai, trước khi có Chỉ thị 100, tỉ lệ hộ nông dân vào hợp tác xã thấp nhất toàn tỉnh. Nhiều năm liền, Tỉnh ủy đã cử các đoàn cán bộ, trong đó có cả các ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, hoặc trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy, cùng Đảng bộ Võ Nhai củng cố phong trào, nhưng tình hình vẫn chưa được cải thiện bao nhiêu. Từ khi thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, phong trào có nhiều chuyển biến tích cực, tỉ lệ nông dân vào hợp tác xã tăng, một số hợp tác xã sản xuất phát triển khá.

Khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 có tác dụng thúc đẩy thực hiện thâm canh, đưa tiến bộ khoa học - kĩ thuật vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất, sản lượng lúa tăng khá nhanh. Năm 1981, Hợp tác xã Trung Thành (Phổ Yên) tăng 146 tấn, Hợp tác xã Bến Đò (Đồng Hỷ) tăng 76 tấn; Hợp tác xã Yên Lãng (Đại Từ) năng suất bình quân 3 năm 1978 - 1980 đạt 20,8 tạ/ha/vụ, đã tăng lên 23,7 tạ/ha/vụ, nhiều hộ xã viên đạt 40 tạ/ha/vụ. Khoán sản phẩm còn tiết kiệm được chi phí về giống. Hợp tác xã Lương Phú (Phú Bình) tiết kiệm được 6 tấn thóc giống, bằng 16%, Hợp tác xã Hùng Sơn (Đại Từ) tiết kiệm được 19 tấn thóc giống, bằng 50% số thóc giống của hợp tác xã những năm trước... Khoán sản phẩm đã thực sự thúc

đẩy sản xuất phát triển, sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Trong không khí phấn khởi trước những thắng lợi của sản xuất nông nghiệp, từ 21/11/1981 đến 4/1/1982, hơn 700 tổ chức cơ sở đảng, 16 đảng bộ huyện, thành, ngành trực thuộc tỉnh đã tổ chức đại hội, tham gia ý kiến vào các văn kiện của Trung ương sẽ trình bày tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Tiếp theo đại hội cấp cơ sở, từ ngày 6 đến 12/1/1982, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (vòng 1) được tổ chức, với sự tham gia của 381 đại biểu chính thức, 15 đại biểu dự khuyết. Thông qua việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương, các đại biểu vừa nâng cao nhận thức về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa tạo được sự nhất trí cao giữa Trung ương với địa phương trong quá trình triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội sau này. Đại hội bầu 22 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Đại hội các cấp toàn tỉnh (vòng 1) là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, có tính chất dân chủ rộng lớn trong nội bộ Đảng, tạo bước chuyển biến mới trong cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với công tác xây dựng Đảng.

Trên cơ sở tiếp thu những ý kiến tham gia đóng góp của các địa phương, từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V được tổ chức tại Hà Nội. Từ sự phân tích tình hình đất nước và tình hình quốc tế, Đại hội xác định: Trong giai đoạn mới của cách mạng, toàn quân, toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đoàn kết một lòng thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, những vướng mắc, lệch lạc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp ở Thái Nguyên được uốn nắn, điều chỉnh kịp thời. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển. Năm 1982, tổng sản lượng lương thực đạt 196.959 tấn(1), vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra.

Thắng lợi trên là kết quả của một quá trình đúc kết kinh nghiệm chỉ đạo của những năm trước. Đặc biệt là vụ mùa năm 1982, hầu hết các huyện, thành đều đạt và vượt kế hoạch về năng suất, sản lượng lúa. Huyện Đại Từ đạt năng suất bình quân 29,75 tạ/ha(2) trên ruộng 2 vụ lúa. Toàn tỉnh có 97 hợp tác xã với trên 9.000 ha ruộng (chiếm 20% diện tích ruộng) đạt năng suất bình quân trên 30 tạ thóc/ha một vụ. Những điểm chỉ đạo cấy lúa tăng sản đều đạt năng suất cao. Điển hình là hợp tác xã Đồng Quan (xã Yên Lãng, Đại Từ) năng suất lúa bình quân trên 8 tấn/ha cả năm.

Những thành tích và những điển hình nói trên là những nhân tố tích cực, mở ra nhiều khả năng mới trong thâm canh tăng năng suất cây trồng, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kĩ thuật vào đồng ruộng cùng với việc hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm để đẩy mạnh sản xuất, từng bước giải quyết vấn đề lương thực ở Thái Nguyên.

Đi đôi với phong trào thâm canh trên những cánh đồng tăng sản, Tỉnh ủy tích cực lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thay giống mới có năng suất cao đối với các loại cây họ đậu (lạc, đỗ tương, đỗ xanh…), tăng diện tích các loại cây công nghiệp (chè, mía, thuốc lá…). Các huyện: Định Hóa, Võ Nhai, Đồng Hỷ bước đầu tổ chức có kết quả việc trồng bông, nuôi tằm, ươm tơ dệt vải, tự túc một phần vải mặc ở địa phương. Các vùng tập trung chuyên

(1) *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1984*, tr. 13.

(2) *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1984*, tr. 24.

canh sản xuất lương thực, chè, mía, lạc, đỗ tương, nghề rừng tiếp tục hình thành.

Cùng với thắng lợi trong trồng trọt, sản xuất thực phẩm cũng đạt được những tiến bộ nhất định. Bình quân mỗi năm trong thời gian 1980 - 1982, sản lượng rau xanh tăng 1,5%. Năm 1982 so với năm 1980, đàn lợn có 195.700 con, tăng 25.300 con; thịt lợn xuất chuồng đạt gần 6.000 tấn, tăng 900 tấn; đàn trâu, bò có 102.300 con, tăng 7.000 con, trong đó, đàn trâu, bò cày, kéo được chăm sóc và phát triển mạnh (tỉ lệ đàn trâu, bò ở khu vực tập thể là 53%, ở khu vực gia đình là 47%). Đàn lợn nái và lợn lai có xu hướng tăng nhanh. Phong trào nuôi lợn năng suất cao phát triển trong khu vực phi nông nghiệp, nhất là trong các gia đình công nhân, viên chức. Các trại lợn giống quốc doanh Đắc Sơn (Phổ Yên) và Tân Kim (Phú Bình) từng bước chuyển hướng theo cơ chế quản lí mới. Tuy nhiên, chăn nuôi lợn chủ yếu phát triển ở khu vực gia đình, đàn lợn tập thể không những không tăng, mà liên tục giảm từ 4.476 con (năm 1980), xuống còn 1.204 con (năm 1982).

Sản xuất lâm nghiệp trong 3 năm đã hoàn thành những chỉ tiêu chủ yếu của Nhà nước giao, nhất là chỉ tiêu trồng rừng tập trung. Công tác bảo vệ rừng được chú trọng hơn. Việc chỉ đạo mở rộng giao đất, giao rừng cho các xã, hợp tác xã và tổ chức thí điểm giao khoán rừng cho xã viên quản lí, chăm sóc khai thác ở xã Kim Phượng (Định Hóa), Tức Tranh (Phú Lương) bước đầu có kết quả, mở ra hướng kinh doanh tổng hợp nghề rừng và thực hiện nông - lâm kết hợp trong tương lai.

Sản xuất công nghiệp trung ương từ chỗ giảm sút nghiêm trọng, đời sống cán bộ, công nhân hết sức khó khăn, nhờ thực hiện cơ chế quản lí mới, tinh thần chủ động, sáng tạo của tập thể công nhân, cán

bộ quản lí, cán bộ kĩ thuật được phát huy, đã từng bước vượt qua những khó khăn gay gắt để khôi phục sản xuất, ổn định, cải thiện đời sống công nhân, viên chức.

Từ sau khi có Quyết định số 155-HĐBT ngày 16/12/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc cải tiến quản lí và khôi phục sản xuất, cán bộ, đảng viên, công nhân Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên phấn khởi đẩy mạnh sản xuất. Vì vậy, sản lượng thép của Xí nghiệp từ 1,6 vạn tấn (năm 1981), tăng lên 2,9 vạn tấn (năm 1982) và đến năm 1983 đạt 2,6 vạn tấn[(1)]. Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kĩ thuật được coi trọng, đặc biệt đã nghiên cứu và thực nghiệm thành công cốc than gầy và thiết kế thi công xây dựng cơ sở sản xuất cốc than gầy 4,5 vạn tấn/năm để đưa vào sản xuất trong những năm tới. Cùng với việc cải tiến quản lí, chấn chỉnh kiện toàn bộ máy, Xí nghiệp thực hiện chế độ trả lương khoán và tiền thưởng hoàn thành vượt kế hoạch. Trên cơ sở sản xuất được duy trì, công nhân có việc làm, nên đời sống được nâng lên. Năm 1982 thu nhập bình quân đầu người đạt 450đ/tháng, gấp hai lần so với năm 1981[(2)]. Bữa ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng theo chế độ được bảo đảm thường xuyên.

Sản xuất công nghiệp địa phương cũng được khôi phục và có chuyển biến bước đầu. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp nêu cao ý thức tự lực, tự cường khắc phục khó khăn, thực hiện cơ chế quản lí mới, nên sản xuất, đời sống của xã viên được ổn định. Hợp tác xã Cộng Lực nhiều năm liền giữ vững danh hiệu đơn vị *Lá cờ đầu* của toàn Ngành. Hợp tác xã Hồng Hà sản xuất thành công các sản phẩm sắt tráng men, tăng thêm các mặt hàng tiêu dùng trong tỉnh. Một số xí nghiệp phát huy được tính năng động sáng tạo, chủ động chuẩn bị vật tư cho sản xuất, khắc phục có hiệu quả về thiên tai, phấn đấu đạt kế hoạch cả năm. Trong 9 tháng đầu năm 1986, Xí nghiệp

(1), (2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Về tình hình Xí nghiệp Liên hợp Gang thép Thái Nguyên*. Số 09/BC-BT, ngày 28/6/1984, tr. 1.

Xi măng đạt 81% kế hoạch năm, Xí nghiệp Bánh kẹo đạt 97%, Xí nghiệp Đường 92%, Xí nghiệp Giấy 83%, v.v...[1].

Ngành Giao thông vận tải có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về vật tư, kĩ thuật, kết hợp sử dụng năng lực vận tải của Trung ương, của các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn, đảm bảo kế hoạch vận chuyển hàng hóa, vật tư, hành khách phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Đối với nhiệm vụ xây dựng cơ bản, trước những khó khăn gay gắt về tiền vốn, vật tư, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung đầu tư vào những công trình trọng điểm để giải quyết những vấn đề ăn, mặc, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Năm 1982, tỉnh thực hiện đầu tư theo chiều sâu, năng lực sản xuất các sản phẩm đường kết tinh, cồn, rượu, sắt tráng men được nâng cao. Một số công trình (cầu Gia Bẩy, Nhà triển lãm các thành tựu kinh tế kĩ thuật...) được thi công nhanh, gọn, sớm đưa vào sử dụng. Nhiều công trình thủy lợi, hệ thống cầu, đường giao thông nông thôn, bệnh viện, trường học, trạm xá... được hoàn thành theo phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, góp phần thiết thực phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Công tác lưu thông phân phối được cải tiến theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 (15 - 23/8/1979) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV), Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 23/6/1980 của Bộ Chính trị *Về công tác phân phối, lưu thông (Tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương, thương nghiệp và quản lí thị trường)*. Sản lượng lương thực huy động trong nhân dân từ 13.442 tấn năm 1980, tăng lên 20.010 tấn năm 1982. Kết quả thu mua các sản phẩm chè, lạc, đỗ tương, mía, thuốc lá, thịt lợn của thương nghiệp quốc doanh đều bằng hoặc vượt năm 1980.

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: Báo cáo Công tác quý III và kết quả một số mặt công tác kinh tế - xã hội 9 tháng 1986. Số 14-BC/BT, ngày 1/10/1986, tr. 3.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong 3 năm (1980 - 1982), Thái Nguyên cũng còn nhiều tồn tại, yếu kém. Nhiều mục tiêu về kinh tế - xã hội đề ra chưa thực hiện được. Đặc biệt, việc tập trung nguồn hàng và tiền vào tay Nhà nước còn yếu. Lưu thông phân phối vẫn còn là mặt trận nóng bỏng. Việc phân phối các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân luôn luôn thiếu và chậm. Đời sống của công nhân, viên chức nói chung, cán bộ công chức ở khu vực hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang nói riêng, thường xuyên ở trong tình trạng khó khăn, nhiều lúc gay gắt.

Trong hoàn cảnh đó, từ ngày 21 đến 25/2/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (vòng 2) được tổ chức. 365 đại biểu thay mặt cho hơn 41.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã về dự Đại hội. Đồng chí Hoàng Tùng - Bí thư Trung ương Đảng, đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Thay mặt Đoàn chủ tịch, đồng chí Vũ Ngọc Linh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, trình bày Báo cáo chính trị trước Đại hội. Đại hội khẳng định những thành tựu, chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Đảng bộ tỉnh.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, căn cứ vào đặc điểm tình hình và những yêu cầu, nhiệm vụ mới của tỉnh, Đại hội xác định: Nhiệm vụ trong 3 năm (1983 - 1985) của Đảng bộ là lãnh đạo phát triển sản xuất để từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tạo thêm tiền đề tiến lên mạnh mẽ, vững chắc trong những năm sau; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu; từng bước xây dựng Bắc Thái thành tỉnh công - nông - lâm nghiệp phát triển.

Ngày 24/2, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV gồm 41 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 ủy viên; các đồng chí: Vũ Ngọc Linh giữ chức Bí thư, Nguyễn Thế Đạt giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể trong 3 năm (1983 - 1985) của tỉnh bao gồm 4 nội dung chủ yếu:

1- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

2- Xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật tập trung, có trọng điểm, đầu tư theo chiều sâu để tăng nhanh năng lực sản xuất, hiệu quả kinh tế.

3- Tăng cường củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện đưa nhanh tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

4- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đập tan âm mưu phá hoại nhiều mặt của địch. Ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ hiện tượng tiêu cực trong quản lí kinh tế, quản lí xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, cùng với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển nông, lâm, công nghiệp, Tỉnh ủy lãnh đạo Ban Nông nghiệp xây dựng Đề án phát triển kinh tế gia đình xã viên hợp tác xã và cán bộ, công nhân, viên chức.

Ngay trong năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa IV, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc về phát triển sản xuất, thực hiện nghĩa vụ lương thực, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

Được sự hỗ trợ về vốn của Trung ương, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo xây dựng một số công trình trọng điểm thiết thực phục vụ sản xuất. Vận dụng phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, mở rộng liên kết kinh tế giữa các cấp, các ngành, Thái Nguyên đã hoàn thành nhiều công trình trọng điểm: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc, đưa diện tích nước tưới chủ động của công trình này từ 4.100 ha (năm 1982), lên 5.500 ha vụ đông - xuân và 8.500 ha vụ mùa (năm 1985); cải tạo, nâng cấp Quốc lộ số 3 và một số tuyến đường nội tỉnh, kể cả đường sông; cải tạo, xây dựng thêm một số đường điện cao thế, trạm biến áp phục vụ sản xuất và đời sống; xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, tăng nguồn hàng cung cấp cho nhân dân và giải quyết một phần lao động dư thừa ở thành phố.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, Thái Nguyên đã tiến hành điều chỉnh quy mô hợp tác xã cho phù hợp với năng lực và trình độ quản lí của đội ngũ cán bộ ở từng địa phương. Thông qua khoán sản phẩm, quyền làm chủ của người lao động thực sự được phát huy, có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển trong các hợp tác xã. Chuyển biến rõ nét nhất là huyện Võ Nhai. Năm 1979, toàn huyện chỉ có 30 hợp tác xã, với 39,82% số hộ nông dân; đến 1985, đã tăng lên 99 hợp tác xã, với 5.144 hộ xã viên trên tổng số 7.005 hộ nông nghiệp (73,5%).

Để từng bước thực hiện cân đối lương thực trên địa bàn, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh sản lượng lúa trên đất ruộng. Từ 100 ha thí điểm thâm canh tăng năng suất của hợp tác xã Đồng Quan (xã Yên Lãng, Đại Từ) năm 1983, đến năm 1985 đã mở rộng ra 1 vạn hécta lúa 2 vụ trên địa bàn toàn tỉnh. Năng suất lúa thâm canh đạt bình quân 37,3 tạ/ha/vụ, tăng

12,4 tạ/ha/vụ so với diện tích lúa đại trà. Đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật được quan tâm sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn. Chính sách khuyến khích gắn lao động kĩ thuật với năng suất và hiệu quả sản xuất đã kích thích đội ngũ cán bộ kĩ thuật phát huy tính chủ động, sáng tạo. Ngoài lúa, việc thâm canh cây lương thực (ngô, khoai lang…) bước đầu được chú ý; một số huyện đã xây dựng mô hình thâm canh giống mới có năng suất cao. Vì vậy, tuy tổng diện tích màu, lương thực từ 13.488 ha (năm 1983), giảm xuống 11.809 ha (năm 1985), nhưng sản lượng lại tăng từ 22.630 tấn (năm 1983), lên 26.539 tấn (năm 1985); diện tích ngô năm 1985 giảm 108 ha so với năm 1983, nhưng sản lượng tăng gần 400 tấn.

Song song với đẩy mạnh phát triển lương thực, Tỉnh ủy rất quan tâm lãnh đạo phát triển cây công nghiệp (cả ngắn ngày và lâu năm). Thông qua công tác vận động quần chúng và cơ chế giá cả hợp lí, hầu hết diện tích cây công nghiệp đều tăng. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 1982 - 1985, diện tích lạc tăng 21%, đỗ tương tăng 7%, thuốc lá tăng 40%, chè tăng 2,8%. Năm 1985, tổng diện tích cây công nghiệp hằng năm của tỉnh là 7.975 ha, tăng hơn 2 lần so với năm 1979. Đến năm 1985, toàn tỉnh đã có 4.897 ha chè cho thu hoạch (tăng 797 ha so với năm 1983), với năng suất bình quân 24,4 tạ/ha. Sản lượng chè khô năm 1985 đạt 11.964 tấn. Cây công nghiệp phát triển tạo thêm nguồn nông sản phục vụ tiêu dùng của nhân dân, liên doanh, liên kết trao đổi vật tư hàng hóa và xuất khẩu.

Cùng với thâm canh đẩy mạnh sản xuất, từ năm 1984, Tỉnh ủy lãnh đạo mở rộng trao đổi hàng hóa với các tỉnh bạn để bổ sung thêm nguồn lương thực. Công tác xuất, nhập khẩu hàng hóa cũng chú trọng phục vụ nhiệm vụ phát triển lương thực. Năm 1984, từ kinh phí xuất khẩu nông sản, tỉnh đã nhập thêm 1.000 tấn đạm u-rê để thâm canh lúa.

Nhờ có sự tập trung cao độ trong chỉ đạo và đầu tư thâm canh, sản lượng lương thực quy thóc năm 1985 đạt 182.781 tấn, tăng 43.716 tấn so với năm 1981. Riêng sản lượng lúa từ 138.755 tấn (năm 1983), tăng lên 156.312 tấn (năm 1985). Đến năm 1985, toàn tỉnh đã nâng mức tự giải quyết lương thực ở khu vực phi sản xuất nông nghiệp từ 2 tháng lên hơn 4 tháng.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, người nông dân được tự chủ trên đồng ruộng, nhu cầu về sức kéo phục vụ sản xuất ngày càng tăng. Do đó, đàn trâu, bò được quan tâm chăm sóc nhiều hơn, nhất là trâu, bò sinh sản. Số lượng đàn trâu từ 98.576 con (năm 1983), tăng lên 102.331 con (năm 1985); đàn bò tăng 2.400 con, nâng tổng số lên 7.440 con vào năm 1985. Do sản lượng lương thực tăng cùng với việc điều chỉnh chính sách thu mua theo hướng bảo đảm quyền lợi cho người chăn nuôi ngày càng tốt hơn, nên đàn lợn tăng nhanh cả về số lượng và trọng lượng xuất chuồng. Năm 1985, tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh có 219.000 con, tăng 9.000 con so với năm 1983. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 7.546 tấn, tăng hơn 700 tấn so với năm 1983. Đàn gia cầm được duy trì ở mức từ 180.000 đến 200.000 con mỗi năm. Nhờ vậy, về cơ bản Thái Nguyên đã tự giải quyết được phần lớn nhu cầu thực phẩm.

Sản xuất lâm nghiệp cũng có bước phát triển. 7 lâm trường ở 7 huyện cùng đội khai thác ở các địa phương mỗi năm khai thác, cung cấp cho tỉnh và trung ương hàng ngàn mét khối gỗ. Thực hiện Quyết định số 184-HĐBT ngày 6/11/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết số 16-NQ/BT ngày 28/12/1982 của Tỉnh ủy về việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và xã viên, tính đến năm 1985, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nhận trên 150.000 ha rừng và

đất rừng. Việc trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng có nhiều tiến bộ. Hàng chục ngàn hécta đất trống, đồi núi trọc đã dần dần được phủ xanh bằng các loại cây bạch đàn, keo, mỡ. Một số mô hình sản xuất và kinh doanh rừng đã có kết quả bước đầu ở Yên Trạch (Phú Lương), Phượng Tiến, Phúc Chu (Định Hóa), Văn Lăng, Lâu Thượng (Võ Nhai), Văn Hán, Minh Lập (Đồng Hỷ)...

Do kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất nông - lâm nghiệp với chế biến, khuyến khích các cơ sở tận dụng năng lực sản xuất, khai thác nguyên liệu tại chỗ, tranh thủ sự hỗ trợ của công nghiệp trung ương và các đơn vị quốc phòng để phát triển mạnh hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nên giá trị sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp của tỉnh vẫn duy trì mức tăng 4,5% mỗi năm. Sản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng; các mặt hàng mới, như vải màn, đồ nhựa, lốp xe đạp, các loại sản phẩm may mặc sản xuất tại địa phương được nhân dân ưa chuộng. Việc đẩy mạnh hợp tác kinh tế với các tỉnh, mở rộng trao đổi hàng hóa để tăng nguồn hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân ngày càng tốt hơn trước.

Tính đến cuối năm 1986, toàn tỉnh đã có 15 trong tổng số 32 chỉ tiêu đạt và vượt mức Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đề ra, đáng kể nhất là các chỉ tiêu sản xuất và thu mua lạc, chè, thuốc lá, vật liệu xây dựng. Giá trị hàng xuất khẩu bình quân đạt 2,7 USD/người/năm, tăng 1,7 lần so với năm 1980.

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, có lúc gay gắt, nhưng sản xuất trên địa bàn tỉnh vẫn phát triển. Trong 5 năm (1981 - 1985), sản phẩm xã hội tăng bình quân mỗi năm 4,27%, thu nhập quốc dân tăng 1,18%. Công tác thu mua, phân phối, xuất khẩu hàng hóa có nhiều tiến bộ. Đời sống nhân dân nói chung, nông dân nói riêng ở trong tỉnh được ổn định.

Thực hiện chủ trương từng bước nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông theo chương trình cải cách giáo dục, coi trọng giáo dục toàn diện, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các địa phương kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ giáo dục giữa nhà trường với gia đình và xã hội, nên sự nghiệp giáo dục Thái Nguyên ngày càng phát triển tương đối đồng đều giữa các vùng, các ngành học, cấp học. Giáo dục hướng nghiệp bước đầu được chú ý và đã có hiệu quả thiết thực. Số lớp, số giáo viên và học sinh phổ thông các cấp tăng bình quân hằng năm từ 1,02 đến 1,07%. Năm học 1985 - 1986, trên địa bàn Thái Nguyên có 209 trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, với 10.165 giáo viên và 187.929 học sinh. Đời sống của cán bộ, giáo viên, học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp được quan tâm. Hệ thống các trường dạy nghề do tỉnh quản lí được sắp xếp lại theo cơ cấu, quy mô hợp lí, phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh, với yêu cầu phát triển hiện tại và tương lai.

Trong những năm 1981 - 1986, Thái Nguyên đã xây dựng được một hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh rộng khắp, gồm 10 bệnh viện tỉnh, huyện, ngành, 5 phòng khám khu vực, bệnh viện điều dưỡng, trạm bảo vệ bà mẹ trẻ em và 174 trạm y tế xã, phường, với trên 2.000 giường bệnh cùng đội ngũ thầy thuốc đông đảo: 833 y, bác sĩ, 490 y tá và nữ hộ sinh, 318 dược sĩ, dược tá. Trung bình mỗi năm, ngành Y tế Thái Nguyên đã khám, chữa bệnh cho gần 1 triệu lượt người.

Công tác phòng bệnh, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân ngày càng tiến bộ. Cán bộ ngành Y tế thường xuyên bám sát cơ sở, vận động nhân dân phòng, chống, ngăn chặn và dập tắt kịp thời các dịch bệnh. Việc triển khai thực hiện Pháp lệnh *Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* ngày càng tốt hơn. Từ sau ngày thành lập Ủy ban Dân số và Sinh đẻ có kế hoạch tỉnh (4/7/1984), do làm tốt công tác tuyên

truyền, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Tỉ lệ dân số tăng tự nhiên từ 2,4% (năm 1980), giảm xuống 1,94% (năm 1985). Phụ nữ mang thai và sinh đẻ ngày càng được chăm sóc tốt hơn. Do khó khăn về thuốc tân dược, ngành Y tế tích cực chỉ đạo khai thác nguồn thuốc nam, nguồn dược liệu địa phương thay thế, bảo đảm đủ thuốc chữa bệnh thông thường cho nhân dân.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Các ấn phẩm văn hóa (sách, báo, phim, ảnh...) được phát hành ngày càng nhiều, đáp ứng ngày càng tốt hơn đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Riêng hệ thống thư viện cấp tỉnh, huyện quản lí đã có trên 50.000 đầu sách các loại, mỗi năm phục vụ từ 20 đến 25.000 lượt người đọc. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho quần chúng thông qua hệ thống thông tin đại chúng đã được chú ý đẩy mạnh. Chất lượng các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp từng bước được nâng cao. Phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng phát triển mạnh. Ba rạp chiếu bóng ở thành phố Thái Nguyên cùng với 14 đội chiếu bóng lưu động ở các huyện mỗi năm phục vụ trên một triệu lượt người xem. Nội dung các hoạt động văn hóa, văn nghệ đều tập trung hướng vào xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Việc truy quét các loại văn hóa phẩm lạc hậu, đồi trụy, bài trừ mê tín dị đoan tiếp tục được triển khai ở nhiều nơi, nhất là các huyện: Phú Lương, Phổ Yên, Định Hóa, Phú Bình và thành phố Thái Nguyên. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và những người nghỉ hưu được các cấp ủy đảng, các ngành, đoàn thể quan tâm thực hiện tốt.

Sau năm 1979, các thế lực thù địch quốc tế vẫn ngấm ngầm hoạt động phá hoại công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam.

Đất nước Việt Nam luôn ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh. Trước tình hình và nhiệm vụ mới, ngày 25/6/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 92-CT/TW *Về cuộc vận động "Xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*". Tiếp đó, ngày 2/12/1980, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về *Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội*.

Quán triệt yêu cầu và nội dung các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, đầu năm 1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07-NQ/BT, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 11/CT-UBND xác định nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các chỉ thị, nghị quyết nói trên đã được tổ chức triển khai thực hiện từ tỉnh xuống cơ sở, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch quốc tế trong những năm 1980 - 1986 luôn luôn được duy trì bằng việc kết hợp phong trào đấu tranh của quần chúng với các hoạt động của lực lượng công an, quân đội, toà án, kiểm sát, thanh tra…

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), Chỉ thị số 128-CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, từ 1983, phong trào *Bảo vệ an ninh Tổ quốc* được thực hiện theo chủ trương lấy xã, phường làm địa bàn thực hiện, gắn công tác củng cố cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể với việc củng cố các vùng xung yếu, địa bàn trọng điểm. Vì vậy, trong những năm 1981 - 1986, an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh cơ bản được

giữ vững. Những hiện tượng tiêu cực trong quản lí kinh tế, quản lí xã hội tuy có những lúc diễn biến rất phức tạp, nhưng từng bước được ngăn chặn.

Trong tình hình mới, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch vừa là nhiệm vụ thường xuyên, vừa là nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trên địa bàn tỉnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thường xuyên chỉ đạo củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng cơ quan quân sự các cấp; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, quản lí bộ đội, duy trì chặt chẽ nền nếp huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Hưởng ứng cuộc vận động *Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân* do Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương phát động, thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *Tăng cường đoàn kết quân dân*, tháng 4/1982, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức *Hội nghị Quân với dân một ý chí*, nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự động viên, ủng hộ của các đoàn thể và nhân dân, cuộc vận động *Tăng cường đoàn kết quân dân* đã đạt được kết quả tốt. Lực lượng vũ trang trong tỉnh không ngừng trưởng thành về nhận thức tư tưởng, thành thạo về kĩ, chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu. Mặt khác, các đơn vị bộ đội thường xuyên liên hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền, nhân dân địa phương để tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống hằng ngày. Liên tục trong nhiều năm, lực lượng vũ

trang trong tỉnh tổ chức tăng gia sản xuất lương thực đạt kết quả tốt, vượt chỉ tiêu từ 20 đến 30 kg/người. Ngoài việc tăng gia tự túc cải thiện đời sống của cán bộ, chiến sĩ, trong 2 năm 1983 - 1984, các đơn vị bộ đội thuộc Quân đoàn 3 đóng trên địa bàn Thái Nguyên đã tham gia 375.000 ngày công xây dựng hệ thống kênh, mương thủy lợi hồ Núi Cốc, khai hoang giúp các địa phương trồng mới hàng trăm hécta chè; sửa chữa hàng trăm kilômét đường giao thông liên huyện, liên xã, tạo thuận lợi cho việc đi lại và phát triển kinh tế của nhân dân.

Ý thức được trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, phát huy truyền thống của quê hương cách mạng, lại được các cấp, các ngành kịp thời động viên cổ vũ, đoàn viên thanh niên các dân tộc trong tỉnh thường xuyên hăng hái tham gia lực lượng vũ trang. Nhờ đó, trong giai đoạn này, Thái Nguyên luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, bảo đảm thời gian và chất lượng tốt.

Thành tựu phát triển kinh tế, xã hội ở Thái Nguyên trong những năm 1981 - 1986 đã khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đảng bộ và chính quyền cũng như sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng.

Trước những khó khăn chồng chất về kinh tế và những diễn biến phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hầu hết cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ luôn thể hiện lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, chủ động tìm mọi biện pháp khắc phục nhằm giảm bớt khó khăn trên từng lĩnh vực, ở từng cơ sở để nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Kết quả đó thể hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo triển khai một cách toàn diện, liên tục, với nhiều hình thức phong phú. Thông qua các đợt học tập chỉ thị,

nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, cán bộ, đảng viên được nâng cao nhận thức về đường lối, quan điểm của Đảng, tạo sự nhất trí cao từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, vững vàng trong mọi hoàn cảnh.

Kết quả đó cũng phản ánh công tác củng cố cơ sở đảng, nhất là những cơ sở yếu kém, được các cấp ủy thường xuyên chăm lo. Gắn việc củng cố cơ sở đảng, củng cố hợp tác xã, xây dựng đề án phát triển kinh tế với việc thực hiện Chỉ thị số 83/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương về công tác phát Thẻ đảng viên và cuộc vận động giữ gìn nền nếp dân chủ, kỉ luật trong Đảng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tất cả các đảng bộ trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt nội dung, yêu cầu của việc phát Thẻ đảng viên. Đây là một công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỉ luật và đoàn kết nội bộ; thúc đẩy thực hiện cuộc vận động *Xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh*, đưa công tác quản lí đảng viên vào nền nếp, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng.

Trong quá trình triển khai bình xét, xếp loại đảng viên và tổ chức phát Thẻ đảng, các cấp ủy trong toàn Đảng bộ luôn chú trọng lãnh đạo công tác tư tưởng và công tác tổ chức, giáo dục đảng viên hiểu rõ vinh dự và trách nhiệm, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ được giao, khắc phục tư tưởng chủ quan, thỏa mãn, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình trong Đảng và vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, phê bình nhận xét cán bộ, đảng viên… Nhờ đó, kết quả công tác phát Thẻ đảng đạt chất lượng tốt. Từ năm 1980 đến năm 1982, toàn Đảng bộ đã tiến hành 12 đợt phát Thẻ đảng viên ở 97,6% số cơ sở đảng, cho 88,5% số đảng viên chính thức, 7,8% số đảng viên dự bị.

Công tác củng cố tổ chức Đảng cũng có tiến bộ rõ nét. Năm 1980, toàn Đảng bộ có 43 chi, đảng bộ cơ sở được công nhận là Đảng bộ vững mạnh. Năm 1981, Đảng bộ Đồng Hỷ được Trung ương trao Cờ *Huyện Đảng bộ vững mạnh*.

Từ sau đại hội đảng các cấp (trong năm 1982), tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ có nhiều chuyển biến trên nhiều mặt, nhất là nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, củng cố hợp tác xã, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội... Tuy nhiên, tình trạng trì trệ, yếu kém ở một số đơn vị vẫn chưa được khắc phục, trong đó có một số cơ sở yếu kém kéo dài nhiều năm, gây trở ngại lớn đến sự phấn đấu vươn lên của toàn Đảng bộ.

Trước tình hình đó, để thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng theo tinh thần chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 24/3/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 53/QĐ-BT *về việc thành lập Ban Xây dựng huyện* để giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng huyện. Ngày 19/12/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 06-CT/BT *Về việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh*.

Thực hiện Quyết định số 53 và Chỉ thị 06, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong toàn tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều tra, nghiên cứu nắm chắc tình hình, tiến hành phân loại chi, đảng bộ. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, chú trọng củng cố những nơi yếu kém, phấn đấu trong 2 năm (1984 - 1985) xóa bỏ cơ sở đảng yếu kém.

Từ kết quả và kinh nghiệm của năm 1984, ngày 1/2/1985, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục ban hành Nghị quyết số 15-NQ/BT *Về việc tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng nhằm thực hiện*

thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1985. Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của công tác tổ chức xây dựng Đảng bộ trong năm 1985 phải "... *tạo được sự chuyển biến rõ nét trong việc nâng cao nhận thức tư tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và đổi mới thật sự việc kiện toàn đội ngũ cán bộ của Đảng bộ*"(1).

Ngay từ đầu năm, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết 15 của Ban Thường vụ, tiến hành rà soát lại tình hình tổ chức cơ sở đảng, đánh giá, xác định những mặt yếu kém của từng cơ sở để có kế hoạch chỉ đạo củng cố; đồng thời phát động phong trào thi đua đăng kí phấn đấu trở thành chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Thực hiện mục tiêu xóa cơ sở kém, với khẩu hiệu: *Năm 1985 là năm củng cố để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở*, các cấp ủy đảng đã tập trung lãnh đạo sát sao, với nhiều biện pháp tích cực, sát với thực tế từng nơi. Thông qua các phong trào thi đua lao động sản xuất, đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của địa phương, đơn vị, tình hình tổ chức ở cơ sở đã có những tiến bộ rõ rệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lí kinh tế - xã hội. Nhiều cơ sở đã thể hiện rõ tính nhạy bén, năng động, mạnh dạn trong sản xuất, kinh doanh phù hợp với cơ chế mới, tạo được những tiến bộ mới, thúc đẩy sự vươn lên của cơ sở. Đó là một trong những yếu tố quan trọng, tác động tích cực đối với việc xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, gắn với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

---

(1) *Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về việc tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1985*. Số 15-NQ/BT, ngày 1/2/1985, tr. 3.

Qua thực tiễn chỉ đạo, nhiều huyện làm tốt nhiệm vụ củng cố cơ sở, thúc đẩy phong trào đi lên, điển hình là thành phố Thái Nguyên và các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ. Đảng bộ Võ Nhai từ chỗ có nhiều khó khăn, nhiều cơ sở đảng yếu kém kéo dài, đã được củng cố; số cơ sở khá và vững mạnh tăng lên 59%; 55% số đảng viên được xác định là đảng viên tiền phong gương mẫu. Tại Phú Lương, sau một năm tập trung củng cố, số cơ sở đảng khá và vững mạnh đạt 75%, tăng gấp 2 lần năm 1984.

Đến hết năm 1985, toàn Đảng bộ không còn cơ sở đảng kém. Số cơ sở đảng vững mạnh tăng lên. Căn cứ vào kết quả hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đối chiếu với tiêu chuẩn đánh giá xếp loại, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xét công nhận 122 cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng công nhận đảng bộ các huyện: Định Hóa, Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh năm 1985.

Một trong những nguyên nhân góp phần làm cho công tác củng cố cơ sở đảng năm 1985 đạt hiệu quả cao là do các tổ chức đảng đã tiến hành đại hội nhiệm kỳ bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục; xây dựng được phương hướng, nhiệm vụ và các biện pháp thực hiện. Đặc biệt, trong công tác cán bộ, các đảng bộ đã mạnh dạn đổi mới về nhân sự. Thông qua bầu cử trong nhiệm kỳ 1981 - 1985, đã có 31,5% cấp ủy viên, 35% Bí thư cấp ủy được thay thế, do sức khoẻ yếu, hoặc năng lực hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Riêng Đảng bộ Võ Nhai, đến hết năm 1985, trong 38 trên tổng số 39 cơ sở mở đại hội, Huyện ủy đã mạnh dạn bố trí lại cán bộ chủ chốt, thay đổi 64% số Bí thư, 71% Thường trực đảng ủy. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên mặc dù mới có hơn 50% số cơ sở đảng tổ chức đại hội, nhưng cũng đã có 51% cấp ủy viên, trong đó 40% số Bí thư được thay thế...

Để tháo gỡ những vướng mắc, lúng túng của công tác Đảng ở các cơ sở kinh tế quốc doanh, trong năm 1985, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các Đảng bộ: Công ty Gang thép, Luyện kim màu, Liên đoàn Địa chất I, Công ty Xây lắp II và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên tổ chức nghiên cứu quán triệt Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 29/9/1984 của Ban Bí thư *Về việc nâng cao sức chiến đấu, chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh*. Sau đó, Tỉnh ủy tổ chức chỉ đạo thí điểm rút kinh nghiệm ở cơ sở Đảng Xưởng Vật liệu chịu lửa của Đảng bộ Công ty Gang thép, Đoàn 110 của Đảng bộ Liên đoàn Địa chất I, Mỏ than Khánh Hoà của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên để từng bước mở rộng ra toàn Đảng bộ tỉnh.

Việc thực hiện thí điểm ở các đơn vị nói trên đã thu được kết quả bước đầu, phát huy được vai trò của tổ chức đảng trong thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, kiểm tra hoạt động của thủ trưởng các đơn vị kinh tế quốc doanh. Mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền có những chuyển biến tích cực, tạo cho cán bộ làm công tác Đảng, đoàn thể trong các cơ quan kinh tế yên tâm phấn khởi hoạt động.

Công tác phát triển đảng viên thường xuyên được các cấp ủy đảng quan tâm. Trong thời gian 1982 - 1986, bình quân mỗi năm Đảng bộ phát triển được trên 1.000 đảng viên. Nhìn chung, công tác phát triển Đảng đã thực hiện đúng phương châm, phương hướng. Số đảng viên nữ, dân tộc ít người và công nhân ngày càng tăng. Tính riêng năm 1985, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.154 quần chúng ưu tú vào Đảng. Trong đó, tỉ lệ đảng viên nữ chiếm 22,6%, đảng viên là dân tộc ít người khoảng 20,7%, đảng viên trẻ ở lứa tuổi thanh niên 52,3%, đảng viên có trình độ học vấn cấp III chiếm 70%, trình độ chuyên môn kĩ thuật trung cấp, đại học 26%. Các Đảng bộ: Phú Bình, Võ Nhai, Đại Từ, Phổ Yên, Định Hóa,

Đồng Hỷ, Công ty Luyện kim màu, Công ty Xây lắp II, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công an tỉnh là những đơn vị luôn thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành *Điều lệ Đảng*. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác kiểm tra trong giai đoạn này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng và đảng viên; kịp thời phát hiện, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, những việc làm sai trái, góp phần làm trong sạch đội ngũ của Đảng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ năm 1980 đến năm 1982, ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh đã tiến hành kiểm tra phát hiện 2.911 vụ đảng viên vi phạm *Điều lệ Đảng*, pháp luật Nhà nước; giúp các cấp ủy xử lí kỉ luật 1 tổ chức đảng, 1.287 đảng viên; trong đó có 497 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng (có 194 cấp ủy viên các cấp).

Thực hiện cuộc vận động *Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh*, cùng với việc củng cố, kiện toàn, nâng cao sức mạnh chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra ngăn chặn và xử lí những đảng viên vi phạm kỉ luật của Đảng, pháp luật Nhà nước. Trong 2 năm (1984 - 1985), qua kiểm tra đã phát hiện, thu hồi cho công quỹ hàng chục triệu đồng; xử lí kỉ luật dưới các hình thức gần 1.000 đảng viên, cảnh cáo 3 đảng ủy, chi ủy, góp phần thiết thực vào việc củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

Nhằm không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lí, mỗi năm Tỉnh ủy đều chỉ đạo chọn cử hàng trăm cán bộ đi học các lớp về lí luận chính trị, quản lí nhà nước, quản lí kinh tế ở các trường trong nước và ngoài nước.

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục góp phần tích cực củng cố khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân - dân, đoàn kết lương - giáo, vận động nhân dân các dân tộc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng. Ủy ban Mặt trận các cấp phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể đẩy mạnh hoạt động, động viên mọi thành viên thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; vận động đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, xây dựng nếp sống mới, bài trừ các hoạt động mê tín dị đoan, gửi tiền tiết kiệm, mua công trái xây dựng đất nước... Mặt trận Tổ quốc các cấp còn phối hợp chặt chẽ với chính quyền tổ chức tốt các cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cuộc tiếp xúc giữa đại biểu Hội đồng nhân dân với cử tri, góp phần nâng cao tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân trong việc tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh.

Xuất phát từ một tỉnh tập trung nhiều cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp lớn, với đội ngũ cán bộ, viên chức, cán bộ khoa học và công nhân kĩ thuật đông đảo, Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo tổ chức Công đoàn các cấp. Nhờ đó, hoạt động của các cấp Công đoàn ngày càng có hiệu quả, tập hợp, động viên cán bộ, công nhân viên chức nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng lao động; công tác, sản xuất ngày càng nhiều của cải cho xã hội. Từ năm 1981 đến năm 1986, hàng trăm tập thể, cá nhân đã phấn đấu đạt danh hiệu *Lao động giỏi*, điển hình là Tổ Tiện số 2 - Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1, đạt nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng Lao động*.

Hoạt động của các cấp hội và phong trào phụ nữ tiếp tục được đẩy mạnh. Hưởng ứng cuộc vận động *Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, phụ nữ các dân tộc trong tỉnh luôn luôn là lực lượng nòng cốt trong lao động trên đồng ruộng, trong các nhà máy, công, nông trường, xí nghiệp,... hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều chị đạt danh hiệu *Lao động tiên tiến*, *Phụ nữ hai giỏi*.

Trải qua hoạt động thực tiễn sản xuất và công tác, tổ chức Hội Phụ nữ Thái Nguyên không ngừng mở rộng. Số nữ cán bộ, công nhân viên nói chung, nữ cán bộ khoa học kĩ thuật nói riêng ngày càng tăng. Năm 1984, toàn tỉnh có 8.632 chị là cán bộ khoa học kĩ thuật; trong đó, các chị có trình độ đại học tăng 11 lần so với năm 1969. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lí là nữ lại chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng giảm dần. Số cán bộ nữ tham gia Tỉnh ủy khóa II là 7,4%, đến khóa IV còn 6,6%; cấp ủy huyện từ 12,4% (năm 1968), giảm xuống 7,8% (năm 1982). Cán bộ nữ trong Ủy ban nhân dân cấp huyện từ 14,4% (năm 1971), giảm xuống 7% (năm 1984), số Phó Chủ tịch huyện là nữ từ 11 đồng chí (năm 1968), giảm xuống chỉ còn 1 đồng chí trong năm 1984. Tỉ lệ đảng viên nữ cũng giảm từ 16,1% (năm 1981), xuống 15,7% (năm 1984).

Để khắc phục tình trạng trên, đầu năm 1985, Tỉnh ủy đã mở hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Chỉ thị 44 của Ban Bí thư về công tác cán bộ nữ; đồng thời giao trách nhiệm cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp với các ngành, các cấp có chính sách thỏa đáng, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đề bạt, sắp xếp bố trí cán bộ nữ trong các ngành, các cấp cho phù hợp để phát huy khả năng tiềm tàng của phụ nữ vào sự nghiệp bảo vệ và dựng xây đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, tiếp theo 4 phong trào lớn[1] trong những năm 1976 - 1977, từ năm 1978 đến năm 1986, với phong trào *Ba xung kích làm chủ tập thể* do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động, đoàn viên thanh niên Thái Nguyên đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, Tỉnh Đoàn mở cuộc vận động *Toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng* nhằm tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức về Đảng cho đoàn viên thanh niên, tạo ra môi trường thuận lợi để tuổi trẻ phấn đấu theo lí tưởng của Đảng, tu dưỡng rèn luyện để trở thành đảng viên. Từ trong hoạt động thực tiễn, nhiều đoàn viên thanh niên đã trưởng thành, được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Bên cạnh những thành tích to lớn kể trên, kết quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong 10 năm xây dựng, phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng của tỉnh cũng còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Sản xuất nói chung tăng chậm và chưa ổn định. Những hiện tượng tiêu cực trong quản lí kinh tế, xã hội chưa giảm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, có lúc gay gắt.

Sản xuất nông nghiệp chưa thoát khỏi tính chất sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; tình trạng quảng canh, độc canh còn phổ biến. Trong khi đó, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật thiếu tập trung, đồng bộ, chưa bảo đảm các điều kiện cần thiết để nông nghiệp phát triển vững chắc, toàn diện. Sản lượng màu giảm sút do chưa có chính sách hợp lí. Cây công nghiệp và chăn nuôi chưa phát triển tương xứng với tiềm năng hiện có.

(1) Bốn phong trào lớn: 1- *Phong trào lao động tình nguyện trong khu vực sản xuất,* 2- *Phong trào quyết thắng trong lực lượng vũ trang*, 3- *Phong trào học tập,* 4- *Phong trào rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống mới*.

Một số mô hình sản xuất theo phương thức nông - lâm kết hợp đã có hiệu quả, nhưng chậm được tổng kết nhân rộng. Việc giao đất, giao rừng cho các đơn vị, cá nhân chỉ mang tính hình thức, tổ chức sản xuất và kinh doanh nghề rừng ở các hợp tác xã chưa đem lại hiệu quả thiết thực. Khâu chế biến lâm sản trong tỉnh nhìn chung còn rất yếu. Tình trạng khai thác lâm sản và phá rừng bừa bãi vẫn xảy ra ở mức độ nghiêm trọng.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp, chưa quan tâm đúng mức đến việc phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất, nhất là phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp. Tài nguyên, khoáng sản, thiết bị máy móc, cán bộ khoa học - kĩ thuật và công nhân lành nghề trên địa bàn khá dồi dào, nhưng chưa được khai thác và sử dụng hợp lí. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp sử dụng nguyên liệu từ nông nghiệp chưa được chú ý phát triển để từng bước gắn sản xuất với chế biến và phân công lại lao động trong nội bộ hợp tác xã...

Xây dựng cơ bản còn phân tán, chưa tập trung đầu tư vào những công trình trọng điểm, chưa chú ý đầu tư thỏa đáng cho mặt trận nông nghiệp, cho giao thông và thủy lợi miền núi...

Giao thông vận tải chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất, lưu thông hàng hóa và phục vụ đời sống. Công suất của các phương tiện cơ giới chưa được khai thác tốt, tình trạng vận chuyển một chiều còn phổ biến. Các phương tiện vận tải thô sơ giảm sút nghiêm trọng. Hệ thống giao thông nông thôn chưa được chú ý cải tạo và xây dựng, đã hạn chế giao lưu giữa các vùng. Chất lượng thông tin liên lạc chưa tốt, báo chí, công văn thư tín vận chuyển đến các xã, nhất là miền núi không kịp thời, còn hiện tượng thất lạc, nhầm lẫn.

Mặt trận phân phối lưu thông vẫn là khâu có nhiều khó khăn gay gắt nhất. Các mặt hàng nông, lâm sản làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, như chè búp tươi, mía, thuốc lá, đỗ tương, các loại hạt có dầu… chưa bảo đảm ổn định. Có lúc, nhiều cơ quan cùng tham gia kinh doanh một mặt hàng, một loại sản phẩm, dẫn đến tình trạng tranh mua, tranh bán, gây rối loạn cho quản lí thị trường và giá cả.

Nguồn hàng trong tay Nhà nước đã ít, việc phân phối lại chưa tốt, nên hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng đầy đủ, kịp thời. Một bộ phận cán bộ, nhân viên ngành Phân phối lưu thông lợi dụng sơ hở trong quản lí làm giàu bất chính. Một bộ phận cán bộ, nhân viên quản lí thị trường, thuế vụ sa sút phẩm chất, bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc, làm cho hiệu lực và kỉ cương Nhà nước bị buông lỏng, nhưng không được ngăn chặn, xử lí nghiêm khắc, kịp thời. Nhiều cơ quan, xí nghiệp không nghiêm túc trong sử dụng, quản lí vật tư, hàng hóa và chấp hành kỉ luật giá cả, đã bán ra ngoài để hưởng chênh lệch giá, lập quỹ đen gây thiệt hại cho sản xuất và tài sản Nhà nước...

Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa tuy được củng cố nhưng chậm được hoàn thiện. Thành phần kinh tế quốc doanh chưa phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Việc thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư sau mấy năm phát huy tác dụng tốt, đã xuất hiện những bất hợp lí, thiếu công bằng trong công tác quản lí, điều hành, xây dựng định mức khoán của Ban Quản trị, gây ra tình trạng thắc mắc, suy bì trong các hộ xã viên.

Tình trạng quản lí và sử dụng cơ sở vật chất kĩ thuật trong các hợp tác xã cũng có nhiều diễn biến phức tạp. Do quản lí không tốt, nên vật tư, tài sản bị phân tán, hư hỏng, mất mát nhiều. Một số tài sản có giá trị lớn của hợp tác xã đã bị bán cho xã viên (năm 1983, một hợp tác xã của huyện Đại Từ đã bán cho xã viên 5 máy kéo loại

12 CV). Đàn trâu cày, kéo của hợp tác xã cũng bị đem "hóa giá". Tại 5 huyện, thành (Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên) có 34 hợp tác xã đã hóa giá đàn trâu cày kéo. Do yếu kém về công tác quản lí, hạch toán kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp, nên việc thực hiện 3 lợi ích (lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể, lợi ích xã viên) trong phân phối sản phẩm gặp nhiều khó khăn, nhất là khâu thu nộp sản phẩm cho Nhà nước. Năm 1984, tại 5 huyện, thành kể trên, có 281 hợp tác xã (38,6% số hợp tác xã) khoán sản phẩm cây lúa đã nợ 3.845 tấn thóc thuế các loại, bình quân mỗi hợp tác xã nợ 15 tấn...

Công tác giáo dục, y tế, thông tin, văn hóa, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ trẻ em, phát thanh, truyền thanh, báo chí… chuyển biến chưa mạnh, nhất là ở vùng núi, nơi xa xôi, hẻo lánh; chất lượng hoạt động còn thấp so với yêu cầu. Trở ngại lớn nhất của ngành Giáo dục là điều kiện cơ sở vật chất cho giảng dạy và học tập của nhà trường còn hết sức thiếu thốn. Cuộc vận động *Trường ra trường, lớp ra lớp; thầy ra thầy, trò ra trò* chưa đạt hiệu quả cao. Đời sống của giáo viên hết sức khó khăn. Chất lượng giáo dục cả phổ thông và chuyên nghiệp có chiều hướng giảm sút. Ngành Y tế tuy có nhiều cố gắng trong việc chăm lo sức khoẻ cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn. Trang thiết bị kĩ thuật và thuốc chữa bệnh đều thiếu thốn. Việc thực hiện chính sách đối với các gia đình có công với nước, gia đình liệt sĩ, cán bộ lão thành, thương binh, cán bộ hưu trí, những người già cả, tàn tật… có lúc, có nơi thiếu chu đáo. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng, chưa gắn với việc xây dựng con người mới, nền văn hóa mới ngay trong từng cơ sở. Các tập tục ma chay tốn kém, cưới xin linh đình, tảo hôn, cờ bạc, mê tín dị đoan có chiều hướng tăng lên ở một số địa phương, có nơi, có mặt khá nghiêm trọng.

Nguyên nhân của những khó khăn gay gắt và những khuyết điểm kể trên là do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan:

- Cơ sở vật chất kĩ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn hết sức nghèo nàn, lạc hậu. Trình độ dân trí, trình độ khoa học kĩ thuật của cán bộ và nhân dân còn thấp kém. Công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa sâu sắc, thiếu nghiêm túc; chưa nắm vững đặc điểm của chặng đường đầu thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của cả nước là sản xuất nhỏ còn phổ biến, nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa được đảng viên, cán bộ các cấp, các ngành nghiên cứu một cách sâu sắc, cặn kẽ. Cách học tập nặng về phổ biến ở hội nghị, ít dành thì giờ thảo luận, tranh luận kĩ để tìm ra chân lí và tạo sự nhất trí cao. Thậm chí nhiều cán bộ lãnh đạo ngại đọc, ngại đầu tư suy nghĩ nên không hiểu hoặc hiểu chưa đúng quan điểm cơ bản của Đảng. Khá đông cán bộ, đảng viên ở cơ sở ít được học tập đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; nên năng lực vận dụng đường lối, chính sách chưa thật năng động, còn hạn chế. Mặt khác, việc xây dựng đường lối và chỉ đạo phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta còn nhiều sai lầm, khuyết điểm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lí kinh tế. Việc duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp dẫn tới sản xuất chậm phát triển, mâu thuẫn giữa cung và cầu ngày càng gay gắt.

- Một số chính sách ban hành chưa có tính cách mạng và khoa học, chưa tôn trọng các quy luật khách quan, còn cứng nhắc, đã kìm hãm sản xuất và lưu thông, quần chúng không đồng tình, nhất là những chính sách đầu tư cho sản xuất các cây, con...

- Công tác kế hoạch còn chủ quan, áp đặt, thiếu cơ sở khoa học và không sát thực tế; thiếu hệ thống biện pháp thực hiện cụ thể, nên tính pháp lệnh thấp, không phát huy quyền chủ động, sáng tạo của các tổ chức và các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị còn lúng túng. Phong cách làm việc chưa sâu sát, thiếu cụ thể. Sự phối hợp hoạt động thiếu chặt chẽ, thiếu đồng bộ giữa ngành và cấp, trong từng ngành, từng cấp. Cơ chế *Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lí - Nhân dân làm chủ* giải quyết chưa tốt, còn những biểu hiện bao biện làm thay, chồng chéo, mâu thuẫn nhau hoặc thiếu kiểm tra đôn đốc, thiếu uốn nắn kịp thời và động viên đúng lúc.

- Công tác xây dựng Đảng chưa được quan tâm đúng mức, chưa xem đó là yếu tố quyết định trước tiên để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị. Công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng làm không thường xuyên, liên tục và chuyển biến chậm, cho nên không phát huy được vai trò lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ, tổ đảng. Phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị giảm sút, thiếu trách nhiệm trước cuộc sống của quần chúng, đã làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng chủ yếu dừng lại ở bề nổi, chưa có chiều sâu. Công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng chưa nhạy bén và thường xuyên. Nội dung giáo dục chưa phù hợp với từng đối tượng, chưa sâu sắc và triệt để nên chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và các hội viên đối với nhiệm vụ chung...

Bước vào năm 1986, tình hình kinh tế - xã hội ở Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn. Vụ chiêm xuân khô hạn kéo dài, hàng ngàn hécta ruộng ở các huyện: Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương không có nước

cấy, phải bỏ hoang. Đến vụ mùa, gặp trận lũ lớn chưa từng có làm mất trắng trên 4.500 ha và trên 5.000 ha giảm năng suất... Sản xuất công nghiệp - bao gồm cả công nghiệp trung ương và địa phương đều ở trong tình trạng thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, tiền vốn… nên sản xuất cầm chừng, công nhân không có việc làm, thu nhập thấp.

Mặt trận phân phối lưu thông vẫn nóng bỏng và có diễn biến phức tạp, nguồn hàng do Trung ương cung cấp (lương thực, thực phẩm, dầu thắp, vải, muối…) chỉ đạt 40 - 45%; thu mua tại tỉnh chỉ đạt từ 15% đến 20%; xuất khẩu đạt 70% kế hoạch. Do không nắm được hàng và tiền, nên ngân sách và tiền mặt của tỉnh trong tình trạng bội chi lớn. Giá cả các mặt hàng thiết yếu (lương thực, thực phẩm, vật tư…) tăng nhanh, đặc biệt tháng 1 và tháng 2/1986, giá cả thị trường Thái Nguyên tăng bình quân 23,5%. Nhà nước không kiểm soát được thị trường. Lợi dụng tình hình này, thương nhân hoạt động đầu cơ, buôn lậu, càng làm cho thị trường thêm rối loạn. Năm 1986, lạm phát tăng vọt tới 700%; tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng. Đời sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân nơi bị bão lụt gặp nhiều khó khăn gay gắt hơn năm 1985.

Trước tình hình trên, tháng 5/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 24/2/1986 của Bộ Chính trị *Về những biện pháp cấp bách nhằm thực hiện đúng đắn Nghị quyết 8 Ban Chấp hành Trung ương*, trước hết tập trung lãnh đạo giải quyết tình trạng khó khăn, căng thẳng về lương thực trong 6 tháng cuối năm, thực hiện bù giá 6 mặt hàng định lượng (trừ lương thực) vào lương từ quý IV cho cán bộ, công nhân viên… Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phấn đấu nỗ lực của các ngành: Lương thực, Thương nghiệp, Tài chính và tinh thần tự lo trong các cơ quan, đơn vị, trong nhân dân chỉ làm giảm phần nào những căng thẳng trước mắt về đời sống và sản xuất vào những tháng cuối năm.

Kinh tế sa sút, hoạt động của các ngành: Y tế, Văn hóa, Giáo dục cũng chững lại. Cán bộ ngành Y tế tuy rất cố gắng vượt lên khó khăn để làm tốt công tác vận động nhân dân phòng bệnh, tiêm chủng, vệ sinh môi trường, kế hoạch hóa gia đình..., nhưng tình trạng thiếu giường bệnh, thiếu thuốc chữa bệnh trở thành căn bệnh kéo dài. Hệ thống y tế xã, phường, thị trấn nhiều nơi không còn hoạt động, do không có tiền trả lương cho cán bộ y tế cơ sở, không có thuốc phục vụ người bệnh.

Ngành Giáo dục tuy có nhiều cố gắng, đã xây thêm được hơn 100 phòng học (chủ yếu là tre, nứa, lá), nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng học sinh phải học ca ba; trang thiết bị (bàn ghế, đồ dùng học tập...) trong các nhà trường còn thiếu; chất lượng giáo dục thấp...

Sơ kết 6 tháng đầu năm 1986, Tỉnh ủy khẳng định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn chưa ổn định, nhiều vấn đề vừa cấp bách vừa cơ bản chưa được giải quyết. Mục tiêu của Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ đề ra không thực hiện được. Hậu quả chiến tranh chưa khắc phục triệt để, nhiều mặt của cơ chế cũ còn tồn tại dai dẳng; cơ chế mới chưa hình thành đồng bộ; trong lãnh đạo, điều hành vẫn còn sai lầm, thiếu sót... Kinh tế - xã hội ngày càng lún sâu vào khủng hoảng, đời sống nhân dân lao động ngày càng khó khăn.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, việc chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tiến hành khẩn trương.

Ngay từ cuối năm 1985, đầu năm 1986, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo hai đợt sinh hoạt chính trị quan trọng trong Đảng bộ. Một là, đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình từ Tỉnh ủy đến từng chi ủy ở cơ sở. Hai là, tiến hành đại hội đảng các cấp từ chi bộ đến các đảng bộ trực thuộc.

Đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị số 79-CT/TW ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư tập trung vào 3 nội dung chính: Phẩm chất, phong cách lãnh đạo và chính sách cán bộ. Với tinh thần đấu tranh thẳng thắn, trung thực, nhìn thẳng vào thiếu sót, khuyết điểm, có thái độ phê bình và tiếp thu đúng mức, cầu thị, đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình đã thu được kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ.

Đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình giúp cho cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở rút ra được nhiều bài học bổ ích, đồng thời nắm chắc được chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên phục vụ cho công tác nhân sự đại hội các cấp.

Thực hiện Chỉ thị số 80-CT/TW ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về đại hội đảng bộ các cấp*, Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) tháng 5/1986 đã quyết định trọng tâm công tác Đảng 6 tháng cuối năm của Đảng bộ là tổ chức tốt đại hội đảng từ chi bộ trở lên. Tỉnh ủy chọn Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội điểm. Đảng bộ các huyện, thành, thị khác và đảng ủy trực thuộc chọn 28 đảng bộ cơ sở làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trong toàn Đảng bộ.

Nội dung đại hội các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, ngoài việc tổng kết nhiệm kỳ, quyết định phương hướng nhiệm vụ và bầu cấp ủy mới, còn thảo luận, tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá V. Đến cuối tháng 9/1986, tất cả 782 đảng bộ cơ sở trong 23 đảng bộ trực thuộc (trong đó có 12 đảng bộ huyện, thành, thị) đã tổ chức đại hội thành công. Trong ban chấp hành đảng bộ huyện, thành, thị và các

đảng bộ trực thuộc, số ủy viên mới tham gia chiếm tỉ lệ 56%, thay đổi 11 Bí thư (47,8%), 8 Chủ tịch huyện (34,7%) và 22 Phó Bí thư (95,6%), số nữ tăng 4,3%, trình độ văn hóa cấp II tăng 17,2%, trình độ đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 16,2%.

Luồng gió đổi mới đã tạo nguồn sinh lực mới trong đời sống chính trị ở tỉnh. Đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã sôi nổi đóng góp ý kiến vào bản tóm tắt Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh. Chỉ tính riêng trong đại hội đảng các cấp đã có 67.520 ý kiến tham gia vào văn kiện của Trung ương và của tỉnh.

Trong khi đó, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh. Nhân dân huyện Định Hóa thi đua diệt trừ sâu rầy nâu, rầy xanh, cứu được trên 1.000 ha lúa; nhân dân các huyện: Phổ Yên, Phú Bình chăm sóc 6.500 ha lúa sau lũ lụt, tu sửa 214 công trình thủy lợi, 66,8 km kênh mương. Công nhân Xưởng Luyện kim bột (thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Luyện kim màu) cải tiến lò chạy điện thành lò phản xạ nhiên liệu đốt bằng than, tiết kiệm mỗi tháng 1.200 kw điện. Phân xưởng Thép (Nhà máy Cán thép Gia Sàng) đúc thành công trục cán có đường kính 530 mm, trước đây phải mua của nước ngoài, tiết kiệm cho Nhà nước mỗi năm gần 1 triệu USD. Công ty Xây dựng thủy lợi lấy việc xây dựng hồ chứa nước Phú Xuyên (Đại Từ) làm công trình chào mừng Đại hội Đảng…

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1986, hơn 100 cán bộ chủ chốt của tỉnh gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Trưởng, Phó các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch thành phố, thị xã, các huyện và Bí thư các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã về dự Hội nghị nghiên cứu, thảo luận, quán triệt các dự thảo văn kiện sẽ trình

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và dự thảo *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV* trình bày tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Đợt sinh hoạt chính trị thảo luận, góp ý kiến vào văn kiện Đại hội VI của Đảng đã khơi dậy không khí cởi mở trong đội ngũ cán bộ cốt cán của tỉnh. Đây cũng là mốc mở đầu sự chuyển biến nhận thức và quan điểm về đường lối đổi mới của Đảng, về cách đánh giá tình hình của Đảng: nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật; đánh giá tình hình một cách toàn diện, khách quan, có quan điểm lịch sử, đề cao tự phê bình và phê bình. Hội nghị đã góp phần quan trọng tạo ra chất lượng mới cho *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IV* trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Từ ngày 21 đến ngày 25/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tổ chức tại Rạp chiếu bóng nhân dân Thái Nguyên. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 42.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Quang Đạo - Bí thư Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần: Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và thực hiện đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đồng chí Vũ Ngọc Linh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, trình bày *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*, khẳng định những thành tựu đạt được, đồng thời cũng chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém trên từng lĩnh vực công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước.

Vận dụng những quan điểm đổi mới được trình bày trong dự thảo văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm (1986 - 1990):

"Tất cả các ban, ngành, huyện, thành và cơ sở tập trung sắp xếp lại tổ chức và bộ máy, đổi mới tư duy và cơ chế quản lí nhằm nhanh chóng ổn định sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, ổn định đời sống của nhân dân nhất là công nhân viên chức, lực lượng võ trang... Khắc phục các hiện tượng tiêu cực xã hội. Xây dựng nếp sống văn hoá mới, đặc biệt quan tâm giải quyết thanh thiếu niên chậm tiến và các tệ nạn ma chay cưới xin linh đình tốn kém, cờ bạc... ở tất cả các địa phương. Hình thành những tập thể sống có văn hoá, những con người mới xã hội chủ nghĩa. Tăng thêm cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, trước hết là cơ sở hạ tầng của sản xuất. Đầu tư chiều sâu sử dụng có hiệu quả những cơ sở vật chất kĩ thuật hiện có, phấn đấu có tích luỹ từ nền kinh tế địa phương..."[(1)].

Báo cáo chính trị cũng đặt ra nhiệm vụ nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ, đặc biệt coi trọng công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất, làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội những năm tới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V gồm 45 ủy viên chính thức và 13 ủy viên dự khuyết. Ngày 25/10/1986, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V họp phiên thứ nhất để bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 ủy viên. Các đồng chí: Nông Đức Mạnh được bầu giữ chức Bí thư, Nguyễn Ngô Hai và Đặng Quốc Tiến giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã khơi dậy bầu không khí dân chủ, cởi mở trong cán bộ, đảng viên tham gia thảo luận, góp ý sôi nổi vào Báo cáo chính trị và công tác nhân sự. Nghị quyết Đại hội đã

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ V*. Số 17/BC-BT, ngày 20/11/1986, tr. 10, 11.

vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đổi mới được nêu trong *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V* trình tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Như vậy, trải qua hơn 10 năm (1975 - 1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tích cực khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy đạt được những kết quả bước đầu, nhưng nhìn chung tình hình xây dựng, phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng trên địa bàn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Sản xuất nông nghiệp chưa thoát khỏi tính chất lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; tình trạng quảng canh, độc canh còn phổ biến. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp. Giao thông vận tải chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất, lưu thông hàng hóa và phục vụ đời sống nhân dân. Công tác giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao… chuyển biến chưa mạnh, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Những hiện tượng tiêu cực trong quản lí kinh tế, xã hội chưa giảm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, có lúc gay gắt. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng chưa gắn với việc xây dựng con người mới, nền văn hóa mới trong từng cơ sở... Đó là những vấn đề đặt ra cho Đảng bộ tập trung giải quyết trong các nhiệm kỳ tiếp theo.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên phấn khởi và tin tưởng bước vào thời kỳ đổi mới, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội đề ra.

Chương III

ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (GIAI ĐOẠN 1986 - 1996)

I- Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1991)

Trải qua hơn 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước (1975 - 1986), bên cạnh những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, làm cải biến một phần cơ cấu của nền kinh tế - xã hội, đất nước ta đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế của đất nước đến những khó khăn mới. Nền kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức (15 - 18/12/1986). Tiếp thu ý kiến xây dựng của toàn Đảng, toàn dân và tỏ rõ trách nhiệm đối với vận mệnh đất nước, Đại hội đã khẳng định những thành tựu, kiểm điểm sâu sắc những sai lầm về chỉ đạo chiến lược cũng như về tổ chức thực hiện. Đại hội chỉ rõ khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động *giản đơn, nóng vội*, là khuynh hướng *buông lỏng quản lí kinh tế - xã hội.* Trên cơ sở tổng kết 5 bài học, Đại hội đề ra đường lối đổi mới, coi đổi mới là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Bốn tháng sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tháng 4/1987, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 2 bàn những giải pháp cấp bách về lưu thông phân phối, đưa ra mục tiêu phấn

đấu thực hiện "*bốn giảm*"[1]. Hội nghị cũng đề ra chủ trương thực hiện chính sách thu mua nông sản của nông dân theo giá thỏa thuận. Đây là điểm đột phá quan trọng về việc bỏ chính sách hai giá, thực hiện một giá thu mua nông sản.

Thái Nguyên triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 trong hoàn cảnh có những khó khăn phức tạp, việc thực hiện các mục tiêu trong 3 chương trình kinh tế lớn không đạt. Sản xuất nông nghiệp do thời tiết xấu từ đầu năm[2] đã bị thất thu tới 3 vạn tấn thóc, sản lượng lương thực giảm 1,9% so với năm 1986. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp thiếu vật tư, nguyên liệu, tiền vốn, giá cả thường xuyên biến động; một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp phải ngừng sản xuất.

Mặt hàng xuất khẩu của Thái Nguyên chủ yếu là nông, lâm sản (lạc, chè, mành cọ, đồ dùng mây tre đan), nhưng do định giá thu mua thấp, lợi ích phân phối không công bằng giữa cơ quan xuất khẩu và người làm ra sản phẩm nên người nông dân, thợ thủ công không bán sản phẩm cho công ty xuất khẩu. Do đó, năm 1987 kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh Bắc Thái chỉ đạt 62,5% so với kế hoạch[3].

Từ ngày 15 đến ngày 17/7/1987, Tỉnh ủy họp bàn *Một số chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* và quyết định 3 nội dung lớn:

1- Một số chính sách về phân phối lưu thông, bao gồm: Chính sách cung ứng vật tư cho sản xuất; chính sách về tiêu thụ sản phẩm, chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề tiền lương và đời sống cán bộ, công nhân viên chức; chính sách và biện pháp tăng thu, giảm bội chi ngân sách.

(1) Bốn giảm: 1- Giảm bội chi ngân sách; 2- Giảm nhịp độ tăng giá; 3- Giảm tốc độ lạm phát; 4- Giảm khó khăn trong đời sống nhân dân.

(2) Cả tỉnh có gần 11% lúa bị hạn và xấu.

(3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1987*. Số 01-BC/BT, ngày 27/1/1988, tr.6.

2- Đổi mới một bước về cơ chế quản lí và chỉ đạo sản xuất kinh doanh: Thực hiện xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, đổi mới việc giao chỉ tiêu kế hoạch. Đối với sản xuất nông nghiệp (kể cả tập thể và cá thể), chỉ giao các loại thuế là chỉ tiêu pháp lệnh; việc huy động hàng hóa theo phương thức thỏa thuận trên cơ sở hợp đồng kinh tế. Đối với sản xuất công nghiệp, xí nghiệp nào được Nhà nước cung ứng vật tư thì giao 3 chỉ tiêu: Giá trị sản lượng hàng hóa; số lượng và chất lượng sản phẩm (ứng với vật tư được nhận), các khoản nộp ngân sách. Các đơn vị không được Nhà nước cung ứng vật tư, chỉ giao 1 chỉ tiêu nộp ngân sách.

3- Tổ chức chỉ đạo thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất từ trên xuống dưới. Sắp xếp lại hệ thống tổ chức quản lí Nhà nước từ tỉnh xuống huyện, thành, thị, bố trí lại cán bộ theo yêu cầu của đổi mới. Trên cơ sở phổ biến, quán triệt đến tất cả cán bộ, đảng viên trong tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 từ tháng 8/1987.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số biện pháp cải tiến phân phối lưu thông, "*trả lương đúng kỳ, bán lương thực đúng tháng*"; bù giá vào lương một số mặt hàng thiết yếu sát với giá thị trường.

Qua 2 năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, dù "*... khó khăn khách quan diễn ra liên tiếp và chi phối gay gắt thường xuyên trên tất cả các mặt đời sống kinh tế, xã hội của tỉnh, nhưng sản xuất và đời sống vẫn được giữ vững, không bị giảm sút đến mức nghiêm trọng. Trên một số lĩnh vực và trong từng cấp, từng ngành, từng cơ sở đã có những chuyển biến bước đầu về từng mặt và xuất hiện*

những nhân tố mới mở hướng thoát ra khỏi trì trệ quan liêu bao cấp của nhiều năm nay"[1].

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, trước hết là về lương thực. Theo chủ trương của Tỉnh ủy, vấn đề lương thực được giải quyết không chỉ trong các đơn vị sản xuất nông nghiệp, mà ở tất cả các cơ quan, đơn vị có điều kiện, phát huy sức mạnh tổng hợp trên lãnh thổ, có chính sách cho phép các cơ quan, đơn vị và cơ sở sản xuất công nghiệp được mở rộng quyền tự trao đổi sản phẩm của mình để lấy lương thực...

Trong 2 năm (1987 - 1988), do thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nên hai vụ lúa chiêm, mùa đều bị thất thu. Tỉnh đã chủ trương mở rộng sản xuất vụ đông và đưa ngô xuân xuống chân ruộng một vụ, nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất. Nhờ thế, tổng sản lượng lương thực của Thái Nguyên vẫn đạt bình quân 181.763 tấn/năm, bằng những năm được mùa. Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW (13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương về *Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong các hợp tác xã nông nghiệp*. Đầu năm 1988, tỉnh chủ trương hoàn chỉnh một bước khoán sản phẩm, bỏ bớt tình trạng bao cấp trong các hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện khoán gọn theo đơn giá đảm bảo thu nhập của người lao động trên dưới 50% sản phẩm làm ra; khoán đến hộ gia đình xã viên, giảm bớt cán bộ quản lí, điều chỉnh lại quy mô hợp tác xã một cách hợp lí; chuyển nhượng đàn trâu, bò của tập thể cho các gia đình xã viên quản lí.

Như vậy, từ khi thực hiện cải tiến công tác khoán theo tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, sản xuất nông nghiệp

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo hai năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội V của tỉnh Đảng bộ Bắc Thái*. Số 03-BC/BT, ngày 30/1/1989, tr.1.

trong tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, tình hình cung cấp lương thực trên địa bàn Thái Nguyên thời gian này vẫn rất căng thẳng. Tình trạng thiếu đói xảy ra trên phạm vi rộng và nghiêm trọng hơn những năm trước. Nông dân thiếu đói chủ yếu tập trung ở các huyện phía Nam và các huyện có vùng chuyên canh cây công nghiệp; các huyện miền núi phía Bắc tình hình đỡ gay gắt hơn.

Trước tình trạng trên, từ cuối tháng 4 đầu tháng 5/1988, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện một số biện pháp cấp bách để cứu đói trong khu vực nông thôn, trích hơn 200 tấn gạo trong quỹ bán cho cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang để trợ cấp cho những gia đình đặc biệt khó khăn; trợ cấp bằng ngân sách địa phương 23 triệu và cho nông dân vay hơn 50 triệu đồng(1). Đến giữa tháng 5/1988, nhờ có những biện pháp trên cùng với việc thu hoạch một số rau, màu nên diện thiếu đói đã có xu hướng thu hẹp.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện *Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong các hợp tác xã nông nghiệp*, Tỉnh ủy đã sớm phát hiện những mặt hạn chế, mâu thuẫn mới của Chỉ thị 100.

Sau khi nhận được dự thảo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đầu năm 1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100 và ra Nghị quyết số 05-NQ/BT (tháng 1/1988) nhằm đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lí hợp tác xã và cơ chế quản lí Nhà nước cấp tỉnh đối với nông nghiệp.

Ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị chính thức ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW *Về đổi mới quản lí kinh tế nông nghiệp*, gọi tắt là *Khoán 10*. Đông đảo nông dân các dân tộc trong tỉnh đồng tình hưởng ứng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo tình hình đói giáp hạt*. Số 15-BC/BT, ngày 18/5/1988, tr.2.

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương đổi mới cơ chế quản lí, trong đó có chủ trương thực hiện chính sách một giá, thương mại hóa vật tư, người nông dân chỉ còn nghĩa vụ nộp thuế và các quỹ cho hợp tác xã, được tự do lưu thông sản phẩm của mình sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và hợp tác xã.

Được sự ủy nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 22/8/1989, Ban Kinh tế Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới quản lí kinh tế nông nghiệp. Đến cuối năm 1988, toàn tỉnh có 85% số hợp tác xã thực hiện nội dung Nghị quyết 10; riêng thành phố Thái Nguyên, các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Định Hóa, Đại Từ và thị xã Sông Công(1), tỉ lệ đó là 100%.

Thông qua việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, bộ máy quản lí trong các hợp tác xã (tính từ đội phó sản xuất trở lên) được tinh giản(2). Cũng nhờ đó, số thóc mỗi năm xã viên phải đóng góp chi trả công cho cán bộ trong bộ máy quản lí hợp tác xã đã giảm được hàng ngàn tấn. Thu nhập của người lao động được nâng lên, "*trước đây chỉ đạt trên dưới 30% nay thấp nhất 50%, nơi cao đạt 70 - 80% sản lượng khoán*"(3). Như vậy, lợi ích của người nhận khoán tăng từ 1,5 đến 3 lần so với trước. Từ chỗ người nông dân muốn trả ruộng nhận khoán, đến nay gia đình nào cũng muốn có nhiều ruộng để sản xuất. Điều đó chứng tỏ Nghị quyết 10 của

(1) Thị xã Sông Công được thành lập theo Quyết định số 113-QĐ/HĐBT ngày 11/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, gồm 3 phường: Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và 3 xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên.

(2) Bộ máy cán bộ quản lí hợp tác xã trong toàn tỉnh giảm từ 10.983 người (1986), còn 7.333 người (1988). Huyện Phú Bình giảm 54% (từ 2.976 xuống 1.075 cán bộ), Đồng Hỷ giảm 50%, thành phố Thái Nguyên giảm 43%...

(3) *Báo cáo 2 năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ Bắc Thái*. Số 03-BC/BT, ngày 30/1/1989, tr.1.

Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giải phóng năng lực sản xuất nông nghiệp của tỉnh ở mọi thành phần kinh tế, trước hết là kinh tế gia đình.

Tính đến tháng 7/1989, kinh tế gia đình ở tỉnh đã đưa lại 99,3% sản lượng thịt lợn, 90% sản lượng rau, 80% sản lượng lạc, 60% sản lượng chè, 100% sản lượng sắn và chiếm từ 63% đến 70% tổng thu nhập của hộ nông dân. Phát triển kinh tế gia đình còn tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo ở nông thôn trên địa bàn tỉnh còn 27% (năm 1989).

Thành phần quốc doanh trong nông, lâm nghiệp là lực lượng nòng cốt, góp phần quan trọng vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của tỉnh. Tuy nhiên, khi chuyển đổi cơ chế quản lí, các nông, lâm trường không theo kịp đà phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, tỏ ra lúng túng, không đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Năm 1989, tỉnh quyết định tất cả nông, lâm trường[1] trên địa bàn phải chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền tự chủ theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị định số 169-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thực hiện rộng rãi chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đối với người lao động trong đơn vị. Các công ty dịch vụ phải đổi mới cơ chế hoạt động phù hợp với chế độ khoán mới.

Cùng với sản xuất lương thực, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát huy năng lực hiện có, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu xã hội. Riêng với các hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp, từ tháng 8/1988, tỉnh cho chuyển mạnh từ

(1) Đến năm 1989, trên địa bàn Thái Nguyên có 4 nông trường Quốc doanh: Sông Cầu, Quân Chu, Bắc Sơn và Phú Lương.

phương thức gia công sang bán nguyên liệu, mua thành phẩm; cho phép các hợp tác xã được huy động vốn, kể cả vốn xã viên để phát triển sản xuất; lãi suất tiền vay do hai bên thỏa thuận.

Ngoài nguồn vật tư theo kế hoạch, các xí nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp được phép tự tìm kiếm vật tư cho sản xuất; chấn chỉnh lại tổ chức cung ứng vật tư, bỏ những đơn vị trung gian không cần thiết, đảm bảo cung ứng vật tư từ 75% đến 85% nhu cầu cho mỗi cơ sở sản xuất. Nhờ đó, các đơn vị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh từng bước xác định được lối thoát để phát triển đi lên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 3 (8/1987) và Quyết định số 217-HĐBT, ngày 14/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng *về đổi mới kế hoạch hoá và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã từng bước tháo gỡ những rào cản, giao quyền xây dựng kế hoạch cho các cơ sở. Tỉnh chỉ giao chỉ tiêu pháp lệnh tương ứng với những điều kiện vật tư đã cung cấp cho cơ sở. Những đơn vị khó khăn về vốn kinh doanh sẽ được Ngân hàng tỉnh cho vay. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, các nhà máy cơ khí của tỉnh được để lại lợi nhuận, được giảm thuế vốn, cho nợ tiền điện để có vốn đầu tư chiều sâu...

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, hầu hết các đơn vị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đều chuyển hướng sản xuất, thay đổi mặt hàng phù hợp với yêu cầu của thị trường. Nhiều xí nghiệp đã đầu tư hàng trăm triệu đồng thay đổi dây chuyền công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thực hiện chương trình xuất khẩu, trong 2 năm (1987 - 1988), các mặt hàng thêu, ren, mây tre đan... đã được khôi phục; đồng thời có thêm những mặt hàng mới, như găng tay, quần áo bảo hộ lao

động... Kết quả quan trọng hơn, là các cấp, các ngành trong tỉnh đã thấy rõ giá trị hoạt động ngoại thương tạo ra vốn ban đầu, có thu nhập cao cho người lao động và làm giàu cho tỉnh. Đời sống của những người lao động ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh giỏi từng bước ổn định và được cải thiện nhiều mặt.

Do nhu cầu của thị trường, trong 2 năm (1988 - 1989), tỉnh chủ trương không hạn chế các xí nghiệp trung ương, địa phương, quốc phòng, các trường đào tạo công nhân kĩ thuật (Trường Công nhân kĩ thuật Việt Đức, Trường Việt Bắc, Trường Cơ khí luyện kim, Trường Công nhân kĩ thuật 3…) cùng sản xuất một mặt hàng (máy tuốt lúa, xe cải tiến, phụ tùng xe đạp, đồ dùng gia đình…); khuyến khích tất cả các đơn vị mạnh dạn đầu tư cho phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để tồn tại và phát triển.

Thực hiện các Nghị định số 27-HĐBT, 28-HĐBT, 29-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng(1), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chọn thành phố Thái Nguyên làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm về đổi mới quan điểm đối với các thành phần kinh tế. Thực tế cho thấy tình hình hoạt động kinh tế tập thể ở các hợp tác xã và tổ hợp sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ trong phạm vi toàn tỉnh nói chung và ở thành phố Thái Nguyên nói riêng đã diễn ra theo bốn hướng: Một số doanh nghiệp thích ứng với cơ chế mới, có khả năng tồn tại và vươn lên (Hợp tác xã Cộng Lực); một số hợp tác xã hoạt động cầm chừng, tìm lối thoát khỏi sự bế tắc (Cơ khí Bắc Nam, Hồng Hà, Thủy tinh Dân chủ…); một số

(1) * Nghị định số 27-HĐBT ngày 9/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản *Quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải*.

* Nghị định số 28-HĐBT ngày 22/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành *Điều lệ Xí nghiệp liên doanh*.

* Nghị định số 29-HĐBT ngày 9/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản *Quy định về chính sách đối với kinh tế gia đình trong hoạt động sản xuất và dịch vụ sản xuất*.

hợp tác xã tồn tại trên hình thức dưới vỏ bọc tập thể, nhưng quan hệ sở hữu, quản lí và phân phối đã có thay đổi căn bản (hầu hết là trong hợp tác xã mua bán ở phường, xã); nhiều hợp tác xã bị giải tán (Hợp tác xã Khánh Hoà, nhuộm, làm phấn viết, giấy màu, Hợp tác xã Cửu Long, Việt Bắc…).

Từ thực tế ấy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ tư tưởng chỉ đạo là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng với nhau và bình đẳng trước pháp luật; chính quyền các cấp trong tỉnh tạo ra môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 5/8/1988, Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên đã họp và ra Nghị quyết số 124/NQ-TP về *Một số vấn đề phát triển kinh tế phường, xã và công tác lưu thông phân phối hiện nay*. Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy là cơ sở cho thị trường thành phố được mở cửa, thị trường xã hội trên địa bàn thành phố trở nên nhộn nhịp. Nguồn hàng từ ngoài đưa vào thành phố ngày càng dồi dào, phong phú, thu hẹp dần sự mất cân đối giữa cung và cầu. Giá cả, đặc biệt là giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng dần dần đi vào ổn định.

Tháng 9/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Thành phố Thái Nguyên từ chỗ chỉ có 4 hợp tác xã và 20 tổ hợp, sau 4 tháng thực hiện chính sách của tỉnh, đã có 20 hợp tác xã và 36 tổ hợp, trong đó có 32 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 8 cơ sở xây dựng, 16 cơ sở dịch vụ với quy mô đa dạng, thu hút 3.929 lao động với số vốn khoảng 400 triệu đồng (giá cố định năm 1985)[1]. Nhiều cơ

(1) *Báo cáo 2 năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ Bắc Thái*… Tlđd, tr. 5, 6.

sở, nhiều gia đình bỏ vốn đầu tư cho sản xuất hàng chục triệu đồng (Tổ hợp cơ khí Phan Đình Phùng, Tổ hợp sản xuất bột màu, Tổ đúc gang Gia Sàng…). Nhiều mặt hàng mới (bìa cát tông, đồ gang đúc, đồ gỗ, vật liệu xây dựng…) được đưa vào lưu thông và người tiêu dùng chấp nhận. Bước chuyển biến quan trọng là tỉnh thay đổi cơ chế quản lí, các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài quốc doanh được giao về cho xã, phường trực tiếp quản lí; gắn trách nhiệm của chính quyền cơ sở với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần; tạo ra sự năng động, sáng tạo, chủ động ngay từ cơ sở, động viên được đông đảo các tầng lớp nhân dân bỏ vốn ra kinh doanh sản xuất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội.

Theo quan điểm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành phố Thái Nguyên là trung tâm thương mại, đầu mối giao lưu kinh tế không chỉ của tỉnh mà còn là của vùng. Việc mở rộng thị trường ở thành phố Thái Nguyên là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và tăng thu nguồn thu ngân sách cho địa phương. Với quan điểm đó, Tỉnh ủy chủ trương cho thành phố Thái Nguyên mở rộng thị trường xã hội, kinh doanh tổng hợp của nhiều thành phần kinh tế, động viên mọi người bỏ vốn kinh doanh.

Bên cạnh những kết quả đạt được sau 2 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh "*... vẫn trong tình trạng sản xuất không đủ tiêu dùng, chưa có tích luỹ, hiện tại sống được, một phần nhờ vào hỗ trợ của Trung ương và có nơi ăn cả vào vốn. Điều này được thể hiện tốc độ tăng dân số bình quân 2,11%, lương thực sản xuất tại chỗ giảm 2,87%, 42% chi ngân sách do Trung ương trợ cấp, hàng tiêu dùng sản xuất ra tại địa phương mới bằng 30% so với mục tiêu Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V. Tỉnh ta vẫn chưa thực hiện được mục tiêu ổn định sản xuất, ổn*

định thị trường, giá cả và ổn định đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang…."[1].

Nguyên nhân của những hạn chế trên, một phần do cơ chế quản lí chung của cả nước còn ràng buộc, tháo gỡ chưa đồng bộ và chưa triệt để; nền kinh tế vốn mất cân đối, nay lại càng mất cân đối nặng nề hơn. Trong khi đó, Thái Nguyên là nơi tập trung nhiều cơ sở công nghiệp nặng, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và lực lượng vũ trang, nên nhu cầu cung cấp về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng quá sức bảo đảm hậu cần của địa phương.

Ngoài những nguyên nhân khách quan, còn có nguyên nhân chủ quan thuộc về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Đó là sự vận dụng đường lối quan điểm của Trung ương còn chung chung, thiếu những chủ trương cụ thể, sát với đặc điểm tình hình địa phương; việc triển khai một số nghị quyết còn hình thức, rập khuôn theo hình thức của Trung ương. "*Trách nhiệm này trước hết thuộc về Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, trong đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy có khuyết điểm chính là đề xuất chủ trương chưa sắc nét, cung cấp thông tin chưa đầy đủ và còn một chiều, tổng kết từng vấn đề chưa sâu sắc; chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo còn dàn trải,… Đối với các huyện, thành, thị, các ngành và cơ sở, một số nơi bước đầu đã năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với những chủ trương của mình, nhưng tình trạng khá phổ biến hiện nay là thụ động, trông chờ vào cấp trên... Đặc biệt một số ngành nội chính chậm đổi mới các mặt hoạt động của ngành để phù hợp với bước chuyển của cơ chế quản lí kinh tế nên có tình trạng không chịu trách nhiệm về thiệt hại vật chất*…"[2].

(1) *Báo cáo 2 năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI*... Tlđd, tr.7, 8.

(2) *Báo cáo 2 năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI*...Tlđd, tr. 9.

Những mặt hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của hạn chế, yếu kém sau 2 năm thực hiện đường lối đổi mới đòi hỏi Đảng bộ phải có biện pháp khắc phục trong những năm tiếp theo.

Song song với lãnh đạo thực hiện đổi mới và phát triển kinh tế, hệ thống chính trị được quan tâm xây dựng và củng cố theo tinh thần Thông tri số 11-TT/TW ngày 19/8/1987 của Ban Bí thư Trung Đảng[1] và Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị[2]. Ngày 23/10/1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 74/KH-BT *Triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*.

Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặt ra 2 yêu cầu cơ bản của cuộc vận động:

1- Các cấp ủy và đảng viên trong toàn Đảng bộ phải coi cuộc vận động này là một cuộc đấu tranh gay go, rất phức tạp nhằm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Do đó, thực hiện cuộc vận động này không chỉ là trách nhiệm của các tổ chức đảng, mà còn là trách nhiệm của tất cả hệ thống chính trị từ tỉnh xuống đến cơ sở.

2- Cuộc vận động xây dựng Đảng được tiến hành trong tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có những diễn biến phức tạp, phải kết hợp đúng đắn giữa "*xây*" và "*chống*", "*chống*" để phục vụ "*xây*" và lấy "*xây*" làm mục đích của cuộc vận động.

---

(1) Ngày 19/8/1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Thông tri số 11-TT/TW *Về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể*

(2) Ngày 12/9/1987, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW *Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*

Ngay từ cuối năm 1987, thực hiện Kế hoạch 74 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đã triển khai rộng rãi việc phổ biến Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị gắn với học tập nghiên cứu Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy về phân phối lưu thông, về đổi mới cơ chế quản lí kinh tế trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng Đảng, an ninh và quốc phòng. Các Đảng bộ: Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty Xây lắp II, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh… đã tổ chức quán triệt nhiều lần cho nhiều đối tượng.

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 14/12/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về việc tăng cường công tác xử lí đơn, thư khiếu tố và tiếp dân*, các ban chỉ đạo cuộc vận động từ tỉnh xuống đến cơ sở đã tiến hành rà soát, xem xét, xử lí các vụ việc đảm bảo đúng phương châm, nguyên tắc, thủ tục và các bước tiến hành.

Trong 3 năm (1987 - 1989), toàn Đảng bộ đã xử lí kỉ luật 17 tổ chức cơ sở đảng (khiển trách 12, cảnh cáo 5) về những sai lầm vi phạm chính sách, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng; thi hành kỉ luật 1.323 đảng viên, trong đó có 20 đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lí (khiển trách 217 đồng chí, cảnh cáo 327, cách chức 98, khai trừ 389, đưa ra khỏi Đảng 247) do lịch sử chính trị bản thân, vi phạm chính sách pháp luật, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng...[(1)].

Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, các cấp, các ngành đã tổ chức tốt khâu tiếp dân, thực hiện công khai và mở rộng dân chủ trong tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng; tôn trọng và lắng nghe ý kiến của quần chúng. Những đảng viên, cán bộ có khuyết điểm đã tích cực sửa chữa, được nhân dân tin cậy.

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tình hình sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị*, 13/2/1990, tr.5.

Cũng trong 3 năm tiến hành cuộc vận động, Đảng bộ đã kết nạp được 2.939 đảng viên. Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng ở thời gian này bị xem nhẹ, chỉ có 205/800 tổ chức cơ sở đảng kết nạp được đảng viên.

Thực hiện Thông tri số 11-TT/TW ngày 19/8/1987 của Ban Bí thư *Về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể*, các cấp ủy đảng đã đánh giá thực trạng bộ máy, nghiên cứu xây dựng phương án sắp xếp lại tổ chức ở từng đơn vị. Qua đó, bộ máy tổ chức từ tỉnh xuống huyện giảm đáng kể(1). Cùng với sắp xếp tổ chức là tinh giảm biên chế, có đơn vị giảm tới 30%, bình quân toàn tỉnh giảm gần 20%.

Ngày 8/9/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông tri số 19-TT/BT *Hướng dẫn tổ chức đại hội cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở* thực hiện Chỉ thị số 37/CT-TW ngày 17/5/1988 của Ban Bí thư Trung ương *Về đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở*.

Đại hội 2 cấp lần này được tiến hành sau gần 3 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và đã qua một bước đợt sinh hoạt chính trị quan trọng theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị *Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Do đó, tất cả 23 đảng bộ trực thuộc và 800 tổ chức cơ sở đảng của Đảng bộ đã tiến hành đại hội xong vào cuối tháng 6/1989 có chất lượng cao, "*có sự đổi mới khá rõ nét, không khí dân chủ trong Đảng được nâng lên*"(2).

---

(1) Cấp huyện, thành từ bình quân 20 phòng, ban; nay còn 12. Cấp tỉnh, khối Đảng từ 10 ban nay còn 7 (kể cả văn phòng cấp ủy), khối chính quyền từ 28 sở, ban ngành, nay còn 23.

(2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở*. Số 09-BC/TU, ngày 26/5/1989, tr.1.

Trong quá trình theo dõi, chỉ đạo đại hội, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy phải thực hiện đúng quy trình, bảo đảm dân chủ, công khai, không áp đặt, gò ép, thăm dò tín nhiệm nhiều lần cả trong Đảng và ngoài Đảng; phải đổi mới công tác cán bộ.

Tính đến tháng 6/1989, toàn Đảng bộ có 49.347 đảng viên, trong đó có 2.398 đảng viên dự bị, sinh hoạt ở 800 chi, đảng bộ cơ sở[(1)]. Đại hội đảng bộ cơ sở lần này đã bầu 3.885 đồng chí vào ban chấp hành khóa mới, giảm 36 ủy viên so với khóa trước. Số tham gia cấp ủy mới là 1.146 (bằng 29,5%). Số Bí thư mới có 256 đồng chí (bằng 32%). Riêng Bí thư đảng ủy phường, xã, thị trấn đổi mới 150 đồng chí (59,2%), thay đổi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cơ sở 87 đồng chí (33%)[(2)].

Số ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc nhiệm kỳ mới gồm 555 đồng chí (giảm 118 đồng chí so với nhiệm kỳ trước); trong đó có 51 đồng chí nữ (9,1%), 149 đồng chí là dân tộc ít người (26,2%), tuổi đời bình quân là 43, trình độ học vấn tốt nghiệp phổ thông cấp III có 374 đồng chí (67%). So với khóa trước, số đồng chí đã học qua lí luận chính trị cao cấp tăng 2,9%, đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 14,3%[(3)]. Nhìn chung, chất lượng so với khoá trước được nâng lên rõ rệt.

Với mục tiêu làm lành mạnh các quan hệ xã hội, trong 2 năm (1988 - 1989), các cấp ủy đảng và chính quyền trong tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng kết quả còn hạn chế. Từ tháng 8/1989 đến 3/1/1990, thực hiện Chỉ thị số 135-CT, ngày 14/5/1989 của

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở*... Tlđd, tr.4.

(2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở*... Tlđd, tr.4.

(3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở*... Tlđd, tr.5.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng *Về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới*, Thái Nguyên đã mở chiến dịch truy quét tội phạm, truy bắt 566 tên tội phạm, bắt và xử lí 341 đối tượng tệ nạn xã hội; khám phá 228 vụ án kinh tế, bắt giữ xử lí 1.291 đối tượng; triệt phá 20 ổ nhóm tội phạm, 8 ổ nhóm hoạt động mại dâm… Kết quả đó đã làm cho tình hình trật tự an toàn xã hội bớt căng thẳng hơn, nhưng chưa thành phong trào quần chúng.

Thông qua việc thực hiện các Nghị quyết số 02-NQ/TW, 03-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và các nghị quyết của Tỉnh ủy, các tổ chức đảng từ đảng bộ trực thuộc xuống chi bộ dưới cơ sở đã thực sự tạo ra được sự chuyển biến bước đầu rất quan trọng.

Năm 1989, năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, cũng là năm đầu tiên Thái Nguyên giành thắng lợi trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, lần đầu tiên Thái Nguyên đạt 194.873 tấn lương thực; trong đó riêng thóc là 173.859 tấn, tăng 17.929 tấn so với năm 1986 (hơn 12%), bình quân 240 kg lương thực/người/năm. So với nhu cầu còn thấp, nhưng do tỉnh thực hiện chính sách mở cửa, khuyến khích các nơi đưa lương thực vào địa bàn tỉnh, nên thị trường lương thực phong phú, giá cả tương đối ổn định, kể cả lúc giáp hạt, không còn tình trạng thiếu đói gay gắt như nhiều năm trước. *Lần đầu tiên Thái Nguyên giải quyết được vấn đề lương thực ở cả 2 khu vực sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp*[1].

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1989*, ngày 18/1/1990, tr.2.

Do giá cả lương thực ổn định, lượng lương thực hàng hóa phong phú, nên chăn nuôi cũng phát triển. Tổng đàn gia súc tăng bình quân hằng năm từ 3% đến 12% so với năm 1986 (trong đó đàn bò tăng 12%, đàn trâu và lợn tăng 3%).

Trồng rừng theo dự án đầu tư của PAM được 4.300 ha, trong đó có 3.680 ha tập trung, gấp 4 lần những năm trước, giá thành hạ 50%, số cây sống đạt tỉ lệ 95%(1). Kết quả này cũng là bài học đầu tư vốn trồng rừng vào các hộ gia đình gắn liền với việc giao đất, giao rừng cho các hộ cùng với chính sách đảm bảo lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài cho người trồng rừng.

Từ việc đổi mới cơ chế quản lí theo Quyết định số 217-HĐBT ngày 14/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng cùng với kết quả xử lí của tỉnh về tài chính (đã giải quyết 86% nhu cầu về vốn ngân sách cho cả xí nghiệp trung ương và địa phương), phần lớn trong số 59 xí nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh bước đầu tự mình thoát ra khỏi trì trệ và có hướng đi lên. Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép lần đầu tiên sản xuất vượt kế hoạch 55%, xuất khẩu được 4 vạn tấn thép. Công ty Xây lắp II từ 6 mặt hàng, đã vươn lên 20 mặt hàng có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, được thị trường chấp nhận. Đặc biệt, sản phẩm vật liệu xây dựng là thế mạnh của tỉnh, đã được mở rộng cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, không ngừng thỏa mãn nhu cầu xây dựng của nhân dân trong tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh, thị trường xã hội phong phú, sầm uất, hàng hóa đa dạng, giá cả tương đối ổn định. Văn minh thương nghiệp được nâng lên; đồng tiền bắt đầu giữ được giá trị. Số lao động trong các xí nghiệp một vài năm trước đây phải nghỉ chờ việc, nay đã trở lại đơn vị làm việc, có thu nhập ổn định. Đời sống đại bộ phận nông dân được cải thiện rõ rệt: 10% số hộ giàu, 30% hộ khá và 50% hộ đủ ăn, không còn hộ thiếu ăn lúc giáp hạt.

(1) Trước đây, mỗi năm cả tỉnh Bắc Thái chỉ trồng được 1.000 ha rừng.

Các ngành: Văn hóa, Giáo dục, Y tế có những hoạt động tích cực. Sinh hoạt văn hóa lành mạnh hơn, những tụ điểm chiếu băng hình có nội dung xấu đã được xóa bỏ. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư được triển khai rộng rãi trong toàn tỉnh có tác dụng thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân vào những hoạt động văn minh, tiến bộ. Cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở sau khi được phân cấp quản lí xây dựng trường lớp đã quan tâm hơn tới việc tạo dựng cơ sở vật chất cho con em học tập. Trừ các huyện: Định Hóa, Phú Lương và Võ Nhai gặp khó khăn, các huyện, thành, thị còn lại trên địa bàn Thái Nguyên đã thực hiện ngói hóa trường lớp từ 60% đến 100%. So với năm 1986, số học sinh phải học ca 3 giảm 73%. Việc mở hệ B trong giáo dục phổ thông trung học, trường vừa học vừa làm, giáo dục hướng nghiệp trong xí nghiệp công nghiệp... đã thu hút nhiều con em tham gia học tập, từng bước khắc phục tình trạng thất học cho thanh, thiếu niên.

Bên cạnh những mặt đạt được, một số mục tiêu, chỉ tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh đề ra còn đạt kết quả thấp. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết một cách vững chắc, lực lượng dự trữ mỏng; trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn 10% cơ sở chưa thoát khỏi khó khăn, một số phải ngừng sản xuất, 20% trong tổng số công nhân không có việc làm; giá trị tổng sản lượng bằng 68% năm 1988. Ngân sách thất thu lớn (thuế công, thương nghiệp chỉ đạt 40%); thu quốc doanh các xí nghiệp trung ương trên địa bàn tỉnh đạt 36%... Tỉnh phải vay ngân hàng 3,38 tỉ với lãi suất 6,5% để trả lương cho cán bộ khu vực hành chính sự nghiệp.

Văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh có một số mặt xuống cấp nghiêm trọng: Chất lượng dạy và học giảm sút, năm học 1988 - 1989 có tới 15% trong tổng số học sinh của tỉnh bỏ học; hoạt động của các đoàn

nghệ thuật, các đơn vị chiếu bóng chưa phục vụ tốt nhu cầu văn hóa của nhân dân; chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến huyện và cơ sở giảm sút nhiều…

Mặc dù còn có một số mặt hạn chế, yếu kém, nhưng những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong 3 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới có ý nghĩa chiến lược. Nó đã tạo ra bầu không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân, lòng tin vào Đảng từng bước được khôi phục, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thấy rõ hơn trách nhiệm trong sự nghiệp đổi mới, tích cực đổi mới phương pháp lãnh đạo, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, chăm lo xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Năm 1989, Tỉnh ủy đã cử 6 cán bộ đi học ở Trường Đảng cao cấp, 109 cán bộ (trong đó có 79 là cán bộ xã, phường) học trung cấp lí luận. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh. Trong 6 tháng đầu năm, Đảng bộ kết nạp được 488 đảng viên, trong đó gần 30% là nữ, đa số có trình độ học vấn phổ thông cấp III, số có trình độ đại học và cao đẳng chiếm 20%.

Cùng thời gian trên, Đảng bộ lãnh đạo tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Nhìn chung, cuộc bầu cử diễn ra đúng luật, an toàn. Thông qua kết quả cuộc bầu cử, bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh xuống xã được củng cố, có đủ năng lực điều hành mọi mặt công tác.

Các đoàn thể quần chúng có nhiều hoạt động thiết thực. Đoàn Thanh niên có phong trào *Xây dựng chi đoàn mạnh*, Hội Phụ nữ có phong trào *Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình*, *Giáo dục kiến thức làm mẹ*… Tuy nhiên, phong trào chưa đều, chưa thu hút được đông đảo quần chúng để tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phong trào cách mạng của địa phương...

Đến năm 1989, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh đã có nhiều mặt phát triển đi lên. Sản xuất nông nghiệp đã có những tín hiệu tốt. Nhưng ở các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ lại xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ nông dân, nổi lên là các vụ tranh chấp ruộng đất; có huyện xảy ra tranh chấp rất gay gắt. Riêng Đồng Hỷ, toàn huyện có 18 xã thì 10 xã có 265 vụ tranh chấp, trong đó trầm trọng hơn cả là xã Nam Hoà xảy ra 165 vụ trên diện tích 200 mẫu. Ở những nơi này, một số cán bộ, đảng viên hiểu sai về dân chủ, không nhận thức rõ tính chất phức tạp của vấn đề ruộng đất, cho nên đã buông lỏng lãnh đạo…

Trước tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời có chỉ thị yêu cầu các cấp đảng bộ tăng cường công tác giáo dục đảng viên, kiên trì vận động quần chúng ở những "điểm nóng" (Định Hóa, Đồng Hỷ, Phú Lương...), kiện toàn tổ chức đảng và chính quyền cơ sở, xử lí nghiêm những cán bộ, đảng viên cố tình vi phạm kỉ luật và pháp luật, vận dụng các giải pháp đúng đắn có lí, có tình, phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết giúp nhau đẩy mạnh sản xuất, xây dựng nông thôn mới… Nhờ đó, tình hình ở một số nơi có tranh chấp từng bước được ổn định.

Vào những năm cuối cùng của thập kỉ 80, tình hình quốc tế có những biến động phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước Đông Âu lần lượt sụp đổ, khủng hoảng chính trị ở Liên Xô, sự kiện Thiên An Môn ở Trung Quốc (1989)... đã tác động nhiều đến tư tưởng cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Không ít cán bộ, đảng viên có biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác với âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Đáng chú ý là bắt đầu nảy sinh tư tưởng muốn rập khuôn kinh nghiệm cải tổ, cải cách của nước ngoài, đòi dân chủ công khai một cách cực đoan, thực hiện chuyển nhanh sang cơ chế thị trường tự do, tư nhân hóa hoàn toàn nền kinh tế…

Trong bối cảnh ấy, Hội nghị lần thứ 7 (15 - 24/8/1989) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) ra Nghị quyết số 07-NQ/TW *Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay*. Ngày 8/9/1989, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 54-CT/TW *Về tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VI)*.

Tháng 10/1989, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7, nhằm thống nhất nhận thức về chính trị, tư tưởng trên những nội dung cơ bản: Những sai lầm về nguyên tắc trong cải tổ, cải cách ở một số nước xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân khủng hoảng chính trị và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước Đông Âu; âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc...

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, nâng cao cảnh giác đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc, chống mọi luận điệu của các thế lực thù địch; tin tưởng vào đường lối và bước đi đúng đắn mà Đảng đã vạch ra.

Nhân kỉ niệm 60 năm Ngày thành lập Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã gửi thư tới toàn thể đảng viên và đồng bào cả nước, kêu gọi đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ và trong nhân dân, thảo luận thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và *Diễn văn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Lễ kỉ niệm lần thứ 60 Ngày thành lập Đảng (3/2/1930 - 3/2/1990)*, kết hợp góp ý kiến vào dự thảo văn kiện về công tác quần chúng của Đảng.

Đầu tháng 2/1990, Tỉnh ủy mở Hội nghị lần thứ 14 bàn về *Phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1990.* Hội nghị thông qua nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội của Đảng bộ trong năm 1990; trong đó nhấn mạnh vấn đề tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, mục tiêu số một là sản xuất lương thực, thực phẩm, xóa dần tình trạng thiếu đói giáp hạt trong nông dân...

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy khẳng định: Muốn đổi mới thành công, điều quan trọng là phải đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể trên 2 lĩnh vực: Tư tưởng và tổ chức.

Ngày 21/2/1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 28-CT/TU *Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên*, nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị; trong đó đổi mới sự lãnh đạo của cấp ủy và nâng cao phẩm chất đảng viên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ các mục tiêu khác. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, tổ chức quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng, kiểm tra đảng viên chấp hành chính sách, pháp luật.

Tháng 3/1990, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) triệu tập Hội nghị lần thứ 8 (12/3/1990). Hội nghị đã thảo luận và thông qua 2 nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 8A-NQ/HNTW ngày 27/3/1990 về *Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta* và Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW, ngày 27/3/1990 *Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*.

Tháng 5/1990, Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW của Trung ương Đảng được quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể

quần chúng đều có chương trình đổi mới phương thức hoạt động theo tinh thần Nghị quyết 8B. Nhiều hoạt động hướng về cơ sở với nhiều hình thức và nội dung thiết thực.

Thực hiện Quyết định số 240-QĐ/HĐBT (ngày 26/6/1990) của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 27/7/1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 31-CT/TU về *Thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng*. Chỉ thị nêu rõ: "*Tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể, cơ quan, trường học, bệnh viện, đơn vị sản xuất kinh doanh... phải thực hiện nghiêm túc Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng;... phải gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, với việc rà soát đội ngũ cán bộ, đảng viên; đồng thời phải coi đây là việc làm thường xuyên của mọi cấp, mọi ngành và đơn vị*"(1).

Ngày 2/8/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch *Triển khai thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng* và quyết định chọn 6 đơn vị làm thí điểm chỉ đạo, gồm: Liên hiệp Xí nghiệp chè, Liên hiệp Xí nghiệp chăn nuôi, Công ty Nông sản thực phẩm, Công ty Xây dựng thủy lợi, Công ty Xổ số và Tổng kho A20 (Chi cục Dự trữ lương thực Quốc gia). Đây là những đơn vị có nhiều sai phạm trong sản xuất, kinh doanh, về quản lí tài sản, tài chính và việc thực hiện dân chủ nội bộ...

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, cán bộ, đảng viên cùng nhân dân trong tỉnh đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, thách thức, giành được một số thành tích đáng kể trên các mặt kinh tế - xã hội, nhất là an ninh, quốc phòng, duy trì sự ổn định về chính trị.

(1) *Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Quyết định 240 Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng*. Số 31-CT/TU, ngày 27/7/1990, tr. 2.

Sản lượng lương thực các huyện, thành, thị trên địa bàn Thái Nguyên tuy có giảm sút, đạt 170.499 tấn[1], nhưng chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực kinh tế gia đình tăng theo hướng sản xuất hàng hóa, xuất hiện hàng ngàn gia đình làm kinh tế giỏi, có thu nhập cao. Diện tích trồng rừng theo *Dự án PAM* đạt 8.018 ha, tăng gấp 2 lần so với 1989 (4.018 ha)[2].

Do đổi mới công nghệ, tích cực khai thác thị trường cả trong và ngoài nước, Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép Thái Nguyên đã sản xuất được 6 vạn tấn thép, tăng hơn năm trước 1 vạn tấn; xuất khẩu được 38.000 tấn thép, 5.000 tấn gang, đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 triệu USD. Các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng, làm xây dựng, chế biến lâm sản, vận tải ô tô… giữ được ổn định sản xuất và đời sống cho công nhân. Bộ mặt của thành phố, thị xã, thị trấn, huyện lị trên địa bàn Thái Nguyên có nhiều thay đổi, các trung tâm buôn bán, dịch vụ hình thành (Ba Hàng, Chùa Hang, Đu, Đình Cả, Tràng Xá…), kích thích sản xuất và giao lưu kinh tế.

Năm 1990 là năm có nhiều ngày lễ kỉ niệm lớn của đất nước. Ngành Văn hoá - Thông tin - Thể thao và Du lịch tăng cường các hoạt động tuyên truyền, đồng thời xây dựng các cơ sở phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng. Tuy nhiên, hoạt động của Ngành trong thời gian này còn bộc lộ nhiều hạn chế. Đó là, chưa đẩy mạnh hoạt động văn hoá, văn nghệ phục vụ đồng bào nông thôn và vùng sâu, vùng xa; tình trạng lưu hành văn hoá phẩm không lành mạnh vẫn chưa được khắc phục…

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển về quy mô. Vào thời điểm cuối tháng 9/1990, trên địa bàn Thái Nguyên có 237 trường phổ

(1), (2) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996 (Tài liệu phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV).* Tháng 8/1997, tr. 20, 29.

thông các cấp[1], với tổng số 190.809 học sinh[2]. Thời gian này, ngành Giáo dục - Đào tạo bắt đầu có chuyển hướng, vừa chú ý phổ cập cấp I, vừa lựa chọn và đào tạo nhân tài thông qua việc mở rộng trường chuyên và trường năng khiếu.

Ngành Y tế tập trung cùng với các huyện, thành, thị tiến hành tiêm chủng mở rộng cho trẻ em từ 1 đến 3 tuổi; đồng thời triển khai việc phòng, chống và điều trị các bệnh sốt rét, đau mắt, bướu cổ… Sáu chương trình quốc gia về y tế được triển khai thực hiện tốt trên địa bàn. Đặc biệt, ngành Y tế có sự chuyển hướng tích cực, đã đưa việc chăm sóc sức khỏe ban đầu về cơ sở.

Công tác quốc phòng có nhiều tiến bộ, từng bước chuyển cơ chế theo hướng quốc phòng toàn dân; lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị động viên được tăng cường. Công tác huấn luyện đạt 93% số đầu mối quân sự địa phương. Phương án phòng thủ chống bạo loạn đã được xây dựng xong ở cấp tỉnh và huyện. Kết quả diễn tập cho thấy, lực lượng dự bị động viên được quản lí chặt chẽ và sẵn sàng chiến đấu tốt.

Thực hiện Chỉ thị số 135-CT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng *Về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới*, Thái Nguyên bước đầu lập lại trật tự kỉ cương trong quản lí xã hội và trấn áp bọn tội phạm hình sự. Phong trào quần chúng giữ gìn trật tự an toàn xã hội được phát động. Nhờ đó, an ninh chính trị được giữ vững; các hiện tượng tiêu cực và tội phạm được quần chúng tham gia phát hiện kịp thời. Nhiều ổ nhóm chuyên gây án, chứa gái mại dâm, cờ bạc, sử dụng, buôn bán ma tuý… bị khám phá. Việc đưa cán bộ quân đội và công an về công tác ở cơ sở đã có tác dụng đẩy mạnh công tác quân sự địa phương và giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn.

(1), (2) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996* … Tlđd, tr. 65, 68.

Dù có nhiều chuyển biến, nhưng tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn còn nhiều hạn chế. Các tệ nạn đánh bạc, nghiện hút, gái mại dâm chưa giảm. Nghiêm trọng hơn cả là hiện tượng chơi hụi phát triển ở nhiều nơi; số tiền của thất thoát do chơi hụi đã đến vài trăm triệu đồng; có nơi, đảng viên và lãnh đạo một số cơ sở cũng tham gia(1).

Công tác xây dựng Đảng được các cấp ủy thực sự coi trọng. Đảng bộ đã triển khai nhiều đợt sinh hoạt chính trị, nhiều cuộc vận động nhằm nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành *Điều lệ Đảng* có tác dụng giáo dục và sàng lọc đội ngũ. Tính đến hết tháng 6/1990, đã có 17.555 đảng viên trong Đảng bộ được kiểm tra trên 3 nội dung: Chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng; chấp hành kỉ luật Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; tư cách đảng viên. Kết quả kiểm tra cho thấy, đảng viên chấp hành tốt đạt 85,77% (15.056 đảng viên), chấp hành chưa tốt: 10,84% (1.903 đảng viên), có vi phạm: 3,38% (594 đảng viên). So với đầu năm 1989, số đảng viên bị kỉ luật tăng 20,65%, trong đó vi phạm kỉ luật về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng và lối sống chiếm 53,8%, vi phạm về pháp luật 46,2%(2). Ngoài những vi phạm trên, "*đảng viên còn mắc phải tình trạng lãng phí được biểu hiện dưới nhiều hình thức gây thất thoát không nhỏ đến tiền và của cải xã hội. Điển hình là chi tiêu ăn uống liên hoan quá mức, để quần chúng bất bình nhiều*"(3).

Bên cạnh những tiến bộ và thành tích đạt được, trong năm 1990, nhiều chỉ tiêu do Hội nghị lần thứ 14 (2/1990) của Tỉnh ủy đề ra đều đạt ở mức thấp. So với năm 1989, sản lượng lương thực giảm 18.996 tấn (riêng lúa giảm 17.107 tấn). Hầu hết các cơ sở sản xuất

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo quý I năm 1990*. Số 02-BC/TU, ngày 6/4/1990, tr. 5.

(2), (3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Sơ kết bước 1 thực hiện Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*. Số 06-BC/BT, ngày 2/8/1990, tr. 3, 4.

công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thuộc huyện quản lí đều bị tê liệt, 73% xí nghiệp do tỉnh quản lí hoạt động cầm chừng, trong đó có 15 xí nghiệp tiếp tục thua lỗ và không có hướng thoát ra; các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm, hàng trăm lao động không có việc làm, nợ ngân hàng trên 100 triệu đồng chưa có nguồn để trả. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 72,9% kế hoạch. Thu ngân sách đạt 66,6% kế hoạch, còn nhiều khoản thất thu lớn, bội chi ngân sách vượt 11,4% kế hoạch. Tốc độ tăng giá bình quân 9 tháng đầu năm là 3,9%, cao hơn năm trước 1,1%; riêng những tháng cuối năm, giá gạo tăng 3,5 lần so với đầu năm, trong khi đó, trợ cấp lương chỉ thêm 20%, nên thu nhập thực tế của người ăn lương giảm 60% so với đầu năm. Chủ trương của tỉnh không để thiếu và chậm lương của công nhân viên chức, nhất là cán bộ hưu trí và giáo viên, nhưng có một số huyện không thực hiện được; do đó, chất lượng dạy và học bị ảnh hưởng không tốt. Học sinh bỏ học còn nhiều…

Nguyên nhân dẫn đến những mặt hạn chế, yếu kém là do: Các cấp ủy từ tỉnh xuống huyện thiếu chủ động, sáng tạo trong khi vận dụng đường lối, quan điểm của Trung ương vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; chậm đổi mới trong công tác bố trí sắp xếp tổ chức cán bộ, chỉ đạo điều hành thiếu tập trung, còn dàn trải; công tác xây dựng Đảng chưa gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương[1]. Ngoài những nguyên nhân chủ quan nêu trên, còn có nguyên nhân khách quan làm hạn chế kết quả các ngành sản xuất. Đó là, thiên tai gây thiệt hại ở cả 2 vụ sản xuất xuân - hạ và thu - đông; vật tư cho sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thiếu nghiêm trọng (trong gần 60 xí nghiệp lớn nhỏ trên địa bàn tỉnh, chỉ có 6 xí nghiệp (bằng 10%) có vốn để đầu tư cải tiến dây

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái *Về nhiệm vụ công tác năm 1991.* Số 12 NQ/TU, 29/1/1991, tr. 1.

chuyền công nghệ, thay đổi mặt hàng). Cơ chế quản lí kinh tế còn có những bất cập...

Từ việc chỉ rõ những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu do Hội nghị lần thứ 14 (2/1990) của Tỉnh ủy đề ra, Đảng bộ đã có nhiều biện pháp khắc phục để hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo.

II- Tiếp tục đổi mới, bước đầu thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 1996)

Bước vào năm 1991, tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp. Đó là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế khủng hoảng trầm trọng, nhiều Đảng Cộng sản mất vị thế lãnh đạo. Nhân cơ hội đó, các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, tiến công từ nhiều phía vào chủ nghĩa xã hội, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng sản hòng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực. Ở trong nước, nhân dân ta cũng phải đương đầu với các hoạt động phá hoại của các lực lượng thù địch. Nhưng nhờ những thành tựu bước đầu sau gần 5 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã đứng vững, tiếp tục tiến lên.

Giữa lúc tình hình thế giới và trong nước đang có những chuyển biến quan trọng, từ ngày 25 đến ngày 27/4/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 1) được tổ chức để thảo luận đóng góp ý kiến vào 5 văn kiện chuẩn bị trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, đồng thời bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc.

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong 3 ngày làm việc, 321 đại biểu tham dự Đại hội đã tham gia đóng góp hơn 1.000 ý kiến vào các bản dự thảo văn kiện chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần

thứ VII. Đại hội bầu 23 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Ngày 24/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng khai mạc trọng thể tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI; đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm (1991 - 1995), thông qua Cương lĩnh *Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và Chiến lược *Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng trong những năm tới; sửa đổi *Điều lệ Đảng* và bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy chỉ đạo đảng bộ các cấp tiến hành đại hội. Đến tháng 10/1991, đã có 80% số đảng bộ trực thuộc và 50% số đảng bộ cơ sở (riêng Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ có 90%) tiến hành xong đại hội vòng 2. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Đảng bộ, biểu thị sự thống nhất cao với những quan điểm của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Qua Đại hội và kiểm tra đảng viên chấp hành *Điều lệ Đảng*, toàn Đảng bộ đã xử lí kỉ luật 501 đảng viên (trong đó khiển trách 49, cảnh cáo 63, cách chức 20, khai trừ 77 và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 292 đảng viên).

Ngày 26/9/1991, tại Rạp chiếu bóng nhân dân thành phố Thái Nguyên, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 2) được khai mạc. Tham dự Đại hội có 321 đại biểu thay mặt cho hơn 5 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Các đồng chí: Nguyễn Khánh - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; Trần Lum - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và một số đồng chí đại diện

cho các ban của Trung ương đã về dự. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa V; quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm (1991 - 1995); bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1991 - 1995.

Từ thực tế kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế, trong nước, những yêu cầu khách quan đặt ra trước Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh trên bước đường đổi mới, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: "*Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hình thành về cơ bản cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhằm cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định về chính trị; xây dựng Đảng có bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và sức chiến đấu cao, phát huy hiệu lực quản lí nhà nước và đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới*"(1).

Để thực hiện được những mục tiêu trên, Đại hội đề ra 5 nhiệm vụ cụ thể:

1- Ổn định và phát triển sản xuất, phấn đấu hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp - dịch vụ; hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện từng địa bàn huyện, thành, thị.

2- Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

3- Thực hiện tốt các chính sách xã hội bao gồm đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về dân số và lao động; về phát triển khoa học công nghệ và giáo dục - đào tạo...

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI*, 9/1991, tr. 22.

4- Tiếp tục thực hiện việc chuyển cơ chế theo hướng củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; nâng cao năng lực, sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang; phát động quần chúng tấn công liên tục các loại tội phạm, lấy xây dựng và phòng ngừa là chính, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn, xã, phường vững mạnh; tiếp tục xây dựng lực lượng công an trong sạch vững mạnh.

5- Chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lí của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân; tiếp tục thực hiện cuộc vận động làm trong sạch Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên trên cả 3 mặt; bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và kết nạp đảng viên mới; xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng thật sự trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong công cuộc đổi mới…

Đại hội tập trung trí tuệ, thảo luận và quyết nghị những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp chủ yếu để thực hiện có kết quả các mục tiêu nêu trên. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI gồm 45 ủy viên. Tại phiên họp thứ nhất ngày 29/9/1991, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 11 ủy viên. Các đồng chí: Nguyễn Ngô Hai được bầu giữ chức Bí thư, Đặng Quốc Tiến và Mai Phúc Toàn giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, ngay từ những tháng cuối năm 1991, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế cùng với việc xây dựng và tăng cường hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, mở rộng dân chủ, đề cao cảnh giác, chống "*Diễn biến hoà bình*" giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội.

Trên địa bàn Thái Nguyên, hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp đều do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây giúp đỡ; thiết bị, kĩ thuật và nhiều vật tư quan trọng còn phụ thuộc vào bạn. Liên Xô và các nước Đông Âu cũng là thị trường truyền thống của hàng thủ công mĩ nghệ của tỉnh. Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây nên những khó khăn không nhỏ đối với một số ngành kinh tế ở Thái Nguyên.

Vượt lên khó khăn và thử thách, được Trung ương hỗ trợ về nhiều mặt, các cấp đảng bộ và chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo những việc trọng tâm, cấp bách nổi lên trong từng thời gian, đồng thời biết khơi dậy và phát huy sự nỗ lực của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Nhờ đó, trong những năm 1991 - 1996, về cơ bản Thái Nguyên đã giữ vững được ổn định về kinh tế - xã hội; đời sống nhân dân tuy có mặt vẫn khó khăn, nhưng không bị đảo lộn lớn.

Liên tiếp trong 2 năm (1991 - 1992), thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp. Riêng năm 1991, thiên tai nặng đã làm thất thu lớn cả 2 vụ lúa chiêm, mùa. Trước tình hình đó, năm 1992, Tỉnh ủy chủ trương tập trung lực lượng cán bộ kĩ thuật, giống, vốn, mở chiến dịch gieo cấy 2 vạn hécta lúa mùa sớm, đưa năng suất đạt gần 30 tạ/ha. Sản lượng lương thực (quy thóc) của các huyện, thành, thị trên địa bàn Thái Nguyên đạt 193.140 tấn[1], bù đắp được một phần thất thu vụ xuân và vụ mùa 1991, giải quyết cơ bản thiếu đói giáp hạt trong nông dân, giữ ổn định giá lương thực trên thị trường trong tỉnh.

Tỉnh ủy cũng có nhiều chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đồi rừng, đổi mới cơ chế đầu tư vốn, thay đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích cây ăn quả, cây đặc sản, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển… Những chủ trương này đã đẩy nhanh việc hoàn

(1) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996* … Tlđd, tr. 20.

thành kế hoạch trồng 10.310 ha rừng theo *Dự án PAM*[1], 1.002 ha cây ăn quả trên địa bàn Thái Nguyên vào thời điểm năm 1992[2]. Mô hình kinh tế trang trại đã xuất hiện và phát triển nhanh ở các huyện: Đồng Hỷ, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, thành phố Thái Nguyên. 25% số hộ nông dân trong tỉnh có thu nhập từ 2 triệu đồng/năm trở lên, trong đó nhiều hộ có thu nhập từ 15 triệu đến 17 triệu đồng, có hộ nhận trồng tới 15 ha rừng... Đây là những tiến bộ bước đầu, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp Thái Nguyên.

Đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh do địa phương quản lí, Tỉnh ủy chủ trương sắp xếp lại, chỉ đầu tư vào những xí nghiệp làm ăn có hiệu quả; số còn lại hoặc giải thể, hoặc chuyển hình thức sở hữu. Các xí nghiệp: Chế biến gỗ, Chế biến khoáng sản, Vật liệu xây dựng, Liên hiệp Gang thép, Luyện kim màu, Y cụ và các công ty: Kim khí, Than… là những đơn vị sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. So với năm 1991, giá trị sản xuất công nghiệp năm 1992 tăng 12,56% và năm 1993 tăng 25% so với năm 1992[3].

Thực hiện chủ trương mở rộng thị trường, Thái Nguyên đã huy động được vốn cùng với năng lực kinh doanh của nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, tạo ra một thị trường sống động, hàng hóa đa dạng, phong phú, giá cả ổn định, từng bước thỏa mãn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh vốn mang nặng tính tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Cũng do đó, tổng thu ngân sách của tỉnh không ngừng

(1) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996* … Tlđd, tr. 29.

(2) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996* … Tlđd, tr. 22.

(3) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996* … Tlđd, tr. 35, 51.

tăng lên: Năm 1991 đạt 1.001 triệu đồng (tăng 39 triệu đồng so với năm 1990), năm 1992 đạt 1.136 triệu đồng (tăng 135 triệu đồng so với năm 1991), năm 1993 đạt 1.681 triệu đồng (tăng 545 triệu đồng so với năm 1992). Xuất khẩu năm 1992 đạt 18.169.000 USD (tăng 14.713.000 USD so với năm 1990)[(2)].

Từ sau khi Tỉnh ủy có chủ trương sắp xếp lại hệ thống y tế, giáo dục trên địa bàn; chống xuống cấp các cơ sở y tế, giáo dục, phân cấp quản lí cho huyện, thành, thị, xã, phường và thị trấn, các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá, xã hội đã thu được những kết quả quan trọng.

Ngay từ năm 1991, ngành Y tế đã thực hiện 19 chương trình quốc gia, trong đó chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt 83%; thành lập 8 trung tâm y tế huyện, thành, thị, đưa 30 bác sĩ về tuyến xã, 100% cán bộ y tế cơ sở được trả lương bằng ngân sách. Công tác vận động kế hoạch hóa gia đình có tiến bộ. Trong những năm sau, ngành Y tế tiếp tục có những chuyển biến tốt hơn trong phòng, chống dịch và khám, chữa bệnh cho nhân dân. Các cơ sở y tế vùng cao và vùng sâu được chú ý đầu tư nâng cấp. Chất lượng hoạt động y tế, nhất là tuyến cơ sở đã được nâng lên; công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu có kết quả, bảo đảm cung cấp đủ thuốc chữa bệnh cho nhân dân, góp phần chủ động ngăn chặn và kịp thời dập tắt các ổ dịch.

Ngành Giáo dục - Đào tạo có những chuyển biến mới. Trong năm học 1991 - 1992, tỉnh đã hoàn thành việc chuyển giao các phòng giáo dục từ trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị về quản lí theo ngành dọc, thành lập Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Võ Nhai; nâng cấp một số cụm trường tiểu học, trung học cơ sở ở các huyện: Định Hóa, Võ Nhai, Đại Từ và Đồng Hỷ; nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường chuyên, lớp chọn, khuyến

khích phong trào dạy giỏi, học giỏi. Từ năm học 1992 - 1993, ngành Giáo dục - Đào tạo đi dần vào thế ổn định, tạo tiền đề phát triển cho những năm sau. Tỉ lệ học sinh bỏ học giảm dần, đến năm học 1993 - 1994 chỉ còn dưới 2%.

Ngành Văn hóa - Thông tin tập trung tuyên truyền kết quả đại hội Đảng các cấp, sắp xếp và đổi mới hoạt động của các đoàn nghệ thuật, tăng cường các hoạt động văn hóa phục vụ đời sống tinh thần của đồng bào vùng cao, miền núi. Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, ngành Văn hóa - Thông tin đã có chuyển biến tích cực trên cả 2 mặt đổi mới cơ chế quản lí và đổi mới hoạt động, hướng mạnh về cơ sở. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đã thực sự trở thành nhu cầu của quần chúng, tạo nên phong trào khá rộng rãi ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Những hoạt động này đã góp phần quan trọng đẩy lùi văn hóa độc hại xâm nhập vào địa phương, hạn chế các tập tục lạc hậu trỗi dậy, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

Vào những năm đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XX, tuy bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, song tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Thái Nguyên cơ bản được giữ vững. Công tác an ninh, quốc phòng có những bước chuyển tích cực sang cơ chế mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII). Các nhiệm vụ tuyển quân, huấn luyện quân sự đều hoàn thành kế hoạch.

Trước những biến động của tình hình chính trị thế giới, ngay sau khi có Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị *Về công tác lí luận trong giai đoạn hiện nay*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo các cấp ủy đảng trong Đảng bộ quán triệt những nhận định và chủ trương của Bộ Chính trị nhằm ổn định về tư tưởng, giữ vững sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong và ngoài Đảng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong

tỉnh tuy có tâm trạng lo buồn, nhưng cũng thấy được bài học phản diện về hậu quả khôn lường khi Đảng Cộng sản mất vai trò lãnh đạo xã hội và đất nước đi chệch hướng. Tinh thần yêu nước và ý chí tự lực tự cường được khơi dậy. Những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1991) càng làm cho đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân thêm vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh ấy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 (1/1992) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá VI) nêu rõ tư tưởng chỉ đạo: "*Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, khai thác mọi tiềm năng và nguồn lực sẵn có của tỉnh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, chuyển hướng đầu tư để hình thành các cơ sở kinh tế theo cơ cấu kinh tế của địa phương mà Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VI đã khẳng định*"(1).

Từ ngày 10 đến ngày 13/8/1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị lần thứ 3 để quán triệt Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 29/6/1992 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) *Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*. Hội nghị thảo luận Nghị quyết và liên hệ, phân tích những kết quả công tác xây dựng Đảng, đồng thời chỉ rõ những yếu kém của một bộ phận không nhỏ tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Đó là sự giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lí tưởng cộng sản, thiếu tiên phong gương mẫu, vi phạm ý thức tổ chức và kỉ luật, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, gây mất đoàn kết, suy thoái về phẩm chất đạo đức, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng diễn ra khá phổ biến từ tỉnh đến cơ sở, làm giảm lòng tin của quần chúng với Đảng.

(1) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khóa VI) về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1992*. Số 01-NQ/TU, ngày 26/1/1992, tr. 2.

Hội nghị đề ra *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3*. Tiếp đến, trong tháng 8/1992, Tỉnh ủy tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết trong cán bộ chủ chốt; sau đó, trong 2 tháng 9 và 10, tổ chức quán triệt đến đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy nêu rõ yêu cầu đến hết năm 1993, các cấp bộ đảng phải tập trung chỉ đạo tất cả các chi bộ duy trì sinh hoạt đều hằng tháng, nộp Đảng phí đầy đủ. Nội dung sinh hoạt Đảng phải đảm bảo 3 tính chất (lãnh đạo, chiến đấu và giáo dục). Việc phân loại đảng viên và tổ chức cơ sở đảng phải theo quy định của Trung ương, xử lí kịp thời những đảng viên vi phạm *Điều lệ Đảng* và pháp luật Nhà nước; khắc phục lối làm việc sự vụ, chồng chéo, thiếu khoa học. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc theo quy chế và chương trình công tác. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, đoàn thể phải có mô hình chỉ đạo điểm được tổng kết và nhân ra diện rộng, tạo thành phong trào; xây dựng tiêu chuẩn cán bộ để có kế hoạch, quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt theo phân cấp quản lí của tỉnh. Phấn đấu đến hết 1994, cán bộ cấp trưởng các ban, ngành, sở của tỉnh, những đồng chí đứng đầu cấp huyện và đảng ủy trực thuộc có trình độ đại học.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy lấy Đảng bộ huyện Phú Lương làm điểm chỉ đạo cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Các đảng bộ trực thuộc cũng chọn từ 3 đến 5 tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo thí điểm trước khi triển khai ra diện rộng.

Từ tháng 8/1992, Đảng bộ tỉnh bắt đầu triển khai thực hiện bước 1 cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đó lấy việc hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra.

Thông qua công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhất là cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng, trình độ chính trị của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên; sự thống nhất trong Đảng và trong nhân dân được củng cố một bước; tính chủ động, năng động, sáng tạo ngày càng được phát huy; "*nội dung sinh hoạt được đổi mới, thiết thực hơn. Mỗi cấp ủy đã biết chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, nổi cộm ở địa phương, đơn vị mình để đưa ra chi bộ, đảng bộ thảo luận, tìm biện pháp thực hiện và chỉ đạo thực hiện dứt điểm không để kéo dài như trước đây*"(1).

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và kỉ luật Đảng ở một số cơ sở trong Đảng bộ không nghiêm. Công tác kiểm tra Đảng không được tiến hành thường xuyên ở tất cả các cấp. Việc phân loại đảng viên theo quy định không được tiến hành hoặc phân loại không sát...

Trong công tác tổ chức, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Đảng đoàn chính quyền thực hiện nghiêm túc Nghị định số 388-HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng *ban hành Quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước*. Trên địa bàn tỉnh, từ 200 doanh nghiệp đã được sắp xếp lại còn 67 doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều cơ sở sau khi sắp xếp lại đã có hiệu quả, không những trả nợ được cho ngân hàng, mà còn có tích luỹ, đời sống của người lao động được cải thiện.

Thực hiện Nghị quyết số 109-HĐBT ngày 12/4/1991 và Quyết định số 111-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng *Về sắp xếp lại bộ máy Nhà nước cấp tỉnh và huyện*, đến tháng 12/1992, toàn tỉnh có 30 cơ quan quản lí nhà nước (tỉnh có 21 cơ quan, các huyện, thành, thị có 9 cơ quan), với số phòng từ 247 xuống 179; số cán bộ, nhân viên giảm 17,25%.

---

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: B*áo cáo Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng (từ tháng 7/1992 đến tháng 7/1995)*. Số 63-BC/TU, ngày 5/9/1995, tr. 5.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng: Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân có nhiều hình thức hoạt động phong phú, tập hợp hàng vạn quần chúng vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tham gia các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI có hàng vạn người tham gia. Cuộc thi hoa, quả toàn tỉnh do Hội Nông dân tổ chức đã thu hút hàng ngàn nông dân trên địa bàn. Cuộc vận động *Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình* lôi cuốn 23.885 lượt chị em tham gia, góp được hàng trăm triệu đồng, hơn 100 tấn thóc, 26.393 con lợn giống làm vốn sản xuất(1).

Ngày 11/9/1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị gồm các Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư các đảng bộ trực thuộc, các cán bộ lãnh đạo 3 ban xây dựng Đảng tỉnh và huyện nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả bước 1 thực hiện cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), chuẩn bị thực hiện bước 2. Hội nghị khẳng định: Đảng bộ tỉnh đã tiếp thu, tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 kịp thời, nghiêm túc và có kế hoạch chỉ đạo thực hiện từng bước chặt chẽ. Thông qua việc triển khai học tập Nghị quyết, tất cả các cơ sở đảng trong Đảng bộ đều xây dựng chương trình hành động với những giải pháp và mục tiêu cụ thể...

Nhìn chung, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ qua nhiều thế hệ kế tiếp nhau luôn giữ vững và phát huy được tính tiên phong gương mẫu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, là chỗ dựa tin cậy của quần chúng lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn.

Tuy nhiên, trong Đảng bộ có một bộ phận đảng viên ý thức tổ chức kỉ luật kém, giảm sút ý chí chiến đấu, tha hóa về phẩm chất,

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Công tác năm 1992*. Số 13/BC-BT, ngày 28/2/1993, tr.10.

không gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong 6 tháng đầu năm 1993, Đảng bộ đã phải xử lí kỉ luật 83 đảng viên, trong đó có 34 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng[1]. Công tác phát triển đảng viên có xu hướng giảm, 6 tháng đầu năm 1993 kết nạp được 374 đảng viên[2].

Trên cơ sở đánh giá rút kinh nghiệm bước 1, từ tháng 6/1993, cuộc vận động thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng chuyển sang bước 2. Vào thời điểm này, toàn Đảng bộ có 765 tổ chức cơ sở đảng (gồm 386 đảng bộ và 379 chi bộ cơ sở), với tổng số 49.716 đảng viên; trong đó, 12.383 đảng viên là cán bộ hưu (chiếm 24%), tuổi đời dưới 30 chiếm 10%, từ 31 đến 50 tuổi chiếm 54%, từ 51 tuổi trở lên chiếm 35%; số đảng viên có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 7%, trung cấp chuyên nghiệp 8%, trình độ lí luận cao cấp 0,8%, trung cấp 16,3%[3].

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục tập trung chỉ đạo điểm ở Đảng bộ Phú Lương và đến hết tháng 8/1993, tất cả 46 cơ sở đảng của Đảng bộ Phú Lương đã triển khai sang bước 2. Kết quả phân loại ở 12 cơ sở (trong 46 cơ sở) cho thấy: Tổng số đảng viên của 12 cơ sở là 1.334 đồng chí, có 1.229 đồng chí dự phân loại; trong đó, đảng viên loại I là 45,05%, loại II: 42,9%, loại III: 8,9% và loại IV: 2,98%[4].

Theo số liệu thống kê của 36 tổ chức cơ sở đảng thuộc các đảng bộ khác trong tỉnh thì tổng số đảng viên có 3.737 đồng chí, có 519

(1), (2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (bước 2) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng (từ tháng 6 đến tháng 8/1993)*. Số 18-BC/TU, ngày 11/9/1993, tr. 2, 3.

(3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (bước 2) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng*... Tlđd, tr. 2.

(4) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (bước 2) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng*... Tlđd, tr. 5, 6.

đồng chí được miễn sinh hoạt; số đảng viên được phân loại là 3.218 đồng chí, trong đó, đảng viên loại I chiếm 58,6%, loại II: 31,6%, loại III: 6,1% và loại IV là 2,6%[1].

Những số liệu trên cho thấy, việc phân loại đảng viên ở các điểm chỉ đạo tương đối sát với thực trạng đội ngũ đảng viên, đặt ra cho cấp ủy những suy nghĩ về công tác xây dựng Đảng. Mặt khác, số đảng viên xin miễn sinh hoạt ở một số đảng bộ quá cao: Đảng bộ Đại Từ chiếm 23,36% so với tổng số đảng viên, Định Hóa 28,1%, Đồng Hỷ 27,4%, Phổ Yên 24,2%…

Một trong những yêu cầu của bước 2 là nâng cao cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng, xử lí những đảng viên có khuyết điểm (loại IV). Việc rà soát lại tổ chức bộ máy và cán bộ nhìn chung triển khai còn chậm, trừ Đảng bộ Công ty Gang thép và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên. Tại Đảng bộ Công ty Gang thép, sau khi rà soát lại đội ngũ cán bộ cơ sở, Đảng ủy kết luận 10% số cán bộ không đáp ứng được yêu cầu cần phải thay thế, 50% cần phải bồi dưỡng thêm về kiến thức, phương pháp, phong cách làm việc. Thành ủy Thái Nguyên quyết định dành 100 triệu đồng chi cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Cũng như bước 1, trong bước 2 cuộc vận động, việc phân tích chất lượng, phân loại đảng viên phải gắn với việc kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm trước của từng địa phương, đơn vị, tạo tiền đề phát triển cho năm sau.

Đến giữa tháng 10/1993, bước 2 cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng được tiến hành ở 11 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, bao gồm 4 đảng bộ công nghiệp trung ương (Công ty Gang thép, Công ty

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (bước 2) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng*… Tlđd, tr. 5, 6.

Luyện kim màu, Công ty Xây lắp II, Liên đoàn Địa chất 38), 4 Trường Đại học (Sư phạm Việt Bắc, Nông lâm, Y khoa, Công nghiệp), Đảng bộ các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh và Đảng bộ Công an. Tổng số đảng viên của 11 đảng bộ trực thuộc có 6.812 đồng chí, chiếm 13,7% tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh, có 123 tổ chức cơ sở đảng (bằng 16% tổng số cơ sở đảng trong tỉnh) và có 495 chi bộ dưới cơ sở.

Kết quả phân loại đảng viên ở các điểm chỉ đạo của một số đảng bộ trực thuộc cho thấy:

- 4 điểm chỉ đạo của Công ty Xây lắp II có 235 đảng viên dự phân loại; trong đó, đảng viên loại I là 24,6%, loại II: 51,06%, loại III: 20,05%, loại IV: 0,7%.

- 5 điểm chỉ đạo của Đảng bộ các cơ quan tỉnh có 110 đảng viên được phân loại; trong đó, đảng viên loại I chiếm 83,7%, loại II: 13,51%, loại III: 2,7%, không có loại IV.

- 3 điểm chỉ đạo của Đảng bộ Công an có 80 đảng viên được phân loại; trong đó, đảng viên loại I là 77,5%, loại II: 21% và loại III có 1,2%, không có loại IV.

- Đảng bộ Trường Đại học Y có 297 đảng viên đều đạt loại I (100%), trong đó có 10% đạt 100 điểm (tối ưu).

Những kết quả trên chưa phản ánh đúng thực chất chất lượng đảng viên của khối cơ quan và khối trường; tình trạng vị nể, không dám nói thẳng, núi thật để giúp nhau sửa chữa thiếu sót đã dẫn đến kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (bước 2) ở những cơ sở này còn hạn chế, hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu của tỉnh đề ra. Do đó, Tỉnh ủy đã chấn chỉnh lại cách làm của các đảng bộ khối cơ quan và khối trường.

Từ ngày 13 đến ngày 15/1/1994, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VI) tổ chức Hội nghị lần thứ 7 với 4 nội dung quan trọng: 1- Đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 1993; 2- Quyết định mục tiêu, nhiệm vụ năm 1994; 3- Góp ý kiến vào bản tự phê bình công tác lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 4- Báo cáo kết quả công tác kiểm tra Đảng năm 1993 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Đánh giá kết quả hoạt động năm 1993, Hội nghị khẳng định: Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh đã có nhiều cố gắng, vượt qua khó khăn và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể nhân dân.

Tổng thu nhập quốc dân so với 1992 tăng 3,2%, bình quân đầu người đạt 192,8 USD (năm 1992 là 177,4 USD)[1]. 7 chỉ tiêu cơ bản do Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 đề ra đều đạt và vượt. Sản xuất phát triển khá, tiền lương cán bộ, viên chức được điều chỉnh một bước; giá cả, đời sống nhân dân được ổn định, một bộ phận dân cư có thu nhập khá.

Công tác quân sự địa phương được các cấp đảng bộ và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Năm 1993, toàn tỉnh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân, huấn luyện dân quân, tự vệ theo chỉ tiêu Quân khu giao. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác chống âm mưu "*diễn biến hoà bình*" của địch. Kế hoạch chống gây rối, bạo loạn, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được xây dựng.

Tuy nhiên, trật tự an toàn xã hội có những diễn biến xấu, trong năm xảy ra 2.361 vụ phạm pháp, tăng 339 vụ so với năm 1992[2].

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1993*. Số 26-BC/TU, ngày 17/1/1994, tr.1.

(2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1993*....Tlđd, tr. 7.

Do trên địa bàn tỉnh có nhiều tụ điểm khai thác vàng sa khoáng, nên nảy sinh nhiều tệ nạn nghiện hút thuốc phiện, tiêm chích chất ma tuý, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp. Các lực lượng chức năng đã tổ chức nhiều đợt truy quét, khởi tố 208 vụ có liên quan đến ma tuý, nhưng tệ nạn vẫn chưa giảm.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đảng bộ hết sức coi trọng. Các cấp ủy đảng kịp thời tổ chức học tập quán triệt đường lối đổi mới, các quan điểm, chủ trương, chính sách lớn được thể hiện trong các Nghị quyết 3, 4, 5 của Ban Chấp hành Trung ương, các Nghị quyết 04, 05, 06, 07 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết 04, 05, 06 của Tỉnh ủy. Gần 5 vạn đảng viên và 30 vạn lượt cán bộ, nhân dân được tổ chức sinh hoạt chính trị, tham dự các lớp học ngắn ngày để nghiên cứu các nghị quyết của Đảng. Thông qua đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh kịp thời nắm bắt được tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh, hiểu được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo được sự nhất trí cao trong Đảng, trong dân.

Công tác kiểm tra Đảng của Đảng bộ có nhiều chuyển biến và mang lại hiệu quả trong việc giữ gìn kỉ luật của Đảng. Năm 1993, ủy ban kiểm tra Đảng các cấp đã kiểm tra 6.378 đảng viên và 21 tổ chức đảng chấp hành *Điều lệ Đảng*, đã xử lí kỉ luật 162 đảng viên và cấp ủy viên, trong đó có 64 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng[1]. Công tác phát triển đảng viên cũng được chú trọng. Năm 1993, toàn Đảng bộ kết nạp được 846 đảng viên (tăng 254 so với năm 1992)[2].

Kết quả cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã "*tạo được những chuyển biến tích cực, có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng Đảng của toàn Đảng bộ, đã làm chuyển biến một bước tình*

(1), (2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1993*....Tlđd, tr. 9.

hình đội ngũ đảng viên và tổ chức Đảng"[1]. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ được nâng lên[2].

Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng cũng còn nhiều hạn chế: Số cơ sở đảng yếu kém còn nhiều, số đảng viên chưa phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu còn chiếm tỉ lệ cao. Việc triển khai bước 2 Nghị quyết Trung ương 3 mới "*chỉ tập trung vào phân tích chất lượng và phân loại, nhưng việc xử lí từng loại đảng viên làm chưa được nhiều và còn lúng túng. Một số cơ sở còn làm lướt, chỉ đạo thiếu chặt chẽ, đấu tranh phê bình còn e dè nể nang, do đó kết quả đạt thấp, chưa tạo được sự chuyển biến rõ rệt*..."[3].

Để tạo nguồn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Tỉnh ủy chú trọng mở lớp bồi dưỡng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt. Riêng trong năm 1993, tỉnh mở 79 lớp học với 4.075 học viên, trong đó có 2 lớp trung cấp lí luận, 8 lớp chương trình chính trị phổ thông, 20 lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, 49 lớp đối tượng Đảng; ngoài ra, tỉnh còn cử 300 cán bộ theo học các chương trình đại học và sau đại học tại Trung tâm Giáo dục tại chức.

---

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: B*áo cáo Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng (từ tháng 7/1992 đến tháng 7/1995)*... Tlđd, tr. 1.

(2) *Báo cáo Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng (từ tháng 7/1992 đến tháng 7/1995)*... Tlđd, tr. 4: Khối các đảng bộ cấp huyện:

Phân loại	Năm 1992	Năm 1993	Năm 1994
Trong sạch vững mạnh	22,4%	35,3%	54,5%
Khá	50,9%	51,3%	34,3%
Yếu	24,3%	11,9%	11%
Kém	2,1%	1,4%	0

Khối các đảng bộ trực thuộc tỉnh:

Phân loại	Năm 1993	Năm 1994
Trong sạch vững mạnh	66,1%	73,6%
Khá	25,5%	20,5%
Yếu	7,4%	5,9%

(3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1993*... Tlđd, tr. 9.

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Tổ chức Hội nghị đại biểu các cấp*, từ ngày 28 đến ngày 30/3/1994, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ được triệu tập với sự tham gia của 228 đồng chí. Đồng chí Vũ Oanh - Ủy viên Bộ Chính trị, về dự và chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo chính trị trình trước Hội nghị nêu bật những thành tựu to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đạt được kể từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986), thể hiện chủ yếu trên 4 mặt: *Một là*, vượt qua một bước những khó khăn, thách thức, đưa kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh thoát khỏi tình trạng sa sút nghiêm trọng; *Hai là*, tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định về chính trị, trật tự của toàn xã hội; *Ba là*, chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên một bước; *Bốn là*, không khí dân chủ được cởi mở hơn, đoàn kết dân tộc, tôn giáo được củng cố.

Báo cáo chính trị cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (9/1991) có bước tăng trưởng khá. Tổng thu nhập quốc dân trong tỉnh (GDP) qua 2 năm (1992 - 1993) tăng bình quân 8,7%. Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện. Sản lượng lương thực bình quân mỗi năm tăng 3,4%. Riêng năm 1993 đạt sản lượng cao nhất so với tất cả các năm trước (263.764 tấn)[1]. Đàn gia cầm, gia súc tiếp tục phát triển cả về số lượng và sản lượng. Cây công nghiệp, cây ăn quả gần đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra cho 5 năm 1991 - 1995. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 16,8%/năm; trong đó, công nghiệp trung ương tăng 16%, công nghiệp địa phương tăng 17,6%. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm tăng 38,7%.

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1993*... Tlđd, tr. 1.

Cơ cấu kinh tế các vùng trong tỉnh từng bước hình thành theo hướng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra. Vùng núi chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất đồi, tăng nhanh diện tích trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản và phát triển chăn nuôi đại gia súc, hình thành nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo tiền đề để chuyển nền kinh tế từ tự cung tự cấp, sang kinh tế hàng hóa.

Vùng trung du cơ bản thoát khỏi tình trạng thuần nông, đẩy mạnh thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng để tăng vụ, đưa khoa học kĩ thuật vào sản xuất, tạo ra lượng nông sản hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh.

Vùng đô thị giải phóng được nhiều năng lực sản xuất, kinh tế - xã hội phát triển nhanh. Cơ chế quản lí mới đã thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia tích cực vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, từng bước làm thay đổi bộ mặt đô thị. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã hình thành và tiếp tục phát triển, nổi bật là kinh tế tư nhân phát triển ở tất cả các lĩnh vực, đóng góp đáng kể vào ngân sách, tạo việc làm cho hàng vạn lao động ở thành phố, thị xã, thị trấn, góp phần tích cực ổn định kinh tế - xã hội của tỉnh.

Khẳng định những thành tích và ưu điểm, Hội nghị giữa nhiệm kỳ cũng chỉ rõ những yếu kém phải ra sức khắc phục. Đó là, nền kinh tế chưa có tích luỹ, sản xuất tăng nhưng chưa vững chắc, nhiều vùng còn mang nặng tính tự cung tự cấp, thuần nông, cơ sở hạ tầng yếu kém. Các mặt công tác xã hội tuy có chuyển biến, nhưng còn nhiều vấn đề bức xúc chưa được giải quyết. Trật tự xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp, có mặt phát triển theo chiều hướng xấu. Kết quả thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực quản lí của cơ quan Nhà nước và hoạt động của đoàn thể quần chúng chưa đáp ứng được yêu cầu của đổi mới kinh tế.

Trên cơ sở đó, Hội nghị đề ra những nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm trước mắt là: "*Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của GDP từ 8,5% trở lên, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cấp hạ tầng cơ sở phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế thể dục thể thao, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chỉnh đốn Đảng*"(1). Hội nghị thông qua một số chỉ tiêu cụ thể về sản lượng lương thực, trồng rừng, tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp,... đến năm 1995. Hội nghị bầu bổ sung 4 ủy viên Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa VI.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến cuối tháng 5/1994, các đảng bộ trực thuộc đã tiến hành xong hội nghị giữa nhiệm kỳ. Thông qua đó, các cấp ủy đảng được củng cố và kiện toàn một bước. Các ban chấp hành đảng bộ trực thuộc được bầu bổ sung 65 đồng chí, trong đó có 1 nữ; tuổi đời bình quân là 41, số có trình độ đại học và cao đẳng chiếm 73%, trình độ lí luận trung cấp 58%, dân tộc ít người 27,7%.

Hòa trong không khí sinh hoạt chính trị theo tinh thần *đổi mới, dân chủ, đoàn kết*, ngày 26/8/1994, Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiến hành Đại hội lần thứ VI, nhằm đánh giá tổ chức và hoạt động trong 5 năm (1991 - 1995) và đề ra phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ 1996 - 2000.

Đại hội khẳng định: Trong 5 năm (1991 - 1995), Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh cùng các tổ chức thành viên động viên các tầng lớp nhân dân ổn định tư tưởng, giúp nhau vượt qua khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội; tăng cường đoàn kết dân tộc, chống lại âm mưu

(1) *Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khoá VI)*, 3/1994, tr. 27.

phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Phong trào *Tuổi cao ý chí càng cao* đã lôi cuốn 82.700 phụ lão, sinh hoạt ở 1.200 tổ trong hơn 200 cơ sở, tham gia. Tháng 7/1992, Mặt trận động viên được 97,06% cử tri trong tỉnh tham gia bầu 7 đại biểu vào Quốc hội khóa IX. Tháng 11/1994, có 97,7% cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử, lựa chọn được 5.951 đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp tỉnh, huyện, xã[1].

Mặt trận Tổ quốc tỉnh cùng các thành viên của Mặt trận tích cực hưởng ứng và vận động toàn dân xóa đói, giảm nghèo. Cuộc vận động đưa đến kết quả tốt đẹp: Trong 5 năm (1991 - 1995), số hộ giàu ở khu vực nông thôn từ 1% tăng lên 3%, số hộ nghèo từ 50% giảm xuống còn 20% tổng số hộ; số hộ có nhà ở kiên cố chiếm 53,7%...[2]. Ngoài ra, Mặt trận đã xây dựng được 2.300 *Tổ hoà giải* ở cụm dân cư, gần 300 *Hội Bảo thọ*, hàng vạn gia đình đăng kí phấn đấu xây dựng *Gia đình văn hóa*... Nổi bật là cuộc vận động lớn *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư* được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng.

Năm 1994 là năm kết thúc khóa Hội đồng nhân dân 1989 - 1994, đồng thời cũng là năm tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 1994 - 1999. Đây là dịp để kiện toàn cấp ủy, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng. Hơn nữa, đây là năm thứ 3 Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Bản lĩnh chính trị, nhận thức mọi mặt của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên, sinh hoạt dân chủ tiếp tục được mở rộng, ý thức làm chủ được khơi dậy, tư tưởng đổi mới đi vào tiềm thức... Do đó, việc lựa chọn người để bầu vào cấp ủy, bầu vào Hội đồng nhân dân đã không còn là sự gợi ý, lãnh đạo đắc cử như trước đây.

(1) Những số liệu trên tính chung cả Bắc Kạn và Thái Nguyên.

(2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tổng kết 5 năm (1991 - 1995) thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VII) của tỉnh Bắc Thái*. Số 59-BC/TU, ngày 5/9/1995, tr. 4.

Kết quả bầu cử cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 1994 - 1999 ở 245 đơn vị gồm có 2.115 ủy viên, giảm 42 ủy viên so với nhiệm kỳ trước, do nhiều cơ sở không tìm đủ người có tín nhiệm tham gia cấp ủy. Số cấp ủy viên mới tham gia chiếm tỉ lệ 41,3% (874 ủy viên). Số Bí thư mới: 34,8% (85 Bí thư). So với nhiệm kỳ trước, số cấp ủy viên là nữ, dân tộc ít người, số có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, có trình độ lí luận chính trị trung, cao cấp đã tăng lên; tuổi đời bình quân từ 46,6, giảm xuống 44,9.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp cũng cho những bài học về nhìn nhận, đánh giá cán bộ của tập thể cấp ủy, về vai trò làm chủ của nhân dân. Ở cấp tỉnh, thông qua Hội nghị hiệp thương, tất cả 26 Tỉnh ủy viên do tỉnh giới thiệu ứng cử đều được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh (đạt 100%). Ở cấp huyện, trong tổng số 174 cấp ủy viên tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân cùng cấp, có 158 cấp ủy viên trúng cử (đạt 90,8%). Ở cấp xã, trong tổng số 1.642 cấp ủy viên tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân cùng cấp, có 1.460 cấp ủy viên trúng cử (đạt 88,9%). Trong số các cấp ủy viên không trúng cử, có 20 Bí thư, 1 Phó Bí thư, 9 Thường trực đảng ủy, 37 Chủ tịch, 45 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đảng bộ và chính quyền, cán bộ, đảng viên cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức thi đua hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ. Nhờ sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và toàn dân, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 1994 đạt 8,67%. Tỉ trọng ngành Công nghiệp, Xây dựng trong GDP là 34,8%, so với năm 1993 tăng thêm 1,05%; tốc độ tăng trưởng đạt 12,28%. Tỉ trọng của ngành Nông, Lâm nghiệp chiếm 40,5%, giảm 1,76% so

với năm 1993, tốc độ tăng trưởng đạt 4,31%. Tỉ trọng của ngành Dịch vụ chiếm 24,7%, tăng 7% so với năm 1993, tốc độ tăng trưởng là 11,27%[1].

Quán triệt chủ trương của Hội nghị Tỉnh ủy ngày 13/1/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành Nông nghiệp kiên quyết chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ. Các giống lúa mới được đưa vào canh tác trên 65% diện tích, lúa mùa sớm đạt trên 41% diện tích; cây lương thực vụ đông tăng 45,3% so với năm 1993. Tổng sản lượng quy thóc đều tăng qua các năm, từ 193.140 tấn (năm 1992), tăng lên 232.619 tấn (năm 1994); diện tích trồng chè từ 6.442 ha (năm 1992), tăng lên 7.660 ha (năm 1994); diện tích trồng cây ăn quả từ 1.002 ha (năm 1992), tăng lên 1.585 ha (năm 1994)[2]. Đàn gia súc tiếp tục tăng: Đàn trâu từ 119.264 con (năm 1992), tăng lên 130.537 con (năm 1993), 131.794 con (năm 1994); đàn bò từ 12.087 con (năm 1992), tăng lên 15.113 con (năm 1993), 16.800 con (năm 1994); đàn lợn từ 261.185 con (năm 1992), tăng lên 277.154 con (năm 1993), 291.737 con (năm 1994)[3].

Sản xuất công nghiệp năm 1994 đạt tốc độ tăng trưởng trên 12%. Các xí nghiệp trung ương sau khi tổ chức sắp xếp lại và đổi mới công nghệ đã ổn định được sản xuất, giải quyết đủ việc làm, công nhân có thu nhập khá hơn. Các xí nghiệp địa phương tích cực đầu tư chiều sâu thay đổi trang thiết bị, dây chuyền công nghệ. Nhiều sản phẩm xuất khẩu có thị trường ổn định và nhu cầu ngày càng tăng, như chè, lạc… So với năm 1993, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương tăng 6,24%, trong đó quốc

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1994*. Số 46-BC/TU, ngày 22/12/1994, tr. 1.

(2) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996*… Tlđd, tr. 20, 21, 22.

(3) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996*… Tlđd, tr. 26, 27, 28.

doanh tăng 21,28%; tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 53,2% và vượt 17,4% so với kế hoạch(1). Thu ngân sách vượt 19% so với kế hoạch, vốn xây dựng cơ bản dành chủ yếu cho sự nghiệp phát triển kinh tế và một phần thỏa đáng cho phúc lợi xã hội của nhân dân các xã miền núi trong tỉnh.

Với quan điểm đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển, phân công lại lao động, mở rộng ngành nghề ra nhiều trung tâm kinh tế - văn hoá khu vực, Tỉnh ủy có chủ trương, chính sách thông thoáng dành cho phát triển đô thị. Nhiều trung tâm đô thị trong tỉnh đã hình thành. Tháng 10/1994, Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố để kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/10/1992 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về quản lí, xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên* theo hướng hiện đại, xứng đáng là tỉnh lị, trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục, quân sự của vùng Việt Bắc... Tuy nhiên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng chỉ ra một số tồn tại, trong đó việc quản lí đất đai, xây dựng cơ bản, vệ sinh môi trường chưa được giải quyết đồng bộ, còn lúng túng, chậm chạp, làm ảnh hưởng không tốt đến việc ổn định đời sống và sinh hoạt của một bộ phận nhân dân thành phố.

Như vậy, từ sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ (3/1994), tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng. Việc chuẩn bị các dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thực hiện đạt kết quả thấp, chưa có chính sách tích cực hỗ trợ kinh tế ngoài quốc doanh phát triển. Việc giải phóng mặt bằng

(1) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo công tác năm 1994*... Tlđd, tr. 2.

để xây dựng công trình kinh tế, đô thị, giao thông còn chậm. Việc phân cấp quản lí chưa tốt, trách nhiệm giữa cấp trên và cấp dưới, giữa tập thể và cá nhân không rõ, nên hiệu quả thấp. Chính quyền các cấp, nhất là cấp xã hoạt động còn kém hiệu lực, kỉ luật, kỉ cương lỏng lẻo...

Trong bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (15 - 16/12/1994) xác định công tác trọng tâm trong năm 1995 là: Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (30/7/1994) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về *Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới* và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (23/1/1995) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) *Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*; động viên toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1995 đạt kết quả cao nhất. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy nhấn mạnh: "*Nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Trước hết là thực hiện chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7, gắn việc phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành dịch vụ để xây dựng cơ cấu kinh tế mới, chuyển từ nông lâm - công nghiệp - dịch vụ sang cơ cấu công - nông, lâm nghiệp - dịch vụ vào cuối giai đoạn 1996 - 2000*"(1).

Tỉnh ủy đề ra một số chỉ tiêu phát triển kinh tế và 4 chuyên đề chính cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 1995: 1- Cải cách một bước nền hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị

(1) *Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 về nhiệm vụ công tác năm 1995* - Số 08-NQ/TU-22/12/1994, tr. 5.

quyết Hội nghị Trung ương 7; 2- Hoàn thiện quy định, chính sách về phân công, phân cấp quản lí ngân sách một cách toàn diện; 3- Xây dựng, quản lí và sử dụng một số hạ tầng chủ yếu về giao thông, thủy lợi, mạng lưới điện, cơ sở trường, trạm...; 4- Tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 về văn hóa - văn nghệ; chuẩn bị mọi mặt cho đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh; kết nạp đảng viên mới vào dịp kỉ niệm 65 năm Ngày thành lập Đảng.

Tháng 4/1995, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị lần thứ 11, đề ra kế hoạch thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 23/1/1995 của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII. Hội nghị nhấn mạnh: Phải làm cho tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh quán triệt quan điểm của Đảng về chuyên chính vô sản, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, Hội nghị xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt để cải cách hành chính ở tỉnh là giải quyết tốt những đơn thư khiếu nại, khiếu tố, góp ý của nhân dân, khắc phục tình trạng thư gửi đi vòng vo chậm được xem xét giải quyết; chấn chỉnh và lập lại trật tự kỉ cương xã hội; đổi mới nâng cao chất lượng các cuộc hội nghị, hội thảo, bảo đảm tính hiệu quả và thực hành tiết kiệm; tích cực chuẩn bị để thực hiện một bước hoàn thiện tổ chức và viên chức Nhà nước.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, ngày 11/5/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra *Chương trình công tác triển khai kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương*.

Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính, điều chỉnh tổ chức và các mối quan hệ trong bộ máy hành chính; xây dựng, đào tạo đội ngũ công

chức và cán bộ chính quyền cơ sở. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính được thành lập, do đồng chí Mai Phúc Toàn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, làm Trưởng ban.

Sau 1 năm thực hiện, cải cách hành chính đã đạt được kết quả bước đầu. Các ngành, các cấp trong tỉnh đã xây dựng được quy chế làm việc, những văn bản có liên quan đến hoạt động của các ngành, các cấp được rà soát lại, loại bỏ các văn bản không còn phù hợp; bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp quy vẫn còn giá trị thực hiện; trật tự kỉ cương xã hội, trước hết là quản lí đô thị và trật tự an toàn giao thông ở thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và thị trấn huyện lị bước đầu được chấn chỉnh. Lịch tiếp dân được thông báo công khai nhiều lần trên các phương tiện thông tin đại chúng; nội quy, quy chế tiếp dân hầu hết các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc.

Tỉnh đã mở nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm quản lí cho 1.644 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp xã. Tỉnh còn mở thêm 5 lớp bồi dưỡng cao cấp và trung cấp về quản lí nhà nước cho cán bộ chủ chốt các ngành ở tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện…

Từ quý III năm 1995 trở đi, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo các ngành, các cấp phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 1995, tạo tiền đề thuận lợi cho giai đoạn 1996 - 2000.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp và nhân dân các dân tộc, mọi mặt kinh tế - xã hội trên địa bàn Thái Nguyên đều có nhiều bước

tiến mới. Riêng năm 1995, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,6%, cao nhất từ trước đến lúc bấy giờ. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Tỉ trọng công nghiệp trong GDP từ 25,3% (năm 1991), tăng lên 35,5% (năm 1995). Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng 9,4%.

Tổng mức bán lẻ trên thị trường xã hội năm 1995 đạt 859,3 tỉ đồng, tăng 31% so với năm 1994; trong đó kinh tế quốc doanh tăng 44,4% và chiếm tỉ trọng 23,5% trong tổng mức bán lẻ toàn xã hội(1). Công tác quản lí thị trường đã góp phần ổn định giá cả thị trường, không gây đột biến ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống của nhân dân. Mức sống của gần 70% dân số được cải thiện rõ rệt, 10% số hộ có tích luỹ.

Hoạt động kinh tế đối ngoại từng bước được mở rộng. Kim ngạch xuất khẩu của địa phương tăng gần 3 lần. Sản xuất hàng xuất khẩu cả khu vực Trung ương và địa phương tiếp tục phát triển. Các mặt hàng truyền thống, như thiếc tinh, dụng cụ y tế... tiếp tục tăng nhanh. Kim ngạch xuất khẩu của địa phương năm 1995 đạt 7,56 triệu USD, vượt 8% kế hoạch và tăng 28,4% so với cùng kỳ năm 1994(2).

Hệ thống tài chính, ngân hàng và kho bạc nhà nước các cấp tiếp tục có những bước đổi mới phương thức hoạt động, từ huy động nguồn vốn, cho vay, chi trả, đến thẩm định dự án..., góp phần tích cực phục vụ sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Dư nợ tín dụng năm 1995 đạt 637,8 tỉ đồng, tăng 29%; trong đó có 132 tỉ đồng cho 100.000 lượt hộ nông dân vay phát triển sản xuất, tăng 51,8% so với cùng kỳ năm 1994(3).

(1), (2), (3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Tổng kết công tác năm 1995*. Số 67-BC/TU, ngày 8/12/1995, tr. 4

Sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 243.695 tấn, cao hơn so với các năm trước; diện tích trồng chè 8.203 ha và cây ăn quả 1.961 ha[1]. Chăn nuôi tiếp tục phát triển khá, tổng đàn trâu 131.228 con, đàn bò 17.955 con (tăng 1.155 con so với năm 1994), đàn lợn 309.902 con (tăng 18.165 con so với năm 1994)[2]. Nhiều mô hình chăn nuôi giỏi xuất hiện.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới. Đến năm 1995, tất cả các xã trên địa bàn Thái Nguyên đều có trường tiểu học, 98,8% số xã có trường trung học cơ sở; các huyện đều có trường trung học phổ thông. 94% tổng số xã, phường đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và chống tái mù chữ. Năm 1995, Thái Nguyên chỉ còn 7.366 người (độ tuổi từ 15 đến 35) mù chữ (chiếm 2,38% số người trong độ tuổi). Hằng năm, số học sinh vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề đều tăng lên đáng kể. Chất lượng giáo dục và đào tạo có mặt tiến bộ. Số học sinh giỏi chiếm 3,2% trong tổng số học sinh phổ thông (năm 1991: 0,7%), học sinh tiên tiến chiếm 41% (năm 1991: 17%). Bình quân mỗi năm, Thái Nguyên đều có trên dưới 30 giải học sinh giỏi toàn quốc, trong đó có giải cao (giải Nhì, Ba)…

Đa số giáo viên ở các trường của tỉnh đều yêu nghề, chất lượng giáo viên từng bước được nâng cao. Tính đến năm học 1995 - 1996, Thái Nguyên đã có 50% giáo viên mầm non, 97% giáo viên tiểu học, 78% giáo viên trung học cơ sở và 90% giáo viên trung học phổ thông đạt chuẩn đào tạo.

Sự nghiệp y tế có nhiều tiến bộ, không để dịch bệnh lớn xảy ra, thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, góp phần

(1) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996*… Tlđd, tr. 20, 21, 22.

(2) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996*… Tlđd, tr. 26, 27, 28.

chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Tính đến năm 1995, trên địa bàn Thái Nguyên có 17 bệnh viện, 176 trạm y tế xã, phường, với tổng số 3.445 giường bệnh (tăng 225 giường so với năm 1991: 3.220 giường)(1). Đội ngũ cán bộ y tế có 2.183 người(2); trong đó, nhiều người có trình độ trên đại học về y và dược, đủ khả năng phục vụ, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

Sự nghiệp văn hóa - thể thao có bước phát triển quan trọng cả về bề rộng và chiều sâu. Trong nửa đầu thập kỉ 90, ngành Văn hóa - Thông tin có nhiều đóng góp quan trọng vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, hoạt động văn hóa trên địa bàn Thái Nguyên đã tạo ra môi trường phát triển lành mạnh, đồng thời cải thiện đáng kể đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đáng chú ý trong năm 1995, cùng với việc tổ chức kỉ niệm các ngày lễ lớn, tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội Văn hóa - Thể thao lần thứ II và Hội diễn sân khấu toàn quốc.

Công tác quân sự địa phương có nhiều chuyển biến tích cực. Đảng bộ coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng; giáo dục ý thức và kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần tạo nên sức mạnh chính trị tinh thần to lớn, phòng chống có hiệu quả chiến lược "*diễn biến hoà bình*", sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Trong năm 1995, có 80% lực lượng dân quân, tự vệ tham gia huấn luyện, trên 90% đơn vị cơ sở hoàn thành chương trình huấn luyện(3). Công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu được giao. Việc tổ chức và kết quả diễn tập PT-95 được Quân khu 1 đánh giá cao.

(1) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996*... Tlđd, tr. 71, 72, 74.

(2) Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên 1991 - 1996*... Tlđd, tr. 73.

(3) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tổng kết năm 1995*. Số 67-BC/TU, ngày 8/12/1995, tr. 7.

Tuy nhiên, công tác quân sự địa phương còn bộc lộ một số hạn chế. Việc giáo dục quốc phòng toàn dân chưa được phổ cập rộng rãi và chưa có chiều sâu. Trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân thường trực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng huấn luyện và tổ chức tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ nhất là lực lượng dân quân, tự vệ ở một số địa phương còn nặng về hình thức.

Các ngành trong khối Nội chính có nhiều cố gắng trên mặt trận đấu tranh trấn áp tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, song nhìn chung nạn nghiện hút thuốc phiện và chơi số đề có chiều hướng lan rộng ở nhiều địa phương. Đến năm 1995, toàn tỉnh có gần 6.000 người nghiện hút thuốc phiện, hàng trăm chủ đề và thư kí đề. Đặc biệt, nạn chơi số đề không chỉ xảy ra ở khu vực thành phố, thị xã, mà đã phát triển đến cả khu vực nông thôn và miền núi. Ở nhiều nơi, nạn nghiện hút và số đề phát triển đã gây ra nhiều vụ đâm chém nhau, tự sát, sử dụng chất nổ hủy hoại tài sản của công dân. Từ đó, tình hình trật tự an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, các vụ phạm pháp có chiều hướng gia tăng (trong 10 tháng năm 1995, số vụ phạm pháp đã tăng hơn cả năm 1994 là 1,5%, trọng án tăng 51,6%).

Nhằm ngăn chặn, từng bước đẩy lùi nạn nghiện hút và số đề, góp phần làm lành mạnh đời sống xã hội, ngày 10/7/1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 31-CT/TU *Về tăng cường các biện pháp giải quyết tệ nạn nghiện hút thuốc phiện và chơi số đề ở địa phương.* Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp, trường học thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, giải thích cho đông đảo quần chúng, cán bộ, công nhân viên chức thấy rõ những tác hại của nạn nghiện hút và số đề; nghiêm cấm đảng viên, cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang nghiện hút thuốc phiện và tham gia hoạt động số đề, hoặc

đánh bạc dưới bất cứ hình thức nào. Mọi trường hợp vi phạm đều bị xử lí nghiêm minh. Nhờ đó, tệ nạn nghiện hút thuốc phiện và chơi số đề được ngăn chặn một bước; tình hình trật tự an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực,

Năm 1995 là năm có nhiều ngày lễ lớn: Kỉ niệm 65 năm Ngày thành lập Đảng, 50 năm Ngày thành lập nước, 105 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 20 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước... Hướng vào những sự kiện đó, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng được đẩy mạnh và dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động, góp phần cổ vũ, động viên, hướng dẫn cán bộ, đảng viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh nêu cao truyền thống yêu nước và cách mạng, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đề ra.

Cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục, trong năm 1995, Đảng bộ mở 18 lớp bồi dưỡng lí luận, gồm 1.283 học viên theo học; trong đó có 7 lớp trung, cao cấp cho 545 cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và 11 lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lí nhà nước, về công tác Đảng, đoàn thể cho 738 cán bộ[1]. Ngoài ra, hàng trăm cán bộ, đảng viên được cử đi đào tạo các trường của Trung ương.

Công tác xây dựng Đảng từ năm 1995 cũng được tăng cường hơn, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng được thực hiện tốt hơn. Chất lượng đảng viên được chú ý nâng cao, vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhất là ở cơ sở nhìn chung được củng cố và nâng cao một bước[2]. "*Nhìn một cách tổng quát, đảng viên trong Đảng bộ vững vàng, tin tưởng vào đường lối chủ trương của Đảng, ủng hộ và tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng khối đoàn*

(1), (2) Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết công tác năm 1995*. Số 67-BC/TU, ngày 8/12/1995, tr. 9, 10.

kết thống nhất. Qua kiểm tra phân tích chất lượng hằng năm, số đảng viên chấp hành tốt chiếm từ 80% đến 92%, số đảng viên còn vi phạm chiếm 10% và số phải xử lí chiếm từ 4% đến 5%, đó vừa là kết quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng vừa là nguyên nhân góp phần vào quá trình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong những năm qua"[(1)].

Công tác phát triển Đảng cũng được đẩy mạnh. Tính riêng trong năm 1995, Đảng bộ kết nạp được 2.037 đảng viên mới, so với năm 1994 tăng 65,20%; trong đó, đảng viên nữ chiếm 31,27% (tăng 0,44%), dân tộc ít người: 35,44% (tăng 8,19%). Số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp đảng viên mới đạt tỉ lệ 60,07% (483/804 cơ sở), tăng hơn năm trước 12,47%.

Tính đến thời điểm ngày 30/11/1995, toàn Đảng bộ có 50.280 đảng viên; trong đó có: 2.310 đảng viên dự bị (4,59%), 8.529 đảng viên nữ (16.96%), 13.867 đảng viên là dân tộc ít người (27,57%), 4.172 đảng viên còn sinh hoạt Đoàn Thanh niên (8,29%), 3.583 đảng viên được miễn sinh hoạt (7,12%), 4.372 đảng viên dưới 30 tuổi (8,69%), 5.826 đảng viên từ 61 tuổi trở lên (11,58%)[(2)].

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 9/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về đại hội đảng bộ các cấp*, ngày 4/4/1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 02-KH/TU về *Tiến hành đại hội đảng bộ các cấp thuộc Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*; đồng thời ra Nghị quyết số 10/NQ-TU ngày 8/6/1995 *Về công tác nhân sự cấp ủy tỉnh, huyện, thành, thị nhiệm kỳ 1996 - 2000*. Tỉnh ủy chọn 5 đảng bộ cơ sở: Hà Châu (Phú Bình), Công ty Xây dựng số I, Đảng bộ phường Đồng Quang (thành phố Thái Nguyên), Đảng bộ thị trấn Đu và Đảng

(1) Theo: *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VI tại Hội nghị Tỉnh ủy lần 13 (13 - 14/9/1995)*.

(2) Những số liệu trên tính chung cả tỉnh Bắc Thái.

bộ xã Ôn Lương (Phú Lương) tiến hành đại hội để rút kinh nghiệm chỉ đạo. Đến tháng 2/1996, toàn tỉnh có 91,46% tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ đã tiến hành đại hội. Tỉ lệ đảng viên dự đại hội đạt trên 90% so với tổng số đảng viên.

Công tác dân vận trong nửa đầu thập kỉ 90 có những chuyển biến tích cực. Các cấp ủy đảng đã thực sự quan tâm đến công tác dân vận, hệ thống Ban Dân vận các cấp được củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng. Tất cả 9 huyện, thành, thị đều có Ban Dân vận do đồng chí Thường vụ cấp ủy làm Trưởng ban. Nhìn chung, hoạt động của Ban Dân vận các cấp đã làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy về công tác dân vận, giúp cấp ủy thường xuyên kiểm tra việc triển khai công tác dân vận, nắm tình hình quần chúng, phát hiện và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng đặt ra.

Bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở đã làm tốt hơn việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức các phong trào quần chúng, tạo cơ chế thuận lợi nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong việc tham gia vào các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh, tham gia củng cố và bảo vệ chính quyền. Các cấp chính quyền cũng đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho Mặt trận và các đoàn thể hoạt động.

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức đoàn thể các cấp đã gắn chức năng, nhiệm vụ của mình với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với quyền lợi của đoàn viên, hội viên; đề ra được nội dung, hình thức hoạt động sát hợp, thực hiện có hiệu quả chương trình công tác trong từng giai đoạn.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, trong những năm 1991 - 1995, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp

tục thực hiện công cuộc đổi mới, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội để cùng cả nước phát triển đi lên chặng đường mới.

Trong không khí lạc quan và tin tưởng trước những thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước, bước vào năm 1996, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên càng thêm vui mừng, phấn khởi hướng về các sự kiện có ý nghĩa to lớn trong đời sống chính trị tinh thần của địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Ngày 5/5/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đã khai mạc trọng thể tại Rạp chiếu bóng nhân dân Thái Nguyên. Dự đại hội có 321 đại biểu thay mặt cho hơn 50.000 đảng viên của Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội giai đoạn 1996 - 2000; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới và bầu đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, Đại hội khẳng định: Trong 5 năm (1991 - 1995), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh kiên trì với sự nghiệp đổi mới, tạo nên sự chuyển biến toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị; hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đề ra đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Đại hội cũng chỉ ra những mặt hạn chế, yếu kém cần được khắc phục. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các vùng không đều và chưa vững chắc. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nhưng còn chậm. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể chưa khai thác được các lợi thế, một số lĩnh vực chưa giữ được vai trò chủ đạo. Vấn đề xã hội còn nhiều tồn tại rất đáng phải quan tâm, đời sống của đồng

bào vùng cao, vùng sâu còn khó khăn. Quản lí vốn ngân sách còn nhiều khuyết điểm, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng chưa cao. Hiệu lực quản lí bộ máy Nhà nước và hoạt động các đoàn thể nhân dân chưa theo kịp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới...

Trên cơ sở phân tích những mặt hạn chế, yếu kém; nguyên nhân dẫn đến yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo của Tỉnh ủy, Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ và chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm (1996 - 2000).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII gồm 47 ủy viên; bầu 18 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được tái cử giữ chức Bí thư, các đồng chí: Đặng Quốc Tiến, Mai Phúc Toàn được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Từ ngày 28/6 đến ngày 1/7/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII; tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra những mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thời kỳ mới - Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Dưới ánh ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, Tỉnh ủy khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội chưa được bao lâu thì tình hình có những chuyển biến mới.

Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều

chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới kể từ ngày 1/1/1997.

Ngày 20/11/1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp để quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc chia tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Hội nghị nêu rõ: Phải làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhận thức đầy đủ những lợi ích lâu dài cũng như các khó khăn ban đầu của việc chia tách tỉnh; trong quá trình chia tách tỉnh, phải bảo đảm các mặt kinh tế, xã hội phát triển bình thường, đẩy mạnh sản xuất, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong từng tỉnh; phải tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết hơn 30 năm hợp nhất tỉnh, tăng cường đoàn kết hợp tác, giúp đỡ nhau trong thời gian chia tỉnh cũng như sau này để hai tỉnh cùng phát triển, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng và hành động mang tính cục bộ, bản vị, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa. Hội nghị đề ra yêu cầu chia tách tỉnh là *Đoàn kết - Tiết kiệm - Phát triển*.

Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh ủy Bắc Thái; đồng thời thành lập Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời, gồm 35 ủy viên; Ban Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời gồm 11 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai giữ chức Bí thư; các đồng chí Chu Văn Cường và Mai Phúc Toàn giữ chức Phó Bí thư. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997. Từ đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh bước vào thời kỳ mới: Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương IV

ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TÁI LẬP, LÃNH ĐẠO TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HÓA (GIAI ĐOẠN 1997 - 2000)

I- Thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1997 - 2000)

Bước vào nửa sau những năm 90 của thế kỉ XX, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến rất phức tạp. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Nguy cơ chiến tranh thế giới tuy bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất. Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...). Sự tham gia của các quốc gia vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại cũng như nhiều lĩnh vực khác ngày càng tăng, nhưng đồng thời sự cạnh tranh cũng rất gay gắt...

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội Việt Nam, đưa đến những thời cơ thuận lợi lớn, đồng thời cũng làm xuất hiện những thách thức lớn.

Trải qua 10 năm thực hiện đổi mới, nhân dân Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đất nước Việt Nam đã ra khỏi cuộc

khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài, tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kì phát triển mới: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quan hệ giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước trên thế giới được mở rộng. Tuy nhiên, 4 nguy cơ mà Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kỳ (1/1994) nêu lên đến lúc này vẫn là những thách thức lớn. Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Những thế lực thù địch vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện "*diễn biến hoà bình*", thường xuyên dùng chiêu bài "*dân chủ*", "*nhân quyền*" hòng can thiệp vào nội bộ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Một số vấn đề văn hoá, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Tình trạng tham nhũng suy thoái ở một bộ phận không nhỏ trong cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng.

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996) của Đảng khẳng định "*Cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*"(1).

Tỉnh Thái Nguyên - sau hơn 30 năm hợp nhất với tỉnh Bắc Cạn thành tỉnh Bắc Thái, đã được lập lại, gồm 9 đơn vị hành chính trực thuộc. Đó là, các huyện: Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình; thị xã Sông Công và thành phố Thái Nguyên, với 177 xã, phường, thị trấn (trong đó có 16 xã vùng cao, 110 xã, thị trấn miền núi, chiếm 71,18%). Dân số của tỉnh vào thời điểm cuối năm 1997 là 1.040.123 người(2), thuộc 8 thành phần dân tộc có số dân từ 1.000 người trở lên: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Sán Chay,

(1) Đảng CSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb CTQG, H. 1996, tr. 80.

(2) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV* - 11/1997, tr. 3, 4.

Mông và Hoa. Toàn Đảng bộ có 44.449 đảng viên sinh hoạt ở 651 tổ chức cơ sở đảng[1].

Là một tỉnh miền núi với diện tích tự nhiên 3.541,1 km^2[2]; trong đó có 76.745 ha đất nông nghiệp (21,67%), 166.453 ha đất đồi rừng (47%), 113.45 ha rừng tự nhiên và rừng trồng, độ che phủ 32%, Thái Nguyên có tiềm năng phát triển kinh tế phong phú, đa dạng.

Thái Nguyên có nguồn tài nguyên khoáng sản đã và đang được khai thác có hiệu quả. Nơi đây có nhiều cơ sở công nghiệp lớn của trung ương, trong đó đáng chú ý là Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, các nhà máy cơ khí Sông Công, Phổ Yên, công nghiệp khai mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, gia công, các nhà máy quốc phòng...

Thái Nguyên là một trong những trung tâm giáo dục - đào tạo của cả nước. Vào thời điểm tái lập, trên địa bàn tỉnh có 4 trường đại học (Đại học Sư phạm, Đại học Nông - Lâm, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Y khoa), 20 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, 8 trạm (trại) nghiên cứu... với một lực lượng trí thức và đội ngũ cán bộ khoa học, kĩ thuật đông đảo.

Ở vị trí trung tâm của vùng Việt Bắc, tỉnh Thái Nguyên nằm sát vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có hệ thống đường giao thông thuận lợi. Kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được xây dựng tương đối đồng bộ, bao gồm mạng lưới giao thông nông thôn và đô thị, điện lưới quốc gia, hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt đô thị, các công trình phúc lợi công cộng về văn hoá, xã hội như trường học, bệnh viện, công sở làm việc của bộ máy hành chính từ tỉnh đến cơ sở.

(1) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV* - 11/1997, tr. 3, 4.

(2) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997* - 2001, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002, tr. 11.

Tỉnh Thái Nguyên cũng là trung tâm quân sự của Quân khu 1, có nhiều đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn (Bộ Tư lệnh Quân khu 1, Sư đoàn 346, nhiều trung đoàn và lữ đoàn trực thuộc).

Bên cạnh những thế mạnh nêu trên, Thái Nguyên vẫn là một tỉnh nghèo, thu không đủ chi. Nền kinh tế của tỉnh phát triển chưa đều và chưa vững chắc, thiếu vốn đầu tư cho phát triển. Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư ban đầu nhưng chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Các cơ sở công nghiệp của trung ương, chủ yếu là công nghiệp nặng, được xây dựng từ những năm 60 - 70 của thế kỉ XX, thiết bị, công nghệ đã lạc hậu, chậm đổi mới đầu tư, cho nên hiệu quả kinh tế thấp, sức cạnh tranh trên thị trường yếu. Mặt bằng dân trí tuy cao hơn so với một số tỉnh miền núi, nhưng phân bố không đều. Một bộ phận trong cán bộ, đảng viên và phần lớn nông dân ở các vùng nông thôn, miền núi dù đã trải qua 10 năm đổi mới, nhưng vẫn còn mang nặng nếp nghĩ, cách làm thời bao cấp cùng với tập quán canh tác lạc hậu... Đó chính là những khó khăn không nhỏ đối với một tỉnh mới được chia tách, lại phải san sẻ một bộ phận cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành cho tỉnh bạn.

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã biết khai thác thế mạnh, phát huy mọi nội lực, từng bước khắc phục khó khăn. Nhờ đó, trong gần 1 năm kể từ sau ngày lập lại, nhịp độ phát triển kinh tế trong tỉnh vẫn bảo đảm tốt; an ninh chính trị được giữ vững; văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục thể thao có những tiến bộ khá không những về số lượng mà cả về chất lượng; hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 1997 đều tăng hơn năm 1996...

Trong bối cảnh lịch sử ấy, theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên quyết định tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XV từ ngày 11 đến ngày 14/11/1997.

Tham dự Đại hội có 250 đại biểu thay mặt cho gần 45.000 đảng viên sinh hoạt ở 19 đảng bộ trực thuộc. Đại hội này vừa có ý nghĩa kế thừa 7 nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trước đây và 31 năm xây dựng, trưởng thành của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, vừa là đại hội mở đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đánh giá tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp, Đại hội khẳng định hầu hết các huyện, thành, thị tiếp tục có chuyển biến tích cực trong việc áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật, công nghệ, phát triển mạnh trồng trọt và chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng. Điều đáng chú ý là tập đoàn giống cây, con tương đối phù hợp và cho năng suất cao bước đầu được xác định vững chắc trên địa bàn tỉnh. Kinh tế đồi rừng, cây công nghiệp và cây ăn quả tiếp tục phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá.

Ngành Công nghiệp tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các doanh nghiệp - kể cả khu vực trung ương và địa phương, có nhiều cố gắng giữ vững nhịp độ sản xuất. Một số mặt hàng (xi măng, thép, các sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy Y cụ, Diesel Sông Công...) tăng trưởng khá. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, mẫu mã mặt hàng được cải tiến, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước.

Trong cơ chế mới, các thành phần kinh tế đã phát huy được vai trò, tác dụng của mình. Thương nghiệp quốc doanh thực hiện được nhiệm vụ cung ứng các mặt hàng chính sách, phục vụ tốt đời sống nhân dân, góp phần giữ vững và ổn định giá cả thị trường.

Công tác khám, chữa bệnh chăm lo sức khoẻ cho nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có nhiều tiến bộ: 100% số xã trong tỉnh có trạm y tế; trung tâm y tế các huyện tiếp tục được xây

dựng hoàn thiện. Công tác giáo dục - đào tạo bước đầu được xã hội hoá và đạt được những thành tích quan trọng...

Đánh giá tổng quát tình hình trong gần 1 năm kể từ khi lập lại tỉnh Thái Nguyên, Đại hội khẳng định: "*... Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cùng với tinh thần phấn đấu tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, các mặt kinh tế - xã hội tiếp tục có tiến bộ, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và tăng so với năm 1996. Công tác chia tách tỉnh đã đảm bảo thực hiện tốt phương châm Đoàn kết - Tiết kiệm - Cùng phát triển*"(1). Đại hội cũng nêu rõ các mặt hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân dẫn tới những khuyết điểm ấy.

Trên cơ sở đánh giá tình hình, đồng thời quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996), Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là: "*Tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ thời cơ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo sự phát triển về kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, xây dựng tỉnh Thái Nguyên giàu đẹp với cơ cấu kinh tế Công - Nông, Lâm nghiệp - Dịch vụ; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để cùng với cả nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000*"(2).

Để đạt được mục tiêu tổng quát, Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ và chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1997 đến năm 2000.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 ủy viên. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 12 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được Ban Chấp hành Đảng bộ bầu làm Bí thư; các đồng chí: Mai Phúc Toàn và Chu Văn Cường được bầu làm Phó Bí thư.

(1), (2) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV* ... Tlđd, tr. 24, 25, 26.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thái Nguyên lần thứ XV là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị tinh thần của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết Đại hội đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn, tạo tiền đề cho tỉnh tiếp tục phát triển đi lên.

Khi bắt đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, nền kinh tế Thái Nguyên gặp khó khăn, thách thức gay gắt. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, một phần do công nghệ, thiết bị của hầu hết các doanh nghiệp nhà nước đã trở nên lạc hậu, cũ kĩ; chất lượng và giá thành sản phẩm cao nên sức cạnh tranh thấp; mặt khác còn do những yếu kém trong quản lí và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực châu Á diễn ra từ giữa năm 1997. Cuộc khủng hoảng đã gây nên những ảnh hưởng xấu trên nhiều mặt đối với nền kinh tế ở địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thiếu ổn định.

Trong 6 tháng đầu năm 1998, ngành Công nghiệp trên địa bàn tuy giữ được sản xuất nhưng mức tăng trưởng chậm, giá trị tổng sản lượng đạt 936,4 tỉ đồng, tăng 5,2% so với 6 tháng đầu năm 1997. Trong đó doanh nghiệp nhà nước tăng 4,1%, quốc doanh trung ương tăng 6,2%, quốc doanh địa phương giảm 12,6%, khu vực ngoài quốc doanh giảm 2,5% so với cùng kỳ[1]. Trong quý III, sản xuất công nghiệp trên toàn địa bàn giảm sút rõ rệt. Những sản phẩm chủ yếu có tỉ trọng lớn đều giảm nhiều như thép, than địa phương... Công ty Gang thép Thái Nguyên còn tồn kho trên 3 vạn tấn thép các loại, buộc phải ngừng sản xuất ở một số đơn vị; trên

(1)Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1998*. Số 16-BC/TU, ngày 28/7/1998, tr. 2.

1.000 công nhân phải luân phiên nhau nghỉ chờ việc[1]. Các Công ty: Diesel Sông Công, Kim loại màu... cũng gặp khó khăn do thị trường bị thu hẹp, sản xuất đình trệ. Công ty Kim loại màu đến đầu tháng 9 còn tồn 40 tấn thiếc và 18.000 tấn quặng các loại không tiêu thụ được. Công ty Gạch Tuynen của tỉnh do giá thành gạch còn cao, chưa tìm được thị trường nên tồn kho tới 80% sản phẩm[2]. Sang quý IV, nhiều đơn vị tăng nhịp độ sản xuất, nhưng cũng không bù đắp lại sự giảm sút so với cùng kỳ năm 1997. Giá trị sản xuất các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lí nằm trên địa bàn năm 1998 giảm 3,5% so với năm 1997; năm 1999 tiếp tục giảm 5,6% so với năm 1998.

Trước khó khăn của sản xuất công nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã dành nhiều thời gian đi sát cơ sở, lắng nghe ý kiến và thảo luận với các doanh nghiệp để cùng tìm ra những giải pháp tháo gỡ. Đối với các doanh nghiệp địa phương, Tỉnh ủy có chương trình đổi mới cơ chế quản lí, kịp thời thông qua đề án sắp xếp và chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước.

Nhờ có những chủ trương và giải pháp tích cực của tỉnh, các doanh nghiệp từng bước được củng cố, đi dần vào thế ổn định và phát triển. Năm 2000 so với năm 1999, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,5%, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 13,5%; khu vực dân doanh tăng 24,6% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng hơn 14,2%[3]. Một số sản phẩm tăng khá, như xi măng, tấm lợp, giấy đế, hàng may mặc xuất khẩu...

Đối với các doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tích cực và chủ động thảo luận

(1), (2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác quý III năm 1998*. Số 21-BC/TU, ngày 5/10/1998, tr. 2.

(3) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*. Số 67-BC/TU, ngày 2/1/2001, tr. 4.

với các bộ, ngành trung ương, đề nghị Bộ Chính trị và Chính phủ có cơ chế, chính sách để phục hồi sản xuất. Tỉnh ủy kiến nghị với Chính phủ và các ngành trung ương có biện pháp tháo gỡ tích cực giúp Công ty Gang thép và một số doanh nghiệp khác về cơ chế, chính sách tiêu thụ sản phẩm, điều chỉnh chính sách xuất nhập khẩu, hoãn hoặc kéo dài thời gian trả nợ, hạ lãi suất tín dụng, hoãn hoặc giảm thuế, cho vay vốn lưu động.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã góp phần giải quyết khó khăn cho các đơn vị sản xuất, giúp cho các doanh nghiệp giữ vững và duy trì sản xuất, ổn định đời sống cán bộ, công nhân viên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), Tỉnh ủy Thái Nguyên đã rà soát lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lí, đồng thời lãnh đạo việc sắp xếp lại một số doanh nghiệp. Theo sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, một số doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, mất vốn hoặc không có điều kiện phát triển, đã được giải thể.

Từ năm 1998, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo các đơn vị làm thí điểm việc chuyển đổi và thành lập hợp tác xã theo luật để rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm; cấp ủy và chính quyền các cấp ở một số địa phương, đơn vị chưa thực sự quan tâm. Trong quá trình thực hiện, việc phối hợp giữa các ngành thiếu đồng bộ; các cấp lãnh đạo chưa làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ tính tất yếu của kinh tế hợp tác và hợp tác xã; chưa tập trung chỉ đạo sát sao và thiếu hướng dẫn cụ thể cho các cơ sở... Do đó, đến cuối năm, toàn tỉnh mới có 23/158 hợp tác xã thực hiện chuyển đổi và thành lập được 10 hợp tác xã theo luật. Trong đó, số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả khá mới chiếm 27%, số còn lại chỉ hoạt động ở mức trung bình hoặc kém hiệu quả, nặng về hình thức.

Công tác lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp có những chuyển biến tốt. Được sự lãnh đạo sát sao của các cấp đảng bộ từ tỉnh xuống xã, các địa phương tích cực chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đưa giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

Công tác phòng, chống bão lụt, chống hạn được triển khai một cách chủ động và tích cực hơn. Riêng trong năm 2000, tỉnh tập trung đầu tư và hoàn thành một số công trình thủy lợi quan trọng; trong đó, đáng chú ý là đập - cầu Thác Huống, hồ Gò Miếu, kiên cố hoá kênh Tây hồ Núi Cốc và 4 hồ chứa nước. Đến cuối năm 2000, toàn tỉnh đã có 85 phường, xã triển khai chương trình kiên cố hoá kênh mương nội đồng, xây dựng kiên cố thêm được trên 100 km kênh mương[1]. Tỉnh còn có chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển phân bón, các loại giống cây trồng, vật nuôi, trợ giá bơm điện chống hạn, hỗ trợ lúa cao sản, cân đối vốn ngân hàng người nghèo...

Những chính sách đó cùng với việc áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học - kĩ thuật đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Sản lượng lương thực quy thóc năm sau đạt cao hơn năm trước, bình quân hằng năm đạt gần 30 vạn tấn, vượt hơn 10% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra[2]. Năng suất và sản lượng lúa trong các năm đều tăng lên[3].

Các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá. Điểm nổi bật là sự chuyển dịch cơ cấu trong kinh tế nông nghiệp có bước tiến mới theo hướng phát triển kinh tế hàng hoá.

---

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000* - Số 67-BC/TU ngày 2/1/2001, tr.3.

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI* - 1/2001, tr.8.

(3) Diện tích gieo trồng và sản lượng cây lương thực có hạt qua các năm:

	1996	1997	1998	1999	2000
Diện tích (ha)	63.191	75.511	76.379	75.584	79.331
Sản lượng (tấn)	255.915	249.853	257.627	279.452	296.365

Năng suất, sản lượng lúa qua các năm:

	1996	1997	1998	1999	2000
Năng suất (tạ/ha)	33,11	33,74	34,53	38	38,71
Sản lượng (tấn)	209.205	220.482	226.785	248,137	285.579

Các loại hoa màu (khoai lang, sắn) nhìn chung đều tăng cả về diện tích và sản lượng. Diện tích trồng khoai lang từ 10.416 ha, với sản lượng 49.888 tấn (năm 1997), đã tăng lên 11.841 ha với sản lượng 54.482 tấn (năm 2000).

Các loại cây công nghiệp tuy phát triển, nhưng không đều[1]. Cây chè là một thế mạnh và có giá trị kinh tế ổn định nhất trên vườn đồi của tỉnh Thái Nguyên. Những năm trước đây, chè Thái Nguyên không những có uy tín lớn ở thị trường trong nước, mà còn được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Đài Loan. Nhằm phát huy thế mạnh mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu này, Tỉnh ủy chủ trương mở rộng diện tích trồng chè trên đất vườn đồi, coi đó là hướng chiến lược quan trọng để đến năm 2000, tỉnh Thái Nguyên có 12.525 ha chè tập trung[2] (chủ yếu ở các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá, Đồng Hỷ, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên). Việc mở rộng diện tích trồng chè không những phát huy thế mạnh cây kinh tế mũi nhọn của tỉnh, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, mà còn có tác dụng phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Cùng với việc mở rộng diện tích, Tỉnh ủy chủ trương đưa các giống chè mới vào sản xuất và áp dụng các biện pháp thâm canh để đưa năng suất chè từ 35 tạ/ha lên trên 50 tạ/ha. Các biện pháp sử dụng hoá chất hợp lí được ứng dụng để có chè sạch, chế biến nâng cao chất lượng đảm bảo chè Thái Nguyên có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường trong và ngoài nước.

---

(1) Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp qua các năm:

Loại cây	Năm 1997		Năm 1998		Năm 1999		Năm 2000	
	D.tích (ha)	S.lượng (tấn)	D.tích (ha)	S.lượng (tấn)	D.tích (ha)	S.lượng (tấn)	D.tích (ha)	S.lượng (tấn)
Mía	1.009	443.884	932	41.340	1.094	45.313	1.075	47.905
Lạc	5.681	5.290	5.812	5.698	5.727	4.976	5.492	5.401
Thuốc lá	146	157	160	188	192	225	144	180
Đậu tương	2.587	2.626	3.239	3.471	3.313	3.672	3.368	3.800

(2) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1998 - 2002*. Nxb Thống kê 2003, tr. 70.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đảng bộ và ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng diện tích trồng chè. Liên tục trong các năm 1997 - 2000, diện tích chè trồng mới đều đạt và vượt kế hoạch: Năm 1997 đạt 100% kế hoạch; đến năm 2000, toàn tỉnh trồng mới được 533 ha chè, vượt kế hoạch 6%. Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của đảng bộ các cấp, trong những năm 1997 - 2000, diện tích, năng suất và sản lượng chè không ngừng tăng lên. Nếu năm 1997, trên phạm vi toàn tỉnh, diện tích chè thu hoạch là 9.656 ha, năng suất 39,65 tạ/ha, sản lượng 38.284 tấn, thì đến năm 2000, đã tăng lên 11.331 ha với năng suất 58,61 tạ/ha và sản lượng đạt 66.412 tấn[1].

Cũng như cây chè, Tỉnh ủy coi việc mở rộng diện tích trồng các loại cây ăn quả ở đất vườn đồi là một hướng chiến lược quan trọng để đến năm 2000 có 10.000 ha cây ăn quả ở các huyện, thành, thị, chủ yếu trên diện tích 14.000 ha đất vườn tạp.

Theo phương hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy, các địa phương đã rà soát lại đất vườn đồi; trên cơ sở đó, tiến hành quy hoạch diện tích trồng cây ăn quả, xây dựng đề án triển khai thực hiện chủ trương khai thác đất vườn đồi theo hướng ưu tiên phát triển chè và cây ăn quả. Diện tích cây ăn quả trồng mới trong các năm đều tăng nhanh và vượt mức kế hoạch: Năm 1997 là 804 ha, vượt 3% kế hoạch, đến năm 2000 đã tăng lên 1.956 ha, vượt kế hoạch 30,4%. Do đó, chỉ sau vài năm, diện tích và sản lượng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh tăng lên nhanh chóng[2].

---

(1) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001*... Sđd, tr. 66.

(2) Diện tích, sản lượng một số loại cây ăn quả chủ yếu:

Loại cây	Năm 1997		Năm 1998		Năm 1999		Năm 2000	
	Diện tích (ha)	S.lượng (tấn)	Diện tích (ha)	S.lượng (tấn)	Diện tích (ha)	S.lượng (tấn)	Diện tích (ha)	S.lượng (tấn)
Cam, chanh	213	428	252	765	589	2.484	625	2.190
Dứa	62	275	65	489	69	493	81	505
Nhãn, vải	2.695	2.350	4.305	2.092	4.436	4.397	6.034	3.915

Trong quá trình thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, một trong những điểm mới của Thái Nguyên là sự hình thành kinh tế trang trại. Tính đến năm 2000, toàn tỉnh có khoảng 1.000 trang trại, với quy mô vừa và nhỏ. Nhiều hộ gia đình đã xây dựng được mô hình kinh tế trang trại, có tích tụ vốn và ruộng đất ở mức độ khác nhau, có ý chí làm giàu và biết ứng dụng các tiến bộ khoa học - kĩ thuật vào sản xuất. Trong số đó, có 28,3% là đảng viên.

Được các cấp đảng bộ và chính quyền động viên, khuyến khích, tuỳ theo từng địa phương, kinh tế trang trại ở Thái Nguyên có nhiều loại mô hình khác nhau: Kinh tế vườn rừng kết hợp chăn nuôi gia súc; Kinh tế vườn đồi (trồng chè kết hợp cây ăn quả); Kinh tế tổng hợp (trồng hoa, màu, chăn nuôi, thả cá); Kinh tế vườn hoa cây cảnh; Kinh tế chăn nuôi đặc thù (ong, chim cút).

Là một tỉnh miền núi, Thái Nguyên có tiềm năng lớn về rừng. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (11/1997) đề ra chủ trương "*Phát triển kinh tế đồi rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi, trước mắt cần tập trung khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng mới, giao đất giao rừng để chăm sóc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng trồng, kết hợp giữa trồng rừng với trồng cây công nghiệp, cây ăn quả*"(1).

Theo phương hướng trên, trong những năm 1997 - 2000, cùng với việc đẩy mạnh thực hiện giao đất, giao rừng, xác lập quyền làm chủ rừng và đất rừng cho nông dân, công tác quản lí bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Tình trạng vi phạm lâm luật, đốt phá rừng làm nương rẫy, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép giảm hơn các năm trước. Việc chỉ đạo trồng rừng mới cũng được đẩy mạnh và thu nhiều kết quả. Năm 1997, diện tích trồng rừng mới bằng các nguồn vốn đầu tư được 2.175 ha, vượt

(1) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*... Tlđd, tr. 29.

8,8% kế hoạch và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước[1]. Năm 2000, rừng trồng mới 1.848 ha, trong đó rừng trồng theo *Chương trình 661* là 1.156 ha (vượt 5% kế hoạch)[2], đưa độ che phủ rừng từ 28% (năm 1996) lên 39% (năm 2000)[3].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác quy hoạch cơ cấu cây trồng trên đất lâm nghiệp được triển khai. Với diện tích trồng thêm 43.000 ha rừng sản xuất, trên địa bàn tỉnh dần dần hình thành 4 vùng cây trồng: 1- Vùng sản xuất gỗ lớn nằm trên các huyện: Định Hoá, Võ Nhai và một phần huyện Đồng Hỷ; 2- Vùng nguyên liệu giấy thuộc các huyện: Phú Lương, Định Hoá; 3- Vùng gỗ nhỏ, gỗ trụ mỏ thuộc các huyện: Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên; 4- Vùng cây đặc sản (thông nhựa) thuộc các huyện: Phú Bình, Phổ Yên.

Như vậy, từ khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã bắt đầu hình thành 5 vùng sản xuất nông sản chính: 1- Vùng sản xuất lương thực tập trung chủ yếu ở các huyện: Phú Bình, Đại Từ, Định Hoá, Phổ Yên; 2- Vùng thực phẩm ven đô thị, chủ yếu tập trung ở thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, các huyện: Phổ Yên, Phú Bình và các thị trấn huyện; 3- Vùng chè bao gồm các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá, Đồng Hỷ, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên; 4- Các tiểu vùng cây ăn quả có ở tất cả các huyện, thành, thị trong tỉnh; 5- Vùng rừng nguyên liệu bao gồm các huyện: Võ Nhai, Định Hoá, Đồng Hỷ.

Chăn nuôi là một ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Nghị quyết Đại hội lần thứ XV

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 1997*. Số 02-BC/TU, ngày 14/1/1998, tr. 2.
(2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*. Số 67-BC/TU, ngày 2/1/2001, tr. 3.
(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh lần thứ XVI*... Tlđd, tr. 8.

Đảng bộ tỉnh nêu rõ: "*Phát triển chăn nuôi toàn diện và theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, thay đổi cơ cấu giống trong chăn nuôi để đạt giá trị kinh tế cao*..."(1). Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh là đẩy nhanh tốc độ sản xuất ngành Chăn nuôi để đến năm 2000, tỉ trọng chăn nuôi chiếm khoảng 30% tổng giá trị sản xuất ngành Nông, Lâm nghiệp. Trong những năm 1997 - 2000, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trên địa bàn tỉnh đã hình thành 2 vùng chăn nuôi tương đối rõ rệt: 1- Vùng miền núi, trung du, gồm các huyện: Định Hoá, Võ Nhai, khu vực phía Bắc huyện Đồng Hỷ, Bắc huyện Đại Từ, có thế mạnh chăn nuôi trâu, bò, dê, lợn; 2- Vùng ven đô thị, bao gồm: Thành phố Thái Nguyên, Nam huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, thị xã Sông Công, Nam huyện Đại Từ, có khả năng phát triển các hình thức chăn nuôi trang trại cùng với tập đoàn cây thực phẩm. Cơ cấu vật nuôi chủ yếu là gia súc, gia cầm. Ngoài ra, nhân dân trong tỉnh còn tận dụng diện tích ao, hồ và mặt nước ruộng lúa để thả cá.

Nhờ có sự đầu tư chăm sóc và phòng dịch bệnh tốt, đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh trong những năm 1996 - 2000 nhìn chung đều phát triển(2).

Như vậy, trong những năm 1997 - 2000, "*...lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp có bước phát triển rõ và có những chuyển biến tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Sản lượng lương thực quy thóc liên tục đạt và vượt chỉ tiêu. Diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả hằng năm tăng nhanh, cây chè vươn lên chiếm vị trí quan trọng đối với cả nước (mấy năm qua mỗi năm trồng mới khoảng*

(1) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*... Tlđd, tr. 28.

(2) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001*... Sđd, tr. 68:

Năm	Trâu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)
1997	134.600	19.000	377.900	4.211.000
1998	135.800	20.800	390.900	4.317000
1999	135.200	22.000	393.600	4.511.000
2000	131.600	23.300	404.500	4.418.000

500ha chè). Cơ cấu mùa vụ có chuyển hướng tích cực. Nhiều mô hình tốt về kinh tế trang trại xuất hiện. Các vùng kinh tế của tỉnh được hình thành rõ nét theo hướng sản xuất hàng hoá"[1].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển, Đảng bộ rất coi trọng việc xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng. Tỉnh ủy chủ trương khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống đường giao thông hiện có; nâng cấp các tuyến quốc lộ, duy trì bảo dưỡng chống xuống cấp các tuyến đường huyện; đồng thời phát triển hệ thống giao thông nông thôn, phấn đấu đến năm 2000, các xã có đường ô tô thông suốt.

Thực hiện chủ trương trên, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, Tỉnh ủy huy động mọi nguồn vốn đầu tư cho xây dựng và sửa chữa các tuyến giao thông do địa phương quản lí. Mặt khác, tỉnh cũng tranh thủ tối đa các nguồn vốn viện trợ, đóng góp của các tổ chức kinh tế, xã hội và sức dân để phát triển mạnh giao thông nông thôn theo phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, chú trọng ưu tiên các xã miền núi, vùng cao, các phường, xã điển hình... Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản các công trình giao thông được triển khai: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37 Phú Bình - Thái Nguyên, đường vào 3 xã vùng cao huyện Võ Nhai (Thần Sa, Nghinh Tường, Sảng Mộc), đường Cách mạng Tháng Tám...

Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn tiếp tục được hiện đại hoá, bảo đảm thông tin ở trong nước và quốc tế thông suốt. Mạng lưới điện cũng được mở rộng tới phần lớn các xã trên địa bàn, góp phần cải thiện đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Hệ thống cấp nước ở đô thị và các khu công nghiệp được cải tạo nâng cấp. Trong những năm 1996 - 2000, tỉnh đã đầu tư xây

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên* (Tài liệu báo cáo với Chủ tịch nước Trần Đức Lương), 27/3/2000, tr. 4.

dựng hệ thống cấp nước các thị trấn, thị tứ theo dự án; tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường...

Nhờ có các biện pháp tích cực, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được tăng cường cả về lượng và chất. Trong 5 năm (1996 - 2000), tỉnh đã nâng cấp và làm mới hơn 800 km đường và 40 cầu giao thông các loại; tất cả các xã đã có đường ô tô đến trung tâm. Gần 200 km kênh mương nội đồng được xây kiên cố. Từ 83 xã có điện lưới quốc gia vào cuối năm 1996, đến năm 2000, con số đó đã tăng lên 122 trong tổng số 145 xã; 46,2% số xã có điểm bưu điện - văn hoá; mật độ điện thoại đạt 1,8/100 dân(1).

Những năm 1997 - 2000 cũng đánh dấu bước phát triển mới của sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế của tỉnh Thái Nguyên. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*, xác định mục tiêu giáo dục - đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, Tỉnh ủy Thái Nguyên coi trọng cả 3 mặt: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát huy hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV (11/1997) đề ra chủ trương "*Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục - đào tạo, đa dạng hoá các loại hình trường, lớp trên cơ sở bảo đảm hệ công lập giữ vai trò chủ đạo. Mở rộng đào tạo nghề, quản lí tốt các lớp dạy nghề, tại chức, các trung tâm tin học và ngoại ngữ... Điều chỉnh, bố trí, nâng cấp mạng lưới các trường phổ thông, các trung tâm đào tạo, các trường trung, đại học trên địa bàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển của giáo dục - đào tạo...*"(2).

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*... Tlđd, tr. 9.

(2) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*... Tlđd, tr. 40, 41.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp đảng bộ và chính quyền, công tác giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực trên các mặt. Hệ thống trường, lớp, các cấp học, ngành học phát triển và mở rộng theo phương châm đa dạng hoá các loại hình giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Ngành học Mầm non thực hiện tốt việc đa dạng hóa các loại hình trường lớp: Quốc lập, bán công, dân lập, tư thục. Tính đến năm 2000, tỉ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đến trường mẫu giáo đạt 96,5%, tăng 3,5% so với năm học trước; huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 98,8%(1). Cũng vào thời điểm này, toàn tỉnh có 399 trường phổ thông (trong đó có 6 trường bán công), 7.659 lớp học (có 232 lớp bán công) với 10.934 giáo viên (có 269 giáo viên lớp bán công) và 249.028 học sinh (có 10.269 học sinh lớp bán công)(2).

Cùng với sự phát triển về số lượng, chất lượng giáo dục trong tỉnh cũng có nhiều tiến bộ. Từ năm 1997 đến năm 2000, tỉ lệ học sinh giỏi bậc Tiểu học từ 3%, tăng lên 5,5%; cấp Trung học cơ sở từ 1,5%, tăng lên 3,3%; cấp Trung học phổ thông từ 2%, tăng lên 4,1%. Số học sinh giỏi đoạt giải Quốc gia cũng đều tăng qua các năm: Năm 1997 có 13 giải (3 giải Nhì, 1 giải Ba, 9 giải Khuyến khích), năm 1998 có 32 giải (2 giải Nhì, 14 giải Ba, 16 giải Khuyến khích), năm 1999 có 31 giải (1 giải Nhất, 3 giải Nhì, 15 giải Ba, 12 giải Khuyến khích), năm 2000 có 32 giải (7 giải Nhì, 9 giải Ba, 16 giải Khuyến khích)(3) Đến năm 2000, tất cả 180 xã, phường, thị trấn trên địa bàn

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*... Tlđd, tr. 7.

(2) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001*... Sđd, tr. 133.

(3) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên: *Báo cáo đánh giá về những thành tích và khuyết điểm chủ yếu của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (kể từ khi tách tỉnh, đặc biệt qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của Đảng về giáo dục - đào tạo. Phương hướng và giải pháp cơ bản từ 2001 đến 2005 và các đề nghị của Ngành*. Số 1061/HCTH, ngày 20/9/2000, tr. 4.

tỉnh đã được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được toàn xã hội quan tâm và tham gia, mang lại hiệu quả thiết thực. Đến năm 2000, toàn tỉnh đã xây dựng mới 328 phòng học, sửa chữa 200 phòng học bằng các nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn vay của ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á), chấm dứt được tình trạng học ca 3[(1)]. Nhiều địa phương có cách làm sáng tạo vận dụng cơ chế *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, xây dựng mới và kiên cố hoá nhiều trường học, điển hình là xã Tức Tranh (huyện Phú Lương). Số phòng học tạm trong toàn tỉnh giảm xuống còn 17,8%[(2)], hoàn thành vượt mức chỉ tiêu xoá phòng học tạm do Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, quan sát và bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Riêng trong năm 1998, toàn tỉnh có 33 đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ tập trung vào những nội dung điều tra cơ bản, xác định cơ sở khoa học cho các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó hướng trọng tâm vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đến năm 2000, tỉnh tiếp tục triển khai 30 đề tài, chương trình, dự án thử nghiệm. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được áp dụng tại địa phương, phục vụ công tác quản lí kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất.

Hoạt động văn hoá, thể thao, báo chí, phát thanh, truyền hình có những chuyển biến mới. Toàn tỉnh có 3 Trung tâm Văn hoá, 3 đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp và 9 Trung tâm Văn hoá đặt ở 9 huyện, thành, thị[(3)]. Phong trào văn hoá, văn nghệ ngày càng mang tính quần chúng rộng rãi; nội dung, hình thức hoạt động khá phong phú,

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*... Tlđd, tr. 7.

(2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*... Tlđd, tr. 7.

(3) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001*... Sđd, tr. 153.

đa dạng, có tác dụng khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Các đoàn nghệ thuật của tỉnh đã chú trọng nâng cao chất lượng vở diễn; các đội chiếu bóng lưu động khắc phục mọi khó khăn, tăng cường phục vụ nhân dân các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

Thông qua các hoạt động văn hoá, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*. Cuộc vận động đã được mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh hưởng ứng và thực hiện có kết quả, góp phần tạo ra môi trường xã hội lành mạnh. Thành phố Thái Nguyên là một trong những địa phương triển khai thực hiện cuộc vận động sớm nhất và đạt kết quả tốt. Đến năm 1999, Thành phố đã có 261 khu dân cư trong tổng số 280 khu dân cư hưởng ứng cuộc vận động. Trong số đó, có 46 *Khu dân cư tiên tiến* và 81 cá nhân tiêu biểu, gần 10.000 *Gia đình văn hoá* cấp phường, xã, 75 *Gia đình văn hoá* cấp thành phố và 7 *Gia đình văn hoá* cấp tỉnh.

Các cơ quan báo, đài thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, nâng cao chất lượng tin, bài, tăng kỳ phát hành, tăng thời lượng phát sóng, mở rộng diện phủ sóng nhằm chuyển tải kịp thời các chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với mọi người dân. Đảng bộ đặc biệt quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị kĩ thuật cho hệ thống báo, đài, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác y tế và dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc bảo vệ trẻ em đạt được nhiều tiến bộ. Trong những năm 1997 - 2000, các chương trình y tế quốc gia tiếp tục được triển khai đến từng cơ sở và đem lại hiệu quả thiết thực. Chương trình y tế thôn bản cũng

đạt được nhiều tiến bộ mới. Đến năm 2000, toàn tỉnh Thái Nguyên đã có 214 cơ sở y tế (trong đó có 19 bệnh viện, 14 phòng khám đa khoa khu vực, 1 trạm điều dưỡng, 180 trạm y tế xã, phường), với tổng số 2.461 giường bệnh và 2.822 cán bộ y tế (trong đó có 832 bác sĩ và trên đại học, 834 y sĩ và kĩ thuật viên, 889 y tá, hộ lí và nữ hộ sinh(1). Cùng thời điểm này, hơn 80% thôn bản, cụm dân cư trên địa bàn tỉnh đã có cán bộ y tế; bình quân trên 1 vạn dân đã có gần 18 y, bác sĩ và 33 giường bệnh(2). Công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo và nhân dân các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa được quan tâm, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các bệnh dịch. Hệ thống tổ chức dân số - kế hoạch hoá gia đình được kiện toàn đến thôn bản. Tỉ lệ sinh thô giảm 0,06%. Chủ trương *xã hội hoá sự nghiệp y tế, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, giúp đỡ trẻ em tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn* được thực hiện rộng rãi trong toàn dân.

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đạt được, sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác văn hoá - giáo dục, y tế còn bộc lộ một số hạn chế. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực văn hoá - xã hội chưa đồng đều. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá ở miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn cả về cơ sở vật chất và chất lượng chuyên môn. Công tác khám, chữa bệnh ở các tuyến cơ sở mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của nhân dân. Người nghèo vẫn gặp khó khăn trong việc khám, chữa bệnh. Tỉ lệ sinh con thứ ba ở một số vùng còn ở mức cao. Việc triển khai thực hiện cuộc vận động thực hành tiết kiệm và xây dựng đời sống văn hoá ở nhiều cơ sở còn chậm. Những thủ tục cưới xin, ma chay, tổ chức lễ hội ở một số nơi vẫn diễn ra nặng nề, tốn kém. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu chấp hành chỉ thị của Đảng, quy định của Nhà nước về thực

(1) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001*... Sđd, tr. 148.

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*... Tlđd, tr. 9.

hành tiết kiệm và xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh. Các tệ nạn xã hội chưa giảm, nhất là tệ buôn bán và sử dụng chất ma túy, tệ mại dâm... trở thành mối lo lắng của toàn xã hội và gây nên sự bất bình trong nhân dân. Công tác đào tạo hướng nghiệp cho thanh niên còn hạn chế; tư tưởng ngại lao động chân tay, kén chọn nghề nhàn hạ và có thu nhập cao khá phổ biến trong lớp trẻ...

Nguyên nhân của những hạn chế trên, một phần do ảnh hưởng và tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, một phần do công tác quản lí thiếu chặt chẽ, chưa có những giải pháp kiên quyết và hữu hiệu để ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

Quán triệt quan điểm: *Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo. Trong năm 1999, tỉnh đã triển khai *Chương trình 135* ở 11 xã vùng cao đặc biệt khó khăn của huyện Võ Nhai, với tổng số tiền 4.435 triệu đồng; cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho 12.546 người trong tổng số 58.601 người thuộc diện đói nghèo (đạt tỉ lệ 21,4%), với tổng số tiền 407 triệu đồng(1). Sang năm 2000, bằng các nguồn vốn hỗ trợ, tỉnh đã giải quyết việc làm cho gần 6.000 lao động và thu hút thêm gần 4.000 lao động mới. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và chính quyền các cấp từ tỉnh xuống xã, tỉ lệ đói nghèo (theo tiêu chí cũ) từ 10,3% (năm 1999) đã giảm xuống còn 8,34%(2).

Hoạt động bảo trợ xã hội cũng được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm. Hằng năm, các cơ quan Bảo hiểm xã hội trong tỉnh thường xuyên bảo đảm nguồn kinh phí chi trả đúng kỳ hạn

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 1999*... Tlđd, tr. 3.

(2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*... Tlđd, tr. 8.

cho hàng chục ngàn người có công với cách mạng. Ngoài ra, trong năm 2000, tỉnh còn cấp phiếu khám, chữa bệnh cho 27.400 người nghèo, điều tra và duyệt trợ cấp cho 1.400 đối tượng bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, quyên góp được 1.800.000 đồng ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt; đồng thời tiếp tục triển khai *Chương trình 135* ở 18 xã vùng cao đặc biệt khó khăn thuộc các huyện: Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hóa(1). Những hoạt động quyên góp *Quỹ đền ơn đáp nghĩa*, ủng hộ giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc thương binh, phụng dưỡng các *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*... đã trở thành phong trào và phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng.

Trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, Đảng bộ tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang, làm cho mọi người nhận rõ âm mưu "*Diễn biến hoà bình*" của các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch và làm tốt công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh nhiệm kỳ 1997 - 2000, các cơ quan quân sự địa phương có nhiều cố gắng trong xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn với xây dựng khu vực phòng thủ trên địa bàn, đặc biệt là những huyện, xã vùng cao, miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu căn cứ địa cách mạng. Đảng ủy Quân sự và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng thường trực thường xuyên duy trì nghiêm túc chế độ thường trực sẵn sàng

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*... Tlđd, tr. 8.

chiến đấu, đảm bảo đủ quân số, vũ khí, trang bị kĩ thuật theo quy định. Các lực lượng quân báo, trinh sát phối hợp với lực lượng công an và nhân dân thường xuyên quản lí, theo dõi, nắm chắc tình hình, kết hợp cùng với cấp ủy, chính quyền cơ sở đấu tranh kiên quyết và xử lí kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Hằng năm, tỉnh đều tổ chức có kết quả việc diễn tập phòng thủ khu vực kết hợp với việc làm đường giao thông nông thôn, bảo vệ trật tự trị an, truy quét tội phạm và tệ nạn xã hội, góp phần làm trong sạch địa bàn. Kết quả này đã khẳng định quan điểm gắn kinh tế với quốc phòng an ninh ở địa phương là đúng đắn.

Trước tình hình địa giới hành chính của các huyện: Phổ Yên, Đại Từ và thị xã Sông Công có sự thay đổi[1], Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các huyện, thành, thị điều chỉnh và bổ sung kế hoạch tác chiến phòng thủ cho phù hợp. Trên cơ sở các phương án đã được phê chuẩn, từ năm 1998, cơ quan quân sự các cấp từ tỉnh xuống các huyện, thành, thị tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu 8 lần, mỗi lần 5 giờ. Cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được chọn làm mẫu việc tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu cho lớp tập huấn cán bộ của Quân khu 1 đạt kết quả tốt.

---

(1) Ngày 10/4/1999, Chính phủ ra Nghị định số 18/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc các huyện: Đại Từ, Phổ Yên và thị xã Sông Công. Theo đó:

- Thành lập xã Tân Linh thuộc huyện Đại Từ trên cơ sở 2,344 ha diện tích tự nhiên và 4.876 nhân khẩu của xã Phục Linh.

- Thành lập phường Phố Cò thuộc thị xã Sông Công trên cơ sở 465 ha diện tích tự nhiên và 4.898 nhân khẩu của xã Cải Đan.

- Thành lập xã Vinh Sơn thuộc thị xã Sông Công trên cơ sở 410 ha diện tích tự nhiên, 904 nhân khẩu của xã Bá Xuyên; và 382 ha diện tích tự nhiên, 1.119 nhân khẩu của xã Cải Đan.

- Thành lập phường Cải Đan thuộc thị xã Sông Công trên cơ sở 533 ha diện tích tự nhiên và 4.336 nhân khẩu (phần còn lại) của xã Cải Đan.

- Chuyển giao xã Bình Sơn thuộc huyện Phổ Yên về thị xã Sông Công quản lí.

Nhận thức rõ huấn luyện cán bộ là một khâu quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng của lực lượng vũ trang địa phương, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong 2 năm (1998 - 1999), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và ban chỉ huy quân sự các huyện, thành, thị trong tỉnh tổ chức 58 lớp tập huấn quân sự cho 2.625 lượt cán bộ từ Tiểu đội trưởng dân quân, tự vệ đến Chỉ huy trưởng quân sự các huyện, thành, thị và Trưởng, Phó ban cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Để chủ động đối phó mọi tình huống do những thay đổi bất thường của thời tiết gây ra, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương chỉ đạo thực hành diễn tập phòng, chống lụt, bão ở các huyện: Phổ Yên, Đại Từ, Định Hóa và thành phố Thái Nguyên.

Cùng với các nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, công tác tuyển quân và tuyển sinh quân sự được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Các cấp đảng bộ, chính quyền và đoàn thể thực hiện tốt công tác giáo dục *Luật Nghĩa vụ quân sự* đến mọi tầng lớp nhân dân. Nhờ đó, công tác tuyển quân hằng năm đều đạt 100% kế hoạch, bảo đảm số lượng, chất lượng, bàn giao nhanh gọn, đúng luật và an toàn. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên đạt 100% quân số, bảo đảm đúng kế hoạch thời gian.

Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được coi trọng nhằm phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của các cấp đảng bộ, các cơ quan chức năng thường xuyên tiến hành đấu tranh chống các loại tội phạm hình sự, chống tham nhũng có kết quả. Riêng trong năm 1997, tỉnh đã tổ chức được hơn 200 cuộc thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực kinh tế - xã hội[1].

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 1997*... Tlđd, tr.6.

Nhằm góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ địa phương, các ban chỉ huy quân sự đã chỉ đạo 75 xã thuộc 9 huyện, thành, thị tổ chức diễn tập hoạt động tác chiến trị an ở cơ sở. Từ ngày 22 đến ngày 27/11/1998, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo 2 huyện: Phú Bình và Đồng Hỷ thực hành diễn tập phòng thủ khu vực với 2 nội dung chủ yếu: Một là, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan ban ngành làm công tác tham mưu, trong đó lực lượng vũ trang (quân đội) làm nòng cốt (Cơ chế 02)[1]; Hai là, huy động lực lượng của toàn Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân cùng lực lượng vũ trang địa phương truy quét tội phạm và các tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn kết hợp với việc sửa chữa và xây dựng đường giao thông nông thôn, làm thủy lợi.

Từ năm 2000, Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về chiến lược an ninh quốc gia* tới các cấp, các ngành trong tỉnh; đồng thời phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trên một số địa bàn trọng điểm. Từ đó, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có bước phát triển mới, góp phần giữ vững an ninh trật tự, nhất là an ninh nông thôn, xây dựng lực lượng công an trong sạch vững mạnh, xây dựng phường, xã, cơ quan, đơn vị an toàn. Sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan nội chính với các ngành, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội trong việc giữ vững ổn định chính trị, an toàn xã hội cũng được tăng cường hơn trước.

(1) Ngày 30/7/1987, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VI) ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW về khu vực phòng thủ, chỉ rõ hoạt động của khu vực phòng thủ tỉnh thành, phố trực thuộc Trung ương theo nguyên tắc, cơ chế: Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan ban ngành làm công tác tham mưu, trong đó lực lượng vũ trang (quân đội) làm nòng cốt (còn gọi là Cơ chế 02).

Như vậy, cùng với thành tựu kinh tế - văn hoá, trong những năm 1997 - 2000, "*Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, sức mạnh tổng hợp về thế và lực của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được tăng cường. Công tác tuyển quân, huấn luyện quân thường trực, dân quân, tự vệ, dự bị động viên đạt kết quả cao. Nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lí tội phạm đã đạt được nhiều kết quả*"(1).

Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong những năm 1997 - 2000 là kết quả của công tác củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh.

II- Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề căn bản là phải xây dựng và củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh về mọi mặt. Nội dung này bao gồm: Bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng; quản lí, điều hành của chính quyền; hoạt động của các đoàn thể nhân dân các cấp có hiệu quả cao, nhằm động viên, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển đi lên; trong đó, công tác xây dựng Đảng là nội dung quan trọng nhất. Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhận thức rõ sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định dẫn đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nói chung, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói riêng, Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV đã có nhiều cố gắng trong việc quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định các chủ trương, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã họp 16 kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*... Sđd, tr. 10.

trên 50 kỳ, triệu tập 7 hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh để quán triệt và cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn, Đảng bộ phải thực sự vững mạnh về mọi mặt. Bởi vậy, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành lâm thời tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV (11/1997) nêu rõ: "*Để làm tròn trọng trách của mình, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở và tính tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên nhằm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt, coi đây là nhiệm vụ then chốt trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ đối với nhân dân các dân tộc trong tỉnh*"(1). Báo cáo chính trị nhấn mạnh: "*Trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là công tác xây dựng tổ chức Đảng, rèn luyện đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khoá VIII)*"(2).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, Tỉnh ủy chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, trong 2 năm (1997 - 1998), trước những diễn biến phức tạp của thời cuộc, Tỉnh ủy tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương được kịp thời chuyển tải đến đảng viên trong toàn Đảng bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức. Thông qua đó, đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân yên tâm, không dao động trước tình hình, vững tin vào đường lối đổi mới của Đảng. Hầu hết các cấp đảng bộ đều xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Đảng. Nhiều đảng bộ trực thuộc, với sự nhạy bén về chính trị, nhân dịp các ngày lễ kỉ niệm lớn (3/2, 30/4, 19/5, 2/9...), thường xuyên

(1), (2) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*... Tlđd, tr. 47.

tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị theo từng chủ đề cho phù hợp. Những hình thức sinh hoạt này có tác dụng bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng, nâng cao lòng tự hào, ý thức trách nhiệm trong mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Trọng tâm công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ trong 2 năm (1997 - 1998) là triển khai học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 (16 - 24/12/1996) Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000* và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khoá VIII) tháng 6/1997 về *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh* và về *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước*.

Sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã chủ động cùng một số đảng bộ tiến hành điều tra khảo sát tình hình công tác Đảng và đảng viên trong ngành Giáo dục - Đào tạo trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở tổng hợp tình hình, đánh giá thực trạng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, ngày 30/5/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về *Xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trong ngành Giáo dục - Đào tạo đến năm 2000*.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Tỉnh ủy cho tiến hành điều tra tổng hợp chất lượng đội ngũ cán bộ toàn tỉnh. Trên cơ sở đó, xây dựng *Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*, Quyết định về phân cấp quản lí cán bộ và một số quy

định trong công tác cán bộ: Quy định về quy trình đề bạt cán bộ; Quy định tuyển chọn cán bộ, nhân viên vào khối Đảng, đoàn thể; Quy định tuyển chọn cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, bước đầu chuẩn bị cho công tác quy hoạch cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có đầy đủ phẩm chất chính trị và kiến thức, phải hết sức kiên định, vững vàng, đồng thời rất thông minh, sáng tạo. Nhận rõ những yêu cầu ấy, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: "*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc,... công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*", trong suốt nhiệm kỳ (1997 - 2000), công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện tích cực ở các cấp, các ngành. Riêng trong năm 1997, Trường Chính trị tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng được 1.340 cán bộ; trong đó, có 170 chuyên viên chính, 170 cán bộ cán bộ lí luận trung cấp, 200 cán bộ quản lí nhà nước, 160 cán bộ làm công tác Phụ nữ, 240 cán bộ Đoàn, 100 cán bộ Mặt trận, 200 cán bộ chính quyền cơ sở và 100 cán bộ Hội Nông dân[1]. Cùng năm này, tỉnh mở lớp cử nhân chính trị tại chức cho 128 học viên; cử 63 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị của Trung ương; đồng thời phối hợp với Trường Chính trị và các cơ quan chức năng mở 5 lớp đào tạo được 597 học viên, 8 lớp bồi dưỡng 634 cán bộ chủ chốt[2]. Những năm sau đó, Tỉnh ủy cũng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hàng ngàn cán bộ chủ chốt cho các cấp, các ngành. Năm 1998, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện đã mở được 115 lớp cho 9.700 lượt học viên[3] học tập các chương trình lí luận và nghiệp vụ. Trong các cơ quan, đơn vị, trường học,... phong

(1) *Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1997 và một số nhiệm vụ chủ yếu năm 1998*. Số 02/BC-TC ngày 16/1/1998, tr. 8.

(2) *Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1997 và một số nhiệm vụ chủ yếu năm 1998*. Số 02/BC-TC ngày 16/1/1998, tr. 8.

(3) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 1998*... Tlđd, tr. 9.

trào học tập để nâng cao trình độ cũng được đẩy mạnh. Nhiều đảng bộ bình quân mỗi năm có khoảng 30% số cán bộ, đảng viên và công chức theo học các chương trình lí luận chính trị, quản lí kinh tế, quản lí nhà nước, ngoại ngữ, vi tính,... phấn đấu từng bước đạt tiêu chuẩn công chức, viên chức Nhà nước.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và chất lượng ngày càng cao của các tổ chức cơ sở đảng, Tỉnh ủy rất coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp ủy cơ sở. Nhiều đảng bộ trực thuộc đã tổ chức các lớp bồi dưỡng Bí thư chi bộ, điển hình là Đảng bộ Các cơ quan tỉnh. Vào năm 2000, Đảng bộ Các cơ quan tỉnh (từ ngày 1/7/2003, gọi là Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh) có 57 chi, đảng bộ trực thuộc (trong đó có 16 đảng bộ cơ sở với 105 chi, đảng bộ bộ phận dưới đảng bộ cơ sở). Trong số này, 84% Bí thư các chi, đảng bộ có trình độ từ đại học trở lên; gần 100 Bí thư là cán bộ lãnh đạo trưởng, phó ban, ngành, đoàn thể của tỉnh... Trong thời gian từ năm 1997 đến năm 2000, Đảng ủy Các cơ quan tỉnh đã tổ chức 2 lớp bồi dưỡng cho 150 Bí thư chi bộ trực thuộc và Bí thư chi bộ dưới đảng bộ cơ sở[1]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã giúp cho các cấp ủy đảng cơ sở thực hiện tốt hơn các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.

Nhờ đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, trong những năm 1997 - 2000, trình độ của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ ngày càng được nâng lên. Đảng bộ Các cơ quan tỉnh là một trong những đảng bộ cơ sở làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đến năm 2000, trong Đảng bộ Các cơ quan tỉnh, số cán bộ Trưởng, Phó phòng trở lên có trình độ đại học chiếm trên 82%, trung cấp gần 14%; trong số đó có 0,2% là thạc sĩ, tiến sĩ; gần 60% có trình độ lí

(1) Dẫn theo *Lịch sử Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh Thái Nguyên (1954 - 2004)* - Xb 2004, tr.161.

luận chính trị trung, cao cấp, 50% số cán bộ có trình độ trung, cao cấp quản lí nhà nước(1).

Cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức các huyện, thành, thị ủy, các đảng ủy trực thuộc đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy sắp xếp, kiện toàn bộ máy và cán bộ đáp ứng từng bước yêu cầu nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị. Những trường hợp cán bộ được bổ nhiệm, đề bạt đều đảm bảo tiêu chuẩn phẩm chất, năng lực, thực hiện đúng quy trình công tác cán bộ.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, cùng với việc chỉ đạo kiện toàn cấp ủy ở các Đảng bộ: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên..., Tỉnh ủy tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng các chi bộ đảng. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đề ra giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Trong năm 1999, Tỉnh ủy đã tổ chức đánh giá 30 chi bộ thuộc các loại hình: Chi bộ nông thôn, chi bộ đường phố, chi bộ khối cơ quan, chi bộ khối doanh nghiệp địa phương, khối văn hoá - xã hội, khối lực lượng vũ trang.

Qua khảo sát, đánh giá, Tỉnh ủy nhận thấy những mặt hạn chế của các chi bộ là chất lượng sinh hoạt còn yếu, nội dung chưa sâu sắc, chưa bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để bàn biện pháp lãnh đạo cụ thể. Nguyên nhân của những mặt hạn chế này chủ yếu là năng lực công tác Đảng của các đồng chí trong chi ủy, nhất là của đồng chí Bí thư chi bộ còn yếu. Đây là vấn đề được đặt ra cho các cấp đảng bộ trên địa bàn tỉnh quan tâm đến công tác bồi dưỡng cán bộ cấp ủy về năng lực công tác Đảng.

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh tại Đại hội lần thứ IV*, tháng 3/1996, tr.7.

Thực hiện Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 10/2/1999, số 04-KH/TW ngày 13/5/1999 của Bộ Chính trị[1], trong 2 năm (1999 - 2000), Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo tổ chức học tập quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Ngày 28/6/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra Kế hoạch số 13-KH/TU và Hướng dẫn số 15-HD/TU *Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ*. Trong Kế hoạch và Hướng dẫn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ mục đích, yêu cầu cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí lãnh đạo của các tổ chức đảng, của từng đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay; thông qua tự phê bình và phê bình, mỗi cán bộ, đảng viên, từng cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở thấy được những ưu điểm, khuyết điểm để có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, các chi, đảng bộ; củng cố mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với quần chúng nhân dân lao động, củng cố lòng tin vững chắc của quần chúng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của từng cấp ủy, chi, đảng bộ trong tỉnh, cũng như tin tưởng vào mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước...

Thực hiện Kế hoạch và Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn trong toàn Đảng bộ đã phổ biến tới cán bộ, đảng viên những nội dung cơ bản của Nghị

(1) Ngày 10/2/1999, Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch số 03-KH/TW *Về triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng*. Tiếp đến, ngày 13/5/1999, Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch số 04-KH/TW *Về triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng*.

quyết Trung ương 6 (lần 2); quán triệt và cung cấp các tài liệu phục vụ cho cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trong quá trình thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 355-CV/TU ngày 20/9/1999, Công văn số 488-CV/TU ngày 14/3/2000... để chỉ đạo, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, thiếu sót, đảm bảo tốt yêu cầu do Trung ương và Tỉnh ủy đề ra.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Để đảm bảo cuộc vận động thu được kết quả tốt đẹp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); lập Tổ Công tác giúp Ban Chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp thông tin, phản ánh kịp thời những việc làm được, chưa làm được; những khó khăn, vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để Tỉnh ủy chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn. Cơ quan Tỉnh ủy và một số địa phương, đơn vị còn có hộp thư để nhân dân góp ý kiến về công tác xây dựng Đảng, góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên. Đảng bộ huyện Phú Lương và Đảng bộ Công an tỉnh được Tỉnh ủy chọn làm điểm chỉ đạo sinh hoạt tự phê bình và phê bình để rút kinh nghiệm cho toàn Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã gợi ý kiểm điểm cho 38/70 (54,28%) tập thể Ban Thường vụ cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn và tập thể lãnh đạo ở các đảng bộ trực thuộc; đồng thời gợi ý kiểm điểm cho 92 đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt thuộc diện quản lí của Tỉnh ủy.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác chuẩn bị kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của các tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ được tiến hành nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm và theo quy trình chặt chẽ. Đến ngày 15/6/2000, tất cả các cơ sở đảng trực thuộc

Đảng bộ đã hoàn thành đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình với tinh thần dân chủ, thẳng thắn.

Sau hơn 1 năm triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), qua 2 bước thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Thái Nguyên đã tạo được bước chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên về xây dựng Đảng và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Các tổ chức đảng hiểu rõ hơn tình hình và những vấn đề nổi cộm ở từng tập thể, cá nhân; các cấp ủy hiểu rõ hơn tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên ở đơn vị mình. Những thiếu sót trong đạo đức, lối sống của nhiều cán bộ, đảng viên được đưa ra phê phán, ngăn chặn. Thông qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, 79 cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã bị xử lí kỉ luật; trong đó có 28 cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lí. Công tác tổ chức bước đầu được củng cố, đoàn kết nội bộ ở nhiều nơi được tăng cường…

Bên cạnh những kết quả đạt được, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Đảng bộ vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót. Đó là, một số ít tập thể, cá nhân chưa nghiêm túc tự kiểm điểm, còn hời hợt, chưa thấy hết trách nhiệm của chính mình; trong tự phê bình và phê bình, còn có biểu hiện né tránh, chưa nêu rõ địa chỉ, chưa vạch rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với những thiếu sót, khuyết điểm; việc xây dựng chương trình, biện pháp sửa chữa khuyết điểm của tập thể và cá nhân ở một số đơn vị chưa sát thực và thiếu cụ thể.

Những mặt hạn chế trên đây từng bước được khắc phục trong quá trình thực hiện bước 3 cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và nhất là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần nâng cao chất lượng tổ chức

đảng và đảng viên. Trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh qua các năm nhìn chung đều tăng lên. Năm 1997, số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh mới chiếm 65,03% (424 cơ sở), số cơ sở loại khá là 31,74% (207 cơ sở) và số cơ sở yếu kém chiếm 3,22% (21 cơ sở) trong tổng số 652/653 cơ sở được phân loại. Đến năm 2000, số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh đã chiếm 75,6% (508 cơ sở), số cơ sở loại khá là 22,61% (152 cơ sở) và số cơ sở loại yếu, kém chỉ còn 1,49% (10 cơ sở) trong tổng số 672/673 cơ sở được phân loại[1]. Số đảng viên đủ tư cách qua các năm cũng tăng lên[2].

Cùng với việc tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận và chuyên môn cho cán bộ và đảng viên, công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy trong Đảng bộ thường xuyên quan tâm và đạt kết quả tốt. Số lượng đảng viên kết nạp hằng năm trong nhiệm kỳ đều vượt chỉ tiêu[3]. Phần lớn số đảng viên mới đều là những thanh niên trẻ, nhiệt tình, có trình độ học vấn cao, đã từng được thử thách trong thực tiễn lao động, học tập và công tác. Những đảng viên này được bồi dưỡng chương trình lí luận chính trị cơ bản và hầu hết trong số đó đều giữ vững phẩm chất đạo đức, được giao trọng trách, phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu trong các cơ quan, đơn vị.

(1) Những số liệu trên do Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên cung cấp.

(2) Năm 1998, toàn Đảng bộ có 42.553 trong tổng số 46.148 đảng viên được phân loại. Trong số đó, có 37.208 đảng viên (87,41%) đủ tư cách, 5.001 đảng viên (1,77%) đủ tư cách nhưng có hạn chế từng mặt, 219 đảng viên (8,51%) có vi phạm tư cách, 97 đảng viên (0,22%) không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng. Đến năm 1999, số đảng viên đủ tư cách đã tăng lên 90,88%. Sang năm 2000, theo tiêu chuẩn mới, trong số 45.216/48.338 đảng viên được phân loại, số đảng viên đủ tư cách loại I chiếm 83,96% (40.583 đảng viên), đủ tư cách loại II là 8,81% (4.261 đảng viên), đủ tư cách loại III là 0,64% (310 đảng viên), số đảng viên không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng giảm xuống còn 0,12%.

(3) Năm 1998, kết nạp 2.008 (tăng 19,44% so với năm 1997).

Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Nhận thức rõ điều này, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, công tác kiểm tra và hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp có nhiều chuyển biến tích cực. Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tích cực hoạt động. Ngoài công tác kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ thường xuyên duy trì công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong đơn vị; kiểm tra việc thực hiện *Điều lệ Đảng*, các chỉ thị, nghị quyết của đảng bộ cấp trên. Riêng trong năm 2000, toàn Đảng bộ đã tiến hành kiểm tra 224 đảng viên và 141 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm *Điều lệ Đảng*; thi hành kỉ luật 187 đảng viên, 5 tổ chức đảng; giải quyết đơn thư tố cáo 281 đảng viên, 3 tổ chức đảng; giải quyết khiếu nại kỉ luật 13 đảng viên. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn tiến hành kiểm tra tài chính ở 457 đơn vị[(1)].

Nhờ đẩy mạnh công tác kiểm tra, Tỉnh ủy kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, các thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lí... Thông qua kiểm tra, Tỉnh ủy có thêm cơ sở để đánh giá chính xác hơn tình hình thực hiện các nguyên tắc, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các tổ chức cơ sở đảng cũng như trong cán bộ, đảng viên. Những tổ chức cơ sở đảng, những cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc có khuyết điểm được kịp thời xử lí, góp phần nâng cao chất lượng Đảng bộ.

Từ đầu nhiệm kỳ (năm 1997) đến ngày 30/9/2000, Đảng bộ tỉnh đã thi hành kỉ luật 17 tổ chức đảng, gồm 2 ban thường vụ huyện ủy và tương đương, 3 đảng ủy cơ sở, 7 ban thường vụ đảng ủy cơ sở, 4 chi bộ và 1 chi ủy; trong đó có 7 trường hợp bị khiển trách, 10

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000*... Tlđd, tr. 12.

trường hợp bị cảnh cáo do vi phạm về chấp hành đường lối chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, về đoàn kết nội bộ[1]. Cùng thời gian trên, số đảng viên bị thi hành kỉ luật là 806 trường hợp (chiếm tỉ lệ 1,86% so với tổng số đảng viên trong Đảng bộ); trong đó có 246 trường hợp bị khiển trách, 310 trường hợp bị cảnh cáo, 80 trường hợp bị cách chức, 170 trường hợp bị khai trừ. Trong số đảng viên bị xử lí kỉ luật, có 2 Tỉnh ủy viên, 30 huyện ủy viên và tương đương, 213 ủy viên đảng ủy cơ sở.

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, việc nâng cao hiệu lực quản lí của bộ máy chính quyền Nhà nước cũng là một nội dung quan trọng. Nhận thức rõ điều đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ XV (11/1997) Đảng bộ tỉnh chỉ rõ phải "*Kiện toàn hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh đến cơ sở theo luật định, đề cao vai trò của các đại biểu, tiếp tục đổi mới hoạt động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan quyền lực địa phương... Tiến hành sắp xếp bộ máy quản lí Nhà nước ở cấp tỉnh, huyện theo hướng tinh gọn. Thực hiện cải cách nền hành chính theo yêu cầu: Phát huy vai trò và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của các địa phương trên cơ sở nâng cao trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Tiếp tục thực hiện đơn giản hoá các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội...*"[2].

Theo phương hướng trên, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp từ tỉnh xuống đến cơ sở được củng cố và kiện toàn. Ngày 5/5/1997, Hội đồng nhân dân tỉnh họp kỳ thứ nhất, bầu chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Song, do yêu cầu của công tác cán bộ, đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

(1) *Dự thảo Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XV tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI* - Ngày 17/11/2000, tr. 7.

(2) *Dự thảo Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XV tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*... Tlđd, tr. 7.

được phân công nhận nhiệm vụ ở Tỉnh ủy. Vì vậy, kỳ họp thứ hai (từ ngày 14 đến ngày 16/1/1998) đã bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và kiện toàn Ban Kinh tế - Ngân sách, bầu chức danh Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX. Cũng tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết định các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thông qua 3 nghị quyết chuyên đề: 1- *Quy định về mức thu tiền học phí, tiền xây dựng ở các trường phổ thông quốc lập, bán công dân lập, tư thục*; 2- *Quy định chế độ của Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và phó các đoàn thể ở cấp xã*; 3- *Quy định việc thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội*.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, Hội đồng nhân dân 3 cấp trong tỉnh đã thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của luật và quy chế. Là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân 3 cấp trong tỉnh đã quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương trên các lĩnh vực: Kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng... Mọi hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh xuống đến xã từng bước được đổi mới, đặc biệt là đổi mới hình thức giám sát, hình thức tiếp xúc cử tri, lấy điểm tiếp xúc cử tri là thôn xóm, bản và cụm dân cư. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội ở địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội được hoàn thành, góp phần ổn định và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng. Đời sống của đa số nhân dân các dân tộc trong tỉnh được nâng lên rõ rệt.

Nhằm củng cố và nâng cao năng lực điều hành của hệ thống chính quyền, ngày 13/7/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định

số 1673/1998/QĐ-UB về việc ban hành *Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh*. Bản *Quy chế* quy định phạm vi và quan hệ phối hợp giải quyết công việc; lập và thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trình tự giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh... Từ đó, hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, có quy củ. Công tác điều hành của bộ máy chính quyền có bước tiến bộ rõ rệt, đã bám sát chủ trương, nghị quyết của cấp ủy đảng, chỉ đạo có kết quả tốt các *Chương trình 135*, *xóa đói giảm nghèo*, *chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, *xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn - nông nghiệp*, *chỉnh trang đô thị*...

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo thực hiện cải cách hành chính. Ngày 30/5/1997, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 1234/QĐ-UB thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh gồm có đại diện Ban Tổ chức chính quyền, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị đều thành lập ban chỉ đạo cải cách hành chính tại đơn vị.

Công cuộc cải cách hành chính được tiến hành có kết quả. Thông qua cuộc cải cách, bộ máy các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lí nhà nước ở địa phương gồm có 21 sở, ban, ngành và 9 huyện, thành, thị, 1 đơn vị sự nghiệp là Đài Phát thanh - Truyền hình, 5 Hội nghề nghiệp có hưởng quỹ lương thuộc tỉnh (Liên minh các hợp tác xã, Hội Văn nghệ, Hội Đông y, Hội Chữ thập đỏ, Hội Làm vườn). Tổng số đầu mối các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có quỹ lương do ngân sách trả, gồm 36 đơn vị.

Trên phạm vi toàn tỉnh, bộ máy chuyên môn được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ. Theo quyết định của tỉnh: Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ủy ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và Ủy ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; các bộ phận: Công tác Dân số - Gia đình và Trẻ em, Định canh định cư và Kinh tế mới, quản lí nhà nước về y tế từ tỉnh được chuyển về cấp huyện quản lí; thành lập Ban Quản lí các khu công nghiệp tỉnh; thành lập Chi cục Phát triển lâm nghiệp và tổ chức lại 5 chi cục làm nhiệm vụ quản lí nhà nước trực thuộc sở; tổ chức lại 122 phòng thuộc sở thành 115 phòng mới, đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và chức danh từng công chức, viên chức của phòng; tổ chức lại 92 phòng thuộc cấp huyện thành 82 phòng mới, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và chức danh từng công chức, viên chức của phòng...

Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng được sắp xếp, bố trí lại: Thành phố Thái Nguyên có 10 phòng; các huyện có 9 phòng; thị xã Sông Công có 9 phòng, nhưng khác các huyện là có Phòng Quản lí đô thị; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sáp nhập với Phòng Công thương thành Phòng Quản lí sản xuất.

Trong quá trình lãnh đạo sắp xếp lại bộ máy một số ban, ngành của tỉnh và các huyện, thành, thị theo hướng giảm đầu mối, hợp lí về cơ cấu tổ chức theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), Tỉnh ủy coi trọng việc thực hiện tiêu chuẩn hoá các chức danh cán bộ, công chức trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Tỉnh cho rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị hành chính sự nghiệp và xây dựng *Đề án tinh giản biên chế* báo cáo Chính phủ; đồng thời điều chỉnh phân cấp quản lí cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đến năm

2000, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn chỉnh quy định về số lượng cán bộ và chế độ trợ cấp đối với cán bộ cấp xã, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp sau bầu cử đạt kết quả tốt. Ngoài ra, tỉnh còn mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lí nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

Cùng với bộ máy chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cũng đi vào chiều sâu, phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan triển khai kịp thời mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hầu hết các đoàn thể đã chú trọng đến việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để tập hợp quần chúng; chú ý chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, góp phần tích cực thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương.

Thông qua các đoàn thể, nhiều phong trào vận động quần chúng được triển khai sâu rộng. Đáng chú ý là cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*, phong trào *Thanh niên lập nghiệp*, *Tuổi trẻ giữ nước*; chương trình *Hỗ trợ phụ nữ tạo thêm việc làm tăng thu nhập*..., đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội ở cơ sở. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đã mở nhiều cuộc thi tìm hiểu các vấn đề về kinh tế, chính trị và lịch sử của đất nước, của dân tộc, có tác dụng giáo dục tư tưởng, tình cảm sâu rộng trong tuổi trẻ. Đặc biệt, trong cuộc thi tìm hiểu *Đất nước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá tiến lên chủ nghĩa xã hội*, với sự tham gia đông đảo của mọi lứa tuổi, Thái Nguyên là tỉnh dẫn đầu toàn quốc về số lượng và chất lượng bài thi.

Các hoạt động từ thiện, các quỹ hội được duy trì và phát triển, góp phần tích cực vào việc cứu trợ các nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam, phụng dưỡng *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*, hỗ trợ cho nông dân nghèo làm kinh tế, ủng hộ đồng bào miền Trung và Tây

Nguyên khắc phục hậu quả bão, lụt... Cán bộ, đảng viên, công chức ở các cơ quan tỉnh luôn luôn là lực lượng đi đầu trong các phong trào do các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh phát động. Riêng trong năm 1998, bình quân mỗi cán bộ, công chức ủng hộ 10 ngày lương cho *Quỹ Vì trẻ thơ*, *vì phụ nữ nghèo*, *Quỹ Đền ơn đáp nghĩa*, *Quỹ Bảo trợ sông Cầu*, v.v...

Tuy nhiên, hoạt động của một số đoàn thể quần chúng ở nhiều xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng cả về nội dung và phương thức hoạt động. Một số cấp ủy cơ sở còn coi nhẹ công tác dân vận; sự phối hợp giữa chính quyền với các đoàn thể quần chúng chưa đồng bộ; năng lực cán bộ còn hạn chế, lại phải kiêm nhiệm nhiều việc, nên kết quả hoạt động chưa cao.

Tóm lại, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, "*Toàn Đảng bộ đã tập trung nhiều hơn cho công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; quán triệt nghiêm túc các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy và nâng cao hiệu quả hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp... Nhìn chung, công tác xây dựng hệ thống chính trị đã thực hiện được những yêu cầu, nội dung và chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đề ra*"(1).

Sự vững mạnh của hệ thống chính trị là một trong những nhân tố cơ bản, có tính quyết định làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đến năm 2000, hoạt động của các ngành kinh tế quan trọng đã cơ bản ở thế ổn định và phát triển với tốc độ đạt xấp xỉ mức bình quân chung của cả nước: GDP tăng 6,3%, vượt kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 14,5%; nông nghiệp tăng 4,7%; dịch

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI* - 1/2001, tr. 10, 11.

vụ tăng 8%, xuất khẩu địa phương tăng 18% so với năm 1999. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ có nhiều chuyển biến tích cực; sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 32 vạn tấn là mức cao nhất so với các năm trước. Các chương trình kinh tế - xã hội được thực hiện với quy mô rộng hơn, tạo ra sự phát triển nhanh hơn về kết cấu hạ tầng, nhất là về giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế.

Thành tựu đạt được trong 4 năm (1997 - 2000) là quan trọng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Những khó khăn, yếu kém về kinh tế - xã hội trong thời kỳ trước chưa được khắc phục.

Kinh tế tuy phát triển nhưng tốc độ chậm và chưa vững chắc. Nhịp độ tăng trưởng GDP, tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt thấp so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra và mức trung bình của cả nước (tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm là 4,1% so với chỉ tiêu Đại hội XV là 9 - 10%, toàn quốc đạt hơn 6%). Trình độ công nghệ, hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp, từng ngành còn thấp. Hoạt động của Công ty Gang thép Thái Nguyên và nhiều đơn vị sản xuất công nghiệp trung ương trên địa bàn bị đình trệ, sa sút trong những năm 1997 - 1998 đã làm hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân còn lúng túng trong việc sắp xếp, củng cố, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và chậm chuyển đổi hợp tác xã theo Luật. Việc phát triển lực lượng sản xuất chưa đồng đều, đầu tư còn manh mún, phân tán, chưa tạo được môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, chưa huy động tốt đầu tư phát triển của toàn xã hội.

Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt (tình trạng không có việc làm, thiếu việc làm còn phổ biến cả ở thành thị và nông thôn; tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma tuý gia tăng, tệ quan liêu,

tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, công chức vẫn tiếp diễn, gây nhiều băn khoăn, lo lắng, bất bình trong nhân dân). Việc quản lí tài nguyên, bảo vệ môi trường còn nhiều khuyết điểm. Một số vụ việc tiêu cực chưa được xử lí kịp thời, thiếu kiên quyết. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

Hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều mặt yếu. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân chưa được thường xuyên, chưa chủ động và sâu sắc. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, luân chuyển, đề bạt, kỉ luật cán bộ còn thiếu sót...

Nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm, yếu kém trên đây là do xuất phát điểm về kinh tế của tỉnh thấp, nguồn vốn để phát triển hạn hẹp lại chịu sự tác động của khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực, của thiên tai... Nhưng nguyên nhân chính là do Tỉnh ủy nhận thức đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng chưa sâu sắc và sự vận dụng đường lối ấy "*chưa sáng tạo, còn thụ động, thiếu những hình thức và biện pháp phù hợp để phát huy nội lực, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân*"(1), "*... Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và công tác điều hành của bộ máy chính quyền thiếu kiên quyết, không dứt điểm, còn phân tán và kém hiệu lực. Tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ còn nặng nề...*"(2).

Bên cạnh những mặt hạn chế, yếu kém trên đây, kết thúc năm 2000, chuẩn bị bước vào năm đầu tiên của thế kỉ XXI, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cũng đứng trước những khó khăn, thách thức rất gay gắt. Đó là, phải đi lên từ một tỉnh nghèo, kinh tế kém phát triển, công nghệ và thiết bị sản xuất lạc hậu; khoảng cách

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*... Tlđd, tr. 15.

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*... Tlđd, tr. 15.

về trình độ phát triển kinh tế của tỉnh so với cả nước còn lớn; năng lực của đội ngũ cán bộ còn yếu so với yêu cầu đổi mới, lực cản của nếp nghĩ cũ, cách làm ăn cũ còn nhiều...

Tình hình đó đặt ra yêu cầu cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu mạnh hơn để phát triển đi lên cùng với đất nước, tiến tới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với bề dày kinh nghiệm lãnh đạo, lại ra đời và lớn lên ở một địa phương giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, có nhiều tiềm năng, Đảng bộ Thái Nguyên có đầy đủ điều kiện khắc phục khó khăn để bước vào chặng đường phát triển mới trong thế kỉ XXI.

KẾT LUẬN

Từ năm 1965 đến năm 2000, thời gian đã trôi qua trên 1/3 thế kỉ. Trong thời gian ấy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã chứng kiến bao sự đổi thay và trải qua những chặng đường lịch sử quan trọng.

Năm 1965, tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Đó cũng là năm bắt đầu diễn ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn Thái Nguyên. Quân và dân Thái Nguyên vừa đẩy mạnh sản xuất, giữ vững sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại, lại vừa phải tăng cường chi viện chiến trường miền Nam. Phát huy truyền thống của quê hương căn cứ địa cách mạng, thủ đô kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc cả 3 nhiệm vụ to lớn ấy, góp phần cùng quân dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đến năm 1986 là chặng đường 10 năm cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dù còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém, nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, nhân dân Thái Nguyên đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng.

Bước vào năm 1987, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986), Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên tích cực thực hiện công cuộc đổi mới. Sau 10 năm kiên trì thực hiện, biết vận dụng đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, Đảng bộ cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã thu được nhiều thành tựu ngày càng to lớn, từng bước làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội.

Năm 1997, tỉnh Thái Nguyên được tái lập. Đó cũng là năm cách mạng nước ta bước vào thời kỳ mới - Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Trước thời cơ vận hội lớn, đồng thời cũng phải đối mặt với những nguy cơ thách thức lớn, một lần nữa, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, biết nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, từng bước đẩy lùi nguy cơ để vươn tới giành thắng lợi lớn hơn.

Trên những chặng đường lịch sử đã trải qua, Đảng bộ Thái Nguyên không ngừng lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ 112 đảng bộ, chi bộ trực thuộc với 13.862 đảng viên vào thời điểm khi hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn (7/1965), đến khi tái lập tỉnh (1/1997), Đảng bộ Thái Nguyên có 19 đảng bộ trực thuộc với trên 43.000 đảng viên[1]. Giữa hai thời điểm ấy, quá trình vận động cách mạng trên cả hai địa bàn Bắc Kạn và Thái Nguyên đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái. Trong những hoàn cảnh mới đầy khó khăn, phức tạp trên chặng đường dài 32 năm (1965 - 1997), Đảng bộ đã làm tròn vai trò là người tổ chức và lãnh đạo mọi mặt hoạt động thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương. Nhìn chung trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng bộ đã biết vận dụng đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đưa phong trào toàn tỉnh phát triển đi lên. Song, cũng có lúc, có nơi, trên một số mặt công tác cụ thể, sự lãnh đạo của Đảng bộ gặp khó khăn, trở ngại, phong trào dẫm chân tại chỗ, thậm chí bị giảm sút nghiêm trọng.

Những kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ Bắc Thái trước đây đã được Đảng bộ Thái Nguyên kế thừa, vận dụng và phát huy trong những điều kiện mới kể từ sau ngày chia tách tỉnh.

Bài học thứ nhất, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và quần chúng,

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành lâm thời tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*, ngày 10/11/1997, tr. 2.

biết vận dụng một cách sáng tạo, đúng đắn vào tình hình cụ thể của địa phương và biết lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm có tính chất đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bao giờ cũng xuất phát từ tình hình thực tiễn của cách mạng cả nước trong từng thời kì lịch sử cụ thể. Những chủ trương, chính sách này chỉ mang lại hiệu quả thực tế khi được đảng bộ các cấp địa phương quán triệt đầy đủ, sâu sắc, tạo nên sự nhất trí cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; đồng thời phải được cụ thể hoá bằng các chính sách và biện pháp sát hợp với thực tế của địa phương. Nếu nói cách mạng là sáng tạo, thì hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, ở đây càng đòi hỏi phải có sự sáng tạo.

Nhận thức rõ điều ấy, nhìn chung trong 35 năm (1965 - 2000), Đảng bộ thường xuyên duy trì chế độ báo cáo tình hình thời sự; tổ chức học tập quán triệt các nghị quyết không chỉ trong các cấp ủy đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, mà cả trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Thông qua học tập, Đảng bộ đã tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác được giao. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, nếu không nghiêm chỉnh quán triệt nghị quyết của Đảng một cách sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, các mặt công tác sẽ không được tiến hành thuận lợi, thậm chí thất bại. Sự tổn thất nặng về người và của trong trận máy bay Mĩ ném bom cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965 là một ví dụ.

Trên cơ sở nâng cao nhận thức, Ban Chấp hành Đảng bộ họp toàn thể, bàn bạc dân chủ nhằm phát huy trí tuệ tập thể để định ra những nội dung và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Đối với một số nghị quyết quan trọng của Trung ương, như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ đề ra kế hoạch và hướng dẫn cụ

thể về việc triển khai thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, lập tổ công tác giúp Ban Chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp thông tin, phản ánh kịp thời những việc làm được, chưa làm được, những khó khăn, vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn. Cơ quan Tỉnh ủy và một số địa phương, đơn vị đã có hộp thư để nhân dân góp ý kiến về công tác xây dựng Đảng, góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, căn cứ vào tình hình cụ thể và yêu cầu của cách mạng ở mỗi thời kì, Đảng bộ biết xác định trọng tâm, trọng điểm để tập trung giải quyết dứt điểm, chuẩn bị cho những bước tiếp sau. Đối với một số nghị quyết quan trọng, những cuộc vận động lớn, Tỉnh ủy thường chọn điển hình (tốt hoặc kém) để chỉ đạo rút kinh nghiệm trước khi triển khai trong toàn Đảng bộ.

Bài học thứ hai, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ; trên cơ sở đó, không ngừng mở rộng khối đoàn kết nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh: Đoàn kết, đại đoàn kết là sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong chiến tranh cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài học lịch sử này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành một trong những nhân tố cơ bản thường xuyên có tính quyết định đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*"(1). Đây cũng là một chân lí đã được ông cha ta đúc kết từ trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Thấm nhuần chân lí ấy, trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, Đảng bộ luôn coi trọng vấn đề xây dựng và củng cố sự đoàn kết trong nội bộ các tổ chức đảng, trước

(1) *Hồ Chí Minh Tuyển tập. Tập 2 (1955 - 1969)*. NXB Sự thật, Hà Nội 1980, tr. 280.

hết là trong Ban Chấp hành Đảng bộ và trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Mặt khác, khi mới thành lập (1965), Đảng bộ Bắc Thái là sự hợp nhất hai Đảng bộ vốn đã tồn tại độc lập; Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Bắc Thái cũng là sự hợp nhất hai Ban Chấp hành Đảng bộ của hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Xuất phát từ tình hình thực tế này, vấn đề củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ càng được đặc biệt coi trọng hơn bất cứ thời kì nào trước và sau đó.

Quan tâm đến vấn đề đoàn kết, Đảng bộ thường xuyên duy trì chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và các tổ chức cơ sở đảng. Những biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tự tư tự lợi... được kịp thời phê phán và loại trừ. Những tư tưởng ngại gian khổ, hữu khuynh, tự mãn, trung bình chủ nghĩa... cũng từng bước được khắc phục. Mặc dù "*... ở từng cấp, từng nơi, từng thời kỳ cũng còn xảy ra mất đoàn kết, có nơi nghiêm trọng*"(1), nhưng nhìn chung trong 35 năm đã qua (1965 - 2000), khối đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ vẫn được giữ vững và không ngừng được củng cố. Đây chính là một trong những nhân tố hết sức quan trọng, giúp cho Đảng bộ nêu cao được vai trò là người tổ chức và lãnh đạo thành công mọi mặt công tác ở địa phương.

Xuất phát từ một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, nhất là từ khi hợp nhất hai tỉnh, trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng không đồng đều, trên cơ sở tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong các tổ chức Đảng, Đảng bộ đặc biệt quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân.

Đảng bộ ngày càng nhận thức rõ hơn vấn đề xây dựng, mở rộng khối đoàn kết toàn dân phải gắn với việc phát huy dân chủ, đem lại lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh; phải xây dựng và củng cố mối quan hệ

(1) Báo cáo của Tỉnh ủy Thái Nguyên tại phiên họp thứ nhất của Tỉnh ủy Bắc Thái, ngày 6/6/1965.

bình đẳng, tương trợ giúp nhau cùng phát triển. Vì vậy, nhìn chung trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ luôn coi trọng củng cố và kiện toàn tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt chức năng giám sát, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Các đồng chí trong cấp ủy đảng được cử sang phụ trách các tổ chức đoàn thể quần chúng. Mặt khác, Đảng bộ lãnh đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng sát dân. Thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các phong trào thi đua thường xuyên được phát động, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Thông qua đó, khối đoàn kết, gắn bó giữa mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh không ngừng được vun đắp. Đây chính là một trong những nhân tố có tính quyết định dẫn đến sự thành công mọi mặt công tác của tỉnh.

Bài học thứ ba, thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ để không ngừng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của cách mạng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn: "*Cán bộ là người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng.*

Vì vậy, cán bộ là gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng...", "*Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*"(1).

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong 35 năm qua, Đảng bộ luôn quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ các ngành, các giới và các cấp, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên. Ngoài các lớp bổ túc văn hoá, Đảng bộ thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về lí luận chính trị

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập 1945 - 1947,* T. IV. NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 487, 492.

và chuyên môn cho cán bộ cấp ủy, cán bộ lãnh đạo các ban, ngành... Trong thời kì đổi mới, nhất là trong những năm đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Tỉnh ủy nêu rõ yêu cầu đối với cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên phải có bằng đại học về một chuyên ngành nhất định và trình độ lí luận chính trị cao cấp.

Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lí ở các cấp, phải vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Ban Chấp hành Đảng bộ coi đây là những tiêu chuẩn cần có đối với một cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí. Vì vậy, nhìn chung trong tất cả các thời kì, Đảng bộ đều quan tâm lãnh đạo công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, trọng dụng và đãi ngộ những người có đức, có tài; đồng thời thay thế những cán bộ kém năng lực, phẩm chất, không đủ uy tín, có khuyết điểm nghiêm trọng. Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lí theo quy hoạch ở các ngành và các địa phương; mạnh dạn trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lí, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Nhờ có những biện pháp tích cực và chủ động, Đảng bộ Bắc Thái trước đây và nay là Đảng bộ Thái Nguyên đã xây dựng được cho mình một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và bề dầy kinh nghiệm; đồng thời còn tạo nguồn cung cấp cán bộ lãnh đạo cho Trung ương Đảng và Nhà nước.

Bài học thứ tư, không ngừng đổi mới và tự chỉnh đốn Đảng để đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng trong tình hình mới.

Đảng ta, đảng của giai cấp công nhân, đi theo đường lối cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã từng lãnh đạo thành công sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đưa cả nước từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội không thông qua giai đoạn phát triển tư

bản chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, với yêu cầu mới của cách mạng, Đảng ta đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cơ sở tổ chức của Đảng phải có tư duy mới về chủ nghĩa xã hội, về công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về quan hệ quốc tế trên cơ sở vận dụng phát triển những kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng trong các thập kỉ trước.

Đảng bộ tỉnh Bắc Thái trước đây, nay là Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, trong tất cả các thời kì, tuỳ theo yêu cầu cụ thể của cách mạng, đã biết tự điều chỉnh, đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, coi đó là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc. Do đó, khi bước vào thời kì đổi mới, trong khi xoá bỏ chế độ quản lí tập trung quan liêu bao cấp, Đảng bộ hết sức coi trọng và có những biện pháp ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện tự do, phân tán, cục bộ, địa phương, giữ vững kỉ cương của Đảng, duy trì nghiêm phép nước. Đây là một thành công rất lớn của Đảng bộ trong thời kì chuyển đổi cơ chế quản lí.

Những biểu hiện của tư tưởng ngại khó, dao động trong một số cán bộ, đảng viên được kịp thời phê phán, chấn chỉnh. Cho nên, nhìn chung trong mọi thời kì, kể cả những lúc tình hình quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, đất nước nói chung và địa phương nói riêng lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, đời sống khó khăn, thiếu thốn, tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã tỏ rõ lập trường vững vàng, không mất niềm tin vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời chiến cũng như trong thời bình, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác phát triển Đảng, kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng; đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không còn

đủ tư cách đảng viên, làm trong sạch nội bộ Đảng. Đảng bộ luôn coi trọng công tác kiểm tra Đảng, coi đó là một biện pháp tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhờ đó, những hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng, làm sai nguyên tắc tổ chức của Đảng được kịp thời khắc phục. Sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của cách mạng, Đảng bộ luôn coi trọng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên không chỉ về văn hoá, chuyên môn và nghiệp vụ, mà cả về lí luận chính trị. Việc xây dựng và củng cố hệ thống các Trường Đảng từ tỉnh xuống các huyện trong những năm 60, sau này là hệ thống Trường Chính trị ở tỉnh và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị ở các huyện, chính là nhằm mục đích ấy. Ngoài ra, hằng năm, Đảng bộ còn cử hàng trăm cán bộ theo học các khoá bồi dưỡng, đào tạo tại các Phân hiệu Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương(1)... Nhờ đó, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ, trước hết là trong Ban Chấp hành Đảng bộ, số cán bộ có trình độ trung cấp, cao cấp về lí luận chính trị ngày càng tăng.

Để không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, nhìn chung trong tất cả các thời kì, nhất là trong thời kì thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ rất quan tâm việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Vì vậy, cùng với đổi mới việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, đề án... của cấp ủy theo hướng thiết thực, sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, Đảng bộ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình làm việc của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, tạo điều kiện cho chính quyền phát huy được vai trò quản lí, điều hành, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng.

(1) Từ năm 1949 là Trường Đảng Trung ương Nguyễn Ái Quốc; từ năm 1962 là Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương; từ năm 1975, đổi tên là Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc; từ năm 1986 là Học viện Khoa học xã hội Nguyễn Ái Quốc (gọi tắt là Học viện Nguyễn Ái Quốc); từ năm 1993 là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; từ năm 2007 là Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; từ năm 2014 đến nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Bài học thứ năm, thường xuyên chăm lo củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền ngày càng trong sạch vững mạnh, có đủ khả năng tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng.

Chính quyền Nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là kết quả phong trào cách mạng của nhân dân. Đó là một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Nắm chắc các quan điểm, đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới, trong 35 năm (1965 - 2000), Đảng bộ tỉnh - trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy - đặc biệt quan tâm xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở. Cơ cấu hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh đã thể hiện được chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và liên minh công nông.

Vào những năm đầu trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ, theo sự chỉ đạo của Trung ương, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo việc xây dựng, củng cố, kiện toàn chính quyền cấp xã, thị trấn. Đảng bộ coi đây là công tác có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho việc xây dựng, củng cố hậu phương vững mạnh. Bởi vậy, *cuộc vận động kiện toàn chính quyền xã giỏi toàn diện* do Bộ Nội vụ phát động nhằm tăng cường công tác phòng không nhân dân, cũng như việc phổ biến tài liệu *Công tác chính quyền xã*..., được nhanh chóng triển khai ở hầu khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Một trong những nội dung quan trọng của công tác củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp là nâng cao trình độ cán bộ chính quyền cơ sở. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng đối với một tỉnh trung du - miền núi, có nhiều thành phần dân tộc như tỉnh Bắc Thái trước đây và nay là tỉnh Thái Nguyên. Nhận thức được điều đó,

Đảng bộ lãnh đạo các cấp chính quyền triển khai kế hoạch huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ chính quyền xã, phường về lề lối làm việc, nghiệp vụ công tác của Chủ tịch và Ủy viên thư kí ủy ban...

Là cơ quan chấp hành, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương do hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh đều duy trì hoạt động theo chế độ tập thể, kết hợp chặt chẽ với trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên về phần công việc của mình. Hằng tháng, ủy ban nhân dân các cấp đều họp bàn và đưa ra những quyết sách phù hợp để tổ chức chỉ đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh xuống xã, phường vừa là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, vừa là cơ quan đại diện cho nhân dân địa phương tích cực thực hiện chức năng tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quyết định đã được thông qua.

Để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác của bộ máy chính quyền các cấp, các đại biểu hội đồng nhân dân và ủy viên ủy ban nhân dân, nhất là những cán bộ chủ chốt, thường xuyên được bồi dưỡng để nâng cao trình độ lí luận, chuyên môn và nghiệp vụ. Đồng thời, Đảng bộ cũng hết sức coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất, tư cách đạo đức cho cán bộ, nhân viên trong bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở. Lề lối làm việc trong bộ máy chính quyền các cấp được cải tiến từng bước. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng theo tinh thần Chỉ thị số 240-CT/HĐBT ngày 26/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 31/CT-TU ngày 27/7/1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được các cấp ủy đảng trong Đảng bộ và các cấp chính quyền triển khai tích cực, bước đầu đem lại những kết quả nhất định. Những biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác trong cơ quan, cán bộ, viên chức Nhà nước... được kịp thời ngăn chặn. Hoạt động của bộ máy chính quyền các

cấp ngày càng đi vào nền nếp, có quy củ, nhất là từ sau khi ban hành *Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh* (7/1998).

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế từ kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết 38/CP của Chính phủ: Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực để đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Nhìn lại chặng đường lịch sử 35 năm (1935 - 2000), Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã có quá trình phát triển, trưởng thành, làm tròn vai trò là người tổ chức, lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Trong giai đoạn cách mạng mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta vẫn tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Sự nghiệp cách mạng trong những năm trước mắt sẽ đặt ra nhiều yêu cầu mới cao hơn, to lớn hơn. Với những thành tích đã đạt được, vận dụng những kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn cách mạng 35 năm đã qua, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu vươn lên, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên chặng đường mới của thế kỉ XXI.

PHỤ LỤC
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH CÁC KHÓA

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI (1965 - 1970)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Hoàng	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Việt Vinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Nguyễn Thế Đạt	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Doanh Hằng (Doanh Thắng Hỷ)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
5	Nguyễn Hồng An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Hoàng Khải Giáp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Lê Nguyên Kính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến tháng 9/1965)
8	Triệu Văn Tịnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Lý Ngọc Tuân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Trần Tường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Nguyễn Hữu Uẩn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Vũ Hạnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 9/1965)
13	Hoàng Thanh Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Đặng Đình Cầm	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Trịnh Văn Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Đình Chất	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Hoàng Cao Chung	Ủy viên Ban Chấp hành

18	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hà Nhân Đại	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nông Văn Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nông Sơn Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nông Văn Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Đại Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đồng Thị Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Hồ Ích Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nông Văn Hoả	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Triệu Văn Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nông Thị Mai Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Văn Lịch	Ủy viên Ban Chấp hành
30	La Văn Liền	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Văn Mạ	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Lê Đình Nhậm	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Thị Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Trần Đình Sam	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Ngô Thượng Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Trương Văn Thiết	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Dương Văn Thơ	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Ma Văn Tòng	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Đồng Quang Tuân	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Phạm Khánh Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Mã Kim Thành	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 1/1967)

- Tháng 9/1965, đồng chí Lê Nguyên Kính chuyển công tác; đồng chí Vũ Hạnh được Trung ương chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 1/1967, đồng chí Mã Kim Thành được chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA I (1970 - 1977)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Hoàng	Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 4/1972)
2	Hoàng Bắc Dũng	Bí thư Tỉnh ủy (tháng 4/1972 - tháng 5/1976)
3	Vũ Ngọc Linh (Nguyễn Văn Am)	Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 5/1976)
4	Nguyễn Việt Vinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 3/1974)
5	Doanh Hằng (Doanh Thắng Hỷ)	Phó Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (từ tháng 5/1976)
6	Nguyễn Duy An	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy (từ tháng 3/1974)
7	Lê Quảng	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Ngô Thượng Thạch	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Hoàng Thanh Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Hoàng Thanh Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Thị Cẩn	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Đặng Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Thế Đạt	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Khải Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành

16	Nông Sơn Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nông Văn Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Vũ Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Triệu Văn Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
20	La Văn Liền	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Tấn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nông Văn Sảo	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Mã Kim Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Phạm Khánh Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Thị Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 1/1976)
26	Nông Văn Lạc	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 1/1976)
27	Lê Thị Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 1/1976)
28	Trần Lê Nhân (Ngô Hữu Tuyết)	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 1/1976)
29	Hoàng Long Xuyên	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 1/1976)
30	Huỳnh Hữu Ích	Ủy viên dự khuyết BCH
31	Dương Văn Thơ	Ủy viên dự khuyết BCH
32	Lâm Văn Thơ	Ủy viên dự khuyết BCH
33	Ngô Thế Thuật	Ủy viên dự khuyết BCH

- Tháng 4/1972, đồng chí Lê Hoàng - Bí Thư Tỉnh ủy, chuyển công tác về Trung ương; đồng chí Hoàng Bắc Dũng - Phó Bí thư Khu ủy Việt Bắc, được Trung ương điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Từ tháng 3/1974, đồng chí Nguyễn Việt Vinh - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, nghỉ chữa bệnh; đồng chí Nguyễn Duy An được phân công làm Thường trực Tỉnh ủy.

- Tháng 5/1976, đồng chí Vũ Ngọc Linh - Phó Bí thư Khu ủy Việt Bắc, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, được Trung ương điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Hoàng Bắc Dũng sang giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh. Đồng chí Doanh Hằng - Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, chuyển sang giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

- Tháng 1/1976, các đồng chí: Nông Văn Lạc, Lê thị Ngọc, Trần Lê Nhân (Ngô Hữu Tuyết), Hoàng Long Xuyên - Khu ủy viên Việt Bắc, được Trung ương chỉ định tham gia ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA II (1977 - 1980)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Vũ Ngọc Linh (Nguyễn Văn Am)	Bí thư Tỉnh ủy
2	Doanh Hằng (Doanh Thắng Hỷ)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Duy An	Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy (đến tháng 3/1978)
4	Ngô Thượng Thạch	Ủy viên Ban Thường trực Tỉnh ủy (từ tháng 3/1978)
5	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Thế Đạt	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Huỳnh Hữu Ích	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Lê Quảng	Ủy viên Ban Thường vụ

9	Phan Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Hoàng Thanh Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trịnh Văn Uy	Ủy viên Ban Thường vụ (đến tháng 5/1979)
12	Ngô Thế Thuật	Ủy viên Ban Thường vụ (từ tháng 6/1979)
13	Nguyễn Khắc Chín	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hoàng Chu	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Đồng Văn Dương	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Đậu	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Ngô Hai	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Trần Duy Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nông Đức Mạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Bàn Tiến Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	La Văn Ngâm	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nông Văn Ngự	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Văn Nhỡ	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Thị Nữ	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Hà Văn Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Đức Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Lâm Văn Thơ	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trần Quốc Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Mai Phúc Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Phan Huy Trác	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Bùi Kiến Truy	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Văn Tuế	Ủy viên Ban Chấp hành

33	Hoàng Từ	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Dương Kim Uyên	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Phạm Khánh Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Dương Thị Bình	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
37	Lý Văn Đinh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
38	Ngô Thị Thuý Hoà	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
39	Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành

- Tháng 3/1978, đồng chí Nguyễn Duy An được phân công giữ chức Bí thư thành ủy Thái Nguyên; đồng chí Ngô Thượng Thạch được phân công làm Thường trực Tỉnh ủy.

- Tháng 5/1979, đồng chí Trịnh Văn Uy nghỉ hưu; tháng 6/1979, đồng chí Ngô Thế Thuật được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA III (1980 - 1983)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Vũ Ngọc Linh (Nguyễn Văn Am)	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Thế Đạt	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Doanh Hằng (Doanh Thắng Hỷ)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Nguyễn Duy An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Huỳnh Hữu Ích	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Lê Quảng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Phan Thành	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

9	Ngô Thế Thuật	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Hoàng Thanh Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Trịnh Văn Uy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Dương Thị Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Khắc Chín	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Đồng Văn Dương	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Đậu	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trịnh Văn Đông	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Đinh Công Hoà	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thế Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nông Đức Mạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Bàn Tiến Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	La Văn Ngâm	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Hoàng Căn Nguyên	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nông Văn Ngự	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Văn Nhỡ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Văn Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Phan Công Nhượng	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Thị Nữ	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nông Đình Quảng	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Dương Văn Sào	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Hà Nhân Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Lâm Văn Thơ	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Mai Phúc Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành

35	Bùi Kiến Truy	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Vũ Trượng	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Nguyễn Văn Tuế	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Hoàng Từ	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Dương Kim Uyên	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Nguyễn Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Nguyễn Ngọc Yến	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Lâm Thị Bjoóc	Ủy viên dự khuyết BCH
43	Nguyễn Chính	Ủy viên dự khuyết BCH
44	Vũ Thế Tân	Ủy viên dự khuyết BCH
45	Nguyễn Tiêu	Ủy viên dự khuyết BCH

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA IV (1983 - 1986)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Vũ Ngọc Linh (Nguyễn Văn Am)	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Thế Đạt	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Nông Đức Mạnh	Phó Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 9/1983)
4	Nguyễn Duy An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Nguyễn Ngô Hai	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Trần Duy Hậu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Lê Quảng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Ngô Thế Thuật	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

10	Hoàng Thanh Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Mai Phúc Toàn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Nguyễn Đăng Hoà	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 1/1986)
13	Nguyễn Công Ngoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 1/1986)
14	Đặng Quốc Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ (từ tháng 1/1986)
15	Lâm Thị Bjoóc	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Chính	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Chu Văn Cường	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Hữu Dung	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Đồng Văn Dương	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Mạc Văn Đạt	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Đậu	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Trịnh Văn Đông	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đinh Công Hòa	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Huỳnh Hữu Ích	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Lý Xuân Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Thế Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Đặng Phúc Lường	Ủy viên Ban Chấp hành
29	La Văn Ngâm	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Đỗ Đức Ngọ	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nông Văn Ngự	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Văn Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Thị Nữ	Ủy viên Ban Chấp hành

34	Nông Đình Quảng	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Dương Văn Sào	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Nguyễn Tuấn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Hoàng Sửu	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Hà Nhân Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Trần Toại	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Bùi Kiến Truy	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Nguyễn Văn Tuế	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Nguyễn Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Ngô Thị Bích Lựu	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
44	Lê Thạc Ngạn	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
45	Vũ Đức Thịnh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- Từ tháng 9/1983, đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 1/1986, các đồng chí: Nguyễn Đăng Hoà, Nguyễn Công Ngoan và Đặng Quốc Tiến được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA V (1986 - 1991)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nông Đức Mạnh	Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 10/1989)
2	Nguyễn Ngô Hai	Phó Bí thư Thường trực, Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 10/1989)
3	Đặng Quốc Tiến	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Nguyễn Ân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Chu Văn Cường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

6	Bùi Điệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Nguyễn Đăng Hòa	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến tháng 11/1990)
8	Nguyễn Công Ngoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Vũ Đức Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Nguyễn Văn Tính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Mai Phúc Toàn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Nguyễn Văn Tuế	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến tháng 11/1990)
13	Nguyễn Ngọc Yến	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Lý Xuân Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lâm Thị Bjoóc	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Hà Văn Phụng	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 11/1990)
17	Mạc Văn Đạt	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Tiêu Thị Điềm	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Hồ Đình Điều	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Lương Thị Định	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Hoài Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Dương Văn Hào	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Thế Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Lương Đình Lũng	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Vũ Xuân Lừ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Dương Văn Lương	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Đặng Phúc Lường	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Ngô Thị Bích Lựu	Ủy viên Ban Chấp hành

30	Phạm Văn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nông Thái Nghiệp	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Đỗ Đức Ngọ	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Văn Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Sơn Oanh	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Hoàng Văn Pao	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Phan Thế Ruệ	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Phan Sum	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Nguyễn Văn Sứ	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Hoàng Sửu	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Hoàng Thị Thậm	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Lô Thị Tiềm	Ủy viên Ban Chấp hành
44	Lê Ngọc Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
45	Nguyễn Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
46	Lê Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành (từ năm 1990)
47	Đào Thị Bé	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
48	Doãn Chí Cao	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
49	Nguyễn Văn Chất	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
50	Nguyễn Văn Chiến	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
51	Vi Trọng Hiền	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
52	Đặng Văn Lâm	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
53	Ngô Quang Ngọ	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
54	Hứa Đức Nhị	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
55	Đàm Đức Oánh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

56	Ma Đình Quảng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
57	Phạm Xuân Thảo	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
58	Lê Văn Văn	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
59	Thăng Viết Vinh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- Tháng 10/1989, đồng chí Nông Đức Mạnh - Bí thư Tỉnh ủy, chuyển công tác về Trung ương; đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 11/1990, các đồng chí: Nguyễn Đăng Hòa và Nguyễn Văn Tuế nghỉ hưu; 2 đồng chí: Lý Xuân Lai và Hà Văn Phụng được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Lê Xuân Hùng được Trung ương chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA VI (1991 - 1996)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Ngô Hai	Bí thư Tỉnh ủy
2	Đặng Quốc Tiến	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Mai Phúc Toàn	Phó Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 4/1995)
4	Nguyễn Ân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Chu Văn Cường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Bùi Điệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Lý Xuân Lai	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Hoàng Văn Pao	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Hà Văn Phụng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Phan Thế Ruệ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Nông Ngọc Toản	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến tháng 11/1995)

12	Đinh Quang Ấn	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Ma Khánh Bào	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Lâm Thị Bjoóc	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 11/1995)
15	Nguyễn Văn Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Quang Dực	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lương Thị Định	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Dương Văn Hào	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nghiêm Xuân Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Lê Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Hoài Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nông Văn Kỉnh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Dương Văn Lương	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Đặng Phúc Lường	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Ngô Thị Bích Lựu	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nông Thái Nghiệp	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Chu Văn Nhằn	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Hứa Đức Nhị	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Sơn Oanh	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Đàm Đức Oánh	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Đào Văn Phùng	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 6/1995)
33	Triệu Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Phan Sum	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Đinh Xuân Thặng	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Hoàng Thị Thậm	Ủy viên Ban Chấp hành

39	Nông Văn Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Hà Sĩ Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Lê Ngọc Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 2/1992)
42	Lê Văn Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Lâm Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
44	Nguyễn Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
45	Đồng Huy Xuyên	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 9/1995)
46	Nguyễn Văn Bền	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 3/1994)
47	Nguyễn Thành Kính	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 3/1994)
48	Lương Đức Tính	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 3/1994)
49	Hoàng Đức Văn	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 3/1994)

- Tháng 2/1992, đồng chí Lê Ngọc Trọng chuyển công tác về Bộ Y tế.

- Tháng 3/1994, các đồng chí: Nguyễn Văn Bền, Nguyễn Thành Kính, Lương Đức Tính, Hoàng Đức Văn được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Tháng 4/1995, đồng chí Mai Phúc Toàn được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Năm 1995, 3 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành nghỉ hưu. Tháng 11/1995, đồng chí Nông Ngọc Toản chuyển công tác lên Quân khu 1.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC THÁI KHÓA VII (1996 - 2000) (hoạt động hết năm 1996)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Ngô Hai	Bí thư Tỉnh ủy
2	Đặng Quốc Tiến	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Mai Phúc Toàn	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Nguyễn Ân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Ma Khánh Bào	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Chu Văn Cường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Bùi Điệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Nguyễn Văn Khang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Lý Xuân Lai	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Hoàng Văn Pao	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Hà Văn Phụng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Phan Thế Ruệ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Hà Sĩ Toàn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Đinh Quang Ấn	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lường Thị Ba	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Văn Bền	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Quang Dực	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Dương Văn Hào	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nghiêm Xuân Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Dương Thế Huấn	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành

23	Lê Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Ngô Sĩ Hưởng	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Hoài Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Thành Kính	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nông Văn Kỉnh	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Ngọc Lân	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Dương Văn Lương	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Đặng Phúc Lường	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Ngô Thị Bích Lựu	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nông Thái Nghiệp	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Chu Văn Nhằn	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Hứa Đức Nhị	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Triệu Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Hoàng Thị Thậm	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Đoàn Đình Thế	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Nông Văn Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Vi Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Lương Đức Tính	Ủy viên Ban Chấp hành
44	Lèng Văn Tý	Ủy viên Ban Chấp hành
45	Hoàng Đức Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
46	Lâm Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
47	Nguyễn Văn Vượng	Ủy viên Ban Chấp hành

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1/1997 - 11/1997)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Ngô Hai	Bí thư Tỉnh ủy
2	Chu Văn Cường	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Mai Phúc Toàn	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Nguyễn Ân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Đinh Quang Ấn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Ma Khánh Bào	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Bùi Điệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Nguyễn Văn Khang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Lý Xuân Lai	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Nông Thái Nghiệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Hoàng Văn Pao	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Lê Quang Dực	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Dương Văn Hào	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nghiêm Xuân Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Dương Thế Huấn	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Lê Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Ngô Sĩ Hưởng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Hoài Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Thành Kính	Ủy viên Ban Chấp hành

24	Nguyễn Ngọc Lân	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Dương Văn Lương	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Ngô Thị Bích Lựu	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Chu Văn Nhằn	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Hứa Đức Nhị	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Triệu Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Hoàng Thị Thậm	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Đoàn Đình Thế	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Vi Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Lương Đức Tính	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Nguyễn Văn Vượng	Ủy viên Ban Chấp hành

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XV (1997 - 2001)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Ngô Hai	Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 10/1999)
2	Hồ Đức Việt	Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 10/1999)
3	Chu Văn Cường	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
4	Mai Phúc Toàn	Phó Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 3/2000)
5	Nguyễn Ân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Đinh Quang Ấn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Bùi Điệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Lê Xuân Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Nguyễn Văn Khang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Lý Xuân Lai	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Nông Thái Nghiệp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

12	Hoàng Văn Pao	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến tháng 7/2000)
13	Lương Đức Tính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Hứa Đức Nhị	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 11/1999)
15	Nguyễn Văn Vượng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 8/2000)
16	Vũ Hồng Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Văn Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Trịnh Thị Cúc	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Lê Quang Dực	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Văn Đề	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Dương Văn Hào	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nghiêm Xuân Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Dương Thế Huấn	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Ngô Sỹ Hưởng	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Hoài Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lý Ngọc Kính	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Thành Kính	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Ngọc Lân	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Thành Luận	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Dương Văn Lương	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Ngô Thị Bích Lựu	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Đàm Thanh Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành

37	Chu Văn Nhằn	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Triệu Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Hoàng Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Phạm Văn Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Hoàng Thị Thậm	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Lê Cao Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành
44	Đoàn Đình Thế	Ủy viên Ban Chấp hành
45	Vi Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
46	Dương Vương Thử	Ủy viên Ban Chấp hành
47	Chu Hồng Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
48	Lê Duy Vỵ	Ủy viên Ban Chấp hành
49	Trương Đình Đường	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 7/2000)

- Tháng 10/1999, đồng chí Nguyễn Ngô Hai - Bí thư Tỉnh ủy, chuyển công tác lên Trung ương; đồng chí Hồ Đức Việt được Trung ương điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Tháng 11/1999, đồng chí Hứa Đức Nhị được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 3/2000, đồng chí Mai Phúc Toàn và tháng 7/2000, đồng chí Hoàng Văn Pao nghỉ hưu.

- Tháng 8/2000, đồng chí Nguyễn Văn Vượng được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Trương Đình Đường được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ
TỈNH BẮC THÁI - THÁI NGUYÊN
(1965 - 2000)



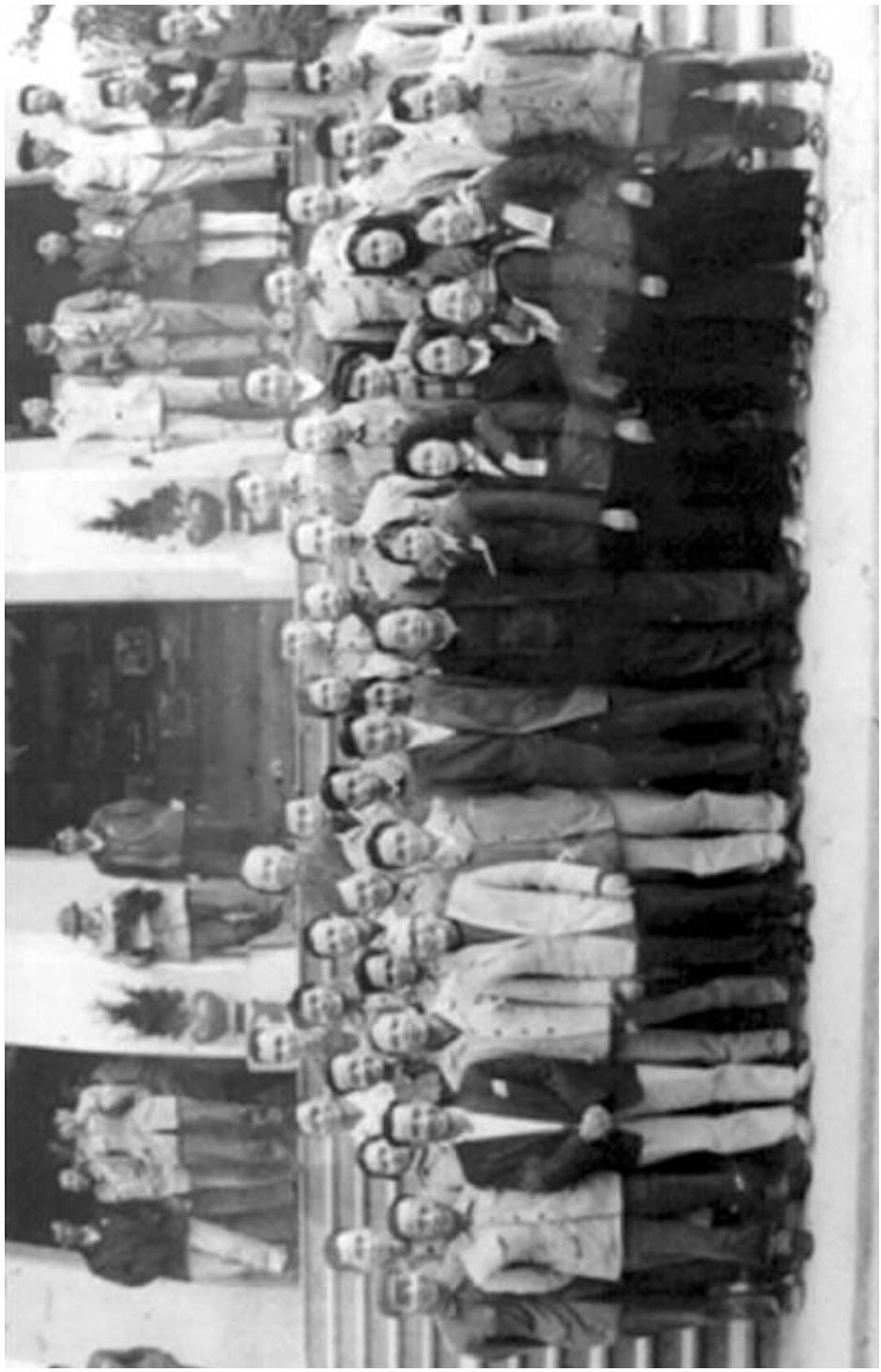
Đồng chí Lê Hoàng (phải) Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái trao tặng cờ thi đua cho ngành Công an tại Đại hội Thi đua năm 1965



Dân quân tỉnh Bắc Thái biểu dương lực lượng phản đối máy bay Mỹ bắn phá miền Bắc (1965)



Công nhân Mỏ than Khánh Hòa vừa đẩy mạnh sản xuất,
vừa sẵn sàng chiến đấu với không quân Mỹ (1965)



Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái chụp ảnh trước khi đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng 1976



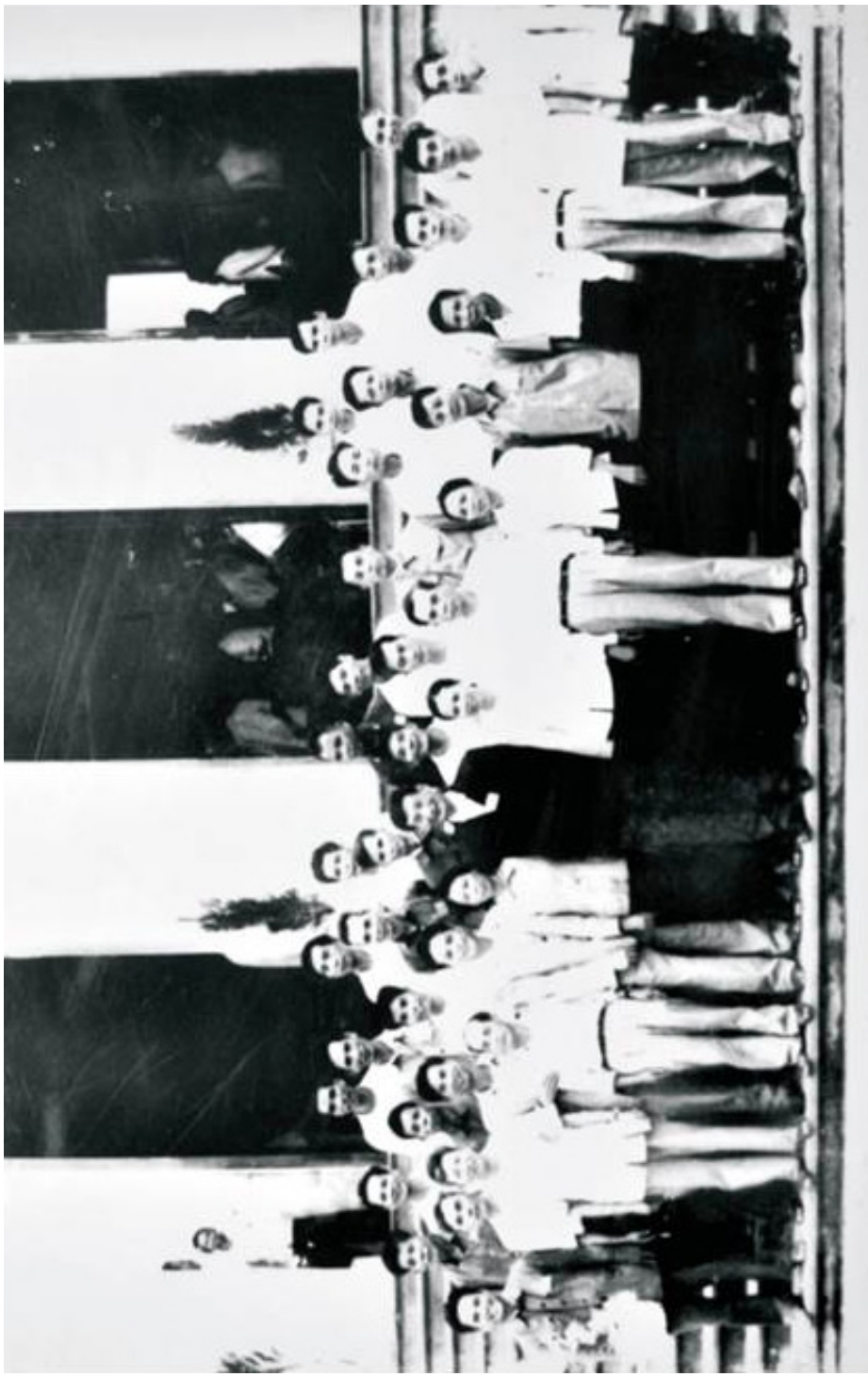
Đồng chí Nguyễn Lương Bằng (người đứng), Phó Chủ tịch nước làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy Bắc Thái sau đợt Mỹ cho B52 ném bom Tp.Thái Nguyên tháng 12/1972



Đồng chí Doanh Hằng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh dự và phát biểu chỉ đạo tại Đại hội Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ VI (6/1974)



Thủ tướng Phạm Văn Đồng (hàng đầu thứ 6 từ phải sang) đến thăm, chúc Tết và chụp ảnh lưu niệm cùng cán bộ, lãnh đạo cơ quan Tỉnh ủy Bắc Thái (xuân Bính Thìn, 1976)



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khóa II (nhiệm kỳ 1977 - 1980)



Đồng chí Vũ Ngọc Linh, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (đứng thứ nhất từ phải sang) cùng lãnh đạo Ty Giao thông thăm công trường mở đường mới



Đập thủy lợi Hồ Núi Cốc hoàn thành năm 1982



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khóa III (nhiệm kỳ 1980 - 1983)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân cùng một số đồng chí lãnh đạo tỉnh Bắc Thái (1986)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm huyện Định Hóa (1986)



Đoàn đại biểu tỉnh Thái Nguyên thăm, chúc thọ đồng chí Trường Chinh tròn 80 tuổi (1987)



Đồng chí Nông Đức Mạnh - Bí thư Tỉnh ủy (giữa), dự Hội nghị tổng kết công tác thương nghiệp tỉnh Bắc Thái (1987)



Đồng chí Nông Đức Mạnh - Bí thư Tỉnh ủy, phát biểu tại Đại hội Đảng bộ thị xã Sông Công lần thứ II (ngày 27-28/12/1988)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp với các Cựu chiến binh Bắc Thái (1991)



Đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng nói chuyện với cán bộ và đồng bào Bắc Thái (1989)



Phó Thủ tướng Trần Đức Lương và các đồng chí lãnh đạo tỉnh thăm Công ty May (1991)



Quang cảnh Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (vòng 2), năm 1991



Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1996)



Lễ công bố các quyết định của Đảng, Nhà nước về việc thành lập lại tỉnh Thái Nguyên (ngày 10/1/1997)



Đồng chí Võ Nguyên Giáp trồng cây đa tại khuôn viên Chùa Đán, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (1998)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại các kỳ đại hội Đảng bộ.

2- *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên* các năm.

3- Các chỉ thị, nghị quyết hằng năm của Tỉnh ủy Bắc Thái, Tỉnh ủy Thái Nguyên.

4- Các báo cáo tổng kết công tác hằng năm của Tỉnh ủy Bắc Thái, Tỉnh ủy Thái Nguyên.

5- Các báo cáo hằng năm của Ủy ban Hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, tỉnh Thái Nguyên.

6- Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1997), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV*.

7- Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*.

8- Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập - Tập 7 (1940 - 1945)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9- Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập - Tập 8 (1945 - 1947)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10- Hồ Chí Minh (1970), *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội.

11- Phạm Tất Quynh (chủ biên), Nguyễn Xuân Minh (đồng chủ biên), Nguyễn Văn Thắng, Vũ Thanh Khôi (2014), *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ*. Xuất bản lần thứ 2. Nxb Thời Đại, Hà Nội.

12- Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), Nguyễn Xuân Minh, Phạm Tất Quynh, Nguyễn Thị Hương Canh, Ma Khánh Tiên (2001), *Thái Nguyên - Lịch sử kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)*.

13- Viện Mác - Lênin (1984), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1947)*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	Tr. 5
Chương I: ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỪA SẢN XUẤT, VỪA TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (1965 - 1975)	7
I- Trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ; giữ vững và phát triển sản xuất, chi viện chiến trường (1965 - 1968)	7
II- Khắc phục hậu quả chiến tranh, tích cực chi viện chiến trường và trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1968 - 1972)	56
III- Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, dồn sức chi viện chiến trường, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1973 - 1975)	102
Chương II: ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (GIAI ĐOẠN 1975 - 1986)	121
I- Tiếp tục khôi phục và phát triển kinh tế, góp phần cùng cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh (1975 - 1976)	121
II- Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm và chi viện các tỉnh biên giới phía Bắc chiến đấu chống quân Trung Quốc xâm lược, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc (1976 - 1980)	126
III- Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân (1981 - 1986)	151

Chương III: ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (GIAI ĐOẠN 1986 - 1996)	191
I- Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1991)	191
II- Tiếp tục đổi mới, bước đầu thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 1996)	219
Chương IV: ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TÁI LẬP, LÃNH ĐẠO TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (GIAI ĐOẠN 1997 - 2000)	257
I- Thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1997 - 2000)	257
II- Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh	283
Kết luận	303
Phụ lục	315
Một số hình ảnh về tỉnh Bắc Thái - Thái Nguyên (1965 - 2000)	337
Tài liệu tham khảo chính	353

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH THÁI NGUYÊN

TẬP II
(1965 -2000)

Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung

In 1.000 cuốn, khổ 16x24cm tại Nhà in Báo Thái Nguyên, số 10, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 232/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 24 tháng 12 năm 2021. In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2021.